

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐOÀN CÔNG VIÊN

**CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TÌNH HÌNH,
NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2018

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐOÀN CÔNG VIÊN

**CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TÌNH HÌNH,
NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 9 38 01 05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Đặng Quang Phương
2. TS. Nguyễn Văn Điệp**

Hà Nội - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu luận án tiến sĩ ***“Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*** là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào. Các nguồn tài liệu tham khảo đề cập, sử dụng trong luận án được nghiên cứu sinh thực hiện trích dẫn trung thực, bảo đảm theo quy định.

Nghiên cứu sinh

Đoàn Công Viên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 : TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	9
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	9
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	17
1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước, ngoài nước và các vấn đề cần giải quyết trong luận án.....	24
1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	27
Chương 2: TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	29
2.1. Khái quát những vấn đề lý luận về tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	29
2.2. Tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017.....	38
Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	70
3.1. Khái quát những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	70
3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017 .	72
Chương 4: CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	110
4.1. Khái niệm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt	110

4.2. Thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017	111
4.3. Dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới	118
4.4. Các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	124
KẾT LUẬN	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	153
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	154
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	BLHS	Bộ luật hình sự
2	CAND	Công an nhân dân
3	CHXHCNVN	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
4	CSND	Cảnh sát nhân dân
5	CQĐT	Cơ quan điều tra
7	HĐND	Hội đồng nhân dân
8	KSV	Kiểm sát viên
9	NXB	Nhà xuất bản
10	TAND	Toà án nhân dân
11	THTP	Tình hình tội phạm
12	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
13	UBND	Ủy ban nhân dân
14	VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
15	XPSH	Xâm phạm sở hữu

DANH MỤC BẢNG BIỂU (PHỤ LỤC)

Bảng 2.1. Thông số về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017.....	2
Bảng 2.2. Thông số về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017, theo tội danh.....	3
Bảng 2.3. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt với tổng số vụ, số tội phạm hình sự, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	4
Bảng 2.4. Hệ số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, đánh giá trên 100.000 dân cư của TPHCM từ năm 2006 đến 2017 (Tính số tội phạm/100.000 dân cư).....	5
Bảng 2.5. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017.....	6
Bảng 2.6. So sánh mức độ tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km ²) và yếu tố dân cư (trung bình), trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017	7
Bảng 2.7. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017 ..	8
Bảng 2.8. So sánh mức độ tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km ²) và yếu tố dân cư trên địa bàn TPHCM với tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017.....	9
Bảng 2.9. So sánh mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, (xét theo hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm) của TPHCM với tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017	9
Bảng 2.10. So sánh về mức độ của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	10
Bảng 2.11. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km ²) và yếu tố dân cư ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM, (2006- 2017).....	11
Bảng 2.12. So sánh về cấp độ nguy hiểm của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM (2006- 2017).....	11

Bảng 2.13. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TPHCM (2006-2017). So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm, (lấy năm 2006 là năm làm gốc- 100%)	12
Bảng 2.14. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TPHCM (2006-2017). So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm của hai năm liền kề.....	13
Bảng 2.15. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xét theo yếu tố diện tích (km ²) của 24 quận/ huyện, (số tội phạm/1 km ²), từ năm 2006- 2017.....	14
Bảng 2.16. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xét theo yếu tố dân cư của 24 quận/ huyện (số dân cư sinh sống/ 1 tội phạm) từ năm 2006-2017.....	15
Bảng 2.17. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xếp theo hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm của 24 quận/ huyện, từ năm 2006 đến năm 2017.....	16
Bảng 2.18. Cơ cấu về số vụ các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và số tội phạm theo đơn vị hành chính quận/ huyện, trên địa bàn TPHCM, từ năm 2006 đến năm 2017	17
Bảng 2.19. Cơ cấu theo tội danh của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (2006- 2017).....	18
Bảng 2.20. Cơ cấu theo hình phạt đối với tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM (2006- 2017)	19
Bảng 2.21. Cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM theo phương thức, thủ đoạn phạm tội của tội phạm từ năm 2006 đến 2017	20
Bảng 2.22. Cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo số vụ sử dụng phương tiện, vũ khí từ năm 2006 đến 2017	21
Bảng 2.23. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM theo thời gian phạm tội từ năm 2006 đến 2017	21
Bảng 2.24. Cơ cấu theo động cơ mục đích thân nhân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (2006 đến 2017)	22

Bảng 2.25. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo giới tính từ năm 2006 đến 2017	22
Bảng 2.26. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo độ tuổi từ năm 2006 đến 2017	23
Bảng 2. 27. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo trình độ học vấn từ năm 2006 đến 2017	24
Bảng 2.28. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo động cơ, mục đích từ năm 2006 đến 2017	24
Bảng 2.29. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nghề nghiệp từ năm 2006 đến 2017	25
Bảng 2.30 Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nơi cư trú từ năm 2006 đến 2017	26
Bảng 2.31. Cơ cấu tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo hoàn cảnh, điều kiện gia đình và môi trường nhà trường của tội phạm từ năm 2006 đến 2017	27
Bảng 2.32. Cơ cấu theo tiền án, tiền sự, phạm lần đầu và tái phạm của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	28
Bảng 2.33. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo dân tộc, quốc tịch từ năm 2006 đến 2017	29
Bảng 2.34. Cơ cấu theo một số đặc điểm của nhân thân người bị hại trong nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	30
Bảng 2.35. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm bị phát hiện và số vụ, số tội phạm bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	31

DANH MỤC BIỂU ĐỒ (PHỤ LỤC)

Biểu đồ 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	32
Biểu đồ 2.2. Mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017, theo tội danh	32
Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đã xét xử sơ thẩm với tổng số vụ, tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	33
Biểu đồ 2.4. Hệ số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, đánh giá trên 100.000 dân cư của TP HCM từ năm 2006 đến 2017.....	33
Biểu đồ 2.5. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017.....	34
Biểu đồ 2.6. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017 .	34
Biểu đồ 2.7. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017. So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm, (lấy năm 2006 là năm làm gốc- 100%)	35
Biểu đồ 2.8. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017. So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm của hai năm liên tiếp	35
Biểu đồ 2.9. Cơ cấu về số vụ và số tội phạm theo đơn vị hành chính quận/huyện (24 quận/ huyện) trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017.....	36
Biểu đồ 2.10. Cơ cấu theo hình phạt đối với các tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017.....	36
Biểu đồ 2.11. Cơ cấu theo giới tính của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	37
Biểu đồ 2.12. Cơ cấu theo độ tuổi của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017.....	37
Biểu đồ 2.13. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo động cơ, mục đích từ năm 2006 đến 2017	38

Biểu đồ 2.14. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu từ năm 2006 đến 2017	38
Biểu đồ 2.15. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nghề nghiệp từ năm 2006 đến 201	39
Biểu đồ 2.16. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nơi cư trú từ năm 2006 đến 2017	39
Biểu đồ 2.17. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo trình độ học vấn từ năm 2006 đến 2017.....	40
Biểu đồ 2.18. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo thời gian hoạt động từ năm 2006 đến 2017	40
Biểu đồ 2.19. Cơ cấu nhân thân các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo số vụ có sử dụng vũ khí, phương tiện từ năm 2006 đến 2017	41
Biểu đồ 2.20. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt bị phát hiện và số vụ, số tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017	41

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt gồm: Tội Cướp tài sản, Bắt cóc chiếm đoạt tài sản, Cưỡng đoạt tài sản, Cướp giật tài sản, Công nhiên chiếm đoạt tài sản, Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản là các tội gây nguy hiểm cho xã hội; hậu quả của nó không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, gia đình, tổ chức, cơ quan..., mà còn xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, tinh thần và gây hoang mang lo lắng cho người dân. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội, cản trở đến sự phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội....vv, của cả nước nói chung và của TPHCM nói riêng.

Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí địa lý đặc thù, thuộc miền Đông nam bộ, diện tích khoảng 2.095,6 km², dân số khoảng 8,5 triệu người. Là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, thương mại, du lịch lớn nhất nước; nơi giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các tỉnh; là đầu mối giao thông quan trọng và là cửa ngõ quốc tế của Việt Nam và Đông Nam Á. Có đường hàng không (sân bay Tân sơn Nhất), cửa khẩu, Cảng biển, các tuyến đường Sắt, đường bộ. Có nhiều trường học, Bệnh viện, nhiều trung tâm văn hóa; là nơi tập trung hơn 19 khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao như: khu Chế xuất Tân Thuận, khu công nghiệp Tân Tạo, khu công nghiệp Vĩnh Lộc..., nên đã thu hút đông đảo lao động từ các tỉnh về làm ăn, sinh sống, học tập. Làm tăng dân số đột biến tự phát, dẫn đến sự dư thừa lao động và thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt, kéo theo sự phát triển các cơ sở kinh doanh, dịch vụ: tiệm cầm đồ, cơ sở games, nhà trọ; đi kèm là các tệ nạn xã hội như: mại dâm, cờ bạc, ma túy, rượu chè; cùng với số đối tượng sau cai nghiện ma túy, số tội phạm hết hạn tù trả về địa phương, mà địa phương không giúp đỡ, quản lý, giám sát chặt chẽ...Tất cả

những yếu tố đó trở thành nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, đặc biệt là các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Thực tiễn trong những năm gần đây, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp; tội phạm hoạt động với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, liều lĩnh, công khai và thể hiện coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Từ năm 2006 đến 2017, đã xảy ra 63.566 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, với 80.277 tội phạm, chiếm 87,38% về số vụ và 85,33% về số tội phạm trong tổng số vụ và số tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM. Trong đó, nhiều nhất là tội Trộm cắp tài sản có 39.582 vụ, với 49.643 tội phạm; thứ 2 là tội Cướp giật tài sản có 15.354 vụ, với 19.620 tội phạm; thứ 3 là tội Cướp tài sản có 3.866 vụ, với 5.121 tội phạm; thứ 4 là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có 2.638 vụ, với 3.091 tội phạm; thứ 5 là tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có 1.493 vụ, với 1.918 tội phạm; thứ 6 là tội Cưỡng đoạt tài sản có 546 vụ với 715 tội phạm; thứ 7 là tội Bất cóc chiếm đoạt tài sản có 89 vụ, với 145 tội phạm; ít nhất là tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản có 24 vụ và 24 tội phạm. Trung bình mỗi năm tại TPHCM có 5.297 vụ và 6.690 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.1, 2.2 và 2.3 - phụ lục 1*). Hệ số tội phạm trung bình trên 100.000 dân cư của TPHCM có 88 tội phạm (*xem bảng 2.4 - phụ lục 1*). So với cả nước thì trung bình mỗi năm ở TPHCM chiếm 22,75% số vụ và chiếm 17,80% số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt; mật độ tội phạm gấp 30 lần so với cả nước (xét theo diện tích km²), gấp 2,1 lần so với cả Nước (xét theo mật độ dân cư trên một tội phạm) (*xem bảng 2.5 và 2.6 - phụ lục 1*). So với tỉnh Đồng Nai thì trung bình mỗi năm ở TPHCM gấp 583% số vụ và 449% số tội phạm; mật độ tội phạm gấp 12 lần (xét theo diện tích km²) và gấp 1,5 lần (xét theo mật độ dân cư trên một tội phạm) (*xem bảng 2.7 và 2.8 - phụ lục 1*).

Trước tình hình đó, Thành ủy, UBND và các cơ quan, ban ngành của TPHCM đã tổ chức triển khai thực hiện theo nhiều chủ trương, chính sách của

Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống các tội XPSH có tính chiếm đoạt như: Nghị quyết số 49/NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 2/6/2015 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”; Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 22/10/2010 “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, của Ban chấp hành trung ương Đảng; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội “Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013”; Kế hoạch 271/KH-BCĐ138/CP thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015 của Ban chỉ đạo 138/CP; Thông tư liên tịch số 34/2009/TTLT-BGDĐT-BCA “Về hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân”. Và cụ thể hóa bằng việc ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, như: Chỉ thị 05.-CT/TU ngày 12/7/2007 của Thường vụ Thành ủy “Về tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố và tổng kết 5 năm (2001- 2005) thực hiện chỉ thị 03-CT/TU của Thường vụ Thành ủy về phòng, chống tội phạm, thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, mặt trận, đoàn thể thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch nhằm nâng cao công tác phòng ngừa xã hội trong phòng, chống tội phạm”[104]. Quyết định số 333/QĐ-UB của UBND thành phố ngày 7/4/2005 “Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2005-2010” [75] ... và đạt được những kết quả nhất định. Nhưng hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt vẫn còn nhiều hạn chế như: tỉ lệ khám phá tội phạm còn thấp; công tác điều tra, truy tố, xét xử còn nhiều thiếu sót; công tác chỉ đạo, giám sát chưa được thường xuyên, liên tục; sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành với các lực lượng phòng, chống tội phạm chưa đồng bộ; trình độ chuyên môn của cán bộ tham gia còn thấp; ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm trong nhân dân còn yếu; các cơ quan, xí nghiệp, tổ

chức kinh tế chưa quan tâm đúng mức về việc bảo vệ tài sản.

Vì vậy, việc nghiên cứu tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, để tìm ra những nguyên nhân và điều kiện, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa nhóm tội này là một vấn đề cần thiết. Từ những luận giải trên, tác giả chọn đề tài: ***"Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa"*** làm luận án Tiến sĩ là cấp thiết có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Mục đích nghiên cứu

Xây dựng các giải pháp phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

- Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, là khái quát tổng quan về tình hình nghiên cứu trong nước, ngoài nước và các vấn đề có liên quan đến đề tài luận án; nhằm kế thừa và xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Thứ hai, phân tích, đánh giá tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017 qua các thông số về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất.

Thứ ba, tìm ra các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, cùng với những tính chất đặc thù về vị trí địa lý có liên quan đến tình hình tội phạm trên địa bàn TPHCM, từ năm 2006 đến 2017.

Thứ tư, dự báo tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất, nguyên nhân và điều kiện. Đồng thời, kiến nghị các nhóm giải pháp phòng ngừa hiệu quả về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, nguyên nhân, điều kiện và thực tiễn thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

- Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: luận án được nghiên cứu theo chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (mã số 9380105). Nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, gồm 8 tội danh từ Điều 133 đến Điều 140 được quy định tại chương XIV của BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về thời gian nghiên cứu: từ năm 2006 đến năm 2017.

Về địa bàn nghiên cứu: trên địa bàn TPHCM.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận

Luận án dựa trên cơ sở duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng làm phương pháp luận trong nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong luận án là các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của tội phạm học như: phương pháp tổng hợp, mô tả, phân tích, thống kê, hệ thống, so sánh, điều tra xã hội học, tổng kết kinh nghiệm, nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghiên cứu điển hình. Tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu trong từng chương, mục của luận án, tác giả sẽ lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp. Cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống: được sử dụng nghiên cứu phân tích, tổng hợp các văn bản, tài liệu liên quan đến đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng đã được áp

dụng trong thực tiễn; các kết quả nghiên cứu về tội phạm học, khoa học luật hình sự, khoa học điều tra tội phạm về phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã được công bố và áp dụng. Sử dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 2

Phương pháp thống kê hình sự: phương pháp này được sử dụng để thống kê tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, kết quả phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt của các cơ quan chức năng trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua, từ năm 2006 đến năm 2017. Chủ yếu sử dụng ở chương 2.

Phương pháp so sánh: phương pháp này dùng để so sánh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên phạm vi cả nước, với tỉnh một tỉnh có cùng vị trí địa lý, điều kiện kinh tế, xã hội và so sánh giữa các quận, huyện trên địa bàn TPHCM. Chủ yếu sử dụng ở chương 2.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: dựa trên cơ sở nghiên cứu có hệ thống các báo cáo sơ kết, tổng kết tháng, quý, năm, các báo cáo chuyên đề về công tác phòng, chống tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt của các cơ quan đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua; rút ra những vấn đề có tính quy luật về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và công tác phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM. Sử dụng ở chương 2, chương 3 và chương 4.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: được sử dụng nghiên cứu các vụ án điển hình về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt xảy ra trên địa bàn TPHCM để làm rõ tính chất phạm tội, mức độ hành vi phạm tội, phương thức thủ đoạn phạm tội, nhân thân người phạm tội, động cơ và mục đích phạm tội,... Chủ yếu sử dụng ở chương 2 và chương 3.

Phương pháp điều tra xã hội học: là dùng các phiếu điều tra xã hội học để thu thập ý kiến của các Thầy giáo, Cô giáo của một số trường phổ thông trung học

và một số đồng chí Cảnh sát khu vực, Điều tra viên, cán bộ trinh sát..., về những vấn đề có liên quan đến công tác phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM. Ngoài ra, thu thập ý kiến của các phạm nhân vi phạm các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt về hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc phạm tội của họ...Phương pháp này được sử dụng ở chương 2 và chương 3.

Phương pháp xin ý kiến chuyên gia là trao đổi với các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các cán bộ có kinh nghiệm về công tác phòng, chống tội phạm, về những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM. Được sử dụng ở chương 3 và chương 4.

5. Những điểm mới của luận án

- Điểm mới về phương pháp tiếp cận và quan điểm tiếp cận

Phương pháp tiếp cận: theo chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, tiếp cận có hệ thống và liên ngành khoa học xã hội....

Quan điểm tiếp cận: tiếp cận theo đa chiều, toàn diện, tổng thể.

- Điểm mới về khoa học

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và hệ thống thuộc chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, đã có những đóng góp mới về mặt khoa học, như:

Thứ nhất, luận án làm rõ tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017.

Thứ hai, làm sáng tỏ những nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt cùng với những đặc thù về vị trí địa lý liên quan đến THTP trên địa bàn TPHCM. Phân tích đặc điểm nhân thân của người phạm tội và những tình huống, hoàn cảnh hỗ trợ cho hành vi phạm tội xảy ra.

Thứ ba, luận án dự báo tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; về nguyên nhân và điều kiện; dự báo về khả năng phòng ngừa của tình hình tội

phạm này trong thời gian tới. Đồng thời, đề xuất những giải pháp phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt phù hợp với thực tiễn trên địa bàn TPHCM .

6. Ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn của luận án

- Ý nghĩa về mặt khoa học

Luận án góp phần bổ sung về lý luận phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tội phạm học và khoa học luật hình sự.

- Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Luận án có thể là tài liệu tham khảo cho những cán bộ đang làm việc trong các cơ quan phòng, chống tội phạm. Ngoài ra, luận án có giá trị làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu chia làm 4 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước, ngoài nước và những vấn đề có liên quan đến luận án.

Chương 2: Tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017.

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017.

Chương 4: Dự báo tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM và các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm này trong thời gian tới.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Trong thời gian qua, tại Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, đã đóng góp nhiều cho lĩnh vực tội phạm học. Một số công trình nghiên cứu về nguyên nhân, điều kiện, tình hình tội phạm, đặc điểm nhân thân người phạm tội và các biện pháp phòng ngừa, như sau:

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và các giải pháp phòng ngừa.

- *Giáo trình tội phạm học*, của GS.TS Võ Khánh Vinh, tái bản năm 2011, nhà xuất bản Công an nhân dân, có viết khái niệm tội phạm học “*Tội phạm học là ngành khoa học pháp lý xã hội, nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện và các loại tình hình tội phạm, các quy luật xuất hiện, tồn tại và thay đổi của tình hình tội phạm, các nguyên nhân, điều kiện và cơ chế tác động của nó đến tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục tình hình tội phạm xảy ra trong xã hội và những vấn đề khác có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm*” [153]. Tác giả phân tích những đặc điểm của THTP; lý luận về THTP ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như: đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và các phương pháp nghiên cứu tội phạm học; về hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của tư tưởng tội phạm học; tội phạm học tư sản và tội phạm học xã hội chủ nghĩa. Tác giả đề cập đến biện pháp nhân chủng học, tức là biện pháp tác động đến các quá trình di cư và thích nghi xã hội của những người di cư hay một số tiêu chí phân loại theo cơ chế hoạt động; các biện pháp phòng ngừa, như phòng ngừa giai đoạn sớm, ngăn chặn tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị và phạm tội chưa đạt, các biện pháp phòng ngừa tái phạm.

Ngoài ra, tác giả phân tích sự thống nhất biện chứng của các yếu tố cấu thành THTP biểu hiện ở các thông số (đặc điểm) về lượng gồm: thực trạng (mức độ) và động thái (diễn biến); các thông số về chất gồm: cơ cấu và tính chất. Sự thay đổi một trong những thông số đó ở dạng tổng thể hay dạng từng phần đều dẫn đến sự thay đổi của THTP nói chung. Trong đó, thực trạng của THTP là số lượng các hành vi phạm tội đã được thực hiện và những người thực hiện tội phạm đó trên một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Khi xác định số lượng tội phạm cần phải tính tổng sau: số lượng các tội phạm bị Tòa án xét xử và tuyên án có tội; số lượng các vụ án hình sự bị đình chỉ điều tra, truy tố vì không chứng minh được sự tham gia của bị can; các số liệu về số lượng tội phạm không được phát hiện (tội phạm tiềm ẩn); hệ số của THTP; mức độ của THTP tái phạm. Khi phân tích thực trạng của THTP người ta sử dụng cả hệ số của THTP tức là mối tương quan của số lượng tội phạm đã thực hiện với 10.000 dân cư hoặc 100.000 người. Động thái của THTP: là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của THTP trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, năm năm, mười năm...). Cơ cấu của THTP là tỉ trọng và mối tương quan của các loại tội phạm khác nhau trong số lượng chung của chúng trong một khoảng thời gian nhất định và ở một lãnh thổ nhất định. Tính chất của THTP thể hiện ở số lượng tội phạm và mức độ nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của THTP, cũng như ở các đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Tính chất của THTP được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó. Khối lượng và tính chất của thiệt hại trực tiếp và gián tiếp do các tội phạm gây ra được coi là chỉ số bổ sung đặc trưng cho THTP. Các chỉ số của thiệt hại có thể gắn với đặc điểm của thực trạng THTP, cơ cấu và động thái của nó [153].

Phòng ngừa THTP được thực hiện bằng cách giải quyết cả những nhiệm vụ xã hội (phòng ngừa chung toàn xã hội) lẫn những nhiệm vụ chuyên môn (chuyên ngành). Trong đó, phòng ngừa chung toàn xã hội được thực hiện một cách nhất quán bởi quá trình phát triển và hoàn thiện về mọi mặt của xã hội.

Phòng ngừa chuyên môn được hiểu là tổng thể các biện pháp pháp luật và biện pháp giáo dục, tổ chức kỷ luật phòng ngừa THPT của một loại tội phạm cụ thể như: tội phạm giết người, cướp tài sản, trộm cắp tài sản... Các biện pháp phòng ngừa THPT được phân loại theo: nội dung; khối lượng; phạm vi; khách thể... Trong đó, theo nội dung có các biện pháp phòng ngừa mang tính chất kinh tế, nhân chủng học, chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật và pháp lý, theo khối lượng được chia thành các biện pháp phòng ngừa chung, riêng, theo phạm vi gồm có các biện pháp của Nhà nước, khu vực, địa phương...

Các chủ thể của hoạt động phòng ngừa là các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và các tập thể, cũng như mọi công dân trong phạm vi, trách nhiệm của mình trong công tác phòng ngừa tội phạm. Mỗi chủ thể có các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ nhất định và phải chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện chúng. Chủ thể của hoạt động phòng ngừa THPT bao gồm: các tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan của Hội đồng nhân dân các cấp; các chủ thể quản lý về mặt quyền lực nhà nước; các cơ quan quản lý chung và quản lý kinh tế; các cơ quan bảo vệ pháp luật; các tổ chức xã hội, các tập thể lao động và công dân.

- *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*”, của GS. TS Nguyễn Xuân Yêm, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2001. Tác giả khái niệm về phòng ngừa tội phạm: *“Phòng ngừa tội phạm là hoạt động cải tạo các quan hệ xã hội nhằm mục đích loại trừ những nguyên nhân tội phạm, loại trừ các điều kiện tạo thuận lợi phát sinh ra các hành vi phạm tội, hạn chế hoặc cô lập các nhân tố tội phạm hoặc có sự ảnh hưởng đến sự hình thành các đặc điểm chống xã hội của con người phạm tội”*. Ở nghĩa rộng *“phòng ngừa tội phạm được hiểu như là một bộ phận của hoạt động hạn chế, xóa bỏ các nguyên nhân làm nảy sinh tội phạm, là một phần nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra xã hội, hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa, và hình thành con người mới”* [167, tr. 196-197]. Ngoài ra, tác giả cho rằng việc làm triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện nảy sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm còn phải kết hợp

với việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa, gắn liền với mục đích của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ thể phòng ngừa tội phạm là các cơ quan Đảng, toàn bộ các cơ quan Nhà nước, các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và các công dân ở những mức độ và quy mô khác nhau; tiến hành lập kế hoạch các biện pháp phòng ngừa tội phạm, quản lý hoặc trực tiếp thực hiện những biện pháp phòng ngừa tội phạm đó hoặc đảm bảo cho việc duy trì thực hiện vấn đề tổ chức phòng ngừa.

- *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, chủ biên GS. TSKH Đào Trí Úc, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, năm 1994 [67]. Tác giả đã nêu ra các cơ quan, tổ chức được coi là những chủ thể chính của hoạt động phòng ngừa tội phạm đó là: các tổ chức của Đảng cộng sản Việt Nam; Hội đồng nhân dân các cấp; các cơ quan quản lý hành chính, kinh tế nhà nước; cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân; các cơ quan thuộc Bộ tư pháp, các tổ chức chính trị xã hội, tập thể lao động và cá nhân. Theo tác giả, trong tội phạm học Việt Nam có thể xây dựng những biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói riêng, như sau: phòng ngừa tội phạm theo cấp độ xã hội chung; phòng ngừa tội phạm theo cấp độ chuyên ngành; phòng ngừa tội phạm theo phạm vi lãnh thổ. Công trình đã nghiên cứu và chỉ rõ nội dung của các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định trên cơ sở tính chất của sự phòng ngừa. Trên cơ sở đó, còn có một số biện pháp kinh tế, chính trị xã hội, văn hóa tư tưởng, tổ chức quản lý, pháp luật và biện pháp phòng ngừa theo chức năng.

- *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, của PGS. TS Phạm Văn Tinh, nhà xuất bản Tư pháp, tháng 1 năm 2007 [114], đã khái quát lên khái niệm về tình hình tội phạm: “*Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực mang tính lịch sử cụ thể và pháp lý hình sự, có tính giai cấp và được biểu hiện thông qua tổng thể các tội phạm cùng các chủ thể thực hiện các tội phạm đó trong một đơn vị hành chính lãnh thổ nhất định và trong một thời gian cụ thể nhất định*” [114, tr.10]. Tác giả khái quát tình hình tội phạm theo đặc điểm định tính và đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm ở mỗi thời kỳ,

mỗi vùng lãnh thổ - hành chính nhất định. Làm sáng tỏ các đặc điểm này của tình hình tội phạm, tức là có đủ số liệu minh họa cho mức độ, cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm theo sự vận động của thời gian, thì mới có thể nhận thức được tình hình tội phạm như sau: mức độ của tình hình tội phạm là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người phạm tội cùng số tội phạm do họ thực hiện trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định. Cơ cấu của tình hình tội phạm cho biết về kết cấu bên trong của các con số tạo nên tình hình tội phạm. Tính chất của tình hình tội phạm phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của tình hình tội phạm ở từng thời gian và không gian khác nhau thông qua tương quan về tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của tình hình tội phạm như tỷ lệ giữa tội phạm nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, tỷ lệ giữa số người phạm tội bị phạt tù và không bị phạt tù... như vậy, tính chất của tình hình tội phạm chính là kết quả của sự đánh giá đối với mức độ, cơ cấu và động thái của tình hình tội phạm. Động thái của tình hình tội phạm là sự vận động tự nhiên của tình hình tội phạm theo thời gian.

Khi tiếp cận bản chất của tình hình tội phạm với tư cách là cái được phản ánh thông qua các đặc điểm định tính, định lượng của nó và cần phải xuất phát từ hành vi cụ thể của con người, trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Xác định được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với hành vi con người sẽ là cơ sở để có những biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả. Vì vậy phần “hiện” và phần “ẩn” của tình hình tội phạm là mặt hiện tượng, là sự phản ánh của mặt bản chất bên trong của tình hình đó. Tác giả nghiên cứu và phân tích rất sâu về bản chất của tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm ở Việt Nam qua các giai đoạn.

- *Các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn TPHCM*, luận án Tiến sĩ luật học, chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Nguyễn Văn Thanh, Học viện Khoa học Xã hội, năm 2016 [105]. Tác giả nghiên cứu về đặc điểm tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn TPHCM

từ năm 2011 đến 2015, những vấn đề lý luận và dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật hình sự Việt Nam, những hạn chế thiếu sót từ nhiều nguyên nhân của điều kiện kinh tế, văn hóa, giáo dục của xã hội và những hạn chế thiếu sót của chủ thể đấu tranh chống tội phạm. Ngoài ra, phân tích lịch sử phát triển của các tội xâm phạm sở hữu thực theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu tại TPHCM. Đồng thời, kiến nghị nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh tội phạm bằng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới .

- *Giáo trình tội phạm học*, của tác giả TS. Võ Thị Kim Oanh Trường Đại học Luật TPHCM, năm 2013, Nxb Hồng Đức- hội Luật gia Việt Nam [72]. Tác giả nêu nội dung các khái niệm về tội phạm học; tình hình tội phạm và đối tượng nghiên cứu của tội phạm học; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về tội phạm học, vị trí của tội phạm học trong hệ thống các khoa học. Phân tích lịch sử các học thuyết tội phạm học trên thế giới. Khái niệm tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm ở Việt Nam; khái niệm và phân loại nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm, từ nhiều lý do khác nhau, phân tích các nguyên nhân trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa và giáo dục. Ngoài ra, nêu một số đặc điểm về nhân thân người phạm tội, dự báo tình hình tội phạm; khái quát các nguyên tắc, chủ thể phòng ngừa và một số biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu khoa học trên mang tính toàn diện, cung cấp những kiến thức về tội phạm học, đồng thời cũng chỉ ra phương pháp nghiên cứu, các khái niệm, cách tiếp cận và phương hướng nghiên cứu tình hình các tội XPSH trên địa bàn TPHCM.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện, nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.

- *Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*, luận án Tiến sĩ luật học chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Đỗ Kim Tuyên, năm

2001 trường Đại học luật Hà Nội [125]. Tác giả nêu lên những lý luận về tình hình và phương thức điều tra tội phạm; đi sâu phân tích thực trạng của tình hình cướp giết trên địa bàn Hà Nội vào những năm 1990. Tác giả phân tích những điều kiện kinh tế đất nước trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, văn hóa giáo dục chưa được triển khai mạnh mẽ, trình độ học vấn người dân Hà nội còn thấp, cùng với tình trạng thiếu ăn, thất nghiệp, thất học, tệ nạn xã hội phát triển, dẫn đến nhiều nguyên nhân và điều kiện phát sinh tình hình tội phạm cướp giết gia tăng trên địa bàn Hà Nội. Đồng thời, xây dựng các biện pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và tội cướp giết tài sản tại Hà Nội nói riêng.

- *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay-Mô hình lý luận*, của PGS. TS Phạm Văn Tinh, đăng Tạp chí Nhà nước và pháp luật tháng 6/ 2008 [118, tr.79- 84]. Tác giả lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo quan điểm Mác-Xít; trên cơ sở đó nêu khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Tác giả lý luận Nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Nguồn gốc, bản chất của nguyên nhân không phải là hiện tượng nào đó, mà nguyên nhân là sự tác động qua lại và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như tình hình tội phạm thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, nhưng tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả; về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định. Kết quả chính trong mối quan hệ nhân - quả đó là (Nguyên nhân- Điều kiện- Kết quả), thì “quả” ở đây, trong tội phạm học chỉ có thể là hiện tượng (tình hình tội phạm) hoặc là hành vi phạm tội.

- *Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản ở nước ta hiện nay*, luận án Tiến sĩ luật học năm 2013 chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Đặng Thúy Quỳnh, Học viện Khoa học Xã hội [93]. Tác giả nghiên cứu về tình hình

cướp giết tài sản ở nước ta từ năm 2001 đến 2012; phân tích, đánh giá thực trạng tình hình cướp giết ở nước ta diễn biến phức tạp và gia tăng trong cả nước; phân tích những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản, gồm có: các yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường sống như yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình, yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường; các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội với chủ thể quản lý là Nhà nước; các yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội; nhiều nhất là những nguyên nhân xuất phát từ lĩnh vực kinh tế. Trình độ học vấn của tội phạm: có 02 bị cáo học đại học chiếm 0,6%, 73 bị cáo học hết cấp 3 chiếm 23,6%, còn lại 76,2% có trình độ cấp 1, cấp 2. Về giới tính: tội phạm là nam giới (97%), nữ giới (3%). Về độ tuổi: dưới 18 tuổi (10%), từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi (42%), từ 30 trở lên có tỉ lệ (48%). Đồng thời kiến nghị biện pháp đấu tranh phòng ngừa, tội phạm này ở nước ta hiện nay, tác giả chú trọng nhiều về các giải pháp kinh tế trong thực tiễn của đất nước .

- *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân ở cơ sở hiện nay và những giải pháp hoàn thiện*, luận án Tiến sĩ luật học, của tác giả Vũ Xuân Trường, chuyên ngành tội phạm học, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2013 [132]. Tác giả nghiên cứu tình hình tội phạm ở cơ sở về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất; phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm ở cơ sở do những tiêu cực của xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giáo dục..., và do ý thức chủ thể. Đồng thời kiến nghị nhiều biện pháp phòng ngừa tội phạm tại các địa phương.

- *Tội cướp giết tài sản trên địa bàn miền Đông nam bộ: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, luận án Tiến sĩ chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Phạm Văn Trung, Học viện Khoa học Xã hội [131]. Tác giả phân tích những lý luận và dấu hiệu pháp lý của tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn miền Đông nam bộ từ năm 2007 đến 2016; phân tích tìm ra những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết trên địa bàn miền Đông nam bộ bởi nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố về điều kiện kinh tế, xã hội và những hạn chế thiếu sót

của chủ thể đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngoài ra, dự báo về tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản trên địa bàn miền Đông nam bộ trong thời gian tới. Đồng thời, kiến nghị nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn miền Đông nam bộ.

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Hiện nay, ngành khoa học tội phạm học đã và đang phát triển mạnh ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì: *“Tội phạm học ngày nay với tư cách là một ngành khoa học pháp lý - xã hội học, nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện và các loại tình hình tội phạm, các nguyên nhân, điều kiện, các cơ chế tác động, nhân thân người phạm tội và các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm xảy ra trong xã hội”* [155]. Trong nhiều năm qua, ở nhiều nước trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm học nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng, có liên quan đến đề tài luận án, dưới nhiều hình thức như sau:

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện, đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt.

- *An introduction to Crime and Criminology* (Tạm dịch: *Giới thiệu về tội phạm và tội phạm học*), của tác giả Hennessy Hayes và Tim Prenzler. Đây là công trình nghiên cứu của hai chuyên gia tội phạm học người Australia là Hennessy Hayes và Tim Prenzler [177, tr.3-6,7-15]. Nội dung phân tích và tổng hợp những quan điểm khác nhau của các cá nhân, cơ quan ở Australia trong lĩnh vực nghiên cứu về những đặc điểm nhân thân người phạm tội, tình hình tội phạm ở Úc. Tác giả phân tích nguyên nhân và điều kiện của tội phạm chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố tiêu cực từ phía người bị hại, môi trường cộng đồng xã hội, chính sách pháp luật của quốc gia, môi trường giáo dục, từ những điều kiện xã hội trong nước... Công trình này có ý nghĩa trong việc vận dụng nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội, những nguyên nhân, điều kiện và những yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- *Crime and criminology in Japan* (tạm dịch: *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại*) của tác giả Can Ueda, giáo sư, tiến sĩ luật học, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan [170]. Tác giả đã khái quát tội phạm học không phải là khoa học duy nhất nghiên cứu tội phạm. Tội phạm là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học khác như: Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Xã hội học, Tâm lý học, Thần kinh học... Tác giả đã đưa ra khái niệm “*Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh, phòng chống*”. Tác giả đã nghiên cứu nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh và phát triển tội phạm; đồng thời, đưa ra con số thống kê về một số đặc điểm nhân thân, các điều kiện cá nhân và xã hội của tội phạm như giới tính, lứa tuổi. Phân tích, thống kê được trong số phụ nữ phạm tội bị Cảnh sát bắt giữ có 42,3% là nữ vị thành niên (năm 1980); trung bình cứ 100.000 người dân trên 15 tuổi thì có 65,6 người phạm tội. Trong số những người bị bắt giữ vì phạm tội năm 1981 có 0,7% người bị tổn hại về thần kinh, sự bất bình thường nhiễm sắc thể giới tính. Tác giả cũng chỉ ra những hạn chế trong quá trình đô thị hóa xã hội, quá trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, sự di cư, tập trung dân cư do quá trình đô thị hóa đã gây ra sự xáo trộn trong xã hội; gây ra sự mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội, hạn chế sự đoàn kết dân cư trong khu vực về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

- *Kriminologie*, của tác giả Goppinger Hans (người Đức), 6.Auflage, Munchen 2008, trang 1- 2, Universitaet Berlin (Đức) [176, tr.1-2], nghiên cứu tội phạm học “*Tội phạm học là ngành khoa học thực nghiệm, độc lập, nghiên cứu các sự việc diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống cộng đồng có liên quan đến tội phạm, hậu quả của hành vi tội phạm và việc ngăn ngừa các hành vi phạm tội cũng như quá trình đấu tranh chống lại những hành vi phạm tội*”. Ngoài ra, tác giả phân tích một số đặc điểm nhân thân của tội phạm và hành vi phạm tội của tội phạm được xem như là hiện tượng xã hội và phân tích hành vi phạm tội cùng với một số nguyên nhân và điều kiện hoàn cảnh xã hội thúc đẩy tạo ra các hành vi phạm tội.

- *Criminology Today*, (tạm dịch: *Tội phạm ngày nay*), của Tiến sĩ triết học Giáo sư danh dự Frank - Schmalleger (người Mỹ), năm 2002, trường Đại học Bắc Carolina ở Pembroke (Mỹ) [173, tr. 10], theo ông khái niệm về tội phạm học “*Tội phạm học là khoa học mà bao quanh là chuyên môn liên ngành nghiên cứu về tội phạm và hành vi phạm tội, bao gồm cả những biểu hiện của nó, nguyên nhân, các khía cạnh pháp lý và sự kiểm soát*”. Đồng thời phân tích tội phạm học là một khoa học có tính liên ngành vì nghiên cứu về tội phạm phải hiểu biết các vấn đề của các khoa học khác; nhằm để tổng hợp các vấn đề liên quan đến tội phạm tồn tại trong xã hội và tìm ra các nguyên nhân và điều kiện phạm tội ở Mỹ và tìm các yếu tố như: yếu tố xã hội, yếu tố giáo dục đưa đến phạm tội.

- *Các đặc điểm và nguyên nhân của tội trộm cắp*, của tác giả Diana Nelson và cộng sự năm 2002, tại Viện Tội phạm Úc đã dựa trên các nghiên cứu về trộm cắp trước đây trong khu vực, như nghiên cứu của MARS (1999), (theo Điều 138) tại lãnh thổ thủ đô nước Úc, trang 13- 29 [171, tr.13- 29]. Nội dung nghiên cứu về con đường tiêu thụ tài sản sau khi trộm cắp qua các dữ liệu thu thập và phân tích được từ thực tiễn. Từ đó góp phần hỗ trợ quan chức ở khu vực thủ đô nước Úc (Australian Capital Territory - ACT) và Cảnh sát trong việc đề ra các chính sách phù hợp nhằm ngăn chặn và kiểm soát loại tội phạm này. Nghiên cứu tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như: nguồn và loại tài sản bị đánh cắp; thời gian xảy ra vụ trộm cắp; những loại hàng hóa bị đánh cắp và phân tích những loại thường bị trộm cắp là tài sản gia dụng như: tiền, điện thoại, ti vi, máy chụp ảnh.... Xây dựng hồ sơ thống kê hình sự của tội phạm trộm cắp tài sản, bao gồm: động cơ, tần suất và cách thức trộm cắp, cách thức tiêu thụ hàng hóa bị đánh cắp (bao gồm cả những người giúp tiêu thụ hàng hoá bị đánh cắp) và mức độ hàng hóa thu hồi được.

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và các giải pháp phòng ngừa các tội này

- *Tội xâm phạm sở hữu có tổ chức*, của tác giả Stijn Van Daele người Bỉ, vào năm 2008, của trường đại học Ghen ở Bỉ, [182, tr.241- 247]. Nội dung nghiên cứu hoạt động của các băng, nhóm tội phạm ở Bỉ đang được các cơ quan thực thi pháp luật ở Bỉ chú ý trong thời gian gần đây; các cơ quan thực thi pháp luật quan tâm đến tình trạng gia tăng tội phạm, đối tượng phạm tội, chính sách phòng, chống tội phạm và sự nhận thức của tội phạm, các hiện tượng tổ chức thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Ngoài ra phân tích được đặc điểm về lối sống lưu động và quốc tịch của tội phạm, đó là 2 yếu tố quan trọng của các nhóm tội phạm có tổ chức. Đồng thời nói lên những hạn chế trong chính sách đấu tranh của Chính phủ Bỉ, không có vai trò quyết định trong đấu tranh tiêu diệt tội phạm mà chỉ có vai trò kìm hãm sự hoạt động của tội phạm.

- *Theoretical basis of crime prevention* (Tạm dịch là: *cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm*) của tác giả Mikovskij G.M, Nxb. Maxcova, Jurid, Literature, năm 1977, (bản dịch của Viện thông tin Khoa học xã hội, năm 1982) [180]. Tác giả nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận của phòng ngừa tội phạm. Công trình chỉ rõ tội phạm là một hiện tượng xã hội và phương hướng đấu tranh chống tội phạm cơ bản nhất là phòng ngừa tội phạm. Theo V.I Lenin: “*Vấn đề quyết định của việc phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác là phải xác định được nguyên nhân và các biện pháp để loại trừ các nguyên nhân đó. Trong đó, phải giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất của quần chúng, phải không ngừng tăng cường tính tự giác của quần chúng, tích cực, tạo điều kiện cho quần chúng tham gia quản lý công việc của nhà nước, của xã hội; đồng thời phải theo dõi, thống kê đầy đủ và kịp thời tội phạm và các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm để có cơ sở đề*

xuất các biện pháp phòng, chống tội phạm có hiệu quả; áp dụng kịp thời các hình phạt để bảo đảm tính răn đe, giáo dục để phòng ngừa tội phạm”.

Hệ thống các giải pháp phòng ngừa tội phạm, gồm: tổng hợp các giải pháp chung của toàn xã hội và các giải pháp đặc thù phối hợp chặt chẽ với nhau, trong đó có xác định rõ các biện pháp chủ đạo; kết hợp nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Hoạt động phòng ngừa tội phạm phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và các cơ quan nhà nước; vận động quần chúng tham gia rộng rãi và tích cực vào việc phòng ngừa tội phạm. Trong hệ thống các biện pháp phòng ngừa, có các biện pháp phòng ngừa riêng được áp dụng với từng chủ thể nhằm: loại trừ những sự tác động không tốt đối với cá nhân đó; làm thay đổi cách ứng xử tiêu cực không được sự chấp thuận của xã hội hoặc các học thuyết, quan điểm, quan niệm, sở trường theo hướng sai lệch hoặc đề phòng việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tác giả cho rằng chủ thể thực hiện các biện pháp đặc biệt phòng ngừa tội phạm là do các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân tiến hành nhằm trực tiếp loại trừ các yếu tố tội phạm học, các nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm, nhằm giáo dục và cải tạo những người có thể phạm tội hoặc đã phạm tội. Các biện pháp này gồm hai loại, loại thứ nhất là những biện pháp mang tính chất “Tín hiệu”, tức là những dự kiến về sự cần thiết phải tác động một cách có mục đích, có định hướng vào những yếu tố tội phạm học hay những người, nhóm người nhất định; thứ hai là những biện pháp tác động trực tiếp. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt gồm: các biện pháp kinh tế - xã hội, nhằm điều chỉnh biến động của dân cư, số lượng, cơ cấu dân cư từng vùng, có tính đến nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm; các biện pháp điều chỉnh các hướng chính trong chính sách và đường lối đấu tranh phòng, chống tội phạm; các biện pháp tư tưởng, văn hóa, giáo dục: để giải quyết nhiệm vụ phòng ngừa bằng các biện pháp tổng hợp trong công tác giáo dục nhằm loại trừ các quan điểm chống đối xã hội, các thói quen, tập quán lệch chuẩn, những yếu tố tiêu

cực, chống lại xã hội...; các biện pháp tổ chức và quản lý nhằm phổ biến những kinh nghiệm tốt trong phòng ngừa tội phạm để hoàn thiện hệ thống phòng ngừa.

Những biện pháp phòng ngừa riêng được áp dụng với các chủ thể có dấu hiệu đặc trưng như: chưa phạm tội nhưng đang ở trong môi trường có những điều kiện thuận lợi để có thể phạm tội; những người đang có quan điểm, lối sống tiêu cực, chống lại các giá trị đạo đức, truyền thống tốt đẹp của xã hội, có những vi phạm nhỏ chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; những người có ý đồ phạm tội, đang hình thành động cơ phạm tội, đang chuẩn bị phạm tội; đã bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa thực hiện phạm tội đến cùng.

- *So sánh một cách có hệ thống về các vụ cướp ở Chicago, về các vụ cướp không gây thương tích và có gây thương tích đã dẫn đến chết người tại Chicago, về tình hình cướp tài sản ở Chicago, của hai tác giả Franklin E. Zimring và James Zuehl, năm 1986, ở nước Chicago. Nội dung nghiên cứu về tội cướp và cướp giật tài sản, gồm hai phần:*

Phần thứ nhất, nói lên kết quả thực nghiệm, bao gồm: ước tính mức độ và diễn biến và tính chất của các vụ cướp giật tài sản và giết người ở Chicago, phân tích các hình thức cướp giật tài sản và giết người trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, cùng các hành vi thực hiện phạm tội, kiểm tra các hình thức của các vụ cướp giật tài sản gây thương tích, và mức độ và cách xử lý của cảnh sát đối với các vụ cướp giật tài sản khác nhau bằng việc áp dụng các quy định của pháp luật tại Chicago.

Phần thứ hai, tác giả đề cập về một số yếu tố tác động của nghiên cứu này đến lý thuyết tội phạm học, tác giả lý luận về tội cướp giật tài sản và các quy định của pháp luật ở Chicago. Đồng thời đưa ra nhiều biện pháp ngăn chặn và kiểm soát tội phạm này tại Chicago bằng pháp luật hình sự với nhiều biện pháp về kinh tế, giáo dục và quản lý các ngành nghề có liên quan để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình trạng cướp tài sản tại Chicago.

- *The Crime of Robbery in South African Law, International Journal of Arts and Science*, (tạm dịch: *Tội phạm Cướp trong Luật Nam Phi*", *Tạp chí Khoa học và Nghệ thuật Quốc tế*), năm 2010 của tác giả Deidre Joubert [170, tr. 128- 154]. Nội dung nghiên cứu các đặc điểm của tội phạm cướp giật tài sản được định nghĩa trong pháp luật của Nam Phi; nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của tội phạm cướp tài sản theo từng giai đoạn thời gian của Nam Phi; đồng thời nghiên cứu những hình phạt và xác định các khía cạnh liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự. Nghiên cứu chứng minh rằng tội phạm cướp giật tài sản vẫn đảm bảo sự tồn tại riêng trong pháp luật Nam Phi, mặc dù một số vấn đề có liên quan đã được xác định. Một trong những vấn đề này là "Cướp giật túi xách" được các Tòa án Nam Phi xử án một cách tùy tiện, dẫn đến sự thiếu tôn nghiêm về luật pháp. Do đó, tác giả kiến nghị các quy định pháp luật liên quan đến tội Cướp giật cần được cải cách. Theo tác giả, tình hình tội phạm ở Nam Phi ngày càng gia tăng về tội phạm bạo lực và tội phạm cướp giật. Nhiều đề xuất được đưa ra bao gồm việc đưa ra các quy định pháp luật mở rộng phạm vi truy tố, xét xử của tội phạm thông thường, mà trong đó các biểu hiện khác nhau của hành vi phạm tội được đánh giá theo mức độ nghiêm trọng của chúng, được đề xuất để cung cấp hướng dẫn cho Tòa án khi tuyên án những người bị kết tội trộm cắp.

- *Tình hình trộm cắp tài sản theo mùa vụ ở Hồng Kông*, của tác giả Yuk Yee Yan (người Hồng Kông), năm 2004 [186, tr.276- 283]. Tác giả nghiên cứu về tỉ lệ loại tội phạm trộm cắp tài sản vào các mùa trong mỗi năm ở Hồng Kông từ năm 1991- 2000. Đồng thời, phân tích tìm ra những nguyên nhân và điều kiện làm gia tăng tội phạm trộm cắp tài sản theo từng mùa ở Hồng Kông. Kết quả nghiên cứu cho thấy, diễn biến Trộm cắp tài sản tại các cửa hàng ở Hồng Kông thường tăng cao điểm vào các tháng của mùa đông do những nguyên nhân lười lao động thích đánh bài; nhưng tình trạng trộm cắp ít xảy ra vào mùa hè. Đặc thù vị trí địa lý cho thấy tình hình tội trộm cắp ở Hồng Kông rất khác so với các

vùng khác. Nghiên cứu này thực hiện ở Hồng Kông thường xuyên, tội phạm trộm cắp tài sản ở đây cũng hoạt động như một vấn đề về mùa vụ tội phạm.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước, ngoài nước và các vấn đề cần giải quyết trong luận án

Trong thời gian qua, có nhiều công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ở những góc độ và phạm vi khác nhau. Có những công trình nghiên cứu cả nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, có những công trình nghiên cứu riêng một tội cụ thể trong nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Các công trình nghiên cứu dưới nhiều góc độ: góc độ tội phạm học, luật hình sự, điều tra hình sự. Kết quả của những nghiên cứu trên đã đóng góp tích cực về mặt tiếp cận, về lý luận và thực tiễn trong việc nghiên cứu đề tài luận án; qua đó, tác giả kế thừa những ưu điểm để thực hiện nghiên cứu luận án. Những vấn đề liên quan đến đề tài luận án được đánh giá như sau:

Thứ nhất, là những vấn đề liên quan đến đề tài luận án đã được nghiên cứu chuyên sâu, điển hình có các công trình nghiên cứu, như:

- Công trình nghiên cứu *Kriminologie*, của Goppinger Hans (người Đức), nhà xuất bản Verlag C.H. Beck, 6.Auflage, Munchen 2008. *Crime and criminology in Japan*, (tạm dịch: *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại*) của Can Ueda, giáo sư, tiến sĩ luật học, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan. *Theoretical basis of crime prevention* (Tạm dịch là: *cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm*) của tác giả Mikovskij G.M, Nxb. Maxcova, Jurid, Literature, năm 1977. *Criminology Today*, của Tiến sĩ triết học Giáo sư danh dự Frank - Schmalleger (người Mỹ) nhà xuất bản Prentice Hall năm 2002, trường Đại học Bắc Carolina ở Pembroke (Mỹ)....

- *Giáo trình tội phạm học*, của GS.TS Võ Khánh Vinh, tái bản năm 2011. *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, của GS. TS Nguyễn Xuân Yêm, năm 2001. *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam* và tạp chí *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - Mô hình*

lý luận, của PGS.TS Phạm Văn Tinh. *Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay*, luận án Tiến sĩ luật học chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Đặng Thúy Quỳnh. *Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*, luận án Tiến sĩ luật học chuyên ngành tội phạm học, của tác giả Đỗ Kim Tuyền, năm 2001. ...v.v.

- Nội dung của các công trình nghiên cứu trên tập trung giải quyết nhiều vấn đề về khái niệm, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và các giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng. Trong đó, có một số công trình cung cấp lý thuyết cơ bản về tội phạm học như: khái niệm THPT, khái niệm phòng ngừa THPT, các thông số của THPT, nguyên nhân và điều kiện của THPT, nhân thân người phạm tội, dự báo THPT, các biện pháp phòng ngừa tội phạm; chủ thể phòng ngừa THPT; một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, như: định nghĩa; khái niệm; các thông số về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất; nguyên nhân và điều kiện; các yếu tố về nhân thân người phạm tội; dự báo tình hình tội phạm và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Các công trình trên được nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa và ứng dụng làm cơ sở lý luận, kinh nghiệm cho việc nghiên cứu đề tài luận án.

Thứ hai, là Những vấn đề có liên quan đến đề tài luận án chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu, diễn hình các công trình nghiên cứu, như:

- Công trình nghiên cứu của tác giả Diana Nelson và cộng sự về “*Các đặc điểm và nguyên nhân của tội trộm cắp*” năm 2002, tại Viện Tội phạm Úc đã dựa trên các nghiên cứu về trộm cắp trước đây trong khu vực, như nghiên cứu của MARS (1999), (theo Điều 138) tại lãnh thổ thủ đô nước Úc.

Tác giả chỉ chú trọng nghiên cứu thu hẹp dưới một khía cạnh hẹp về nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm. Chủ yếu phân tích dưới góc độ nguồn tài sản đánh cắp; thời gian xảy ra vụ trộm cắp; những hàng hóa bị đánh

cấp ở nước Úc, cách phòng ngừa chủ yếu là trấn áp tội phạm; chủ thể chính đó là lực lượng Cảnh sát. Chưa đi sâu phân tích, đánh giá tình hình trộm cắp tài sản về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất; chưa phân tích tìm ra nguyên nhân và điều kiện và những yếu tố làm phát sinh tội phạm để xây dựng các biện pháp đấu tranh phòng ngừa và chưa kêu gọi được các tầng lớp nhân dân, các cơ quan ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội tham gia tích cực phòng, chống tội phạm.

- Công trình nghiên cứu *“Tội xâm phạm sở hữu có tổ chức”* của tác giả Stijn Van Daele người Bỉ, đăng trên tạp chí tội phạm toàn cầu, vào tháng 8 năm 2008, của trường đại học Ghen ở Bỉ. Tác giả chỉ chú trọng phân tích khía cạnh quốc tịch và nơi cư trú (nhân thân người phạm tội) và dấu hiệu pháp lý của các băng nhóm tội XPSH. Chưa phân tích sâu về nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh các tội XPSH và chưa xây dựng được các biện pháp phòng ngừa thích hợp trên nhiều lĩnh vực của nước Bỉ trong hoàn cảnh hiện tại.

- Công trình nghiên cứu *“Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân ở cơ sở hiện nay và những giải pháp hoàn thiện”* của tác giả Vũ Xuân Trường, Học viện Cảnh sát nhân dân. Nghiên cứu còn thu hẹp ở mức độ phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân mà chưa phát huy được cả hệ thống chính trị tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm. Chưa phân tích được tình hình tội phạm trên một địa bàn cụ thể cùng với tính đặc thù của nó, nên chưa tìm ra được các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm do mặt trái của quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục...vv, tạo ra.

Nhìn chung, phần lớn các công trình nghiên cứu tập trung các vấn đề ở phạm vi một quốc gia hoặc ở một khu vực trong nước. Chưa kết hợp sâu sát với điều kiện địa lý, tự nhiên, dân số, phong tục, tập quán. Các công trình tuy có nghiên cứu về tình hình, nguyên nhân, điều kiện của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và cũng đưa ra được một số các biện pháp phòng ngừa. Nhưng vẫn còn một số hạn chế: chủ thể phòng ngừa chính là lực lượng Cảnh sát, chưa có sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban ngành, các cấp chính quyền và nhân

dân. Tóm lại, tuy có nhiều công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn. Nhưng đến hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học một cách đầy đủ, chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân, điều kiện và các giải pháp phòng ngừa về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Từ việc đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, Nghiên cứu sinh tiếp thu và kế thừa những ưu điểm, khắc phục những hạn chế thiếu sót và rút ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như sau:

Thứ nhất, phân tích, đánh giá về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017.

Thứ hai, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt từ năm 2006 đến năm 2017.

Thứ ba, dự báo tình hình, nguyên nhân và điều kiện của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới. Đồng thời, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa có tính khả thi và hiệu quả.

Kết luận Chương 1

Qua phân tích một số công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước đã được công bố, có liên quan đến đề tài luận án. Kết quả của các công trình đã để lại nhiều vấn đề cần tiếp tục kế thừa như: cách tiếp cận, lý luận về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, bao gồm: khái niệm, các thông số về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất; nguyên nhân và điều kiện; nguyên tắc và các giải pháp phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã có nghiên cứu về THTP nói chung hoặc nghiên cứu riêng từng tội cụ thể trong nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt như: tội trộm cắp, cướp giật tài sản... Nhưng các công trình dừng lại ở chỗ đánh giá và phân tích dấu hiệu phạm tội; phương thức thủ đoạn của tội

phạm; nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm và một số giải pháp phòng ngừa, tùy theo từng khu vực, từng quốc gia. Nhiều công trình nghiên cứu có một số hạn chế như: các cơ quan, ban ngành chưa thực sự phối hợp tốt, chủ thể chính về phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là lực lượng Cảnh sát, ít đề cập đến vai trò của Tòa án và các cơ quan ban ngành, các cấp chính quyền trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đã cung cấp được rất nhiều giá trị theo cách tiếp cận dưới góc độ tội phạm học và cũng đã đóng góp nhiều cho việc hoàn thiện pháp luật; lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, trong việc nghiên cứu đề tài luận án *“Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*.

Qua chương 1, nghiên cứu sinh đã xác định được những vấn đề có liên quan đến luận án đã được nghiên cứu một cách chuyên sâu và những vấn đề có liên quan đến luận án chưa được nghiên cứu chuyên sâu. Kế thừa và xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong luận án, như: phân tích và đánh giá toàn diện về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM; tìm ra những nguyên nhân, điều kiện, đặc điểm tiêu cực của nhân thân người phạm tội, đặc điểm nhân thân người bị hại; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, có tính khoa học và phù hợp với thực tiễn.

Chương 2

TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát những vấn đề lý luận về tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

2.1.1. Khái niệm tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Khi nghiên cứu về Tội phạm học, khái niệm THPT là khái niệm cơ bản đầu tiên của Tội phạm học. Đó là một thuật ngữ vừa mang tính khoa học, vừa được dùng trong ngôn ngữ đời thường. Theo GS.TS Võ Khánh Vinh, khái niệm “Tình hình tội phạm” được hình thành bằng cách chuyển mức độ nhận thức từ sự kiện, hành vi và khái niệm tội phạm đơn nhất đến một khái niệm chung hơn, khái quát hơn, phức tạp hơn. Tức là đi từ nhận thức thấp đến mức độ nhận thức cao hơn, khái quát những nhận thức đã đạt được. THPT là khái niệm chung được hình thành từ tổng thể thống nhất các tội phạm đã thực hiện trong xã hội; không thể nói THPT chung chung mà phải nói trong một địa bàn nhất định và ở một khoảng thời gian nhất định, nó là một hiện tượng tiêu cực nguy hiểm lớn nhất cho xã hội. THPT có các đặc điểm như: THPT là một hiện tượng xã hội; là một hiện tượng thay đổi về mặt lịch sử; là hiện tượng xã hội mang tính giai cấp; là một hiện tượng pháp lý- hình sự; bao gồm tổng thể thống nhất của các tội phạm trong xã hội; tồn tại trên một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định và định nghĩa THPT như sau: “*Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định*” [147, tr.60- 61].

Cùng với quan điểm trên, PGS. TS Phạm Văn Tình cho rằng: đấu tranh với tội phạm dưới góc độ tội phạm học không phải chỉ dựa trên quan điểm xem

tội phạm là những hành vi riêng lẻ - đơn nhất, mà phải nhìn nhận tội phạm trong tổng thể của nó, trong mối quan hệ của nó với “Toàn bộ xã hội”, và trong chừng mực nào đó đối tượng nghiên cứu của tội phạm học chính là THTP. PGS. TS Phạm Văn Tinh cũng đưa ra khái niệm THTP: *“Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực, mang tính lịch sử cụ thể và pháp lý hình sự, có tính giai cấp và được biểu hiện thông qua tổng thể các hành vi phạm tội cùng các chủ thể thực hiện các tội phạm đó trong một đơn vị hành chính lãnh thổ nhất định và trong một thời gian cụ thể nhất định”* [112, tr.10].

Như vậy, trên cơ sở lý luận và khái niệm THTP của các nhà khoa học. Có thể nói tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là tổng thể các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trên địa bàn TPHCM trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2017, bao gồm tất cả số vụ các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã bị phát hiện và số vụ chưa bị phát hiện. Qua đó, có thể hiểu khái niệm tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM như sau: *“Tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt cùng các chủ thể thực hiện hành vi đó trên địa bàn TPHCM và trong một khoảng thời gian nhất định”*.

Qua khái niệm này, tác giả có thể nhận diện một số đặc điểm của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM như sau:

Thứ nhất, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là một hiện tượng xã hội.

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê nin thì: THTP là một hiện tượng xã hội chứ không phải một hiện tượng tự nhiên, có nghĩa là THTP có nguồn gốc từ xã hội, tồn tại trong xã hội, có nội dung xã hội, có nguyên nhân trong xã hội và số phận của nó cũng mang tính xã hội [147, tr.55]. Do vậy, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM cũng là một hiện tượng tiêu

cực xã hội. Bởi lẽ nó tồn tại trong xã hội, có nguồn gốc xã hội, được hình thành từ những hành vi của con người sinh sống và làm việc trong xã hội, nên chịu tác động của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội..., của TPHCM, như: hiện tượng di cư lập nghiệp, hoàn cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa, tình trạng thất nghiệp,... Đồng thời, nó cũng có quan hệ chặt chẽ với các hiện tượng xã hội khác như: ma túy, cờ bạc, mại dâm..., của một bộ phận người dân. tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, luôn xâm hại đến các quan hệ xã hội, phá vỡ những giá trị xã hội làm đảo lộn trật tự xã hội. Nó không chỉ gây ra những thiệt hại về vật chất, tinh thần mà còn xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của con người; gây rối loạn an ninh trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến kinh doanh sản xuất, cản trở quá trình phát triển kinh tế, xã hội của TPHCM.

Thứ hai, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là hiện tượng pháp lý - hình sự.

Tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, cũng được dựa trên cơ sở của “Tình hình tội phạm”, và đều lấy quy định “Tội phạm” tại Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999 làm gốc. Nó được thể hiện qua các thông số về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của 8 tội: Cướp tài sản, Bắt cóc chiếm đoạt tài sản, Cưỡng đoạt tài sản, Công nhiên chiếm đoạt tài sản, Cướp giết tài sản, Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn TPHCM và được quy định ở chương XIV của BLHS năm 1999. Ngoài ra, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt giúp chúng ta có thể phân biệt được tội phạm với các vi phạm pháp luật, các hành vi tiêu cực trong xã hội. Từ đó có thể xác định chính xác đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Sự thay đổi của pháp luật hình sự theo hướng thu hẹp, hay mở rộng phạm vi trừng phạt, thì đều ảnh hưởng trực tiếp đến các thông số của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Thứ ba, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là hiện tượng xã hội mang tính giai cấp.

Tính giai cấp của THTP thể hiện ở nguồn gốc xuất hiện, ở các nguyên nhân nhất định, ở nội dung của các tội phạm cụ thể - các thực thể, tế bào cấu thành nên hiện tượng đó và cả ở số phận của nó trong tương lai [147, tr.56]. Tính giai cấp của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trước hết thể hiện ở quan điểm lập pháp. Giai cấp thống trị sẽ quy định hành vi bị xem là tội phạm và xây dựng hệ thống pháp luật trừng trị tội phạm dựa trên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi đó. Đồng thời, giai cấp thống trị đề ra những trình tự, thủ tục cho các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội, người phạm tội này. Các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của người khác, tác động xấu đến trật tự an toàn xã hội, Nhà nước và nhân dân nên nó bị coi là tội phạm và phải chịu hình phạt. Tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra cho xã hội mà người phạm tội phải chịu hình phạt tương ứng, được quy định tại các Điều từ 136 đến 140 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Mặt khác, tính giai cấp còn thể hiện ở tính nghiêm khắc trong các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, kế hoạch đấu tranh phòng, chống tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt của các cơ quan Đảng, Nhà nước nhằm bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng và tài sản cho người dân, như: Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới”*; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ *“Về ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48 CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*; Nghị quyết 63/2014/NQ-QH13 *“Về tăng cường biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống*

tội phạm giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030”. Các văn bản trên thể hiện tính giai cấp trong đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Thứ tư, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là hiện tượng thay đổi theo lịch sử

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác- Lênin thì mọi hiện tượng trong xã hội và trong tự nhiên không phải ở trạng thái tĩnh tại, bất biến mà thường xuyên biến đổi, thay đổi [147, tr.55]. Tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM luôn có sự vận động và biến đổi phụ thuộc vào các điều kiện lịch sử xã hội từng giai đoạn. Nó thay đổi trong những điều kiện lịch sử nhất định; thay đổi tùy thuộc vào sự phát triển của các hình thái kinh tế khác nhau tại TPHCM. Ngoài ra, có thể trong cùng một hình thái kinh tế xã hội nhưng nếu có sự thay đổi về cơ cấu kinh tế, xã hội, giai cấp thì tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt cũng có sự thay đổi.

Thực tiễn so với các giai đoạn trước, giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017, TPHCM tạm thời ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội; phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa, dịch vụ, du lịch, thương mại..., thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa,... đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày một nâng cao. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều bất cập, như: nguồn lao động thường xuyên biến động, sự dịch chuyển lao động giữa các ngành kinh tế, giữa các doanh nghiệp ngày một tăng; gây mất ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh ở một số ngành nghề. Lao động phổ thông có xu hướng làm những công việc tự do hoặc tham gia các loại hình dịch vụ có thu nhập cao. Số lao động có chuyên môn kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Chất lượng đào tạo nghề chưa đủ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo phát triển không đồng đều, tập trung chủ yếu tại các quận/ huyện nội thành; cơ sở dạy nghề còn ít, quy mô dạy nghề còn nhỏ. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tâm

nhìn quy hoạch chưa đủ dài; chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu đồng bộ, tính dự báo chưa cao nên một số quy hoạch bị phá bỏ. Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực an ninh trật tự trên địa bàn TPHCM còn yếu kém, thiếu trách nhiệm, nhất là quản lý đô thị, quản lý thị trường, quản lý hoạt động văn hóa, dịch vụ công ích. Tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm diễn biến phức tạp gây mất lòng tin của người dân thành phố. Kết quả cải cách tư pháp chưa đồng bộ ở các lĩnh vực, nhiều vụ án và thi hành án còn tồn đọng; tỉ lệ án hủy, án trả điều tra bổ sung tuy có giảm hơn trước nhưng vẫn còn khoảng 1,88%/ năm. Các loại hình kinh doanh dịch vụ, văn hóa biến đổi không hoạt động công khai như trước, chuyển sang hoạt động tiềm ẩn phức tạp. Những biến động về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đã làm cho tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2017 trên địa bàn TPHCM có những diễn biến phức tạp hơn so với các giai đoạn trước.

Thứ năm, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là hiện tượng có giới hạn về không gian và thời gian.

Khi nghiên cứu tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ở các địa bàn khác nhau về vị trí địa lý, dân số, điều kiện kinh tế xã hội thì tình hình tội phạm cũng khác nhau. Nếu trên cùng một địa bàn là TPHCM thì tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ở các thời điểm xã hội khác nhau như 1 năm, 5 năm, 10 năm, 20 năm ...vv, cũng khác nhau. Nó phụ thuộc vào đặc điểm lịch sử xã hội, về tự nhiên, kinh tế, văn hóa của từng thời kỳ, từng giai đoạn xã hội. Vì vậy, khi nghiên cứu tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017; nắm rõ đặc điểm này giúp chúng ta nghiên cứu sâu và rút ra được những đặc trưng cơ bản của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian 12 năm trên địa bàn TPHCM; từ đó xây dựng các giải pháp phòng ngừa phù hợp với đặc điểm đặc thù của TPHCM và với từng tội phạm cụ thể.

2.1.2. Các thông số của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017, gồm có hai phần: phần hiện và phần ẩn. Phần hiện bao gồm các thông số về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

2.1.2.1. Phần hiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Theo PGS. TS Phạm Văn Tinh: “Phần hiện của tình hình tội phạm là toàn bộ những hành vi phạm tội và chủ thể của các hành vi đó đã bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự ở từng đơn vị hành chính - lãnh thổ hay trên phạm vi toàn quốc, trong những khoảng thời gian nhất định và được ghi nhận trong thống kê hình sự” [114, tr.55]. Phần hiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017 là toàn bộ các hành vi phạm tội và người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM đã được xử lý theo quy định của pháp luật hình sự. Phần hiện được thể hiện qua các thông số: mức độ (thực trạng), diễn biến (động thái), cơ cấu và tính chất.

- Thông số về mức độ (thực trạng)

Mức độ của THTP là số lượng tội phạm đã thực hiện và những người thực hiện các tội phạm đó trên một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định [149, tr.62]. Mức độ của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017 là số lượng vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra, số người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã bị TAND TPHCM xét xử; cùng với hệ số tội phạm của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Hệ số tội phạm được hiểu là tổng số các hành vi phạm tội hay tổng số tội phạm được tính trên 100.000 dân cư sinh sống trên một địa bàn và trong một khoảng thời gian cụ thể.

- Thông số về diễn biến (động thái)

Diễn biến (động thái) của THTP là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của THTP, là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm hay ổn định tương đối của tình hình tội phạm nói chung hoặc một nhóm tội phạm hoặc một tội phạm cụ thể xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, ba năm, năm năm, mười năm...) [149, tr.64]. Diễn biến của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, từ năm 2006 đến năm 2017 là sự vận động và thay đổi của mức độ và cơ cấu và là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm, hay ổn định tương đối của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- Thông số về cơ cấu

Cơ cấu của THTP là tỉ trọng và mối tương quan của các loại tội phạm khác nhau trong số lượng chung của chúng trong khoảng thời gian nhất định và ở một lãnh thổ (địa bàn) nhất định [149, tr.65]. Cơ cấu tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, gồm có: cơ cấu theo giới tính, độ tuổi, theo trình độ học vấn, theo đơn vị hành chính; cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội; theo thủ đoạn phạm tội; cơ cấu theo công cụ, phương tiện sử dụng để thực hiện tội phạm; cơ cấu theo thời gian, địa điểm gây án...vv.

- Thông số về tính chất

Tính chất của tình hình tội phạm thể hiện mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội trong cơ cấu, cũng như đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Tính chất của tình hình tội phạm được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó [149, tr.66]. Tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM thể hiện mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội trong cơ cấu, đặc điểm nhân thân của người phạm tội; đó là đặc điểm về “Định tính”, được đánh giá về mặt “Chất” của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt

2.1.2.2. Phân ản của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017

Phần ẩn của THTP là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể của các hành vi đó) đã xảy ra trong thực tế, song không bị phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự [114, tr.74]. Do đó, phần ẩn của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, là toàn bộ các hành vi phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trên thực tế và những người thực hiện hành vi phạm tội đó không bị cơ quan chức năng ở TPHCM phát hiện, hoặc đã bị phát hiện nhưng vì lý do nào đó mà không bị xử lý theo quy định của pháp luật hoặc chưa đưa vào thống kê hình sự của các cơ quan có thẩm quyền.

Tội phạm ẩn gồm có: tội phạm ẩn tự nhiên (tội phạm ẩn khách quan); tội phạm ẩn nhân tạo (tội phạm ẩn chủ quan) và tội phạm ẩn thống kê. Tội phạm ẩn khách quan là những tội phạm đã xảy ra trong thực tế, song các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự không có thông tin về chúng. Tội phạm ẩn chủ quan là toàn bộ các tội phạm đã xảy ra mà thông tin về chúng đã được các chủ thể trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm nắm được, song vì những lý do khác nhau, các tội phạm đó trong một thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn không bị xử lý hoặc xử lý không đúng theo quy định của pháp luật [114, tr.333]. Tội phạm ẩn thống kê bao gồm những hành vi phạm tội (và chủ thể của nó) đã bị xử lý bằng chế tài hình sự, song vì nhiều lý do khác nhau, số này bị lọt ra ngoài con số thống kê hình sự, những con số làm nền cho việc đánh giá tình hình tội phạm [75, tr.57]. Việc xác định độ ẩn của từng loại tội phạm hoặc từng nhóm tội phạm cần phải dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và các quan hệ của nó với các chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng [161, tr.37]. Do vậy, việc đánh giá độ ẩn của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM cũng chỉ ở mức độ tương đối. Theo nghiên cứu của Viện Nhà nước và pháp luật thì mức độ ẩn của THTP gồm có IV cấp độ: cao nhất là cấp độ IV; theo đó thì độ ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được xếp loại ở cấp độ II, tức là thuộc nhóm những tội phạm bị ẩn khuất thứ II.

2.2. Tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017

Để làm rõ tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, từ năm 2006 đến năm 2017; tác giả dựa trên số liệu thống kê của TAND Tối cao, TAND các cấp ở TPHCM, Bộ Công an, Công an TPHCM, Công an tỉnh Đồng Nai làm chất liệu nghiên cứu. Tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM bao gồm: thực trạng (mức độ), diễn biến (động thái), cơ cấu và tính chất.

2.2.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

Theo số liệu thống kê, từ năm 2006 đến 2017 trên địa bàn TPHCM đã xảy ra 63.566 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt với 80.277 tội phạm. Trong đó: năm 2006 có 6.035 vụ và 8.556 tội phạm; năm 2007 có 6.052 vụ và 8.126 tội phạm; năm 2008 có 6.250 vụ và 8.183 tội phạm; năm 2009 có 5.715 vụ và 7.247 tội phạm; năm 2010 có 5.145 vụ và 6.800 tội phạm; năm 2011 có 4.745 vụ và 6.168 tội phạm; năm 2012 có 5.121 vụ và 6.579 tội phạm; năm 2013 có 5.279 vụ và 6.772 tội phạm; năm 2014 có 5.450 vụ và 6.553 tội phạm; năm 2015 có 5.098 vụ và 5.896 tội phạm; năm 2016 có 4.516 vụ và 4.981 tội phạm; năm 2017 có 4.160 vụ và 4.416 tội phạm. Trung bình mỗi năm, ở TPHCM có 5.297 vụ với 6.690 tội phạm (*xem bảng 2.1 - phụ lục 1*). Trong đó, nhiều nhất là tội Trộm cắp tài sản có 39.582 vụ, với 49.643 tội phạm; thứ 2 là tội Cướp giật tài sản có 15.354 vụ, với 19.620 tội phạm; thứ 3 là tội Cướp tài sản có 3.866 vụ, với 5.121 tội phạm; thứ 4 là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có 2.638 vụ, 3.091 tội phạm; thứ 5 là tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có 1.493 vụ, với 1.918 tội phạm; thứ 6 là tội Cường đoạt tài sản có 546 vụ, với 715 tội phạm; thứ 7 là tội Bắt cóc chiếm đoạt tài sản có 89 vụ, với 145 tội phạm; ít nhất là tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản có 24 vụ, với 24 tội phạm (*xem bảng 2.2 - phụ lục 1*). Bên cạnh đó, tỉ trọng giữa số vụ án, số tội phạm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt với tổng số vụ án và số tội phạm

hình sự chiếm 87,38% (số vụ) và chiếm 85,33% (số tội phạm) (xem bảng 2.3 - phụ lục 1). Cho thấy, các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là loại tội phạm phổ biến nhất và chiếm tỉ trọng cao nhất trong các loại tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM. Đánh giá về hệ số tội phạm của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong 12 năm qua trên địa bàn TPHCM, cho thấy hệ số tội phạm ở mức thấp nhất là 51 của năm 2017 và cao nhất là 132 của năm 2006; hệ số tội phạm trung bình là 88. Đã nói lên được ở TPHCM, cứ trong 100.000 dân cư sinh sống thì có ít nhất 51 tội phạm, nhiều nhất là 132 tội phạm và trung bình là 88 tội phạm (xem bảng 2.4 - phụ lục 1).

Ngoài ra, qua đánh giá hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm về tội phạm theo đơn vị hành chính của từng quận/ huyện, (xem bảng 2.15, 2.16 và 2.17 - phụ lục 1). Cho thấy cấp độ nguy hiểm ở Quận 1 thấp nhất với hệ số tiêu cực là 3; Quận 3 đứng thứ 2 có hệ số tiêu cực là 7; Quận 4 đứng thứ 3, có hệ số tiêu cực là 10; Quận Phú Nhuận đứng thứ 4 có hệ số tiêu cực là 11; Quận 5 đứng thứ 5, có hệ số tiêu cực là 13; Quận 10 đứng thứ 6 có hệ số tiêu cực là 14; Quận Tân Bình đứng thứ 7 có hệ số tiêu cực là 15; Quận Bình Thạnh đứng thứ 8 có hệ số tiêu cực là 16; Quận 2 đứng thứ 9 có cùng hệ số tiêu cực là 18; Quận 6 đứng thứ 10 có hệ số tiêu cực là 19; Quận 11 đứng thứ 11 có hệ số tiêu cực là 21; Quận 9 đứng thứ 12 có hệ số tiêu cực là 23; Quận 7 và Quận Bình Tân đứng thứ 13 có cùng hệ số tiêu cực là 26; Quận Tân Phú, Quận Thủ Đức và Quận Gò Vấp đứng thứ 14 có cùng hệ số tiêu cực là 27; Huyện Nhà Bè đứng thứ 15 có hệ số tiêu cực là 32; Quận 8 đứng thứ 16 có hệ số tiêu cực là 33; huyện Bình Chánh đứng thứ 17 có hệ số tiêu cực là 34; Quận 12 đứng thứ 18 có hệ số tiêu cực là 36; Huyện Hóc Môn đứng thứ 19 có hệ số tiêu cực là 39; Huyện Cần Giờ đứng thứ 20 có hệ số tiêu cực là 40; Huyện Củ Chi đứng thứ 21, có hệ số tiêu cực là 45. Kết quả đánh giá trên đã xác định được một số quận/ huyện là trọng điểm về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, đó là: Quận 1, Quận 3, Quận Phú Nhuận, Quận 4, Quận 10, Quận 8, quận Bình Thạnh, Bình Tân, quận Tân Bình, Quận 2, Quận 5, Quận

6, Quận 9...v.v, là các quận/ huyện có cấu trúc địa hình phức tạp, dân cư đông đúc, có nhiều khu công nghiệp, nhiều cơ sở kinh doanh, tiệm cầm đồ, khó khăn việc quản lý cư trú..., làm gia tăng về số lượng, quy mô hoạt động của tội phạm.

- So sánh tương quan về mức độ của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với cả Nước từ năm 2006 đến năm 2017

So sánh mức độ của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với cả Nước, thì trung bình mỗi năm số vụ ở TPHCM chiếm 22,75% và số tội phạm chiếm 17,80% của cả Nước (*xem bảng 2.5 - phụ lục 1*). Số tội phạm trung bình trên diện tích 1km² ở TPHCM gấp 30 lần so với cả Nước (TPHCM có 03 tội phạm/ 1km², cả Nước có 0,1 tội phạm/ 1 km²) và số dân cư trung bình trên 1 tội phạm gấp 2,1 lần (TPHCM có 1.049 dân cư trên 01 tội phạm; cả Nước có 2.338 dân cư trên 1 tội phạm), (*xem bảng 2.6 - phụ lục 1*). Đã phản ánh được công tác phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian qua chưa được phát huy hiệu quả, còn nhiều hạn chế.

- So sánh tương quan về mức độ của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017.

Số vụ và số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt ở TPHCM gấp 583% số vụ và gấp 449% số tội phạm ở tỉnh Đồng Nai (*bảng 2.7 - phụ lục 1*). So sánh theo hệ số tiêu cực, cấp độ nguy hiểm của TPHCM và tỉnh Đồng Nai (*xem bảng 2.8, 2.9 - phụ lục 1*). Xét theo yếu tố diện tích, thì ở TPHCM có 3 tội phạm/ 1km², tỉnh Đồng Nai có 0,25 tội phạm/ 1km², suy ra mật độ tội phạm ở TPHCM gấp 12 lần tỉnh Đồng Nai. Xét theo yếu tố dân cư thì ở TPHCM trung bình cứ 1.139 dân cư có 1 tội phạm, tỉnh Đồng Nai cứ 1.719 dân cư có 1 tội phạm. Suy ra, cấp độ nguy hiểm của TPHCM là 1, cấp độ nguy hiểm của tỉnh Đồng Nai là 2; nên TPHCM có mức độ tội phạm cao hơn và nguy hiểm hơn ở Đồng Nai.

- So sánh về mức độ tội phạm giữa Quận 5 và Huyện Bình Chánh

Đây là sự so sánh giữa 01 Quận nội thành và 01 Huyện ngoại thành, có tình hình tội phạm diễn biến phức tạp. Quận 5 có diện tích nhỏ, mật độ dân cư đông

đúc, điều kiện kinh tế phát triển mạnh, nghề nghiệp chủ yếu là kinh doanh mua bán, nhà hàng, khách sạn, tiệm vàng..., với Huyện Bình Chánh diện tích rộng, mật độ dân cư thưa, người dân sống vừa làm nông nghiệp, vừa kinh doanh, dịch vụ; tại đây có nhiều khu công nghiệp: Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B, khu công nghệ cao.

Nhìn chung từ năm 2006 đến năm 2017 thì số vụ và số tội phạm ở huyện Bình Chánh cao hơn Quận 5; chỉ riêng năm 2013, 2014 và 2015 thì số vụ ở Bình Chánh có giảm hơn Quận 5. Trong 12 năm qua, Quận 5 có 2.263 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và có 2.157 tội phạm; huyện Bình Chánh có 2.711 vụ án và 4.011 tội phạm. Tổng cộng Huyện Bình Chánh cao hơn Quận 5 là 448 vụ và cao hơn 1.854 tội phạm (*xem bảng 2.10 - phụ lục 1*). Tuy nhiên, khi đánh giá hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm (*xem bảng 2.11- phụ lục 1*), thì ở Quận 5 trên 1km² diện tích có 42 tội phạm và trong 968 dân cư sinh sống có 1 tội phạm; ở huyện Bình Chánh trên 1km² chỉ có 1,3 tội phạm và trong 1.339 dân cư sinh sống có 1 tội phạm. Hệ số tiêu cực ở Quận 5 (là 2), thấp hơn hệ số tiêu cực huyện Bình Chánh (là 4) và Quận 5 có cấp độ nguy hiểm ở hơn huyện Bình Chánh (*xem bảng 2.12 - phụ lục 1*). Điều này cho thấy Quận 5 có mật độ tội phạm cao, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt diễn biến phức tạp. Đánh giá này góp phần tìm ra những quận/ huyện trọng điểm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

2.2.2. Diễn biến (động thái) của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Diễn biến của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM được thể hiện qua việc đánh giá bằng phương pháp so sánh định gốc, lấy năm 2006 làm gốc và ấn định là 100% về số vụ và số tội phạm thấy được diễn biến về số vụ: năm 2007 tăng 0,28%; năm 2008 tăng 3,56%, đây là năm tăng cao nhất trong 12 năm nghiên cứu. Năm 2009 giảm 5,30%; năm 2010 giảm 14,75%; năm 2011 giảm 21,38%; năm 2012 giảm 15,15%; năm 2013 giảm 12,53%; năm 2014 giảm 9,69%; năm 2015 giảm 15,53%; năm 2016 giảm 25,17%; năm 2017 giảm 31,07% và cũng là năm giảm thấp nhất. Diễn biến về

số tội phạm năm 2007 giảm 5,05%; năm 2008 giảm 4,36%; năm 2009 giảm 15,30%; năm 2010 giảm 20,52%; năm 2011 giảm 27,91%; năm 2012 giảm 23,11%; năm 2013 giảm 20,85%; năm 2014 giảm 23,41%; năm 2015 giảm 31,09%; năm 2016 giảm 41,78%; năm 2017 giảm 48,39% và cũng là năm giảm thấp nhất về số tội phạm (*xem bảng 2.13, biểu đồ 2.7- phụ lục 1*). Như vậy, diễn biến tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong những năm qua tăng, giảm bất thường, có xu hướng giảm; riêng số tội phạm giảm liên tục từ năm 2006 đến năm 2017.

Diễn biến của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM còn thể hiện rõ nét qua việc so sánh của 2 năm liền kề. Kết quả nghiên cứu cho thấy số vụ và số tội phạm tăng, giảm theo chu kỳ 3 năm (3 năm tăng, rồi 3 năm giảm, sau đó 3 năm tăng và đến 3 năm giảm), cụ thể: từ năm 2006 đến năm 2008, số vụ số tội phạm có xu hướng tăng dần. Năm 2006 có 6.035 vụ và 8.556 tội phạm; năm 2007 có 6.052 vụ và 8.126 tội phạm, tăng 17 vụ và giảm 430 tội phạm so với năm 2006; đặc biệt năm 2008 tăng cao nhất về số vụ, với 6.250 vụ và 8.183 tội phạm, tăng 198 vụ và tăng 57 tội phạm so với năm 2007. Từ năm 2009 đến năm 2011, số vụ và số tội phạm có xu hướng giảm dần: năm 2009 có 5.715 vụ và 7.247 tội phạm, giảm 535 vụ và 936 tội phạm so với năm 2008; năm 2010 có 5.145 vụ và 6.800 tội phạm, giảm 570 vụ và 447 tội phạm so với năm 2009; năm 2011 có 4.745 vụ và 6.168 tội phạm, giảm 400 vụ và 632 tội phạm so với năm 2010. Từ năm 2012 đến năm 2014, số vụ và số tội phạm có xu hướng tăng dần trở lại: năm 2012 có 5.121 vụ và 6.579 tội phạm, tăng 376 vụ và 411 tội phạm so với năm 2011; năm 2013 có 5.279 vụ và 6.772 tội phạm, tăng 158 vụ và 193 tội phạm so với năm 2012; năm 2014 có 5.450 vụ và 6.553 tội phạm, tăng 171 vụ và giảm 219 tội phạm so với năm 2013. Từ năm 2015 đến năm 2017, số vụ và số tội phạm có xu hướng giảm dần và giảm thấp như: năm 2015 có 5.098 vụ và 5.896 tội phạm, giảm 352 vụ và 657 tội phạm so với năm 2014; năm 2016 có 4.516 vụ và 4.981 tội phạm, giảm 582 vụ và 915 tội phạm so với

năm 2015; năm 2017 có 4.160 vụ và 4.416 tội phạm, giảm 356 vụ và giảm 565 tội phạm so với năm 2016 (*xem bảng 2.14, biểu đồ 2.8 - phụ lục 1*).

Diễn biến tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên từng khu vực quận/ huyện cũng rất phức tạp; tăng, giảm bất thường và không đồng đều ở các quận/ huyện như: quận Bình Thạnh có 5.455 vụ và 6.308 tội phạm; quận Bình Tân có 4.970 vụ và 6.391 tội phạm, quận Tân Bình có 4.654 vụ và 5.761 tội phạm, quận Thủ Đức có 3.890 vụ và 4.959 tội phạm; quận Gò Vấp có 3.774 vụ và 4.690 tội phạm; Quận 1 có 3.573 vụ và 4.563 tội phạm; Quận 2 có 3.233 vụ và 3.609 tội phạm; Quận 3 có 3.056 vụ và 2.623 tội phạm; huyện Bình Chánh có 2.750 vụ và 4.311 tội phạm; quận Tân Phú có 2.705 vụ và 3.689 tội phạm; Quận 9 có 2.625 vụ và 3.659 tội phạm; Quận 5 có 2.263 vụ và 2.157 tội phạm; Quận 6 có 2.213 vụ và 2.862 tội phạm; Quận 12 có 2.172 vụ và 2.991 tội phạm; Quận 4 có 2.118 vụ và 2.304 tội phạm; Quận 7 có 2.102 vụ và 3.219 tội phạm; Quận 8 có 2.053 vụ và 2.649 tội phạm; Quận 10 có 1.929 vụ và 2.786 tội phạm; quận Phú Nhuận có 1.851 vụ và 2.346 tội phạm; huyện Hóc Môn có 1.718 vụ và 2.291 tội phạm; huyện Củ Chi có 1.591 vụ và 2.199 tội phạm; Quận 11 có 1.571 vụ và 2.166 tội phạm; huyện Nhà Bè có 955 vụ và 1.216 tội phạm và huyện Cần Giờ có 345 vụ và 528 tội phạm (*xem bảng 2.18 - phụ lục 1*).

Ngoài ra, diễn biến phức tạp của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM còn thể hiện ở tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm, đó là chiếm 87,38% về số vụ và 85,33% số tội phạm trong tổng số vụ phạm pháp hình sự trong 12 năm qua. Trung bình cứ mỗi năm tại TPHCM xảy ra 5.297 vụ án phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, với 6.690 tội phạm, đã gây hậu quả lớn về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, an ninh trật tự và đời sống tinh thần của người dân thành phố (*xem bảng 2.1 và 2.3 - phụ lục 1*).

Như vậy, diễn biến của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua phức tạp là do 4 yếu tố chính: (1) sự biến đổi của kinh tế thị trường ở TPHCM trước và sau đại hội Đảng, đại hội Hội

đồng nhân dân các cấp. (2) Sự di dân của các tỉnh miền Bắc, miền Trung, miền Tây nam bộ vào TPHCM sinh sống, lập nghiệp trong những năm 2006 và 2012. (3) Năm 2008, 2012 rơi vào các mùa của giải bóng đá ngoại hạng Anh, bóng đá World cúp thế giới, các ngày Đại lễ của những năm chẵn và (4) thời gian này sự hoạt động của lực lượng phòng, chống tội phạm ở TPHCM còn yếu.

2.2.3. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Cơ cấu của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017 là thành phần, tỉ trọng và sự tương quan giữa số vụ và số tội phạm. Được đánh giá dưới nhiều tiêu chí khác nhau như: độ tuổi, giới tính, tội danh, nhân thân người phạm tội, đơn vị hành chính,...v.v.

2.2.3.1. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo tội danh

Từ năm 2006 đến năm 2017, có 61.068 vụ và 75.691 tội phạm đã được xét xử với 8 tội danh như sau: cao nhất là tội Trộm cắp tài sản (Điều 138) có số vụ chiếm 62,27%, số tội phạm 61,84%; đứng thứ hai là tội Cướp giật tài sản (Điều 136), có số vụ chiếm 24,14%, số tội phạm 24,44%; thứ ba là tội Cướp tài sản (Điều 133), có số vụ chiếm 6,07% và số tội phạm 6,38%; thứ tư là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139), có số vụ chiếm 4,13%, số tội phạm 3,85%; thứ năm là tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140), có số vụ chiếm 2,35%, số tội phạm 2,39%; thứ sáu là tội Cường đoạt tài sản (Điều 135), có số vụ chiếm 0,86%, số tội phạm 0,89%; thứ bảy là tội Bắt cóc chiếm đoạt tài sản (Điều 134), có số vụ chiếm 0,14%, số tội phạm 0,18%; thấp nhất là tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), có số vụ chiếm 0,04%, số tội phạm 0,03%; (xem bảng 2.19 - phụ lục 1).

2.2.3.2. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo đơn vị hành chính quận/ huyện.

Đánh giá cơ cấu về số vụ và số tội phạm của 24 quận/ huyện theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: quận Bình Thạnh có số vụ chiếm 8,58% và số tội phạm chiếm 7,86%; quận Bình Tân có số vụ chiếm 7,82% và số tội phạm chiếm 7,96%; quận Tân Bình có số vụ chiếm 7,33% và số tội phạm chiếm 7,18%; quận Thủ Đức có số vụ chiếm 6,12% và số tội phạm chiếm 6,18%; quận Gò Vấp có số vụ chiếm 5,94% và số tội phạm 5,84%; Quận 1 có số vụ chiếm 5,62% và số tội phạm chiếm 5,69%; Quận 2 có số vụ chiếm 5,09% và số tội phạm chiếm 4,50%; Quận 3 có số vụ chiếm 4,81% và số tội phạm 3,27%; huyện Bình Chánh có số vụ chiếm 4,33% và số tội phạm 5,37%; quận Tân Phú có số vụ chiếm 4,25% và số tội phạm 4,60%; Quận 9 có số vụ chiếm 4,13% và số tội phạm 4,56%; Quận 5 có số vụ chiếm 3,56% và số tội phạm 2,68%; Quận 6 có số vụ chiếm 3,48% và số tội phạm 3,57%; Quận 12 có số vụ chiếm 3,42% và số tội phạm 3,72%; Quận 4 có số vụ chiếm 3,33% và số tội phạm 2,87%; Quận 7 có số vụ chiếm 3,25% và số tội phạm 4,01%; Quận 8 có số vụ chiếm 3,23% và số tội phạm 3,30%; Quận 10 có số vụ chiếm 3,03% và số tội phạm 3,47%; quận Phú Nhuận có số vụ chiếm 2,91% và số tội phạm 2,92%; huyện Hóc Môn có số vụ chiếm 2,70% và số tội phạm chiếm 2,85%; huyện Củ Chi có số vụ chiếm 2,50% và số tội phạm chiếm 2,74%; Quận 11 có số vụ chiếm 2,47% và số tội phạm 2,70%; huyện Nhà Bè có số vụ chiếm 1,50% và số tội phạm chiếm 1,51%. Huyện Cần Giờ có số vụ chiếm 0,54% và số tội phạm chiếm 0,65%. Với cơ cấu trên đã cho thấy số quận/ huyện có số vụ và số tội phạm chiếm tỉ lệ cao đều là những quận/ huyện trọng điểm về tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.18 - phụ lục 1*).

2.2.3.3. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo thủ đoạn phạm tội

Thủ đoạn phạm tội là cách thức hành động mà tội phạm sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, thủ đoạn là những cánh thức thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản đang do người

khác quản lý. Thủ đoạn phạm tội rất đa dạng, tinh vi, xảo quyệt; thực hiện riêng lẻ (63,47%) hoặc tổ chức theo băng, nhóm (36,53%)(xem bảng 2.24 - phụ lục 1).

Thủ đoạn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt thực hiện dưới nhiều chiêu thức như: bí mật đột nhập; giả dạng người mua hàng; giả danh cán bộ Công an, giả danh Cán bộ kiểm tra điện nước; giả danh Cán bộ đưa thư từ, bưu phẩm; ản nấp, phục kích, theo dõi ở các tiệm cầm đồ, khách đi đường hoặc ở các cơ sở buôn bán, trao đổi tiền ngoại tệ; giả làm khách hỏi thăm đường; dàn cảnh đánh nhau; dàn cảnh tạo ra sự việc bất ngờ làm mất phương hướng của chủ tài sản; thủ đoạn hai đối tượng đi dạo trên đường chung một xe máy hoặc đi 2 đến 3 xe, khi phát hiện “chủ tài sản” vừa chạy xe vừa nghe điện thoại, có đeo vòng vàng, dây chuyền vàng, túi xách có giá trị, bị sơ hở trong việc quản lý tài sản thì áp sát để đối tượng ngồi sau hoặc đối tượng đi xe máy khác thực hiện hành vi phạm tội (xem bảng 2.21 - phụ lục 1). Sau khi tiếp cận mục tiêu, tội phạm thường nhanh chóng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc chủ động tấn công để chiếm đoạt tài sản rồi tháo chạy. Khi bị truy đuổi, đồng bọn dàn cảnh cản trở sự truy đuổi hoặc sử dụng vũ khí chống trả lại lực lượng truy đuổi [95].

2.2.3.4. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo công cụ, phương tiện, vũ khí thực hiện phạm tội

Công cụ, phương tiện hỗ trợ đắc lực cho người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt thực hiện hành vi phạm tội. Xác định rõ công cụ, phương tiện cho thấy được thủ đoạn, tính chất, mức độ và hậu quả của tội phạm gây ra cho xã hội. Phương tiện hoạt động của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, phần lớn là xe máy nhỏ gọn (85%), có tốc độ cao, dễ lạng lách tẩu thoát, như xe Susport, Wave... Phương tiện liên lạc bằng điện thoại di động; chủ yếu là các thuê bao trả trước, sim không có đăng ký thông tin (48%). Vũ khí sử dụng phạm tội rất đa dạng như: súng, lựu đạn, lưỡi lê, mã tấu, thuốc ngủ, thuốc mê, kim cộng lực, chìa khoá vạn năng...vv. Số vụ án sử dụng vũ khí chiếm 87,6%. Trong

đó, số vụ sử dụng dao, kiếm, mã tấu, búa, rìu, dao găm, chìa khóa vạn năng, kìm cộng lực..., là 96,7%; số vụ sử dụng vũ khí quân dụng là 0,3%, xu hướng sử dụng vũ khí quân dụng để phạm tội ngày càng gia tăng; số vụ sử dụng công nghệ kỹ thuật cao là 3% (xem bảng 2.22 - phụ lục 1).

Ví dụ: tội phạm sử dụng công nghệ làm giả giấy tờ như bản án số 21/2016/ HSST ngày 15/01/ 2016. Năm 2010, Đoàn Thị Phú (sinh năm 1960; Trình độ văn hóa : 3/12; nghề nghiệp: Không; Tiền án, tiền sự: Không) và Nguyễn Thị Thùy Dương (con của Bà Phú; sinh năm 1982; nghề nghiệp: không; Tiền án, tiền sự: không) thuê Nguyễn Thị Hương (sinh năm 1959; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; Tiền án tiền sự: không), làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 460698, số vào sổ GCN: H01075/03 do Nguyễn Thị Thùy Dương đứng tên). Hương đưa lại cho Lâm Văn Lùng (sinh năm 1967; Trình độ học vấn : 3/12; nghề nghiệp: không; Tiền án, tiền sự: năm 1997 có hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù) làm giả với giá 29.000.000 đồng. Phú và Dương lấy giấy tờ giả gặp chị Đỗ Thị Thanh Xuân xin thế chấp giấy tờ đất vay 400.000.000 đồng, với lãi suất 5%/ tháng. Chị Xuân đồng ý cho Dương vay tiền và yêu cầu Dương ký hợp đồng công chứng bán thửa đất trên cho chị Xuân. Do sợ công chứng viên phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, Phú nhờ Lý Ngọc Lan (sinh 1969, thường trú: xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn) lo toàn bộ việc công chứng với giá 30.000.000 đồng. Ngày 05/11/2011, tại phòng công chứng ở Hóc Môn. Nguyễn Thị Thùy Dương ký hợp đồng bán thửa đất trên cho chị Xuân 400.000.000 đồng. Dương giao toàn bộ giấy tờ đất giả cho chị Xuân. Sau đó Dương giao tiền cho Phú để trả nợ và tiêu xài. Do Dương không trả nợ, ngày 14/05/2012, chị Xuân mang giấy tờ trên đến UBND huyện Củ Chi để làm thủ tục sang tên thì bị phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả. TAND TPHCM xử phạt: Đoàn Thị Phú 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 03 năm tù, về tội "Làm giả con dấu, tài liệu

của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt là 17 năm tù. Nguyễn Thị Hương 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 3 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt là 15 năm tù. Nguyễn Thị Thùy Dương 10 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp hình phạt là 11 năm tù. Lâm Văn Lùng 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp là 15 năm tù.

2.2.3.5. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo thời gian và địa điểm phạm tội

Thời gian phạm tội của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt xảy ra quanh năm và ở bất kỳ thời điểm nào trong ngày. Thời gian tội phạm hoạt động như sau: hoạt động từ 0 giờ đến 6 giờ sáng (chiếm tỉ lệ 8,82%); từ 6 giờ đến 11 giờ trưa (chiếm tỉ lệ 19,5%); từ 11 giờ đến 13 giờ trưa (chiếm tỉ lệ 13,16%); từ 13 giờ đến 17 giờ chiều (chiếm tỉ lệ 18,09%); từ 17 giờ đến 24 giờ tối (chiếm tỉ lệ 40,43%). Thời gian tội phạm thực hiện phạm tội nhiều nhất trong ngày là vào khoảng từ 17 giờ chiều đến 24 giờ khuya (chiếm 40,43%) (*xem bảng 2.23- phụ lục 1*). Vì đây là thời gian nghỉ ngơi sau một ngày làm việc căng thẳng; người dân thành phố thường có các hoạt động dạo phố, giao lưu, ăn uống, mua sắm, thăm bạn bè. Thời gian này đường phố đông đúc, kẹt xe, trật tự đường phố hỗn loạn. Tội phạm lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của người dân trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để thực hiện hành vi phạm tội và trốn thoát [95].

Địa điểm hoạt động của tội phạm thay đổi tùy trường hợp. Nếu ngoài đường phố thì tội phạm thường đi trên đường, đến bến xe, nhà ga, đón phục ở các đoạn đường vắng người đi lại. Nếu trong nhà hay trong cơ sở kinh doanh, buôn bán thì tội phạm thường chọn những nơi có nhiều tiền và tài sản có giá trị: gia đình giàu có, các tiệm vàng..., sau đó điều tra giờ giấc sinh hoạt, làm việc, của chủ cơ sở,..., tìm hiểu những nơi để hoặc cất dấu tài sản [18]. Khu vực tội phạm thường lựa chọn là những khu vực đông dân cư sinh sống, ở trung tâm các

quận/ huyện, nơi có đặc điểm địa hình thuận lợi cho việc trà trộn, thực hiện hành vi phạm tội và chạy trốn khỏi hiện trường (chiếm 90%) [19].

Trong một số trường hợp giữa thủ phạm và nạn nhân có mối quan hệ quen biết từ trước như người thân, hàng xóm, bạn bè, đối tác làm ăn.... thì thủ đoạn thường có giai đoạn chuẩn bị phạm tội và việc thực hiện hành vi phạm tội diễn ra công khai, có nhiều người chứng kiến. Thời gian gần đây, tội phạm có xu hướng hoạt động nhiều ở các huyện ngoại thành như Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè (*xem bảng 2.21 - phụ lục 1*), khi thực hiện hành vi phạm tội, nếu có bị truy hô hay truy đuổi thì cũng dễ dàng chạy trốn [95].

2.2.3.6. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức phạm tội

Theo số liệu thống kê, từ năm 2006 đến năm 2017 có 63.566 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt xảy ra trên địa bàn TPHCM (*xem bảng 2.1 – phụ lục 1*). Trong đó có 23.221 vụ, tội phạm thực hiện dưới hình thức có tổ chức, liên kết thành băng nhóm, chiếm tỷ lệ 36,53%; có 40.345 vụ thực hiện riêng lẻ không có đồng phạm, chiếm tỷ lệ 63,46% (*xem bảng 2.24 - phụ lục 1*). Xu hướng hoạt động phạm tội có tổ chức ngày càng gia tăng, tội phạm hoạt động có tính chất chuyên nghiệp, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức thành các băng nhóm liên tỉnh, đã gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

2.2.3.7. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo loại tội phạm

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của xã hội, có thể phân tích, đánh giá cơ cấu của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo loại tội phạm như sau: trong số 75.691 tội phạm của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã được TAND các cấp của TPHCM xét xử sơ thẩm, có số tội phạm ít nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 49,08%; số tội phạm nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 34,20%; số tội phạm rất nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 9,43% và số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 7,29% (*xem bảng 2.20 - phụ lục 1*). Qua đó cho thấy, loại tội phạm

ng nghiêm trọng rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng còn chiếm tỉ lệ cao (50,83%), cho thấy hậu quả gây ra cho xã hội là rất lớn và rất nguy hiểm.

2.2.3.8. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo mức hình phạt

Đánh giá cơ cấu theo mức hình phạt đã được TAND các cấp của TPHCM xét xử sơ thẩm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt theo quy định tại các Điều 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139 và 140 của BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 như sau: số tội phạm cải tạo không giam giữ chiếm tỉ lệ 4,36%; số tội phạm có hình phạt tù dưới ba năm chiếm tỉ lệ 32,04%; số tội phạm có hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm chiếm tỉ lệ 32,87%; số tội phạm có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm chiếm tỉ lệ 9,43%; số tội phạm có hình phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm chiếm 8,52%; số tội phạm có hình phạt tù chung thân chiếm tỉ lệ 0,04%; số tội phạm bị tử hình chiếm tỉ lệ 0,003%; số tội phạm có hình phạt tù tổng hợp từ 20 năm đến 30 năm chiếm tỉ lệ 0,047%; riêng số tội phạm hưởng án treo chiếm 12,68% (xem bảng 2.20 - phụ lục 1). Trong đó, số vụ khởi tố do phát hiện tội phạm mới chiếm tỉ lệ khoảng 0,004%. Qua đó cho thấy: số tội phạm bị cải tạo giam giữ chiếm tỉ lệ rất cao (82,96%), số tội phạm cải tạo không giam giữ chiếm tỉ lệ 4,36% cộng với số tội phạm hưởng án treo là 12,68% và số phạm nhân được tha tù về, cùng với số sau khi cai nghiện trả về địa phương mỗi năm (chiếm 19%) [122], mà địa phương không giám sát, quản lý chặt chẽ, thì đây là số tái phạm rất lớn (chiếm 33,01%) (xem bảng 2.32 - phụ lục 1).

2.2.3.9. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo đặc điểm nhân thân của tội phạm

Theo GS. TS Võ Khánh Vinh: “Nhân thân người phạm tội được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó” [149, tr.131]. Do đó, nhân thân người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là tổng thể những dấu hiệu, đặc điểm về bản

thân người phạm tội có ý nghĩa về mặt xã hội, gồm những đặc điểm như: giới tính, nghề nghiệp, nơi cư trú, độ tuổi, tiền án, tiền sự...v.v

Về giới tính, độ tuổi

Về giới tính của tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM phần lớn là nam giới chiếm 95,44%, nữ giới chiếm 4,56%; tỉ lệ nam gấp 21 lần nữ giới (*xem bảng 2.25 - phụ lục 1*). Với tỉ lệ này, cho thấy tội phạm rất liều lĩnh, lưu manh, nguy hiểm, sẵn sàng chống trả lực lượng truy bắt, có sử dụng vũ khí và giết người khi phạm tội hoặc khi bị truy đuổi đến đường cùng.

Về độ tuổi, được chia làm 3 nhóm tuổi trong số 80.277 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt như sau: dưới 18 tuổi chiếm 18,09%; từ 18 đến 30 tuổi chiếm 58,83%; Đủ 30 tuổi trở lên chiếm 23,08%. Số tội phạm dưới 30 chiếm 76,92% (*xem bảng 2.26 - phụ lục 1*), cho thấy sự trẻ hóa dần của tội phạm.

Về trình độ học vấn

Theo số liệu thống kê, có 79% tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt có trình độ văn hóa thấp; trong đó số tội phạm mù chữ chiếm 32%, trình độ tiểu học chiếm 47%, trung học cơ sở và trung học phổ thông chiếm 20,9%; trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm 0,1% (*xem bảng 2.27 - phụ lục 1*). Do trình độ văn hóa thấp, nên khả năng nhận thức về xã hội hạn chế, ý thức pháp luật kém, thường có lối sống ích kỷ, coi thường chuẩn mực đạo đức xã hội, giải quyết mọi vấn đề bằng bạo lực, chỉ cần đạt được mục đích để có tiền thỏa mãn nhu cầu cuộc sống, nên dễ phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Về nghề nghiệp và nơi cư trú,

Số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt không nghề nghiệp chiếm 42,75%; không có nghề nghiệp ổn định chiếm 57,04%; số tội phạm là sinh viên, công chức, viên chức chiếm 0,21% (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*). Số tội phạm thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao, bởi do không có việc làm, không có thu nhập, nên họ dễ bị lôi kéo, dụ dỗ phạm tội. Khi phạm tội một lần, sẽ tiếp tục phạm lần thứ hai, lần thứ ba và tội phạm xem như đây là một nghề để kiếm sống và trở thành tội phạm.

Nơi cư trú của phần lớn tội phạm là ở TPHCM chiếm 71,47%, ở các tỉnh là 22,46%, số tội phạm vô gia cư không nơi cư trú chiếm 6,07%. Số tội phạm vô gia cư và ở tỉnh thường sống và ở trọ những nơi hẻo lánh, ít người qua lại, khu vực lụp xụp, hoặc được sự bao che của chủ nhà trọ nhằm tránh né cơ quan chức năng và sự phát hiện của nhân dân (*xem bảng 2.30 - phụ lục 1*).

Về hoàn cảnh gia đình và môi trường nhà trường của người phạm tội

Qua nghiên cứu, trong tổng số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt có 87% tội phạm có hoàn cảnh gia đình cha, mẹ, người thân sống không gương mẫu, tham lam, vi phạm pháp luật: đi tù, có tiền án tiền sự...v.v; có 56,4% tội phạm xuất thân từ gia đình có cấu trúc không hoàn hảo như: cha, mẹ ly dị, gia đình thiếu cha hoặc thiếu mẹ, thiếu người thân trong gia đình, kinh tế gia đình khó khăn, nhà nghèo; có 72,6% tội phạm có hoàn cảnh gia đình cha, mẹ thiếu sự quan tâm giáo dục con cái, giáo dục không đúng cách, phương pháp giáo dục trái ngược nhau; có 9,3% học sinh bất mãn bỏ học vì môi trường thầy cô giáo dạy không đúng cách, nhàm chán, xử phạt học sinh không đúng và thiên vị trong quá trình giảng dạy, làm cho một số học sinh chán nản bỏ học, trốn học, nghỉ học và bước vào con đường phạm tội (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*).

Về mục đích, động cơ phạm tội

Theo số liệu thống kê, có 67,8% tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt có động cơ, mục đích vì nhu cầu cuộc sống thỏa mãn cho bản thân sung sướng, muốn làm giàu nhanh hơn người khác nhưng không cần làm việc và không muốn cực khổ (trong đó số tội phạm nghiện game chiếm 55,9%). Có 32,2% số tội phạm có động cơ, mục đích vì gia đình quá nghèo, con đông, kinh tế khó khăn, lười nhát lao động, muốn cải thiện cuộc sống gia đình, sinh ra phạm tội. Việc xác định rõ được động cơ, mục đích có thể giúp chúng ta tìm ra những nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy hành vi phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017 (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*).

Về tái phạm

Trong số 80.277 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt, có 12,68% hưởng án treo, 4,68% cải tạo không giam giữ, 32,04% tội phạm bị phạt tù dưới 3 năm (*xem bảng 2.20 - phụ lục 1*), trong số này có nhiều tội phạm chịu mức phạt chưa thật sự nghiêm khắc, không đủ sức răn đe, giáo dục nên có nhiều trường hợp tái phạm (*xem bảng 2.32 - phụ lục 1*). Bên cạnh đó, có 48% số tội phạm liên quan đến ma túy (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*), cùng với số tội phạm mỗi năm đi tù được tha về và số cai nghiện ma túy mỗi năm trả về địa phương, ở địa phương không quản lý, giáo dục, giám sát, giúp đỡ họ làm việc kiếm sống nên số tội phạm này dễ bị lôi kéo, dụ dỗ phạm tội, dẫn đến tỉ lệ tái phạm cao (33,01%) (*xem bảng 2.32 - phụ lục 1*).

Về tiền án, tiền sự

Số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt có tiền án tiền sự chiếm tỉ lệ cao (35,29%), số có tiền án 10,10%, số có tiền sự 25,19%; số đối tượng phạm tội lần đầu chiếm tỉ lệ 64,71%. Số tội phạm thực hiện hành vi phạm tội lần đầu, khi thực hiện hành vi phạm tội đều chưa nhận thức được mức độ lỗi, hậu quả pháp lý và hình phạt đối với tội do mình gây ra (*xem bảng 2.32 - phụ lục 1*). Số tội phạm có tiền án, tiền sự phần lớn là những tội phạm di cư từ các tỉnh khác đến TPHCM, đã phạm tội lần đầu ở địa phương khác, sau đó đến TPHCM tiếp tục thực hiện phạm tội; loại tội phạm này rất hung hãn, có quan hệ thân thân phức tạp; khi thực hiện hành vi phạm tội thể hiện tính liều lĩnh cao, nguy hiểm, quyết tâm thực hiện phạm tội đến cùng và thường liên quan ma túy, cờ bạc.

Về hoàn cảnh gia đình của tội phạm

Số tội phạm có hoàn cảnh gia đình cha, mẹ, người thân không gương mẫu, tham lam, sống vi phạm pháp luật như: đi tù, có tiền án, tiền sự ... (chiếm 87%); gia đình có cấu trúc không hoàn hảo, cha, mẹ ly dị hoặc gia đình thiếu cha hoặc mẹ nuôi dưỡng giáo dục con, kinh tế gia đình khó khăn, gia đình nghèo (chiếm 56,4%); gia đình có phương pháp giáo dục con không đúng cách, quá khắt khe hoặc qua nuông chiều, cha và mẹ có phương pháp giáo dục trái ngược nhau, cha,

mẹ không quan tâm đến con (chiếm 72,6%) và một số hoàn cảnh khác (30,8%) (xem bảng 2.31 - phụ lục 1); đã làm cho trẻ em chán nản, bỏ nhà, trốn học hoặc bị lôi kéo, dụ dỗ tụ tập chơi games (chiếm 55,9%), hút chích ma túy (chiếm 48%) và trở thành tội phạm (xem bảng 2.28 - phụ lục 1). Số tội phạm liên quan đến ma túy rất khó cải tạo, giáo dục, dễ tái phạm khi gặp điều kiện thuận lợi.

Về dân tộc, quốc tịch

Thành phố Hồ Chí Minh có 44 dân tộc sinh sống. Đông nhất là người kinh, đến người Hoa (có 428.768 người, chiếm gần một nửa số người Hoa trong cả nước), sau đó là người Chăm (5.192 người), người Khơ - me (4.755 người), người Tày (1.602 người). Các dân tộc thiểu số khác như người Mường, người Nùng, người Thái, người Gia Rai...v.v chiếm số ít. Trong số 80.277 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, phần lớn là dân tộc kinh chiếm 99,94%, người Hoa chiếm 0,06%. Quốc tịch: phần lớn là Việt Nam chiếm 99,995%, người nước ngoài chiếm 0,005%; tội phạm người nước ngoài gốc Châu Phi, vào Việt Nam du lịch, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ví, giỏ xách, điện thoại di động) tại TPHCM, thủ đoạn lén lút nhanh chóng trốn thoát, chưa gây hậu quả nghiêm trọng; về nhân thân: không có tiền án, tiền sự, 4 đối tượng hết tiền khi đi du lịch đã phát sinh hành vi phạm tội (xem bảng 2.33 - phụ lục 1).

2.2.3.10. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm tội sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo đặc điểm nhân thân của nạn nhân

Theo phân tích 300 bản án xét xử sơ thẩm của TAND TPHCM, trong số 473 nạn nhân của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, thì phần lớn là nữ giới (chiếm 75,46%) gấp 3 lần nam giới, nam giới chiếm 24,54%. Số nạn nhân thường bị chiếm đoạt tài sản là nữ giới (75,46%), người trên 45 tuổi (56%) và trẻ em dưới 18 tuổi (35,1%). Vì bản tính của họ nhút nhát, sợ sệt, chủ quan, thiếu cảnh giác trong việc bảo quản tài sản và khả năng tự vệ, chống cự yếu ớt nên tội phạm lợi dụng những nhược điểm này để thực hiện

phạm tội. Độ tuổi của nạn nhân được chia như sau: dưới 18 tuổi chiếm 35,1%, ít từ 18 đến 30 tuổi, chiếm 1,3%, từ 30 đến 45 tuổi chiếm 7,6% và trên 45 tuổi chiếm 56%. Nghề nghiệp của nạn nhân hầu hết làm nghề kinh doanh, buôn bán, chiếm 72,39%; các nghề khác như: công nhân, thợ hồ, tài xế..., chiếm 21,54%; số nạn nhân là công chức, viên chức, trí thức chiếm 6,07%. Nạn nhân chủ yếu là người kinh, quốc tịch Việt Nam chiếm 97,7%, một số ít là người nước ngoài đi du lịch hoặc làm ăn ở Việt Nam chiếm 2,3% (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*), tình trạng chiếm đoạt tài sản người nước ngoài có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, vì tội phạm biết người nước ngoài không am hiểu pháp luật Việt Nam, không biết nơi trình báo, tố giác, không biết tiếng Việt nên không truy hô, cản đường. Các nạn nhân bị chiếm đoạt tài sản trên địa bàn TPHCM thường gặp trong một số tình huống như sau:

- + Tại các gia đình, công ty, cơ quan, cơ sở kinh doanh, mua bán, tiệm vàng bị sơ hở, chủ quan, mất cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản...(61,78%).

- + Những người ăn diện, khoe khoang tài sản, đeo đồ trang sức vàng, bạc khi đi ra đường, tại các nơi đông dân cư hỗn loạn hoặc đi, đứng, ngồi tại các nơi vắng, ít người qua lại (31,74%).

- + Những người thiếu kiến thức xã hội, bị dụ dỗ, nhẹ dạ, tin người, muốn mau giàu có...v.v (6,48%) (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*).

Đặc điểm trên đã phản ánh công tác phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian còn nhiều sơ hở, đã tạo điều kiện cho tội phạm lợi dụng để thực hiện và che giấu hành vi phạm tội của mình. Thông qua một số đặc điểm của nạn nhân, phần nào giúp cơ quan phòng, chống tội phạm xây dựng được các biện pháp quản lý, giáo dục, tuyên truyền để người dân cảnh giác, tránh được những tình huống trở thành nạn nhân của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Ví dụ: bản án số 118/2016/HSST, ngày 12/4/2016, về đặc điểm nhân thân của tội phạm, nhân thân người bị hại, thời gian phạm tội, phương thức, thủ đoạn

của tội phạm như sau: Khoảng 10 giờ ngày 10/7/2015, tại quán cà phê số 43/2 Nguyễn Thái Học, TPHCM. Đặng Văn Tuấn (*sinh năm: 1975, thường trú: 513 c/c Cô Giang, Quận 1, TPHCM; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: khôn; tiền án: ngày 30/8/1999 bị TAND TPHCM tuyên phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” và 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt là 11 tù*) rủ Phạm Bá Hào (*sinh ngày 22/7/1997; thường trú: 236 Nguyễn Thái Học, Quận 1, TPHCM; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: giữ xe; tiền án, tiền sự: không*) đi cướp giật tài sản. Hào chở Tuấn trên xe máy biển số 59T1-62508. Đến trước nhà số 11 Lê Công Kiều, Quận 1; thấy chị Lê Thị Thủy Tiên (*sinh năm: 1974, Quốc tịch Mỹ. Tạm trú: TPHCM*), đi bộ ngược chiều trên hành lang đường bộ, tay trái cầm chiếc ví (bên trong ví có 2.700.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng 16G, 01 thẻ Visa, 01 chìa khóa nhà). Hào chạy xe đến đối diện bên trái chị Tiên, Tuấn ngồi sau giật chiếc ví và tăng ga bỏ chạy. Công an quận 1 bắt được Hào và Tuấn cùng tang vật. TAND TPHCM xử phạt Đặng Văn Tuấn 04 năm tù và Phạm Bá Hào 02 năm 06 tháng tù. Bản án trên cho thấy một số đặc điểm sau:

Nhân thân của 2 bị cáo: Về độ tuổi, 50% là dưới 30 tuổi, 50% trên 30 tuổi. Về giới tính: nam giới 100%. Trình độ văn hóa: 100% trình độ văn hóa thấp (lớp 2/12 và lớp 6/12); nơi cư trú 100% ở TPHCM. Tiền án, tiền sự: 50% có tiền án, 50% phạm tội lần đầu. Nghề nghiệp: 100% không nghề nghiệp. *Người bị hại*, là nữ giới, 43 tuổi, quốc tịch ở nước ngoài, qua Việt Nam du lịch, không am hiểu giao thông và pháp luật Việt Nam. *Địa điểm và thời gian phạm tội:* thời gian vào lúc 10 giờ ngày 10/7/2015, đường Lê Công Kiều là đường nhỏ, ở Quận 1, TPHCM. Đây là khu vực đông dân cư, xe lưu thông nhiều, thường kẹt xe và cũng là địa bàn trọng điểm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. *Thủ đoạn và phương tiện phạm tội:* có tổ chức, có chuẩn bị trước, tội phạm đi 2 người trên 1 xe máy, chạy xe đến đối diện bên trái nạn nhân, người ngồi sau giật chiếc ví. Hành vi phạm tội là “Cướp giật tài sản”.

2.2.4. Tính chất của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Trong thời gian qua, số vụ và số tội phạm của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM chiếm tỉ trọng rất cao trong tổng số phạm tội hình sự, với 63.566 vụ và 80.277 tội phạm, chiếm 87,38% số vụ và 85,33% số tội (xem bảng 2.3 - phụ lục 1). Cứ 100.000 dân cư sinh sống có trung bình 88 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt (xem bảng 2.4- phụ lục 1), chiếm 22,75% và số tội phạm chiếm 17,80% (xem bảng 2.5 - phụ lục 1) so với cả nước. Những con số trên cho thấy số lượng tội phạm nhiều, mật độ tội phạm dày, chiếm tỉ trọng cao trong tổng số tội phạm hình sự. Điều này đã nói lên tính chất nghiêm trọng của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Tính chất nghiêm trọng của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM thể hiện qua phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt, khi thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức; loại tội phạm này hầu hết là số có tiền án tiền sự chiếm tỉ lệ cao (35,29%) (xem bảng 2.32- phụ lục 1). Số vụ phạm tội có sử dụng vũ khí 87,6%; trong đó số vụ sử dụng vũ khí nóng như: súng, lựu đạn, thuốc nổ... chiếm 0,3%, số vụ sử dụng công nghệ làm giả chiếm 3% (xem bảng 2.22 - phụ lục 1). Loại tội phạm này khi thực hiện hành vi phạm tội rất dã man, liều lĩnh và nguy hiểm. Hậu quả gây ra rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, những vụ án này thường là vụ trọng án; nó không chỉ gây ra thiệt hại về tài sản mà còn gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của con người.

Tính chất rất nghiêm trọng và nguy hiểm của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được thể hiện qua số lượng loại tội phạm như: tội phạm ít nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 49,08%; số tội phạm nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 34,20%; số tội phạm rất nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 9,43% và số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 7,29% (xem bảng 2.20 - phụ lục 1), trong tổng số 75.691 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt. Loại tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng chiếm tỉ lệ rất cao (50,92%). Cho thấy trong thời gian qua

loại tội phạm này đã gây nguy hiểm vô cùng lớn cho xã hội, đã phản ánh được tính chất rất nghiêm trọng của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Với cơ cấu của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đa số tội phạm là nam giới (95,44%) (*xem bảng 2.25 - phụ lục 1*); có độ tuổi dưới 30 tuổi (76,92%) (*xem bảng 2.26 - phụ lục 1*); có trình độ học vấn thấp, chủ yếu là mù chữ và trình độ tiểu học (79%) (*xem bảng 2.27 - phụ lục 1*); nghề nghiệp không ổn định và không có nghề nghiệp là 99,79% (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*), tội phạm xuất thân từ trong gia đình không hoàn hảo, cha mẹ ly hôn, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, hoặc gia đình có cha, mẹ, người thân thường xuyên vi phạm pháp luật và gia đình có phương pháp giáo dục không đúng cách, chiếm tỉ lệ cao (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*). Chính do các đặc điểm nhân thân này của tội phạm, phản ánh được khi thực hiện hành vi phạm rất liều lĩnh, chỉ cần đạt được mục đích chiếm đoạt, bất kể hậu quả xảy ra thế nào. Đã nói lên tính chất nguy hiểm của tình hình XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua.

Diễn hình như bản án số: 117/2016/HSST, ngày 11/4/2016 về phương tiện, thủ đoạn phạm tội liều lĩnh, táo bạo. Bùi Đức Tài (*sinh năm: 1990, thường trú: xã Hòa Thắng, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12*) và chị Nguyễn Thị Khánh Ly (*sinh năm 1991; thường trú: xã Hoà Thắng, tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: 235B/A11/9 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TPHCM*). Hai người ở gần nhà, có quan hệ tình cảm yêu nhau. Năm 2011, Ly lên TPHCM đi học trường Khoa học xã hội và nhân văn TPHCM; Tài đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương. Khoảng tháng 7/2014, Tài mượn xe máy của Ly rồi đem bán lấy tiền tiêu. Khoảng 13 giờ ngày 17/10/2014, Tài đến gặp Ly ở nhà trọ. Tài đã dùng tay siết cổ và đè đầu Ly xuống nền gạch, rồi mở hộc tủ lấy sợi dây điện thoại siết cổ Ly đến khi Ly nằm bất động. Tài lấy 01 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động của Ly rồi bỏ đi. Tài đã mang chiếc máy tính đến "Trung tâm laptop" bán được

7.200.000 đồng. TAND TPHCM xử phạt Bùi Đức Tài 20 năm tù về tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp, buộc Bùi Đức Tài phải thụ hình chung cả hai tội là 23 (hai mươi ba) năm tù [123].

Ngoài ra, tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt còn thể hiện ở những trường hợp phạm tội với phạm vi hoạt động có quy mô lớn, có nhiều đồng phạm (36,53%), coi thường pháp luật (*xem bảng 2.24 - phụ lục 1*), thường có sử dụng vũ khí quân dụng (0,3%) (*xem bảng 2.24 - phụ lục 1*), hoạt động bất kể thời gian nào trong ngày, (*xem bảng 2.23 - phụ lục 1*). Tội phạm có tổ chức nên hành vi thực hiện tinh vi, liêu lĩnh, xảo quyệt hơn, thực hiện phạm tội nguy hiểm (như cướp Ngân hàng, cướp giật tài sản...), hành vi phạm tội thường diễn ra nhiều lần, kéo dài nhiều năm, gây hậu quả nghiêm trọng.

Diễn hình như ở bản án số: 71/2016/HSST, ngày 17/ 03/ 2016, về thời gian hoạt động của tội phạm rất táo bạo. Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 06/4/2015, tại tiệm Internet Đức Hưng số 24 đường Cô Giang, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, TPHCM. Tuấn (chưa xác định được lai lịch) rủ Nguyễn Minh Phúc đi cướp giật tài sản. Tuấn điều khiển xe máy chở Phúc đi trên đường Nguyễn Đình Chiểu thì phát hiện bà Causey Stephanie Jayne (quốc tịch Anh) đi trên lề đường, có đeo trên vai một túi xách. Khi bà Causey Stephanie Jayne đi bộ đến số 182 đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thì dừng lại quan sát xe lưu thông để băng qua đường, Tuấn điều khiển xe áp sát bà Causey Stephanie Jayne để Phúc ngồi sau giật túi xách (bên trong có 01 điện thoại di động iphone 5s, 610.000 VNĐ đồng và 01 thẻ ngân hàng). Phúc bị công an Quận 3 bắt; còn Tuấn chạy trốn thoát. TAND TPHCM xử phạt Nguyễn Minh Phúc: 03 (ba) năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

Tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt thể hiện qua hình phạt đã được TAND các cấp của TPHCM xét xử sơ thẩm như sau: số tội phạm cải tạo không giam giữ chiếm tỉ lệ 4,36%; số tội phạm có hình phạt tù dưới ba năm chiếm tỉ lệ 32,04%; số tội phạm có hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

chiếm tỉ lệ 32,87%; số tội phạm có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm chiếm tỉ lệ 9,43%; số tội phạm có hình phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm chiếm 8,52%; số tội phạm có hình phạt tù chung thân chiếm tỉ lệ 0,04%; số tội phạm bị tử hình chiếm tỉ lệ 0,003%; số tội phạm có hình phạt tù tổng hợp từ 20 năm đến 30 năm chiếm tỉ lệ 0,047%, số tội phạm hưởng án treo chiếm 12,68% (xem bảng 2.20 - phụ lục 1). Qua đó cho thấy số tội phạm chịu hình phạt cải tạo giam giữ và tử hình chiếm tỉ lệ rất cao (82,95%), điều này nói lên được tính chất rất nghiêm và vô cùng nguy hiểm của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM còn thể hiện ở việc gây hậu quả lớn về kinh tế, xã hội và con người. Trung bình cứ mỗi năm tại TPHCM xảy ra 5.297 vụ án phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, với 6.690 tội phạm; ước tính gây thiệt hại về tài sản trên 120 tỉ đồng/ năm. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và cuộc sống của người dân; ảnh hưởng đến kinh doanh, sản xuất của các Doanh nghiệp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó, để phục vụ cho công tác phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, TPHCM phải chi ngân sách hàng trăm tỉ đồng mỗi năm để phục vụ cho công tác đào tạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; trang bị phương tiện cho lực lượng phòng chống tội phạm; tổ chức triển khai thực hiện các chuyên án, tổ chức công tác trinh sát; tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; công tác điều tra, truy tố và xét xử...Đã phản ánh rõ tính chất nguy hiểm của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong 12 năm qua.

2.2.5. Đánh giá phân  n của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến 2017

Ngoài phân  n của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM thể hiện qua mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất ở phần trên. Còn có một phần tội phạm đã thực hiện hành vi phạm tội trong thực tế, nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên không bị phát hiện, không được xử lý hình

sự hoặc không đưa vào thống kê hình sự, đó chính là phần ẩn của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Để đánh giá đầy đủ phần ẩn cần xem xét, làm rõ các thông số của tội phạm ẩn, trạng thái ẩn. Tình hình tội phạm ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM có cấu trúc gồm ba loại khác nhau: tội phạm ẩn tự nhiên (do nguyên nhân khách quan), tội phạm ẩn nhân tạo (do nguyên nhân chủ quan) và tội phạm ẩn thống kê.

2.2.5.1. Đánh giá về loại tội phạm ẩn của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Tội phạm ẩn khách quan (ẩn tự nhiên)

Có thể hiểu tội phạm ẩn khách quan của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là những tội phạm đã xảy ra trong thực tế, nhưng các cơ quan có thẩm quyền không phát hiện được hoặc không khởi tố hình sự vì không có thông tin về chúng, nên không phải chịu bất kỳ một hình thức xử lý hình sự nào từ phía pháp luật. Các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt gồm nhiều loại tội (tội Cướp tài sản, Bắt cóc chiếm đoạt tài sản, Cưỡng đoạt tài sản, Cướp giết tài sản, Công nhiên chiếm đoạt tài sản, Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản), các tội phạm này thường sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi, nhiều cách thức che dấu hành vi phạm tội, tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng và của người khác, như: gắn biển số xe giả, che biển số xe, đội nón, che mặt..., khi thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì thế có rất nhiều vụ không bị phát hiện, không bị xử lý pháp luật, có lý do ẩn từ phía chủ thể của hành vi.

Bên cạnh đó, trên thực tế nhiều người dân, người bị hại cũng có phát hiện và biết được hành vi phạm tội của các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt nhưng không trình báo với cơ quan chức năng. Bởi lẽ, có thể họ có mối quan hệ gia đình, bạn bè, hàng xóm, làm ăn chung hoặc họ sợ lộ bí mật đời tư, sợ bị liên lụy, sợ bị cơ quan chức năng gây phiền hà khi trình báo...v.v. Loại tội

phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt xuất phát từ phía người phát hiện mà không tố giác tội phạm với các cơ quan chức năng cũng là loại tội phạm ản tự nhiên.

- Tội phạm ản chủ quan (ản nhân tạo)

Tội phạm ản chủ quan của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trên địa bàn TPHCM trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017 được hiểu là toàn bộ các vụ phạm tội đã có xảy ra mà thông tin về chúng đã được các chủ thể đấu tranh phòng, chống tội phạm không nắm bắt được hoặc nắm bắt được nhưng vì những lý do nào đó mà các tội phạm đó trong một thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn không bị xử lý hình sự hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu từ người có trách nhiệm thực hiện việc đấu tranh phòng chống tội phạm, được tính từ lúc phát hiện dấu hiệu phạm tội của tội phạm hoặc từ khi tiếp nhận thông tin tố giác và tin báo về tội phạm cho đến khi xét xử vụ án hình sự và thi hành án hình sự. Đây là loại tội phạm ản khó xác định, vì nhiều nguyên nhân xuất phát từ những chủ thể đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhiều tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt đã bị cơ quan chức năng phát hiện nhưng lại không được xử lý hình sự cho nên số tội phạm này cũng không có trong thống kê hình sự (5,71%) (*xem bảng 2.35 - phụ lục 1*).

Tuy nhiên, để xác định được loại tội phạm ản chủ quan là rất khó khăn, vì trước khi người phạm tội bị các cơ quan chức năng phát hiện thì hành vi phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt lại bị che dấu dưới hình thức tội phạm ản khách quan khác. Nếu tội phạm ản khách quan tồn tại phần lớn trước khi tội phạm bị cơ quan chức năng phát hiện, thì tội phạm ản chủ quan có thể tồn tại ở cả 3 giai đoạn tố tụng: điều tra, truy tố và xét xử.

- Tội phạm ản thống kê

Là loại tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trên địa bàn TPHCM, đã bị xử lý hình sự nhưng lại không có trong thống kê hình sự. Đây không phải do sai sót, mà do quy định của pháp luật, khi một người phạm nhiều tội trong cùng một vụ án, thì Cán bộ thống kê chỉ thống kê một tội danh nghiêm

trọng nhất và có hình phạt cao nhất đối với TAND cấp tỉnh, thành phố và cấp quận, huyện (theo mẫu thống kê 1A)

Tình trạng ẩn của tội phạm thống kê được quy định thống kê hình sự theo thông tư 01, ngày 01/07/2005 của TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc Phòng “*Về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm*”. Theo quy định của thông tư này, thì những tội phạm thực hiện nhiều loại tội khác nhau được thống kê theo “*Nguyên tắc thu hút tội danh*”. Có nghĩa là những tội phạm có hình phạt cao hơn sẽ được thống kê hoặc trường hợp tội phạm đã thực hiện nhiều vụ với cùng một phương thức thủ đoạn như nhau vì những lý do khác nhau chỉ thống kê một vụ. Do đó, đã làm cho số tội phạm ẩn thống kê của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt tăng cao.

2.2.5.2. *Đánh giá về một số thông số tội phạm ẩn của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*
- *Về mức độ ẩn*

Độ ẩn được hiểu là mức độ không bị phát hiện và xử lý hình sự của từng loại tội phạm hoặc từng nhóm tội phạm, có thể được xác định dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và mối quan hệ của nó với chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng. Độ ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được hiểu là mức độ không bị phát hiện và việc xử lý hình sự của từng loại tội phạm hoặc nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, có thể được xác định dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và mối quan hệ của nó với chủ thể khác có liên quan như quan hệ với người bị hại, nhân chứng. Theo nghiên cứu của Viện Nhà nước và pháp luật thì mức độ ẩn của tình hình tội phạm có IV cấp độ, cao nhất là cấp độ IV. Theo đó, thì độ ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM được xếp loại ở cấp độ II, tức là thuộc nhóm những tội phạm bị ẩn khuất thứ II, với những lý do sau:

Thứ nhất, là các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM tồn tại cả ba loại tội phạm ản, đó là: ản khách quan, ản chủ quan và ản thống kê; nên khả năng “ản khuất” các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt dưới nhiều hình thức khác nhau.

Thứ hai, vụ án về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa được điều tra, xử lý còn nhiều, cho thấy một phần tỉ lệ tội phạm còn ản khuất. Mỗi năm còn tồn đọng chưa giải quyết 3,93% số vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (tương đương 208 vụ/ năm) và 5,71% tội phạm (tương đương 382 tội phạm/ năm) (*xem bảng 2.35 - phụ lục 1*). Cùng với mỗi năm TAND hủy số vụ án và số vụ án mỗi năm cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đình chỉ điều tra vụ án (khoảng 1,88% số vụ/ năm) [122]. Trong số này có rất nhiều tội phạm ản khuất.

Thứ ba, sự tố giác tội phạm của người dân với các cơ quan chức năng rất hạn chế vì nhiều lý do. Có thể do một số trường hợp Cán bộ tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm đã có thái độ thờ ơ thiếu trách nhiệm, có khi gây phiền hà, hách dịch, sách nhiễu người trình báo; thậm chí còn tỏ ra khó chịu vì sợ ảnh hưởng đến thành tích; đặc biệt là ở các huyện vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa như huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ, Bình Chánh, Củ Chi. Có thể do nhận thức chưa đầy đủ về ý thức tố giác tội phạm của một số người dân, họ cho rằng những thiệt hại gây ra cho họ là không đáng kể; họ không tin tưởng vào cơ quan pháp luật sẽ tìm ra tội phạm và trả lại tài sản cho mình và họ ngại tiếp xúc với cơ quan pháp luật (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*); hoặc có thể họ sợ bị trả thù bản thân và gia đình; sợ mất nguồn lợi kiếm sống; có thể do họ sợ lộ bí mật đời tư, sợ bị lộ những hành vi phạm tội trước đó của chính bản thân họ sai phạm, như: buôn lậu, tham nhũng, bán hàng cấm...[18].

Ngoài ra, đặc thù ở TPHCM có nhiều người nước ngoài tham quan du lịch, trong thời gian gần đây số vụ phạm tội trộm cắp, cướp giật tài sản, cướp tài sản..., của khách du lịch người nước ngoài gia tăng (*xem bảng 2.33 - phụ lục*

1). Những người nước ngoài thường không tố giác cho Công an ngay sau khi bị chiếm đoạt tài sản, bởi vì họ không hiểu biết về pháp luật Việt Nam và do không biết phải đi đâu để tố giác tội phạm và nếu tố giác thì cần làm các thủ tục gì; họ chỉ tố giác cho Lãnh sự quán của họ ở Việt Nam sau một thời gian vụ việc xảy ra hoặc trước khi về nước. Nên cơ quan chức năng không có thông tin về tội phạm trong suốt một thời gian khá lâu, hoặc khi có được thông tin thì người bị hại đã về nước, do đó không tìm ra được tội phạm (chiếm 0,034%) [96].

Thứ tư, tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt đã có nhiều phương thức, thủ đoạn che dấu hành vi phạm tội; chúng luôn tìm mọi cách để che giấu hành vi phạm tội như: gắn biển số xe giả, che biển số xe, đội nón, che mặt, (*xem bảng 2.22 - phụ lục 1*) hoặc tìm cách thực hiện hành vi phạm tội một cách nhanh gọn, ít để lại dấu vết nhất, hoặc dàn cảnh tạo hiện trường giả, xóa dấu vết phạm tội, tiêu hủy công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, mua chuộc, đe dọa uy hiếp nạn nhân, nhân chứng [130, tr.52- 53].

Ví dụ: như vụ án che dấu phạm tội bằng công nghệ làm giả vé số rất tinh vi của tội phạm. Quách Văn Thuận (*sinh năm: 1987; thường trú: xã Thành Tâm, Thạch Thành, Thanh Hóa*) làm nghề sửa chữa máy in. Cuối năm 2012 Thuận mua 1 máy chụp, 1 máy in, hóa chất..., để in vé số giả đôi lấy tiền tiêu xài. Ngày 19-6-2013, Thuận mua 5 tờ vé số loại 10.000 đồng, kỳ vé K3T6 mở thưởng ngày 19-6 của thành phố Cần Thơ. Sau khi xổ số, Thuận làm giả 05 tờ vé số trúng giải 100 triệu đồng, gồm 03 tờ mang số 642045 và 02 tờ mang số 842045. Khoảng 22h ngày 26-6-2013, Thuận mang 05 tờ vé số giả với CMND giả tên Nguyễn Khải Uy đến đại lý vé số ở số 539 Âu Cơ, quận Tân Phú, TPHCM do ông Phan Văn Hữu làm chủ. Ông Hữu kêu nhân viên kiểm tra kỹ xem có đúng vé số thật không. Sau kiểm tra, nhân viên cho hay là vé số thật, nhưng ông Hữu vẫn kiểm tra lại. Khi dùng tia cực tím soi lại ông Hữu phát hiện ra dấu mờ của những con số cũ. Công an quận Tân Phú bắt Thuận. Kiểm tra người Thuận, còn có thêm 35 tờ vé số giả trúng thưởng giải 100 triệu đồng của đài Cần Thơ.

Thuận khai: từ đầu năm 2013 đến nay Thuận đã 05 lần mang 11 tờ vé số giả đổi ở đại lý các tỉnh Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Nai và chiếm đoạt gần 1 tỉ đồng. Cho thấy sự che dấu của tội phạm rất tinh vi, TAND xử phạt Quách Văn Thuận tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” 5 năm tù giam.

- Về tỉ lệ ẩn

Việc xác định tỉ lệ ẩn của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chỉ mang tính tương đối. Tuy nhiên, thông số này cũng đã phản ánh được bức tranh tình hình tội phạm ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong một thời gian 12 năm trên địa bàn TPHCM. Để xác định tỉ lệ ẩn, tác giả sử dụng phương pháp như điều tra xã hội học, phiếu thăm dò bị can và qua 300 bản án xét xử sơ thẩm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Qua khảo sát thực tế 300 bản án của TAND TPHCM về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM để xác định tỉ lệ tội phạm ẩn. Có 569 tội phạm đã khai nhận, họ đã thực hiện hành vi phạm tội khoảng 1.950 vụ, nhưng chỉ bị đưa ra xét xử khoảng gần 1.554 vụ; còn lại khoảng 396 vụ án không bị đưa ra xét xử. Mặc dù tội phạm đã khai nhận đầy đủ theo khai thác của cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội, nhưng cơ quan điều tra không tìm thấy người bị hại và người bị hại cũng không đến trình báo tại cơ quan công an nên đình chỉ khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Cho thấy tỉ lệ tội phạm ẩn so với tội phạm hiện khoảng 1:5. Điều này nói lên số vụ các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa được điều tra, xử lý còn cao.

Ngoài ra, tác giả tiến hành điều tra xã hội học bằng cách khảo sát ý kiến của 100 chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, gồm các thành phần: Trinh sát hình sự, Cảnh sát khu vực và một số nhân viên chuyên trách của lực lượng phòng, chống tội phạm trên địa bàn TPHCM. Với câu hỏi: “Theo đồng chí, số lượng các vụ XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra nhưng chưa bị phát hiện ở địa bàn đồng chí công tác chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm so với xảy ra trên thực tế? ”. Kết quả cho thấy có 95% người trả lời có

khoảng từ 20% đến 21% trên tổng số vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trong thực tế nhưng không xử lý vì nhiều nguyên nhân. Do đó, tội phạm đã thoát khỏi xét xử của pháp luật. Từ đây suy ra được, trong 12 năm qua trên địa bàn TPHCM có 63.566 vụ án và 80.277 tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt, tính trung bình có 20% số vụ án không khám phá được với nhiều lý do; như vậy có khoảng 12.713 vụ án chưa được khám phá và khoảng 16.055 tội phạm ẩn.

Qua phân tích, đánh giá phần ẩn của các XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, có thể thấy được nhóm tội này có mức độ ẩn khá cao. Khi số lượng tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt vẫn còn “ẩn khuất” nhiều, thì tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội, sức khỏe, tính mạng và cuộc sống của người dân TPHCM vẫn chưa ổn định. Do đó, nhận diện được tình hình tội phạm ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là một vấn đề quan trọng, đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc tìm ra các giải pháp phòng, chống loại tội phạm này, hạn chế tới đa những tác động tiêu cực do hành vi phạm tội gây ra.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và kế thừa các quan điểm của các nhà khoa học về lý luận và khái niệm THTP, tác giả đã xây dựng khái niệm về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM như sau: *“Tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp, bao gồm tổng thể các hành vi xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt cùng các chủ thể thực hiện hành vi đó trên địa bàn TPHCM và trong một khoảng thời gian nhất định”*. Qua nghiên cứu về mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến năm 2017 cho thấy một số điểm nổi bật như sau:

- Trong thời gian qua, có 63.566 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và 80.277 tội phạm, chiếm 87,38% trong tổng số vụ phạm pháp hình sự. So với cả

Nước thì số vụ chiếm 22,75% và số tội phạm chiếm 17,80%, mật độ tội phạm xét trên diện tích 1km² ở TPHCM gấp 30 lần và xét theo số dân cư trên 01 tội phạm thì TPHCM ít hơn 2 lần. So với tỉnh Đồng Nai, số vụ gấp 583% và số tội phạm gấp 449%, xét theo diện tích (km²) thì mật độ tội phạm gấp 12 lần tỉnh Đồng Nai. Diễn biến về số vụ án tăng, giảm theo chu kỳ 3 năm tăng rồi 3 năm giảm: tăng vào các năm 2006, 2007, 2008 và 2012, 2013 và 2014, năm 2008 là năm tăng cao nhất với 6.250 vụ và 8.183 tội phạm; giảm vào các năm 2009, 2010, 2011 và 2015, 2016 và 2017 cũng là năm giảm thấp nhất với 4.160 vụ và 4.416 tội phạm, số tội phạm giảm liên tục từ năm 2006 đến 2017. Tội phạm hoạt động ở tất cả 24 quận/ huyện, qua đánh giá xác định được một số quận/ huyện là trọng điểm về tình hình các tội XPSH có tính chiếm đoạt, như: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận Phú Nhuận, quận Bình Tân, Bình Thạnh, Tân Bình...v.v. Tội phạm đa phần là nam giới (95,44%) gấp 21 lần nữ giới; độ tuổi phạm tội có xu hướng trẻ hóa, chủ yếu dưới 30 tuổi (76,92%); phần lớn là mù chữ và trình độ học vấn thấp (79%); không có nghề nghiệp và nghề nghiệp không ổn định (99,79%); có tiền án tiền sự (35,29%); liên quan đến ma túy, cờ bạc (48%); động cơ, mục đích phạm tội là do nhu cầu sống bản thân, ham có tiền, lười lao động (67,8%), số tội phạm nghiện game chiếm (55,9%), số vụ tội phạm có tổ chức thành băng nhóm (36,53%); tỉ lệ tái phạm còn cao (30,01%). Chủ yếu tội phạm là người Kinh (99,94%). Quốc tịch Việt nam (99,995%), người nước ngoài (0,005%).

- Thủ đoạn phạm tội táo bạo, liều lĩnh, chuyên nghiệp và tinh vi. Phương tiện phạm tội phần lớn là xe máy (85%), số vụ có sử dụng công cụ, vũ khí là (87,6%), xu hướng sử dụng vũ khí nóng ngày càng gia tăng (0,3%). Thời gian phạm tội bất kỳ trong ngày, thường nhất là từ 17 giờ đến 24 giờ (40,43%). Số tội phạm ít nghiêm trọng chiếm 49,08%; nghiêm trọng chiếm 34,20%; rất nghiêm trọng chiếm 9,43% và đặc biệt nghiêm trọng chiếm 7,29%, trong đó số tội phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng chịu mức hình phạt tù

trên 07 năm và tử hình chiếm tỉ lệ cao (16,72%). Số tội phạm bị cải tạo giam giữ chiếm tỉ lệ rất cao (82,96%). Nạn nhân phần lớn là nữ giới (75,46%), người lớn tuổi (56%) và trẻ em (35,1%), đa phần là người Việt Nam (97,7%), nghề nghiệp chủ yếu là kinh doanh, buôn bán (72,39%) và khách du lịch. Hậu quả mà tội phạm đã gây ra thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản cho con người và xã hội là rất lớn, trị giá mỗi năm trên 120 tỉ đồng. Ngoài ra kinh phí đầu tư cho việc đào tạo, huấn luyện, thành lập chuyên án..., trang bị bảo hộ cũng chiếm nguồn kinh phí mỗi năm trên 20 tỉ đồng, đã nói lên tính chất vô cùng nguy hiểm cho con người và xã hội của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- Sự tồn tại tội phạm ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được xếp ở mức độ II, chiếm tỉ lệ không nhỏ (khoảng 20%), ẩn nấp dưới nhiều hình thức. Đã phản ánh phần nào sự hạn chế, thiếu sót của lực lượng phòng, chống tội phạm, của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể và ý thức pháp luật của một bộ phận quần chúng nhân dân trên địa bàn TPHCM.

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Khái quát những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Qua kết quả nghiên cứu trên, cho thấy tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM diễn biến phức tạp, số vụ và số tội phạm tăng giảm bất thường; số vụ chiếm 87,38% (*xem bảng 2.3- phụ lục 1*) trong tổng số vụ hình sự, tính chất nguy hiểm, hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, cần làm rõ nguyên nhân và điều kiện dẫn đến tình hình này. Để giải quyết vấn đề, chúng ta cần nhận thức đầy đủ về lý luận nguyên nhân và điều kiện, cùng với mối liên hệ nhân quả (Nguyên nhân- Điều kiện- Kết quả) nói chung và nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ở TPHCM nói riêng.

Đứng trên quan điểm của triết học Mác- Lê nin về quan hệ Nhân- Quả để nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP, có thể thấy: nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau, gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Như vậy, về bản chất, nguyên nhân không phải là một hiện tượng hay sự vật nào đó, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân, và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như THTP, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định [111, tr.81- 83] . Tội phạm học Việt Nam chia nguyên nhân và điều kiện của THTP trên cơ sở các tiêu chí về cơ chế, mức độ tác động, nội dung tác động và bản chất của sự tác động xã hội

[43, tr.139]. Nguyên nhân và điều kiện của THTP là vấn đề cơ bản, rất quan trọng trong nghiên cứu về tội phạm học, nếu tìm ra những nguyên nhân và điều kiện chính xác, cùng với phân tích đúng các điều kiện xã hội và đặc thù về vị trí địa lý vùng miền, sẽ xây dựng được những biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

Nói về nguyên nhân và điều kiện của THTP, GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: nguyên nhân của THTP là những hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong mối liên hệ tương tác hai mức độ sinh ra và tái sản xuất ra THTP như là hậu quả tất yếu của mình; còn điều kiện của THTP là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự mình không sinh ra THTP và các tội phạm, mà là hỗ trợ, làm dễ dàng và tăng cường cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân. Giữa các nguyên nhân và điều kiện của THTP có sự tác động qua lại chặt chẽ với nhau, điều kiện không tự mình sinh ra được tội phạm và nếu thiếu điều kiện thì nguyên nhân không thể hình thành hoặc không thể thực hiện được; và khái niệm về nguyên nhân và điều kiện THTP như sau: *"Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực, trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng, quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình"* [149, tr.87- 88].

Như vậy, nguyên nhân của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt xuất phát từ những mâu thuẫn nhiều mặt trong đời sống xã hội, mâu thuẫn này là những nhân tố khách quan trong quá trình phát triển xã hội, đó là những mâu thuẫn về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục... Ngoài ra, nguyên nhân còn là sự tương tác của các nhân tố đối lập, xung đột với nhau trên nhiều bình diện của đời sống xã hội. Sự xung đột này là khách quan và tất yếu trong mọi sự vận động đi lên của đời sống xã hội như sự khủng hoảng, suy thoái kinh tế, tình trạng lạm phát, dư thừa nguồn lao động xã hội... Những mâu thuẫn này đều làm phát sinh nhiều loại tội phạm trong xã hội như các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chỉ mang lại hữu ích và khả thi khi làm rõ được các hiện tượng, các yếu tố tham gia vào sự

tác động này, chúng được gọi là các yếu tố làm phát sinh. Sự phân biệt đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện, chỉ mang tính tương đối. Thực tế trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm này đòi hỏi phải loại trừ cả hai; tức là phải loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và thuộc về điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Khi nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là tìm ra các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống, yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội, các yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể có hành vi phạm tội và các yếu tố tình huống, làm phát sinh và phát triển tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM rất đa dạng, có thể được tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau. Dựa trên những quan điểm và lý luận của các nhà Khoa học, có thể hiểu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM như sau: *“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là sự tác động qua lại giữa các hiện tượng tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm- sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong hoàn cảnh, tình huống nhất định làm phát sinh những hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự hiện hành quy định là các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt”*.

3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017

Muốn nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, trước tiên phải tìm ra các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm này. Có nhiều nhóm nguyên nhân và điều kiện như: các yếu tố tiêu cực từ môi trường nhà trường, môi trường gia đình, các nguyên nhân xuất phát từ môi trường kinh tế- xã hội, từ môi trường văn hóa,

giáo dục, từ hoạt động yếu kém của các cơ quan điều tra, truy tố xét xử; từ đặc điểm nhân thân người phạm tội và nhân thân người bị hại.

3.2.1. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ kinh tế - xã hội

Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí địa lý đặc thù nằm ở giữa khu vực Đông Nam á, là trung tâm kinh tế, thương mại, du lịch; nơi giao lưu giữa các tỉnh và là một cửa ngõ quốc tế; có trên 19 khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và nhiều khu công nghiệp khác do doanh nghiệp nước ngoài đầu tư như công ty Pouyuen của Đài Loan. Bên cạnh đó, thành phố còn là nơi có nhiều trường Đại học có tầm quốc tế như Trường Đại học y dược, Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn..., đã thu hút rất nhiều lao động (hiện nay có trên 290.000 công nhân làm việc), học sinh từ các nơi về sinh sống, học tập, làm việc. Làm tăng dân số đột biến, dẫn đến không phân bố lao động không hợp lý, thất nghiệp nhiều, thu nhập thấp (có 99,79% tội phạm không có việc làm và việc làm không ổn định) (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*). Không có việc làm dẫn tới không có thu nhập, trong khi cuộc sống vẫn cần tiền chi tiêu hàng ngày để tồn tại, trong điều kiện kinh tế khó khăn, rất dễ bị lôi kéo, tụ tập thành băng, nhóm để thực hiện hành vi phạm tội, phần lớn là dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ 76,92% (*xem bảng 2.26 - phụ lục 1*).

Sự di dân tự phát nên không được bố trí chỗ ở, phải thuê nhà giá rẻ ở các khu ổ chuột, xóm liều. Họ dễ bị cám dỗ bởi sự phát triển kinh tế của môi trường đô thị TPHCM. Bản thân người di dân là những người rời xa gia đình để đi học tập, làm việc, thiếu nơi nương tựa về tinh thần, rời xa sự giáo dục và quản lý của cha, mẹ và gia đình, rất dễ bị lôi kéo, dụ dỗ vào con đường phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Trước sự cạnh tranh của kinh tế thị trường, sự non kém kinh nghiệm kinh doanh và thiếu nguồn vốn của nhiều công ty, xí nghiệp đã dẫn đến bị phá sản do làm ăn thua lỗ, sinh ra lạm phát, làm cho nhiều công nhân rơi vào tình trạng thất nghiệp, đời sống khó khăn. Trong khi các chủ trương, chính sách của nhà nước còn nhiều hạn chế; vấn đề đảm bảo

phúc lợi xã hội (bảo hiểm, an sinh xã hội...), chưa đáp ứng đầy đủ. Bên cạnh đó, kinh tế TPHCM phát triển mạnh, tạo nên sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt. Cuộc sống coi đồng tiền là trên hết, với quan niệm “Có tiền là có tất cả”, con người sử dụng đồng tiền để giải quyết mọi vấn đề và để thể hiện mình trong xã hội. Khi không có tiền, một số người đã lựa chọn cách chiếm đoạt tài sản của người khác là cách giàu nhanh nhất, để thỏa mãn cuộc sống. Ngoài ra, TPHCM có 24 quận/huyện, mỗi quận/huyện là một bộ máy chính quyền quản lý, điều hành phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... Trong những năm qua, mỗi quận/huyện đều có sự phát triển khác nhau và theo hướng riêng của mình; chưa thực sự liên kết phối hợp toàn diện, dẫn đến chất lượng và hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của thành phố. Đây là những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Trong những năm gần đây, quá trình quy hoạch phát triển các khu công nghiệp diễn ra mạnh mẽ nhưng chưa mang tính bền vững, ổn định; đã dẫn đến một bộ phận người lao động ở các huyện nông thôn như Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ bị mất đất, mất ruộng; cùng với trình độ văn hóa thấp, không có tay nghề nên không có việc làm hoặc việc làm không ổn định; đặc biệt là các thanh, thiếu niên (*xem bảng 2.29 - phụ lục 1*). Do đó, các đối tượng này thường xuyên tụ tập, gây mất trật tự công cộng hoặc tham gia vào con đường tệ nạn ma túy, nghiện game. Từ đó tạo nên các hiện tượng tiêu cực như: lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ, muốn có tiền tiêu xài nhưng không cần lao động vất vả. Đi kèm theo là các tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, rượu chè đã làm cho nhiều đối tượng sa ngã vào con đường phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; theo nghiên cứu thì có 48% tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM có liên quan đến hút, chích ma túy (*xem bảng 2.28 - Phụ lục 1*). Vì để giải quyết con nghiện, chúng thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo, tàn bạo, xem thường tính mạng con người. Những yếu tố trên là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Trên địa bàn TPHCM có hơn 30.000 các cơ sở kinh doanh; dịch vụ; tiệm cầm đồ, đặc biệt là cầm xe máy; các quán bar; quán cà phê đèn mờ; cơ sở massage..., tập trung nhiều nhất ở các quận nội thành như: quận 1, quận 5, quận 3, Phú Nhuận, Tân Bình, Bình Thạnh, Bình Tân chưa được giám sát, quản lý, kiểm tra chặt chẽ. Các chủ cơ sở cầm đồ vì chạy theo lợi nhuận đã liên kết tiêu thụ tài sản của các tội phạm chiếm đoạt được; đồng thời, các cơ sở cầm đồ cũng trở thành nơi tạo điều kiện chứa chấp, che đậy, nuôi sống tội phạm và cũng là nơi tội phạm tồn tại và phát triển, số xe máy làm phương tiện phạm tội phần lớn có nguồn gốc từ chiếm đoạt tài sản, có (85%) tội phạm sử dụng xe máy làm phương tiện hoạt động phạm tội (*xem bảng 2.22 - phụ lục 1*). Bên cạnh đó, trong cơ chế kinh tế thị trường tại TPHCM, có rất nhiều ngành nghề dịch vụ mới phát triển mạnh như: cửa hàng kinh doanh vàng bạc- đá quý, cơ sở trao đổi ngoại tệ...v.v, nhất là các khu trung tâm An Đông, Thuận Kiều Plaza quận 5, quận 1, quận 3..., là những tâm điểm chú ý của các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Hiện nay, TPHCM là nơi phát triển lĩnh vực công nghệ mạnh mẽ, những cơ sở dịch vụ trò chơi điện tử mọc lên nhiều nơi. Các tụ điểm dịch vụ Internet, games là nơi tụ tập của những nhóm tội phạm và cũng là nơi học sinh trốn học tụ tập chơi suốt đêm; chính các tụ điểm này là nơi làm cho các em học sinh thiếu nợ vì chơi game, trò chơi điện tử. Ngoài ra, các tụ điểm này còn là nơi tội phạm bàn bạc tổ chức thực hiện hành vi phạm tội; sau đó, để có tiền trả nợ họ rủ nhau đi cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản..., để kiếm tiền trả nợ (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Hiện nay, tình trạng các tội phạm quen biết nhau qua mạng Internet, sau đó hình thành băng, nhóm hoạt động phạm tội ngày càng gia tăng và hết sức nguy hiểm. Tuy tội phạm không quen biết nhau, mà chỉ căn cứ vào các nickname có ấn tượng rất mạnh để liên lạc, rồi liên kết thành băng, nhóm. Bên cạnh đó, một số chưa thanh thiếu niên và học sinh do ham chơi game, lười học, kết quả học tập yếu, dẫn đến chán học rồi bỏ học, dễ bị lợi dụng, rủ rê của các đối tượng xấu, sẽ đi đến phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

TPHCM cũng như cả nước, kinh tế phát triển theo đa thành phần khó kiểm chế lạm phát và khó kiểm soát, vì chạy theo lợi nhuận mà các công ty, xí nghiệp..., bất chấp thủ đoạn gian lận, làm ăn phi pháp, lừa đảo. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, sự chênh lệch giàu nghèo có khoảng cách lớn, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, muốn hưởng thụ ăn chơi, tham gia tệ nạn cờ bạc, rượu chè, thuốc lắc nhằm thỏa mãn nhu cầu bản thân ngày càng nhiều (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Số người dân lao động có cuộc sống khó khăn, thu nhập thấp chiếm tỉ lệ càng cao. Ngược lại, một số người có thu nhập cao, bất hợp pháp do làm ăn kinh tế gian dối, buôn lậu, buôn hàng cấm, tham nhũng, nhận hối lộ... Sự giàu có bất chính trong xã hội gây ra sự suy thoái nền kinh tế, đạo đức của con người bị biến chất, giá trị xã hội bị đảo lộn. Ở một góc độ nào đó, tạo ra những quan niệm sai lệch trong cách kiếm tiền, dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, làm phát sinh tội phạm. Ngoài ra, mặt trái của kinh tế thị trường ở TPHCM đã đề cao giá trị đồng tiền; quan niệm ai có tiền là có quyền lực trong xã hội và có thể dựa vào quyền lực này để chiếm hữu những thứ người ta cần. Do vậy, người ta hướng tới việc kiếm tiền bằng mọi cách; bỏ qua tiêu chuẩn đạo đức và khuôn khổ pháp luật. Các gia đình kinh tế giàu có thường cho con cái sử dụng đồng tiền một cách tự do. Những đứa trẻ này do có tiền một cách dễ dàng nên không biết được giá trị của đồng tiền, thường dùng tiền để làm “nổi” với bạn bè, thể hiện trước đám đông. Đến khi cha, mẹ không còn điều kiện kinh tế chu cấp hoặc không còn cho tiền chi tiêu lãng phí nữa; do đã quen với cách tiêu tiền phung phí nên khi hết tiền, muốn có tiền để đáp ứng nhu cầu tiêu xài như trước đây, cùng với những cám dỗ và sự lôi kéo của bạn bè và các đối tượng xấu, đã dẫn các em đến việc phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*).

Quá trình đô thị hóa nhanh đã kéo theo nhiều hệ lụy như: kết cấu hạ tầng chưa theo kịp sự phát triển kinh tế; số thanh, thiếu niên thất học, bỏ học ngày càng tăng; đạo đức xã hội bị suy thoái; một bộ phận trong số đó thiếu hiểu biết, lười lao động, thích hưởng thụ nên đã sa ngã vào tệ nạn xã hội rồi đi vào con

đường phạm tội. Hiện nay, còn rất nhiều người không có ý thức pháp luật, vì sợ liên quan tới gia đình và bản thân, hoặc do bản thân trước đây đã có phạm tội như buôn lậu, buôn hàng cấm...v.v, góp phần làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*theo nghiên cứu ở tiểu mục 2.2.5*). Ngoài ra, trong thời gian qua, các công ty, xí nghiệp, các tổ chức kinh tế chỉ tập trung chạy theo lợi nhuận mà chưa quan tâm đúng mức về việc bảo vệ tài sản của tổ chức, cơ quan của mình; không trang bị các phương tiện bảo vệ tài sản, như: Camera, kèn báo động, khóa chống trộm..., cho việc phòng, chống tội phạm; tất cả đã trở thành nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*).

Bên cạnh đó, tệ nạn mại dâm đang gia tăng tại TPHCM trong những năm gần đây, tập trung nhiều ở các Nhà hàng, Khách sạn, quán Karaoke, quán Bar. Tổ chức hoạt động ngày càng kín đáo, tinh vi và có hệ thống, mạng lưới tổ chức mại dâm qua mạng Internet như zalo, facebook....để giới thiệu, mua bán ngày càng nhiều. Tệ nạn cờ bạc, cá độ, đánh bài...xuất hiện khắp các quận/ huyện, lôi kéo đủ các tầng lớp, các thành phần xã hội tham gia. Tội phạm lợi dụng các địa điểm vắng vẻ, ít người qua lại, như khu vực ruộng lúa huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, khu vườn Tràm huyện Cần Giờ; tổ chức các ổ đánh bạc lớn và thường xuyên thay đổi địa điểm, lôi kéo nhiều người và nhiều gia đình tham gia, bỏ bê công việc làm; thua tiền làm cho tài chính gia đình suy sụp ảnh hưởng đến cuộc sống, tương lai con cái; tạo gánh nặng cho xã hội. Những người bị thua cờ bạc, cá độ dẫn tới thiếu nợ, bị gánh nặng nợ nần thúc ép phải có tiền để trả nợ. Một số người bị giang hồ hăm dọa, thúc ép trả nợ, từ đó đã có hành vi trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản để kiếm tiền trả nợ (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Việc sử dụng rượu bia bữa bãi dẫn đến mâu thuẫn, mất kiểm soát hành vi cũng dễ bị lôi kéo phạm tội. Ngoài ra, tội phạm còn có một số thủ đoạn sử dụng công nghệ để tổ chức cá độ bóng đá liên Tỉnh, xuyên Quốc gia (*xem bảng 2.22 - phụ lục 1*); các tệ nạn xã hội ngày càng diễn biến phức tạp; từ tệ nạn xã hội

chuyển hóa sang tội phạm hình sự, đó cũng là nguyên nhân và điều kiện góp phần làm gia tăng các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

3.2.2. Các yếu tố tiêu cực xuất phát từ môi trường gia đình

Gia đình là môi trường đầu tiên có tác động đến quá trình hình thành nhân cách của con người, nhất là thời kỳ tuổi thơ. Thực tế người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM phần lớn chịu sự tác động tiêu cực từ môi trường gia đình như: gia đình sống không gương mẫu, vi phạm pháp luật; gia đình không hoàn hảo, không hạnh phúc, có điều kiện kinh tế khó khăn; cha mẹ giáo dục con cái không đúng cách; trái ngược nhau, quá khắt khe hoặc quá nuông chiều con cái, sẽ hình thành nhân cách lệch lạc con cái từ lúc còn nhỏ, khi lớn lên cá nhân đó sẽ dễ bị sa ngã vào con đường phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, gồm các yếu tố tiêu cực sau:

- Người thân trong gia đình không gương mẫu, sống thiếu chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em chịu ảnh hưởng, tác động rất lớn từ ông, bà, cha, mẹ, anh, chị. Trẻ em sống thường xuyên trong gia đình có cha, mẹ, người thân không gương mẫu, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức lối sống..., những hình ảnh đó đã tác động vào suy nghĩ và nhận thức của trẻ em, làm cho trẻ em không biết đâu là điều đúng, không biết đâu là chuẩn mực để học theo. Trẻ em bắt chước theo những hành vi xấu của người lớn; nhiều lần dần dần hình thành tính cách xấu ở trẻ. Từ đó trẻ em sẽ có những tính cách không trung thực, giang lận, thiếu chuẩn mực đạo đức, sống coi thường pháp luật, xem việc phạm tội là chuyện bình thường, dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Nếu trẻ em chứng kiến cảnh bạo lực trong gia đình từ khi còn nhỏ, thì lớn lên trong cách sống dễ mang tính bạo lực và dẫn đến có những hành vi khác thường, không có lối sống lành mạnh và dễ trở thành tội phạm (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Điều này lý giải được trên địa bàn TPHCM trong 12 năm qua có nhiều trường hợp phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt xuất thân từ gia đình

có người thân bị vi phạm pháp luật như trên; hoàn cảnh gia đình đã tác động rất lớn đến tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Diễn hình như vụ án của băng trộm cắp, lừa đảo, cướp giật do Nguyễn Thị Tuyết Mai cầm đầu (*sinh năm 1965; có 5 tiền án và 1 tiền sự về tội trộm cắp và cướp giật tài sản*). Mai có 10 đứa con; các con của Mai không đi học, sống trong môi trường không có giáo dục, tuổi thơ lớn lên chứng kiến mẹ từng phạm tội vào tù nên đã bắt chước theo con đường trộm cắp, cướp giật. Con của Mai là Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1997, là đối tượng bị bắt chung trong nhóm này. Con rể của Mai là Nguyễn Đức Thành, sinh năm 1987, giúp mẹ vợ cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 25-6-2014, thấy ông Kim Chung Rim (quốc tịch Hàn Quốc) đang đi bộ trên đường Hàm Nghi. Nguyễn Văn Lộc điều khiển xe máy số 51P7-6672 đụng vào người ông Rim, cùng lúc đó, Mai và Hằng đi bộ đến va chạm vào ông Rim rồi móc túi lấy chiếc điện thoại Iphone 5 và ví tiền. TAND TPHCM xử phạt: Nguyễn Thị Tuyết Mai 10 năm tù giam; Nguyễn Văn Lộc 05 năm và Nguyễn Thị Hằng 04 năm tù giam.

- *Gia đình có cấu trúc không hoàn hảo, nhà nghèo, kinh tế khó khăn.*

Gia đình cha và mẹ ly hôn, ly thân, đông con; hoặc gia đình thiếu cha hoặc mẹ. Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; cha, mẹ lo làm việc kiếm tiền để trang trải cuộc sống, không còn thời gian và sức lực để quản lý, giáo dục con cái, con cái bị bỏ rơi, thiếu sự quan tâm, thiếu tình thương cha mẹ, thiếu sự kèm cặp dạy dỗ của gia đình, tạo thói quen sống tự do, buông thả. Từ đó trẻ em dễ bắt chước theo những tật xấu trong xã hội, dễ hình thành động cơ, mục đích phạm tội (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Những hoàn cảnh trên đã làm cho trẻ em có tâm lý lệch lạc, ngang bướng, bất cần; thường kết thân với bạn bè xấu, học theo bạn sử dụng chất kích thích, ma túy, ăn chơi, sã ngã vào con đường phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM diễn biến phức tạp.

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị phát triển kinh tế mạnh, dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, cùng với lối sống buông thả, thỏa mãn các nhu cầu của bản thân, dẫn đến tỉ lệ ly dị, ly thân rất cao. Tình trạng “sống thử” của sinh viên và công nhân khi đi làm việc xa gia đình, tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, dẫn đến sinh con, nhưng sau đó chia tay, đã làm cho tâm lý nhiều thanh niên trẻ chán nản cuộc sống và dễ sa ngã vào con đường phạm tội (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Ngoài ra, sự thiếu hụt tình cảm gia đình, quan tâm của cha, mẹ; sự mặc cảm với bạn, xã hội vì gia đình khó khăn về kinh tế; cùng với sự căm dỗ của các tệ nạn xã hội đã dụ dỗ, lôi kéo họ vào con đường phạm tội; chủ yếu là các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Đây chính là một trong những nguyên nhân và điều kiện làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Ví dụ: như bản án số 218/2016/ HSST ngày 17/6/2016, *bị cáo Tô Phạm Thành Tài có hoàn cảnh gia đình cha, mẹ mất sớm, không người giáo dục, dạy dỗ, nên bị lôi kéo, dụ dỗ phạm tội*. Khoảng 9 giờ 45 phút ngày 02/10/2015, đối tượng tên Ty (chưa rõ lai lịch) đến nhà rử Tài (*sinh năm 1995; trình độ: 9/12; nghề nghiệp: chạy xe ôm; cha là Phạm Văn Thành - mất sớm và mẹ là: Tô Thị Hồng Thương- mất*) đi cướp giật tài sản. Tài đồng ý, Ty chở Tài bằng xe máy biển số 52H7-7640 lưu thông trên nhiều tuyến đường ở quận 1. Đến trước nhà số 26 Đỗ Quang Đầu, Quận 1. Ty và Tài phát hiện chị Xie Xintong (Quốc tịch: Trung Quốc) tay cầm một chiếc máy ảnh hiệu Nikon D610. Sau khi Ty và Tài theo dõi chị Xie Xintong khoảng 30 phút, khi thấy chị Xie Xintong đi bộ trên lề đường bên phải, Ty điều khiển xe máy chạy áp sát chị Xie Xintong, Tài ngồi sau nghiên người giật chiếc máy ảnh. Công an bắt giữ Tài cùng phương tiện. Ty chạy thoát. TAND TPHCM xử phạt Tô Phạm Thành Tài, tội: “Cướp giật tài sản” 03 năm tù giam.

- *Cha, mẹ có phương pháp giáo dục con không đúng cách*

Gia đình là một tế bào của xã hội, gia đình có vị trí rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách và thái độ ứng xử của con người. Phương pháp giáo dục, dạy dỗ của cha, mẹ là yếu tố tác động rất lớn đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức của trẻ em. Nếu cha, mẹ và người thân trong gia đình quản lý tốt, giáo dục tốt, sống nề nếp, kỷ cương, đạo đức thì con cái sẽ bắt chước, học hỏi theo, có lối sống trong sáng, lành mạnh, nhân cách phát triển hoàn thiện. Nếu cha, mẹ, người thân buông lỏng, không giáo dục, uốn nắn kịp thời, không quan tâm đến hoạt động học tập, vui chơi, sự phát triển về tâm- sinh lý của trẻ em thì đây là một trong những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vi phạm các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*).

Nếu trong một gia đình giữa cha và mẹ không thống nhất cách dạy con, hoặc sai lầm trong phương pháp giáo dục con; làm cho con không nhận ra lỗi của mình, không nghe lời dạy bảo của cha, mẹ, có thái độ phản ứng thái quá, hỗn láo với cha mẹ, coi thường đạo đức lễ nghĩa, giá trị pháp luật. Dẫn tới tình trạng con không nhận ra lỗi của mình, không nghe lời cha, mẹ; có thái độ phản ứng, không hài lòng khi cha, mẹ dạy dỗ, hoặc trông chờ vào sự giúp đỡ của người cha hoặc mẹ để né tránh sự dạy dỗ của người kia. Lâu dần sẽ thành thói quen khó sửa, trở thành người không nghe lời cha mẹ, tự làm theo ý thích của mình mà không cần biết sẽ gây hậu quả gì (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*).

Nhiều trường hợp do cha, mẹ thiếu hiểu biết hoặc cư xử không đúng chuẩn mực với con cái, xử lý những khuyết điểm của con cái không đúng mức, đúng tội. Thường xuyên dùng hình phạt con bừa bãi hoặc phạt nặng dẫn đến con bị khủng hoảng tâm lý, làm cho trẻ em trở nên tự ti, bị ức chế, lý lợm, tâm lý muốn nổi loạn, chống đối, phản kháng rất quyết liệt, mức độ ngày càng tăng, sau đó hình thành nhân cách độc ác, thô bạo cũng là nguyên nhân và điều kiện dẫn tới phạm tội (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Thực tế trên địa bàn TPHCM hiện nay, cũng có rất nhiều gia đình không quan tâm đến con cái; chưa nắm bắt và chia sẻ được các diễn biến tâm sinh lý của con cái, đặc biệt là lứa tuổi thanh, thiếu niên.

Đây là lứa tuổi mới bắt đầu tiếp xúc với các hoàn cảnh của xã hội, suy nghĩ nông cạn, thích tò mò, thích thể hiện mình, dễ bị tác động, lợi dụng, lôi kéo phạm tội. Có nhiều gia đình khi biết con mình hư hỏng, không dạy dỗ nghiêm túc, thậm chí còn bao che, hối lộ, chạy chọt để con mình thoát tội. Điều này, đã góp phần thúc đẩy hình thành các tâm lý tiêu cực, coi thường pháp luật ở trẻ em.

3.2.3. Các yếu tố tiêu cực xuất phát từ môi trường nhà trường

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có rất nhiều trường tiểu học, trường phổ thông, trường Đại học lớn có tầm cỡ quốc tế. Một trong những đặc thù của TPHCM là có sự tăng dân số đột biến, tự phát do sự di cư từ các tỉnh về học tập, sinh sống. Kéo theo đó, trình độ và nhận thức cũng khác nhau, đã tạo ra một áp lực rất lớn cho các trường học trong quá trình giáo dục.

- Những hạn chế về nội dung, phương pháp giáo dục trong nhà trường

Nhà trường không chỉ là nơi đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao kiến thức; mà còn là nơi để cá nhân rèn luyện bản thân, tu dưỡng đạo đức, trao dồi trở thành con người sống có hoài bão, có lý tưởng sống tốt đẹp phù hợp với các giá trị đạo đức xã hội. Thời gian qua, phần lớn các trường học trên địa bàn TPHCM, chỉ làm tốt chức năng giảng dạy kiến thức văn hóa cơ bản cho học sinh. Còn việc giáo dục pháp luật vẫn chưa được đầu tư, quan tâm đúng mức. Phương pháp giáo dục thụ động, mang tính áp đặt; chưa có phương pháp dạy học tích cực nên chưa phát huy được tính sáng tạo, chưa tạo được sự chủ động của các em trong học tập. Bên cạnh đó, chương trình học quá dài, quá nhiều, tạo tình trạng quá tải, căng thẳng cho học sinh; kết hợp với tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan đã tạo cho các em mệt mỏi, kiệt sức vì học tập. Điều này khiến cho nhiều học sinh không theo kịp chương trình, kết quả học tập bị giảm sút, dẫn đến tâm lý chán nản, bi quan, tư tưởng không muốn học, thường xuyên trốn học, bỏ học, dẫn đến số tội phạm có trình độ văn hóa thấp chiếm tỉ lệ cao (79%) (xem bảng 2.27 - phụ lục 1). Ngoài ra, nhiều giáo viên ít quan tâm đến giáo dục đạo đức, lối sống và giáo dục về pháp luật cho học sinh; chưa được rèn

luyện những thói quen sống mình vì mọi người và biết yêu lao động, biết trân trọng giá trị đạo đức, tránh xa các thói hư tật xấu. Tất cả những yếu tố tiêu cực trên, đã làm cho học sinh dễ sa ngã và phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Tác giả đã tiến hành điều tra xã hội bằng cách phỏng vấn 200 giáo viên đang giảng dạy tại các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn TPHCM với câu hỏi: “Ngoài việc giảng dạy kiến thức văn hóa cho học sinh, trường các anh/chị có tổ chức giảng dạy pháp luật, đạo đức lối sống và quy tắc ứng xử cho các em chưa? ”. Kết quả có 86 phiếu trả lời chưa quan tâm đến việc giảng dạy pháp luật, đạo đức lối sống và quy tắc ứng xử cho học sinh, chiếm tỉ lệ 43%; 38 phiếu trả lời là nhà trường thường xuyên có tổ chức, chiếm 19%; 76 phiếu trả lời nhà trường có nhưng chưa thường xuyên, chiếm 38%. Qua khảo sát cho thấy, ở các trường chưa lồng ghép giảng dạy các môn pháp luật, đạo đức và quy tắc ứng xử cho học sinh. Chưa quan tâm chú trọng vào việc giáo dục các quy định của pháp luật như: những việc pháp luật cấm không được làm, những việc pháp luật bắt buộc phải làm theo. Chưa dạy cho các em thấy được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- Các yếu tố tiêu cực từ giáo viên hạn chế về trình độ chuyên môn, có đạo đức và lối sống chưa đúng mực

Giáo viên là nghề cao quý, hình ảnh của thầy, cô giáo là tấm gương mẫu mực cho học sinh noi theo. Giáo viên không chỉ thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực trong giảng dạy mà còn phải trao dồi đạo đức, xây dựng lối sống trong sáng, lành mạnh. Tuy nhiên, trên địa bàn TPHCM hiện nay, nhất là ở các huyện nông thôn, vùng xa như: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Cần Giuộc, Nhà Bè vẫn còn nhiều giáo viên có trình độ hạn chế, khả năng truyền đạt kiến thức còn yếu, giảng bài một cách qua loa, thiếu nhiệt tình; hoặc không muốn giảng bài, dẫn đến các em không hiểu bài, không có hứng thú học tập, thường xuyên quậy phá trong lớp. Có nhiều trường hợp giáo viên còn thiếu nghiêm túc trong việc kiểm tra, đánh giá học sinh; làm ngơ khi học

sinh quay cóp tài liệu trong kiểm tra, thi cử..., những điều này đã tác động tiêu cực đến nhận thức của học sinh về hình ảnh của thầy, cô giáo (xem bảng 2.31 - phụ lục 1). Ví dụ: điển hình gương không tốt năm 2018 của Cô giáo Trần Thị Minh Châu, giáo viên trường trung học phổ thông Long Thới, Nhà Bè, TPHCM suốt 3 tháng lên lớp dạy học nhưng không giảng bài, vi phạm quy tắc ứng xử, vi phạm quy định chuyên môn, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Công tác giáo dục ở nhiều trường hiện nay vẫn còn yếu kém, bệnh thành tích vẫn còn phổ biến ở các trường, như trường phổ thông trung học Thạnh Lộc quận 12, trường phổ thông trung học Phước Long quận 9... Nhiều giáo viên có những biện pháp kỷ luật thái hóa, quá mức cần thiết, gây ức chế cho học sinh. Kết quả là học sinh coi thường giáo viên, coi thường nhà trường, không muốn học tập, tâm lý chống đối, bỏ học (xem bảng 2.31 - phụ lục 1). Ở nhiều trường học, do phương pháp giáo dục bất cập, đạo đức giáo viên xuống cấp; chương trình học tập nặng nề, tổ chức hoạt động ngoại khóa còn nhiều yếu kém.... Trong học đường có hiện tượng học sinh chửi hoặc đánh thầy, cô giáo và đưa lên các mạng xã hội, đã xâm nhập vào tư tưởng của học sinh khác; dẫn đến nhiều học sinh trốn học, chơi games, thậm chí bị lôi kéo dụ dỗ, đi trộm cắp, cướp giật tài sản....vv. Chính phương pháp giáo dục còn hạn chế, sự xuống cấp về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp của một số giáo viên đã làm cho nhiều học sinh chán nản, không có hứng thú trong học tập, tụ tập, chơi games..., những em này không được quản lý, giáo dục kịp thời, cùng với nhu cầu cần có tiền tiêu xài để phục vụ cho việc ăn chơi, là động cơ thúc đẩy học sinh sa ngã vào con đường phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (xem bảng 2.28 - phụ lục 1).

- *Những hạn chế trong sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong quản lý, giáo dục học sinh*

Nhà trường và gia đình là trung tâm của việc giáo dục, rèn luyện học sinh. Hiện nay sự phối hợp quản lý, giáo dục học sinh giữa nhà trường với gia đình chưa được chặt chẽ, chưa thường xuyên và còn nhiều hạn chế; nên không cập

nhật kịp thời những ưu điểm và khuyết điểm của con, em mình trong quá trình học tập. Thực tiễn tất cả các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn TPHCM đều có thành lập Hội phụ huynh học sinh của từng lớp, từng khối và từng trường. Nhưng sự hoạt động của hội phụ huynh học sinh chỉ có một số ít trường đem lại hiệu quả. Còn lại đa số các trường chỉ thành lập mang tính hình thức hoặc thành lập Hội phụ huynh chỉ tập trung vào việc đóng góp, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất cho nhà trường. Chưa thực sự phát huy vai trò quản lý, giám sát, giáo dục học sinh. Ngoài ra, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm trong việc quản lý, nắm bắt quá trình học tập, những biến đổi về tâm lý của học sinh để có biện pháp giáo dục phù hợp. Vì vậy, mặc dù có một số học sinh trốn học, tụ tập, kết bạn với các phần tử xấu ngoài xã hội chơi games (*xem bảng 2.28- phụ lục 1*). Nhưng nhà trường không nắm bắt được hoặc nắm được nhưng không quan tâm, không có biện pháp khắc phục và cũng không phối hợp với gia đình để giáo dục kịp thời, đã tạo điều kiện cho các học sinh đi vào con đường phạm tội.

Bên cạnh đó, thu nhập của giáo viên hiện nay vẫn còn ở mức thấp, không đủ trang trải cho cuộc sống của bản thân và gia đình; đặc biệt là giáo viên các trường tiểu học và giáo viên ở các trường phổ thông. Nhiều giáo viên chỉ tập trung lo làm thêm ngoài giờ, mở các lớp dạy thêm, để cải thiện cuộc sống. Không có lòng nhiệt tình yêu nghề, dạy qua loa cho hết giờ. Một số giáo viên dạy thêm, do muốn thu hút học sinh đến học thêm đông để kiếm thêm nhiều tiền từ dạy thêm. Khi ra đề thi hoặc đề kiểm tra đều ra đề trong các bài đã dạy thêm ngoài giờ; tạo uy tín giáo viên dạy giỏi giả tạo trong giảng dạy, tạo bệnh thành tích giả mỗi năm. Nhiều trường hợp giáo viên còn làm nơ cho học sinh quay bài trong thi cử, để lấy thành tích trong giảng dạy. Bên cạnh đó, nhiều gia đình lo làm ăn, chạy theo kinh tế thị trường, nên cứ tưởng con đi học đầy đủ. Khi bị phạm tội mới biết con mình bỏ học, bỏ nhà đi theo bạn, chơi game, hút chích ma túy, cờ bạc (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*).

Diễn hình bản án số 308/2017/HSST, của TAND Quận 11, TPHCM, xét xử về tội trộm cắp tài sản, của 03 bị cáo có đặc điểm nhân thân từ nhỏ bỏ học, đánh, chửi thầy, cô giáo, nghiện ma túy, trở thành tội phạm. Gồm: Chung Chí Thành (*sinh năm: 1982; nghề nghiệp: giữ xe; trình độ văn hóa: 9/12; nhân thân: năm 1997 đánh cô giáo, nghỉ học đi theo bạn, năm 2005 bị TAND Quận 11 xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” hưởng án treo*); Kong Hiên Hòa (*sinh năm: 1986; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12*) và Huỳnh Dũ Minh (*sinh năm: 1981; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; nhân thân: năm 1993 chửi Thầy giáo, bỏ học; năm 2008 bị TAND Quận 11, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/5/2003 bị bắt đưa đi cai nghiện. Ngày 07/7/2014 áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại địa phương*). Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 17/8/2016, Chung Chí Thành đi bộ đến cửa hàng chơi điện tử để chơi game. Trên đường đi, Thành thấy anh Ngô Văn Phúc say rượu ngủ trên xe máy trước nhà số 1030 đường 3 tháng 2, Quận 11. Khi đến tiệm game, Thành, Hòa và Minh đi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Phúc. Khi anh Phúc tỉnh dậy phát hiện bị mất: 01 xe máy, 01 điện thoại di động, 01 Iphone 6 Plus, 01 đồng hồ đeo tay, 01 sợi dây chuyền vàng, 02 nhẫn vàng và 700.000 đồng. TAND Quận 11 xử phạt Chung Chí Thành 09 tháng tù giam, Huỳnh Dũ Minh 10 tháng tù giam và Kong Hiên Hòa 06 tháng tù, hưởng án treo.

3.2.4. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ văn hóa, giáo dục

- Sự xâm nhập gia tăng của các loại hình văn hóa đồi trụy, bạo lực

Văn hóa, giáo dục là nền tảng tinh thần và tri thức của xã hội; là mục tiêu, động lực và là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự du nhập của nhiều loại văn hóa phẩm đồi trụy, ngoại lai và nhiều loại hình văn hóa vào TPHCM được giới trẻ đón nhận mà chưa được sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan chức năng đã tác động xấu đến nhận thức và hành động của nhiều thanh, thiếu niên. Đặc biệt là các loại phim ảnh, sách báo có nội dung bạo lực, khiêu dâm, đồi trụy, các loại game online... gây nghiện cho

giới trẻ. Ngày nay, có rất nhiều trẻ em phạm tội trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản do nghiện chơi games. Các cơ sở dịch vụ internet đã bất chấp quy định của pháp luật về thời gian kinh doanh, hoạt động suốt đêm, lôi kéo những người thất nghiệp, học sinh tham gia (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Ngoài ra, một số dân cư thể hiện lối sống thực dụng, ích kỷ, chà đạp lên những giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tiếp nhận những luồng tư tưởng độc hại trong các sản phẩm văn hóa khác nhau như sách, báo, phim, ảnh, băng, đĩa..., từ bên ngoài có nội dung xấu đã gây tha hóa, xuống cấp về đạo đức, lười lao động đó là nguyên nhân và điều kiện phát sinh và phát triển tội phạm.

Diễn hình như bản án số 86/2017/HSST của TAND TPHCM ngày 7/03/2017, Về tội trộm cắp tài sản, vì nghiện chơi game. Khoảng 09 giờ ngày 07/5/2016, Nguyễn Thành Tâm (*sinh năm 1993; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 0/12; tiền án: ngày 18/12/2014 bị TAND quận Gò Vấp xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”*), đến tiệm net của chị Võ Thị Huyền để chơi game, nhưng do thiếu nhiều tiền nên chị Huyền không cho Tâm chơi. Khoảng 10 giờ ngày 15/5/2016. Tâm lấy trộm 01 chiếc xe đạp Martin dựng trước tiệm bán trả nợ tiền chơi game. Đến 11 giờ 30 cùng ngày, Tâm trộm 01 chiếc xe đạp khác đem đi bán được 400.000 đồng. TAND TPHCM đã xử phạt Nguyễn Thành Tâm 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Mỗi năm, trên địa bàn TPHCM vào các ngày đại lễ như: giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30 tháng 4 và quốc tế lao động, tại phố chợ hoa Quận 1 đường Nguyễn Huệ và trên một số tuyến đường lớn. Sở văn hóa thông tin- truyền thông, phòng văn hóa quận 1, quận 3, quận 5, quận Tân Phú, quận 6 ..., tổ chức công tác tuyên truyền về những lịch sử của đất nước, những phong tục, tập quán, tinh hoa văn hóa của dân tộc thông qua pano, áp phích, băng rol... Tuy nhiên, tuyên truyền chưa có nội dung sâu sắc, hình thức và phương pháp chưa gây sự chú ý và thu hút người dân, chưa phản ánh hết cuộc sống sinh động, lịch sử của dân tộc, chuẩn mực của xã hội và các gương người tốt, việc tốt; cũng như chưa đủ sức phê phán kịp thời các

hành vi tiêu cực trong xã hội. Hoạt động văn hóa ở cơ sở xã/ phường cũng chưa được quan tâm đúng mức nên chưa có sự chuyển biến mạnh về công tác tuyên truyền, có nơi chỉ làm cho có lệ, qua loa, chưa chú trọng đến hiệu quả, nên nhiều người dân vẫn chưa ý thức cảnh giác và trở thành nạn nhân của tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*).

Ngoài ra, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường văn hóa như trên phải kể đến là do các cơ quan chức năng: Sở văn hóa thông tin và truyền thông, các Phòng văn hóa của quận/ huyện đông dân cư, thuộc nội thành như quận 1, quận 3, quận 5, quận 4, quận 8, quận 10, quận 11, Tân Bình, Bình Tân, Phú Nhuận..., chưa thực hiện tốt công tác quản lý về văn hóa ở các phần: cấp phép, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về văn hóa. Một số trường hợp chưa thẩm tra kỹ trước khi cấp phép hoạt động, kinh doanh của các sản phẩm văn hóa, dẫn đến việc cấp phép tràn lan, chồng chéo, sai phạm. Ngoài ra, còn buông lỏng việc kiểm tra sau khi cấp phép, đã để các cơ sở kinh doanh trộn lẫn các văn hóa phẩm đồi trụy, bạo lực làm ô nhiễm trí tuệ của tuổi trẻ, nhất là học sinh phổ thông. Việc xử lý sai phạm nhiều trường hợp còn chưa công khai, minh bạch, chưa thật sự nghiêm khắc; thậm chí còn có biểu hiện tiêu cực trong công tác này, nên không có tác dụng răn đe, ngăn chặn; điển hình là việc cấp phép và quy định thời gian hoạt động của các cơ sở Internet, tiệm games, các băng đĩa phim đồi trụy (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*).

- Công tác quản lý, giám sát, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng sau khi ra tù, sau khi cai nghiện trả về địa phương chưa tốt

Nhiều tội phạm sau khi chấp hành xong hình phạt tù; sau khi cai nghiện tại các trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục trở về địa phương mà không được sự giáo dục, giúp đỡ của địa phương để các em hòa nhập vào cộng đồng. Bên cạnh đó, có sự kỳ thị, xa lánh của gia đình, xóm làng; thiếu sự quan tâm bố trí việc làm của các cơ quan, đoàn thể ở địa phương nên họ không tìm được việc làm, không có tiền chi tiêu, tâm lý mặc cảm, tự ti; kết hợp với việc bị các đối tượng

xấu lòi kéo nên rất dễ tái phạm. Mỗi năm, số tội phạm hưởng án treo (12,68%), cải tạo không giam giữ (4,36%) (*xem bảng 2.20 - phụ lục 1*), cùng với số sau cai nghiện ma túy và số tội phạm sau khi ra tù (19%) [122] trả về địa phương, mà các cấp có thẩm quyền, các tổ chức xã hội ở xã/ phường không quan tâm giám sát, giúp đỡ, bố trí công việc; không cách ly họ khỏi môi trường cám dỗ, nên dễ bị chán nản và lòi kéo tiếp tục tái phạm tội. Ngoài ra, số tội phạm khi thụ án trong trại giam, đã có kinh nghiệm vào tù và học được nhiều cách thức lòi kéo đồng bọn, tạo lập băng nhóm, cùng các thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội liều lĩnh, tàn bạo. Khi trở về địa phương, nếu có điều kiện thuận lợi thì họ lại tiếp tục tái phạm hoặc tìm cách rủ rê và lòi kéo những người thiếu suy nghĩ, không ý thức cùng tham gia phạm tội và tái phạm (33,01%) (*xem bảng 2.32 - phụ lục 1*).

Ví dụ: như bản án số 258/2015/HSST ngày 30/7/2015 của TAND TPHCM, xử phạt Lê Văn Cửa (*sinh năm 1991; thường trú: TPHCM; trình độ văn hóa 4/12; tiền án: ngày 17/9/2010 TAND quận Tân Bình, xử phạt: 3 năm 6 tháng tù về tội cướp giật tài sản*) 16 năm tù về tội cướp giật tài sản. Trong quá trình cải tạo đã chấp hành tốt nên Cửa đã được giảm án và trả về địa phương trước thời hạn. Sau khi về địa phương, vì trình độ văn hóa thấp, không tìm được việc làm; bị gia đình hắt hủi, bạn bè, hàng xóm xa lánh, Cửa đã kết bạn với các đối tượng Long, Kiệt và Tú. Khoảng 13h ngày 12/10/2013 Kiệt rủ Long, Tú và Cửa đi cướp giật tài sản và tái phạm tội.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức

Mặc dù thời gian gần đây, ở một số trường học trên địa bàn TPHCM tuy có đưa vào chương trình giảng dạy môn Pháp luật đại cương. Nhưng đa số giáo viên và học sinh chỉ coi các môn này là môn học phụ. Việc giảng dạy pháp luật nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho học sinh chỉ qua loa, đại khái chưa thực sự hướng đến việc trang bị cho các em những kiến thức cơ bản về pháp luật để có kỹ năng xử sự trong cuộc sống. Hiện nay, ở nhiều trường học chính các giáo

viên cũng hiểu pháp luật một cách lơ mơ, quan niệm về đạo đức xã hội lệch lạc. Do vậy, các em chưa ý thức về việc chấp hành pháp luật; từ đó phát sinh tư tưởng coi thường pháp luật, dẫn tới vi phạm pháp luật do thực hiện các hành vi phạm tội (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*). Thực tế tác giả điều tra xã hội học bằng cách qua khảo sát 200 giáo viên đang dạy tại các trường tiểu học và trung học cơ sở, với câu hỏi: “Ngoài việc truyền thụ kiến thức văn hóa cho học sinh, trường của các anh/chị có tổ chức giáo dục môn pháp luật cho các em không?”. Kết quả có 126 phiếu trả lời chưa quan tâm đến việc giáo dục pháp luật, chiếm tỉ lệ 63%; 38 phiếu trả lời thỉnh thoảng có tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh, chiếm tỉ lệ 19%; còn lại là 18% trả lời có tổ chức. Qua đây cho thấy nội dung và hình thức tuyên truyền pháp luật chưa được triển khai giáo dục sâu rộng trong các nhà trường ở TPHCM và chưa có phương pháp tuyên truyền phù hợp.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật sâu rộng trong nhân dân chưa được chú trọng đúng mực. Chưa được tổ chức triển khai đến từng khu dân cư, từng khu phố, tổ dân phố, công ty, doanh nghiệp, trường học... Các văn bản pháp luật mới ban hành ít được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và nếu có đăng tải thì hình thức còn nghèo nàn và thời lượng chỉ thoáng qua vài phút, nên chưa thu hút được sự quan tâm, chú ý sâu, rộng trong quần chúng nhân dân vì vậy hiệu quả chưa cao. Mặc dù pháp luật đã được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng còn mang tính hình thức, chưa có những nội dung phù hợp để thu hút người dân; thời lượng để tuyên truyền quá ít, số lần tuyên truyền lặp đi lặp lại rất thưa [18], chưa tạo được ý thức tự giác cho người dân nói chung và lứa tuổi thanh thiếu niên nói riêng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhận thức về pháp luật của người dân TPHCM còn hạn chế, nên dễ mất cảnh giác, sơ hở trở thành nạn nhân (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*).

Nhiều phường ở quận 2, quận 7, quận 8, quận 9, Thủ Đức, Tân Bình, Bình Thạnh, Phú Nhuận, huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn do địa bàn phức tạp, nên việc tổ chức triển khai bằng tờ rơi, áp phích, tuyên truyền tại các tổ dân phố

đến từng hộ gia đình về phòng chống tội phạm chưa tốt. Việc thông báo về phương thức thủ đoạn hoạt động của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, nhất là tội phạm Trộm cắp tài sản, Cướp tài sản, Cướp giật tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để người dân nâng cao ý thức cảnh giác, phòng chống tội phạm chưa kịp thời. Phong trào quần chúng nhân dân tham gia phòng chống tội phạm tại một số địa phương chưa được sâu rộng, như: ở các công ty, cơ quan, xí nghiệp, trường học chưa trang bị những phương tiện phòng chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (Camera, chuông báo chống trộm...) [18] ở nơi làm việc. Còn nhiều nơi người dân rất mất cảnh giác, lơ là, chủ quan, vẫn có nhiều sơ hở trong việc bảo vệ tài sản cá nhân và gia đình; đặc biệt là ở các huyện nông thôn: huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ, để tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản (xem bảng 2.34 - phụ lục 1).

- *Ý thức pháp luật và hoạt động phòng ngừa tội phạm của người dân còn hạn chế, mất cảnh giác.*

Kết quả nghiên cứu về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM cho thấy, có 473 nạn nhân bị chiếm đoạt tài sản trong các tình huống như: các gia đình, cơ sở kinh doanh, buôn bán, tiệm vàng..., để tài sản sơ hở, hoặc chủ quan tin người, mất cảnh giác (61,78%); đang đi xe, đi bộ trên đường mang theo tài sản có giá trị trên người như dây chuyền, lắc tay, điện thoại di động, ví, túi xách....; hoặc những người đi đứng trong khu vực vắng vẻ trở thành nạn nhân của tội phạm (31,74%) và các tình huống tin người, nhẹ dạ, thiếu hiểu biết về luật pháp, muốn giàu nhanh..., (6,48%) (xem bảng 2.34- phụ lục 1). Như vậy, đa số các nạn nhân trong các vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đều chủ quan, mất cảnh giác và có nhiều sơ hở trong việc quản lý tài sản của mình. Đây chính là một trong những nguyên nhân và điều kiện góp phần làm cho tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt có chiều hướng gia tăng trong những năm gần đây trên địa bàn TPHCM.

Trình độ dân trí không đồng đều, một số huyện ngoại thành trình độ dân trí thấp như huyện Cần giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc môn...., người dân còn sinh sống xen kẽ bằng nghề nghiệp kinh doanh và nông nghiệp; kiến thức về pháp luật còn kém. Trình độ văn hóa của người dân thấp đã có ảnh hưởng nhất định đến ý thức phòng ngừa tội phạm; phần lớn người có trình độ học vấn thấp sẽ khó xin việc làm, không có nghề nghiệp, thu nhập thấp (*xem bảng 2.29 - phụ lục*); các yếu tố này có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành động cơ, mục đích phạm tội (*xem bảng 2.28 - phụ lục*), qua số lượng tội phạm có trình độ văn hóa thấp, cho thấy khả năng nhận thức xã hội của họ hạn chế, ý thức pháp luật kém, coi thường chuẩn mực đạo đức, chỉ cần có tiền thỏa mãn nhu cầu của bản thân, họ làm bất cứ việc gì để kiếm tiền, đó là nguyên nhân phát sinh các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

3.2.5. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Từ kết quả nghiên cứu về cơ cấu tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã phân tích ở chương 2, cho thấy một số đặc điểm nhân thân của người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, đã trở thành những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm, như: phần lớn số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt là nam giới (95,44%), (*xem bảng 2.25- phụ lục 1*); có độ tuổi dưới 30 tuổi (77,92%), (*xem bảng 2.26- phụ lục 1*); có trình độ học vấn thấp: mù chữ và trình độ tiểu học (79%) (*xem bảng 2.27 - phụ lục 1*); không có nghề và nghề nghiệp không ổn định (99,79%), (*xem bảng 2.29- phụ lục 1*), có liên quan đến ma túy chiếm 48% (*xem bảng 2.28- phụ lục 1*).

- Sai lệch trong lối sống, sở thích cá nhân

Lối sống buông thả, cùng với những sở thích lệch lạc thiếu chuẩn mực đạo đức xã hội, như: thường xuyên tụ tập ăn nhậu, cờ bạc, sử dụng ma túy, chơi game của một số thanh, thiếu niên trên địa bàn TPHCM là một trong những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt

trong thời gian qua. Nhu cầu là một hiện tượng tâm lý của con người, là những đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của con người về những giá trị vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển. Tùy theo trình độ nhận thức, môi trường sống, những đặc điểm tâm sinh lý, mỗi người có những nhu cầu khác nhau và phương thức đáp ứng nhu cầu cũng khác nhau. Nhu cầu chi phối mạnh mẽ đời sống tâm lý và hành vi của con người, một số người có lối sống buông thả, thích hưởng thụ, lười lao động..., đã ứng xử trái với đạo đức, trái pháp luật để thỏa mãn nhu cầu lệch lạc của bản thân.. Những sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn những nhu cầu sai lệch, đó là một trong những yếu tố làm phát sinh các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (xem bảng 2.28 - phụ lục 1).

- Trình độ học vấn thấp dẫn đến những hạn chế về ý thức pháp luật

Dưới góc độ luật học thì, ý thức pháp luật là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm, tình cảm của con người thể hiện thái độ, sự đánh giá về tính công bằng hay không công bằng, đúng đắn hay không đúng đắn của pháp luật hiện hành, pháp luật trong quá khứ và pháp luật cần phải có, về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong cách xử sự của con người, trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội [42, tr.421]. Ý thức pháp luật cá nhân là một trong những yếu tố quyết định hành vi phạm tội hay không phạm tội của con người. Khi người có trình độ văn hóa thấp, những hiểu biết về pháp luật rất hạn chế và suy nghĩ rất nông cạn, không biết những điều có vi phạm pháp luật hay không vi phạm pháp luật (theo nghiên cứu có đến 79% tội phạm có trình độ văn hóa thấp nên đã vi phạm pháp luật) (xem bảng 2.27 - phụ lục 1). Do đó, ý thức pháp luật cá nhân của người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, có ý nghĩa quyết định trong việc phạm tội hay không phạm tội của họ.

Khi nghiên cứu 300 bản án hình sự sơ thẩm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt với 569 tội phạm; ngoài các nguyên nhân do bỏ học, do gia đình có hoàn cảnh không tốt, gia đình có cấu trúc không hoàn hảo, do đặc điểm nhân thân của tội phạm không tốt..., thì có 449 tội phạm không hiểu biết gì về pháp

luật, trình độ văn hóa thấp (chiếm khoảng 79%). Nhiều tội phạm vi phạm lần đầu không nhận thức được hậu quả về hành vi phạm tội của mình gây ra hoặc chỉ suy nghĩ hậu quả đó không đáng lo ngại, chỉ cần có tiền thỏa mãn cuộc sống. Ngoài ra, trình độ văn hóa thấp kéo theo nhiều hạn chế trong nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy sẽ không biết việc mình làm đúng hay sai, rất dễ bị lôi kéo, dụ dỗ vi phạm pháp luật.

3.2.6. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ nạn nhân của tội phạm

Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra [161, tr.19]. Như vậy, nạn nhân của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là những cá nhân hoặc những cơ quan, tổ chức bị hành vi phạm tội tác động trực tiếp gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tinh thần và tính mạng. Phần lớn, nạn nhân của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt phần lớn là những gia đình, tổ chức, cơ sở kinh doanh, buôn bán (72,39%), có nhiều tài sản và có ít người, bị sơ hở trong việc quản lý và bảo vệ tài sản, cá nhân chủ yếu là nữ giới (75,46%), người già (56%) và trẻ em (35,1%), (xem bảng 2.34 - phụ lục 1). Đây chính là những người mà tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt thường nhắm tới, để chiếm đoạt tài sản vì họ yếu đuối, sợ sệt, chủ quan, ít có khả năng bảo vệ, chống trả hoặc phản ứng mạnh với tội phạm, thường nhẹ dạ cả tin và sơ hở trong quản lý tài sản của bản thân và gia đình.

Ngoài ra, do đặc thù vị trí địa lý của TPHCM; có phong tục và cách sống của nạn nhân hay khoe khoang tài sản; họ thường chưng diện tài sản dưới nhiều hình thức. Rất chủ quan trong việc bảo vệ tài sản, thiếu cảnh giác, chính là những yếu tố kích thích lòng tham của tội phạm. Bên cạnh đó, với lối sống chủ quan, thiếu cảnh giác, dễ sơ hở; nạn nhân thường có thói quen treo túi xách có tài sản trên xe, hoặc đeo trên người mà không quản lý cẩn thận, hoặc vừa đi xe vừa nghe điện thoại; các cửa hàng kinh doanh vàng bạc, đá quý, nơi trao đổi

ngoại tệ chưa có biện pháp quản lý tài sản phù hợp (xem bảng 2.34 - phụ lục 1). Một phần khác nữa là ý thức phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt của một số người dân trên địa bàn TPHCM chưa cao. Nhiều trường hợp nạn nhân không báo cho cơ quan Công an vì đối với họ tài sản bị mất có giá trị nhỏ, ngại mất thời gian khi trình báo, nhiều trường hợp nạn nhân còn có thái độ bất hợp tác với cơ quan chức năng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân và điều kiện góp phần làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (theo phân tích ở tiểu mục 2.2.5, chương 2).

3.2.7. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

Những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm là những yếu tố do bản thân Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước đã làm xuất hiện những nguyên nhân tiêu cực trong xã hội, mặc dù Nhà nước không mong muốn, đã tạo kẽ hở cho tội phạm lợi dụng hoạt động. Có nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực, như:

- Những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực quản lý cư trú

Thành phố Hồ Chí Minh có trên 19 khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao; nhiều trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề, nhiều khu du lịch,... đã thu hút dân cư từ tỉnh di cư đến để học tập, làm việc, sinh sống, du lịch... Số dân di cư phần lớn có đời sống kinh tế khó khăn. Hầu hết họ không có nơi cư trú ổn định, mức độ nhận thức không đồng đều. Số dân cư này, phần đông thuê phòng ở các khu nhà trọ lụp xụp và không được khai báo tạm trú, tạm vắng theo quy định của pháp luật, đã gây rất nhiều khó khăn cho việc quản lý cư trú ở các quận/ huyện; đặc biệt các quận có dân cư đông, diện tích rộng: quận Bình Tân, Tân Bình, Bình Thạnh, Quận 1, Quận 3, Quận 5, Quận 10, Quận 11, Quận 7, huyện Bình Chánh (xem bảng 2.30 - phụ lục 1). Hiện nay, thành phố có 24 quận/ huyện với 322 phường/ xã, trong khi đó lực lượng cảnh sát khu vực thiếu; nhất là các huyện ngoại thành như huyện Bình Chánh, Củ Chi, Cần giờ

địa bàn rộng, dân cư thưa. Nhiều khu vực ruộng lúa hoang vắng, nhiều khu nhà trọ cách xa nhau hàng chục km; việc kiểm tra, giám sát nhân khẩu, tạm trú rất khó khăn. Nhiều xã diện tích rộng, chỉ có 1 Cảnh sát khu vực quản lý, giám sát tới 3 đến 4 tổ dân phố như ở huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn; do đó không đảm bảo quản lý hết số đăng ký tạm trú trên địa bàn phụ trách. Mặt khác trong công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu của lực lượng Cảnh sát khu vực, Công an xã cũng còn nhiều sơ hở nên đã tạo điều kiện cho người phạm tội ẩn nấp và hoạt động (*xem bảng 2.18 - phụ lục 1*).

Số dân cư di dân tự phát thường với quan điểm vào TPHCM để tìm kiếm con đường làm ăn thay đổi khác hơn và phát triển giàu có. Số người này tập trung thuê mướn phòng trọ, nhà trọ những nơi giá rẻ, lụp xụp để sinh sống. Tuy nhiên, có một số người sống tạm bợ, không ổn định một chỗ, rất khó quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu. Bên cạnh đó, do quen biết một số chủ nhà trọ hoặc số người ở trọ trước đây, nên nhiều tội phạm đã lợi dụng ẩn nấp trong xóm nhà trọ; không đăng ký tạm trú tạm vắng. Ngoài ra, một số chủ nhà trọ vì chạy theo lợi nhuận, trong nhiều trường hợp người thuê nhà trọ đưa tiền nhiều hơn tiền thuê ở trọ; chủ nhà trọ đã che dấu không cần đăng ký tạm trú; đồng thời bao che và chứa chấp, trốn tránh sự kiểm tra của cơ quan chức năng. Lực lượng Cảnh sát khu vực không nắm được số đối tượng này và đây cũng là số đối tượng có khả năng phạm tội chiếm tỉ lệ cao (*xem bảng 2.30 - phụ lục 1*).

- *Những hạn chế, yếu kém trong quản lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, tiệm cầm đồ, phương tiện, chất nổ và vũ khí*

Sự phát triển các cơ sở kinh doanh và nhiều loại hình dịch vụ, tiệm cầm đồ trên địa bàn TPHCM, một mặt là phát triển kinh tế tư nhân, cải thiện cuộc sống và nơi làm việc của người dân. Mặt khác, đây cũng là nơi tội phạm có thể lợi dụng để hoạt động phạm tội và hợp tác với các chủ cơ sở để tổ chức thành băng nhóm, tổ chức sắp xếp thực hiện phạm tội. Tại TPHCM có trên 30.000 cơ sở cầm đồ, kinh doanh, dịch vụ nhạy cảm, nhiều nhất là các cơ sở cầm các loại

xe máy [96]. Tiệm cầm đồ, các cơ sở Massage, Nhà hàng, Khách sạn, tiệm games, cửa hàng kinh doanh vàng bạc- đá quý..., cũng là nơi trà trộn, ẩn nấp, lẫn trốn, sinh sống của tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt. Công tác quản lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, tiệm cầm đồ chưa được triển khai kiểm tra thường xuyên, chưa quản lý chặt chẽ. Chủ các Khách sạn vì lợi nhuận cao đã bỏ qua các khâu kiểm tra giấy tờ tùy thân, chứa nhận những khách không rõ lai lịch hoặc không có giấy tờ, đã tạo điều kiện cho các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt tụ tập, bàn bạc, liên kết thành băng nhóm hoạt động phạm tội (*xem bảng 2.24 - phụ lục 1*).

Bên cạnh đó, ở thành phố cũng như cả nước hiện nay, tình trạng mua bán xe máy qua nhiều người nhưng tên chủ xe máy vẫn là người đầu tiên đứng tên của xe máy đó, không thực hiện thủ tục chuyển nhượng sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, đối tượng phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt sử dụng các loại xe máy làm phương tiện gây án (85%). Tội phạm trước khi đi gây án thường tháo biển số xe, dùng băng keo để dán biển số, hoặc gắn biển số giả, hoặc dùng biển số của xe khác hay thuê xe (*xem bảng 2.22 - phụ lục 1*). Trong nhiều vụ án XPSH hữu có tính chất chiếm đoạt, xe máy là tang vật và là manh mối để tìm ra thủ phạm. Nhưng do quản lý không được chặt chẽ trong việc mua bán nên không thể tìm ra thủ phạm. Theo quy định, các cơ sở cho thuê xe máy phải giữ giấy tờ tùy thân của người thuê xe, nhưng vì cho thuê xe máy có số tiền đặt cọc cao nên các cơ sở kinh doanh không yêu cầu đối tượng thuê xe phải thế chấp giấy tờ tùy thân. Vì vậy, trong nhiều vụ án, tội phạm đã lợi dụng thuê xe máy để thực hiện phạm tội, khi bị truy hô và truy đuổi, tội phạm bỏ lại xe máy rồi chạy trốn thoát, nên khó khăn cho công tác điều tra. Ngoài ra, trong số xe máy chiếm đoạt được, một số ít tội phạm cạo số sườn và số khung (xe máy) để bán ra các tỉnh miền trung, miền Bắc hoặc bán ra nước ngoài như Campuchia, Lào; số lớn bán lại cho các cơ sở cầm đồ với giá rẻ. Điều này cho thấy, công tác quản lý phương tiện xe máy của các cơ quan có thẩm quyền chưa

được chặt chẽ; công tác đăng ký quản lý, xử lý các vi phạm còn sơ hở. Tội phạm thường lợi dụng những sơ hở này để phạm tội nhằm che dấu tung tích, che dấu hành vi phạm tội của mình (*theo phân tích ở tiểu mục 2.2.5, chương 2*).

Trong thời gian qua, tuy Nhà nước đã có ban hành những văn bản chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc mua, bán, sử dụng vũ khí quân dụng, chất cháy nổ. Nhưng việc triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế. Chưa có sự giám sát, quản lý, kiểm tra chặt ở các cửa khẩu quốc tế như cửa khẩu biên giới của hai nước như: cửa khẩu Mộc Bài ở tỉnh Long an và Campuchia, rất nhiều vụ tội phạm sử dụng vũ khí (87,6%), đặc biệt là vũ khí nóng ngày càng nhiều (0,3%) (*xem bảng 2.22 - phụ lục 1*). Tình trạng mua bán xe máy, xe ô tô chiếm đoạt được của tội phạm qua các vụ trộm cắp, cướp tài sản, cướp giật tài sản, cưỡng đoạt tài sản..., ở Việt Nam rồi đem bán sang Campuchia, Lào. Đồng thời, tội phạm mua súng, đạn, lựu đạn, chất nổ..., từ Lào, Campuchia về Việt Nam thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm sử dụng súng, đạn, lựu đạn, chất nổ để phạm tội thường là những vụ trọng án, thủ đoạn liêu lĩnh, táo bạo, xảo quyệt; gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng về tài sản và tính mạng con người. Số lượng sử dụng vũ khí quân dụng có xu hướng ngày càng gia tăng (*xem bảng 2.22- phụ lục 1*). Đây cũng là nguyên nhân làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

3.2.8. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự.

Những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã phần nào gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, tạo ra những kẽ hở cho tội phạm thoát tội. Hiện nay, BLHS năm 2015 đã có hiệu lực, nhưng luận án được nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017, nên tác giả chỉ phân tích, đánh giá những hạn chế, bất cập tại các Điều từ 133 đến 140 của BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- *Những hạn chế, bất cập trong cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt*

BLHS năm 1999 quy định các tội: Cướp tài sản (Điều 133), tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), tội Cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), tội Cướp giết tài sản (Điều 136), tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), tội Trộm cắp tài sản (Điều 138), tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139), tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140), thuộc loại quy định giản đơn, tương đối chung chung. Hạn chế ở chỗ: luật chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả cụ thể các dấu hiệu chi tiết hành vi phạm tội cụ thể của từng tội. Điều đó dẫn tới một thực trạng là các cơ quan tiến hành tố tụng trong khá nhiều trường hợp không thống nhất và thậm chí có không ít những sai lầm trong việc định tội danh; cũng như giải quyết một số vấn đề khác có liên quan như áp dụng hình phạt..., những hạn chế trên dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm. Những trường hợp này người phạm tội không bị xử lý nghiêm túc, việc xác định sai tội danh, áp dụng sai hình phạt..., dẫn đến người phạm tội không nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi mà mình gây ra cho xã hội, có thái độ coi thường pháp luật, dẫn đến làm giảm hiệu quả và tác dụng của pháp luật.

Theo kết quả nghiên cứu tình hình xử phạt các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, có 32,04% số tội phạm chịu mức hình phạt từ 3 năm tù giam trở xuống, trong đó có nhiều tội phạm chỉ phải chịu mức hình phạt dưới 01 năm tù giam; bên cạnh đó, số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt được hưởng án treo là 12,68% (xem bảng 2.20 - phụ lục 1). Điều này cho thấy việc quyết định hình phạt đối với các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa thật sự nghiêm khắc, công bằng. Đó có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến số tội phạm bị tái phạm cao (33,01%) (xem bảng 2.22 - phụ lục 1).

- *Những bất cập trong việc hướng dẫn áp dụng tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.*

Trong cấu thành các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt từ Điều 133 đến 140, việc quy định mức hình phạt khi áp dụng các tình tiết: “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” có ý nghĩa định khung tăng nặng, nhưng lại có sự mâu thuẫn so với quy định tại mục 3.4 của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 của TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu”

+ Ví dụ cụ thể đối với tội Cướp giật tài sản: theo mục 3.4 điểm a của Thông tư 02/2001 hướng dẫn áp dụng khoản 2, Điều 136; với khoản 4, Điều 136, BLHS 1999 thì “gây hậu quả nghiêm trọng” là “làm chết một người”. Nhưng theo khoản 2 Điều 136 BLHS 1999 thì có thể bị phạt tù đến mười năm. Tuy nhiên, theo khoản 4, Điều 136 nếu làm chết người, gây thương tật từ 61% trở lên thì có thể áp dụng mức hình phạt cao nhất là chung thân. Điều này cho thấy, chế tài cùng một hành vi gây hậu quả như nhau nhưng lại có mức hình phạt khác nhau. Cho thấy không công bằng trong pháp luật.

Ngoài ra, thực tiễn xét xử tội cướp giật tài sản gây hậu quả chết người; có Tòa án áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 136 BLHS và theo mục 3.4, điểm a.1 Thông tư 02 quyết định hình phạt chưa đến mười năm tù, nhưng cũng có Tòa án lại áp dụng theo khoản 4, Điều 136 BLHS quyết định hình phạt 18 năm tù. So sánh mục 3.4 điểm a Thông tư 02 hướng dẫn khoản 2, Điều 136 BLHS với khoản 3, khoản 4, Điều 136 - BLHS cho thấy sự bất hợp lý giữa các quy định này. Những bất cập như trên sẽ dẫn đến những trường hợp quyết định hình phạt quá nhẹ hoặc quá nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trường hợp áp dụng hình phạt quá nhẹ sẽ làm người phạm tội coi thường pháp luật, từ đó sẽ dễ dẫn đến tái phạm. Nếu áp dụng hình phạt quá nặng, sẽ làm người phạm tội cảm thấy bất công, chán nản, thiếu quyết tâm cải tạo để trở thành người tốt, thì pháp luật không có tính giáo dục. Trong số 75.691 tội phạm XPSH có tính

chất chiếm đoạt bị xét xử sơ thẩm thì có 18.501 tội phạm cướp giật tài sản. Tuy nhiên, theo xét xử thì có 584 tội phạm bị xử phạt trên 15 năm tù và chung thân, chiếm tỉ lệ 3.16%. Trong khi đó, số tội phạm bị xử phạt từ 3 đến 10 năm tù có 8.828 tội phạm, chiếm 47,72% đã cho thấy việc áp dụng những quy định mức hình phạt ở mỗi Tòa án khác nhau (*xem bảng 2.20 – phụ lục 1*).

- *Những hạn chế, bất cập trong phần chế tài các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt*

Một trong 04 nguyên tắc khi quyết định hình phạt đó là nguyên tắc công bằng. Nguyên tắc này thể hiện ở chỗ hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Theo quy định, các Điều từ 136 đến 140 BLHS 1999 thì hình phạt giữa các Khoản có sự chồng lấn nhau.

Ví dụ: xem xét Điều 136 (tội Cướp giật tài sản) và Điều 137 (tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản) của BLHS 1999 thì: Khoản 1 có mức xử phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khoản 2 có mức xử phạt tù từ 3 năm đến 10 năm... Khoản 3 có mức xử phạt tù từ 7 năm đến 15 năm... Khoản 4 có mức xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân... So sánh Khoản 1 với Khoản 2, Khoản 2 với Khoản 3..., thấy có sự bất hợp lý ở chỗ có sự chồng lấn nhau về hình phạt. Cách quy định chế tài này đã gây ra sự thiếu thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật, tạo kẽ hở cho những người tiến hành tổ tụng sử dụng cho mục đích riêng. Hậu quả của nó là sự không công bằng về pháp luật. Mặt khác, chế tài trong khung hình phạt có khoảng cách khá lớn. Tại Khoản 2 khung hình phạt “từ 3 năm đến 10 năm” khoảng cách 7 năm hay tại Khoản 3 là “từ 7 năm đến 15 năm” khoảng cách là 8 năm; Khoản 4 “bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân” cách nhau 8 năm và nhiều hơn là chung thân. Đây là những khoảng cách rất lớn, nếu chế tài quy định hợp lý theo tuần tự mức hình phạt tăng dần và liên tục, kế tiếp theo mức độ phạm tội tăng dần thì sẽ không có sự bất cập về quy định khoảng cách trong chế tài của một khung hình phạt.

Qua nghiên cứu 300 bản án xét xử sơ thẩm về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và trao đổi với một số cán bộ có kinh nghiệm ở TAND, VKSND và cơ quan Điều tra trên địa bàn TPHCM. Cho thấy được thực tiễn trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, sở dĩ có một số vụ án của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt phải xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; chủ yếu là do sai sót trong việc định tội danh, định khung. Do đó, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt đã có nhiều thiếu sót, bất cập. Mặc dù tỉ lệ số vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm chiếm tỉ lệ rất thấp, nhưng hệ lụy của nó đã góp một phần dẫn đến số tội phạm tái phạm chiếm tỉ lệ cao (xem bảng 2.32 – phụ lục 1).

3.2.9. Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Trong thời gian qua, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở TPHCM đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tuy nhiên, cũng bộc lộ không ít những hạn chế, thiếu sót, như: công tác triển khai chưa được đồng đều ở các quận/ huyện, chỉ tập trung một số quận/ huyện nội thành như Quận 1, Quận 3, Quận 5, Quận 10. Nhiều quận/ huyện Hóc Môn, Thủ Đức, Phú Nhuận, Quận 9, Quận 2..., vẫn còn buông lỏng quản lý, thiếu sự nỗ lực, cố gắng, đã làm giảm hiệu quả hoạt động chung của toàn thành phố (xem bảng 2.35 - phụ lục 1). Một số cán bộ của các cơ quan đấu tranh phòng, chống tội phạm do bị tha hóa, biến chất, thiếu đạo đức, thiếu bản lĩnh chính trị, dao động trước những khó khăn, thách thức đã buông lỏng công tác quản lý, kiểm tra giám sát. Đã trở thành một trong những nguyên nhân và điều kiện góp phần làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (xem bảng 2.1- phụ lục 1).

- *Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót của Tòa án nhân dân các cấp ở thành phố Hồ Chí Minh.*

Hiện nay, tại Tòa án nhân dân các cấp ở TPHCM mỗi năm số vụ án hình sự còn tồn đọng, xét xử chưa đúng, kéo dài thời gian xét xử (do tạm đình chỉ để chờ kết quả ủy thác của nước ngoài, ủy thác của Sở Tư pháp cũng chiếm khoảng 2%) [122] nhiều; trong đó, trung bình mỗi năm số vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa xét xử (còn 3,93%). Công tác hỗ trợ tư pháp còn hạn chế; chủ yếu là các cơ quan chuyên môn chưa thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của Tòa án, nhất là các tổ chức giám định, đã làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ giải quyết, xét xử vụ án. Trong công tác chuyên môn, TAND TPHCM đã có nhiều văn bản kiến nghị xin ý kiến của TAND Tối cao về đường lối giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật nhưng sự phản hồi trả lời chậm, kéo dài thời gian giải quyết. Bên cạnh đó, Tòa án cấp thành phố còn tổ chức triển khai xuống Tòa án quận/ huyện, nên việc áp dụng văn bản pháp luật được triển khai đến quận/ huyện quá chậm; nhiều vụ án rơi vào tình trạng quá hạn giải quyết và kéo theo nhiều vụ án khác bị đùn đẩy, dồn trong thời gian chờ giải quyết (*xem bảng 2.35- phụ lục 1*). Công tác thống kê, phân tích số liệu nhằm rút ra những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa được khoa học, còn thiếu sót. Việc tổ chức và xây dựng cơ quan Thừa phát lại, chưa được chú trọng và chưa đủ mạnh, nên việc giúp cho TAND thành phố trong công tác tổng đạt các văn bản xét xử còn nhiều hạn chế [122].

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhiều cán bộ, công chức tòa án còn thấp, nhân sự thiếu. Theo báo cáo của TAND TPHCM năm 2013, biên chế được phân bổ cho TAND các cấp là 1.322, nhưng mới thực hiện được 1.140 biên chế, còn thiếu 182 biên chế; trong đó biên chế Thẩm phán đã thực hiện được 633 (Tòa án thành phố có 173, Tòa án quận/ huyện có 460 biên chế). Số biên chế Thẩm phán đã được cử đi học bổ sung lớp nghiệp vụ xét xử và học lớp nghiệp vụ Thẩm phán tại Học viện tư pháp [122]. Nhiều TAND quận/ huyện có số lượng án thụ lý rất lớn nhưng biên chế thiếu nhiều, như TAND Quận 10, Quận 5, Quận 1, Quận 3..., trung bình có từ 1.000 đến 3.000 vụ/ năm; trong khi biên chế ít phải giải quyết

số lượng công việc lớn. Bên cạnh đó, số biên chế khác để thực hiện nhiệm vụ trợ giúp chỉ có 03 biên chế/ quận- huyện nên không đủ để hoạt động, công việc quá tải dễ dẫn đến sai sót, giải quyết chậm vụ việc. Ngoài ra, tỉ lệ giải quyết các loại án vẫn còn thấp, do lượng án thụ lý ngày càng tăng về cả số lượng và tính chất phức tạp; trong khi biên chế Thẩm phán chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Số lượng vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt tồn đọng của năm trước chuyển sang năm sau còn nhiều (có năm tồn đọng lên đến 2,5%); án quá hạn, án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan mỗi năm chiếm 1,88% [122] (*xem bảng 2.35 - phụ lục 1*).

Thực tiễn thời gian qua trên địa bàn TPHCM, sự phối hợp giữa Tòa án, với Viện kiểm sát chưa được chặt chẽ và thống nhất. Việc áp dụng pháp luật còn chông chéo trong các vụ án về tội XPSH có tính chất chiếm đoạt, nên có nhiều vụ án trong quá trình xét xử TAND đã phát hiện tội phạm mới (0,004%), phải trả về cho VKSND điều tra bổ sung, mỗi năm số vụ án trả về điều tra bổ sung chiếm 1,88% [122]. Bên cạnh đó, thu nhập của cán bộ, công chức các cấp của TAND TPHCM còn thấp, nhưng giá cả thị trường tăng nhanh và cao theo thời gian, rất khó khăn cho đời sống gia đình, phần nào đã ảnh hưởng đến công tác. Ngoài ra, số Thẩm phán và các cán bộ, công chức đến thời gian tái bổ nhiệm nhưng chậm, làm ảnh hưởng đến công tác và kéo theo ảnh hưởng đến việc chỉ đạo Tòa án quận- huyện [122]. Mỗi năm, số lượng vụ án xét xử lưu động còn thấp, từ 150 đến 400 vụ án hình sự; trong đó có khoảng 100 đến 150 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tổng số vụ án XPSH có tính chất chiếm đoạt xét xử lưu động trong 12 năm khoảng 1.653 vụ (chiếm 2,6%) (*xem bảng 2.24 - phụ lục 1*); số lượng vụ án xét xử lưu động còn quá ít nên chưa tạo được sức răn đe và giáo dục pháp luật rộng rãi trong nhân dân.

- *Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót của Viện kiểm sát nhân dân các cấp ở thành phố Hồ Chí Minh.*

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhiều cán bộ VKSND các cấp ở TPHCM còn thấp, nhất là ở các huyện ở ngoại thành, vùng xa; đặc biệt, nhân sự

thiếu nhiều như huyện Củ Chi, Cần giờ, Hóc Môn, Nhà Bè. Nhiều quận, huyện thiếu Cán bộ chuyên trách về các tội XPSH, Cán bộ đi khám nghiệm hiện trường vụ án, cán bộ đi giám sát địa bàn. Có những quận/ huyện cán bộ Viện kiểm sát còn lòng ghép kiêm nhiệm nhiều việc nên dễ sai sót, giải quyết chậm công việc, do vậy án tồn đọng thường xuyên diễn ra. Tỷ lệ giải quyết các loại án vẫn còn thấp, có huyện mỗi năm chỉ giải quyết được 70% số vụ án hình sự, trong đó số vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chỉ giải quyết được 65% (*xem bảng 2.35 - phụ lục 1*). Do lượng án thụ lý, giải quyết ngày càng tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp. Nhưng chế độ phụ cấp vẫn còn thấp, chưa cải thiện được đời sống cán bộ, sự tập trung làm việc vẫn còn kém hiệu quả.

Sự phối hợp giữa VKSND các cấp với cơ quan điều tra, các cơ quan, ban ngành, các tổ chức Chính trị xã hội trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt còn nhiều hạn chế. Sự phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong công tác truy tố, xét xử chưa được chặt chẽ. Việc áp dụng pháp luật còn chông chéo nên còn nhiều vụ án Tòa án phải trả về cho Viện Kiểm sát điều tra bổ sung. Sự phối hợp giữa Viện kiểm sát và cơ quan điều tra cũng có nhiều quan điểm không đồng nhất. Có những trường hợp cơ quan điều tra bắt tội phạm về nhưng Viện kiểm sát phê chuẩn thả ra, do không đủ chứng cứ, dẫn đến có những lúc bị bỏ lọt tội phạm hoặc bắt nhầm người vô tội. Ngoài ra, việc thực thi pháp luật còn chông chéo nhiều nơi; văn bản hướng dẫn nơi có, nơi không. Việc áp dụng luật chưa thống nhất giữa cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án, cũng làm chậm tiến độ giải quyết của nhiều vụ án; kéo theo tình trạng bị tồn đọng án [122].

- Các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót của cơ quan Điều tra các cấp ở thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng Công an tham gia phòng chống tội phạm còn hạn chế. Theo báo cáo tổng kết công tác năm của Công an TPHCM, tính đến ngày 16/ 11/ 2015 thì tổng số biên chế lực lượng Cảnh sát

điều tra tội phạm và Cảnh sát khu vực có 1.409 biên chế (thành phố có 341 biên chế, quận/ huyện có 1.068 biên chế). Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: sau đại học có 19 Đồng Chí, chiếm 1,35%; đại học có 590 Đồng Chí, chiếm 41,87%; Cao đẳng có 82 Đồng Chí, chiếm 5,82%; Trung cấp có 683 Đồng Chí, chiếm 48,47%; Sơ cấp có 34 Đồng Chí, chiếm 2,42%; chưa đào tạo có 01 Đồng Chí, chiếm 0,07%. Qua số liệu thực tế trên, đã nói lên lực lượng Công an trên địa bàn TPHCM còn quá thiếu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên chỉ có 43,22% . Ngoài ra, tính trung bình mỗi năm TPHCM có 6.062 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có 5.297 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt (*xem bảng 2.3 - phụ lục 1*), nhưng tổng số biên chế của lực lượng Công an chỉ bằng 1/5 số vụ án và phải hoạt động trên địa bàn rộng khoảng 2000 km² . Do đó, cán bộ Trinh sát, Cảnh sát hình sự thường xuyên được huy động tăng cường cho công tác điều tra. Chính vì vậy, trong thời gian qua, cơ quan điều tra có tỉ lệ khám phá tội phạm còn thấp. Công tác chỉ đạo, giám sát chưa được thường xuyên, liên tục.

Công tác sưu tra, xác minh hiềm nghi và xây dựng cơ sở địa phương vẫn còn nhiều hạn chế. Công tác nắm bắt tình hình tội phạm ở các huyện nông thôn: Nhà Bè, Cần Giờ, Bình Chánh, Củ Chi có lúc chưa kịp thời. Lực lượng Công an của TPHCM và của các quận/ huyện chưa đánh giá, dự báo đúng tình hình diễn biến các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn. Công tác quản lý các đối tượng không nghề nghiệp và sự di biến động của các loại tội phạm trên địa bàn TPHCM chưa chặt chẽ, kịp thời, còn chủ quan. Việc xây dựng, đào tạo, huấn luyện mạng lưới cộng tác viên bí mật trên 322 phường/ xã để xâm nhập vào hang ổ của tội phạm còn quá ít. Mỗi năm số lượng tăng từ 12% đến 17% (năm 2015 có 892 “Đặc tình”, trung bình mỗi phường/ xã chỉ có 3 “Đặc tình”) [95]. Công tác huấn luyện, tuyên truyền về tội phạm đối với đội ngũ cộng tác viên bí mật ở các quận trọng điểm còn quá ít, mỗi tháng chỉ có 01 đến 02 lượt, nên công tác nắm bắt, báo cáo thông tin và tuyên truyền về tình hình tội phạm ở địa phương chưa kịp thời (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*).

Công tác phối hợp giữa Công an với đoàn thể, các ban ngành, tổ chức chính trị xã hội trong phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa tích cực và chưa tạo ra được mối quan hệ khép kín. Kế hoạch phối hợp thường mang tính hình thức, văn bản. Hầu hết các tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể ở các quận/ huyện, phường/ xã chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về công tác phòng, chống tội phạm; còn có quan điểm cho rằng phòng, chống tội phạm là trách nhiệm của lực lượng Công an. Do vậy, chưa phát huy được hết sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác phòng chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Công tác phối hợp trao đổi thông tin về di biến động của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong diện quản lý còn yếu; nhất là tội phạm hoạt động có băng, nhóm, hoạt động liên tuyến, liên tỉnh. Công tác phối hợp về điều tra mở rộng các vụ án, liên quan đến các tội phạm có tổ chức băng, nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thiếu kịp thời, chưa hiệu quả. Công tác tiếp nhận và giải quyết tin báo tố giác về tội phạm ở các huyện nông thôn: Bình Chánh, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn chưa được tốt. Ngoài ra, tình hình thu hồi tài sản của tội phạm trả lại cho nạn nhân đạt tỉ lệ rất thấp, tạo tâm lý cho người dân không tin tưởng vào việc thu hồi tài sản bị mất; làm cho người dân ngại đến cơ quan chức năng trình báo, tố giác tội phạm, dẫn đến khó khăn cho công tác điều tra (*theo phân tích ở tiểu mục 2.2.5, chương 2*). Riêng đối với nhiều vụ phạm tội trộm cắp, cướp giật tài sản, của khách du lịch người nước ngoài; họ thường chỉ tố giác cho Lãnh sự quán của họ ở Việt Nam; hoặc trước khi về nước họ mới tố giác cho Lãnh sự quán. Thông tin tội phạm đã qua một thời gian khá lâu, do đó không tìm ra được tội phạm [96].

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ cầm đồ..., còn lỏng lẻo. Việc quản lý các sách, báo, băng, đĩa hình, nhà trọ, khách sạn còn nhiều sơ hở, tạo điều kiện cho các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt ẩn nấp, tiếp tục phạm tội. Công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu có nhiều nơi còn mang tính thủ tục hành chính đơn thuần; chưa quản lý được các đối tượng nghi vấn, các tội phạm có tiền án, tiền sự

(xem bảng 2.32 - phụ lục 1). Lực lượng Công an chủ yếu tập trung vào hoạt động điều tra, khám phá tội phạm; nên công tác nghiên cứu tìm ra nguyên nhân và điều kiện, phương thức thủ đoạn của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chưa được đi sâu nghiên cứu; chưa kiến nghị tốt cho các cơ quan chức năng khắc phục những sở hờ thiếu sót trong đấu tranh phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

Mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với cơ quan thi hành án chưa được chặt chẽ, thường xuyên. Trong quá trình giáo dục, cải tạo người phạm tội, các trại giam thường tổ chức cho phạm nhân học các nghề để sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sẽ có cơ hội và điều kiện để làm việc, hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, giữa các địa phương với cơ quan thi hành án lại không có sự quan hệ, trao đổi thông tin, hoặc có cũng chỉ mang tính hình thức chưa thực sự gắn bó, ràng buộc với các trại giam trong việc giáo dục, đào tạo nghề cho số phạm nhân thuộc địa phương của mình. Bên cạnh đó, mỗi năm, công tác giám sát, quản lý, hỗ trợ, giúp đỡ những người sau khi ra tù và sau khi cai nghiện trở về địa phương chưa được phối hợp tốt; các đối tượng này không có việc làm, bị kỳ thị, xa lánh, khó hòa nhập cộng đồng, đã nảy sinh tâm lý bi quan, chán nản, mặc cảm; kèm theo đó là sự lôi kéo của bạn bè xấu đã dẫn đến tái nghiện, tái phạm tội (chiếm 33,01%) [122] và góp phần làm tăng số lượng tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt (xem bảng 2.32 - phụ lục 1).

Kết luận Chương 3

Qua đánh giá và phân tích, cho thấy nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là kết quả của sự tác động giữa các yếu tố tiêu cực trên địa bàn TPHCM đã làm phát sinh tội phạm. Xuất phát từ những mặt trái của nền kinh tế thị trường; những tiêu cực trong môi trường gia đình, môi trường giáo dục, môi trường văn hóa, xã hội; những thiếu sót, yếu kém của các chủ thể phạm bảo vệ pháp luật. Ngoài ra, còn có xuất phát từ lối sống thiếu chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật của các chủ thể phạm tội, nạn nhân của tội phạm; từ những hạn chế, yếu kém trong quản lý Nhà nước; trong hoạt động

của các cơ quan bảo vệ pháp luật; cùng với những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật hình sự.

Những nguyên nhân và điều kiện trên, được thể hiện rõ nét qua nhiều mặt như: sự xuống cấp về đạo đức xã hội, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, cách làm ăn trá hình của nhiều người dân, nhiều công ty, xí nghiệp. Cơ chế kinh tế thị trường và sự phát triển về giáo dục, văn hóa vẫn còn nhiều bất cập, sơ hở. Tổ chức bộ máy, phân công, phân cấp ở các cơ quan bảo vệ pháp luật còn nhiều thiếu sót. Trình độ, năng lực tham mưu, quản lý của một số cán bộ trong cơ quan bảo vệ pháp luật còn hạn chế, dẫn đến dễ sai sót trong chuyên môn, nghiệp vụ. Điều kiện hậu cần, phương tiện, công cụ, cơ sở vật chất trang bị cho lực lượng phòng, chống tội phạm còn thiếu, cũ kĩ, lạc hậu không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đối với những thủ đoạn mới của các tội XPSH có tính chiếm đoạt. Nhận thức về công tác phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM của một số cơ quan nhà nước, tổ chức và một số người dân còn hạn chế; chưa thấy hết được tầm quan trọng. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong quá trình thực hiện thiếu linh hoạt, thiếu chủ động, thiếu sự phối hợp đồng bộ trong công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống các tội XPSH có tính chiếm đoạt. Việc triển khai biện pháp phòng ngừa tội phạm chưa phù hợp với từng quận/ huyện, từng lĩnh vực và từng đối tượng phạm tội cụ thể, đã dẫn đến hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, hệ thống các quy định pháp luật, tuy có điều chỉnh nhưng chưa hoàn thiện, nhiều điều khoản chưa cụ thể; còn thiếu hụt các văn bản hướng dẫn thi hành luật pháp, chưa triển khai và áp dụng thực thi một cách toàn diện, kịp thời, đồng bộ và thống nhất giữa các cấp và giữa các quận/ huyện trong thành phố. Kinh phí cung cấp cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng trên địa bàn TPHCM vẫn còn hạn hẹp. Những hạn chế, thiếu sót trên đã lý giải cho việc vẫn còn nhiều tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt đang còn ở ngoài xã hội, chưa bị phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương 4
CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA
TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHẤT
CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4.1. Khái niệm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Trong lý luận về tội phạm học, thuật ngữ “phòng ngừa tội phạm” và “phòng ngừa tình hình tội phạm” đều thể hiện phòng ngừa tội phạm ở tất cả các mức độ: tình hình tội phạm nói chung, từng loại tội phạm và từng tội phạm cụ thể; với mục đích là hạn chế và loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội, không phân biệt loại tội phạm (hay tội phạm) nào. Theo quan điểm của GS. TS Nguyễn Xuân Yêm, thì *“Phòng ngừa tội phạm là không để tội phạm xảy ra, và gây hậu quả cho xã hội, không để cho con người sống trong xã hội phải đối mặt và gánh chịu những hình phạt nghiêm khắc của luật pháp. Nếu con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đến mức phải chịu hình phạt theo quy định của BLHS hiện hành thì phải được phát hiện kịp thời, điều tra khám phá để truy tố, xét xử theo quy định, tiến hành các biện pháp quản lý, giáo dục cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội”* [164, tr.147].

Theo quan điểm của GS. TS Võ Khánh Vinh thì: phòng ngừa THTP là hệ thống nhiều mức độ các biện pháp mang tính chất Nhà nước- xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu; hạn chế) chúng, bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ THTP. Trong đấu tranh với THTP có hai phương hướng liên kết chặt chẽ với nhau, đó là phòng ngừa và phát hiện điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm, đảm bảo người phạm tội phải chịu các hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của mình và được giáo dục, cải tạo để trở thành một công dân có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Các biện pháp pháp lý- hình sự của cuộc đấu tranh với

THTP có vị trí, vai trò quan trọng trong những trường hợp chuẩn bị và thực hiện các tội phạm cụ thể. Theo nghĩa đen, phòng ngừa là việc khắc phục hoặc vô hiệu hóa các nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm trước khi nó gây ra việc thực hiện tội phạm [149, tr.154-155].

Như vậy, phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là ngăn ngừa và loại trừ các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt bằng những biện pháp do cơ quan Nhà nước và các cơ quan, tổ chức cùng với người dân trên địa bàn TPHCM tiến hành, nhằm hạn chế và loại trừ các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ra khỏi đời sống xã hội trên địa bàn TPHCM.

Trên cơ sở lý luận và các quan điểm của các nhà Khoa học về phòng ngừa tội phạm, phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM được hiểu như sau: *Phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân bằng nhiều biện pháp hướng đến mục đích loại trừ, triệt tiêu những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ra khỏi đời sống xã hội.*

4.2. Thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2006 đến năm 2017

4.2.1. Thực tiễn các giải pháp về công tác chỉ đạo

Trong thời gian qua, Thành Ủy, UBND thành phố và các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng trên địa bàn TPHCM đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc những chủ trương, đường lối, của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm như: tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 2/6/2015 “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”[10]; Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 22/10/2010 “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình*

mới” của Ban chấp hành trung ương Đảng [11]; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc Hội “Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm” [91]; Kế hoạch 271/KH-BCĐ138/CP “Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015” của Ban Chỉ đạo 138 [7]; Thông tư liên tịch số 34/2009/TTLT-BGDĐT-BCA “Về hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân”, của Bộ Công an và Bộ Giáo dục- Đào tạo [20], nhằm hướng tới loại trừ tội phạm nói chung và các tội XPSH nói riêng ra khỏi đời sống xã hội. Để cụ thể hóa việc thực hiện chủ trương, đường lối trên, trong thời gian qua Thành ủy và UBND TPHCM đã ban hành nhiều công văn, văn bản chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm như:

- Chỉ thị 05.-CT/TU ngày 12/7/2007 của Thường vụ Thành ủy “Về tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố và tổng kết 5 năm (2001- 2005) thực hiện chỉ thị 03-CT/TU của Thường vụ Thành ủy về phòng, chống tội phạm, thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, mặt trận, đoàn thể thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch nhằm nâng cao công tác phòng ngừa xã hội trong phòng, chống tội phạm”[102] và Thông tri số 23-TT/TU năm 2013 “Về lãnh đạo công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn năm 2013 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”[103], nhằm giám sát, quản lý, giáo dục, giúp đỡ các đối tượng sau khi ra tù hòa nhập cộng đồng, tạo công việc làm ăn, cách ly điều kiện phạm tội và chống tái phạm. Quyết định số 81/2008/QĐ- UBND năm 2008 của UBND thành phố “Về việc cho phép thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” nhằm thành lập và hỗ trợ chế độ phụ cấp của tổ dân phố, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới giám sát, phát hiện, tuyên truyền phòng chống tội phạm của tổ dân phố [69]. Quyết định số 333/QĐ-UB ngày

7/4/2005 “về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2005-2010” [70] và Kế hoạch 2448/KH-UBND ngày 24/5/2013 “Về việc triển khai công tác phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”[71].

4.2.2. Thực tiễn các giải pháp về kinh tế- xã hội

Trong thời gian qua, TPHCM phát triển mạnh 3 khu vực: khu vực dịch vụ; công nghiệp- xây dựng và nông nghiệp. Về công nghiệp- xây dựng tập trung vào những ngành, lĩnh vực có giá trị gia cao; phát triển 04 nhóm ngành công nghiệp: cơ khí; điện tử, công nghệ thông tin; hóa dược- cao su; chế biến lương thực thực phẩm và các ngành công nghệ sinh học, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng; phát triển công nghiệp thời trang ngành dệt may- da giày, công nghiệp thiết kế. Phát triển các khu công nghệ cao; bố trí sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch; phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp cơ khí, điện tử - tin học. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, có năng suất, chất lượng cao gắn với đặc thù nông nghiệp của một đô thị đặc biệt. Phát triển các huyện nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại có kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh theo tiêu chí nông thôn mới; gắn kết hài hòa giữa phát triển nông thôn và đô thị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần và tạo công việc làm cho người dân, giảm tỉ lệ thất nghiệp, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Phát triển kinh tế đạt GDP bình quân đầu người đạt từ 4.856 đến 4.967 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn đạt từ 10% - 10,5%/ năm. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khu vực dịch vụ giai đoạn từ năm 2011 đến 2015 đạt từ 11,17% đến 12,07%/ năm. Từ năm 2011 đến 2015 tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 10,5%/ năm. Năm 2015 giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 37 tỉ USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp. Trong đó, cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng từ 56,41% đến 57,41% và (đang có chiều hướng tăng dịch vụ chiếm

59,2% tổng GDRP) ; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm tỉ trọng từ 41,65 đến 42,63% và khu vực nông nghiệp chiếm tỉ trọng từ 0,94% đến 0,96%. Tốc độ tăng trưởng GDP khu vực công nghiệp, xây dựng từ năm 2011 đến năm 2015 đạt bình quân 8,7%/năm. Tốc độ tăng trưởng GDP khu vực nông nghiệp từ năm 2011 đến 2015 bình quân đạt 5%/năm. Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt hơn 32 tỉ USD; nhập khẩu đạt 25,9%. Tổng vốn đầu tư toàn thành phố đạt khoảng 250.000 tỉ đồng, chiếm 28,5% GDRP [31].

Dân số TPHCM đến năm 2015 đạt 8,2 triệu người (không kể khách vắng lai và người tạm trú dưới 06 tháng). Giải quyết việc làm: mỗi năm tạo ra 120.000 chỗ làm việc mới. Cuối năm 2015, tỉ lệ thất nghiệp kéo giảm còn 4,5%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt 70%. Giảm hộ nghèo, tăng hộ khá: đến năm 2016 nâng mức chuẩn nghèo của thành phố lên trên 16 triệu đồng/người/năm; số hộ nghèo chiếm 7% tổng hộ dân thành phố. Đảm bảo chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, mức sống tiệm cận với mức lương tối thiểu; thực hiện nâng cao sức khỏe của người dân thành phố, tăng tuổi thọ bình quân lên 78 tuổi, giảm tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 10% nhằm nâng cao thể chất trẻ em [31].

4.2.3. Thực tiễn các giải pháp về văn hóa, giáo dục

Xây dựng, phát triển văn hóa theo hướng văn minh, hiện đại và đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân thành phố, phục vụ du lịch trong nước và quốc tế; tạo điều kiện giao lưu văn hóa giữa TPHCM với cả nước và thế giới. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa của thời đại; tổ chức các hội thi quần chúng, sáng tạo nghệ thuật. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Hàng năm, vào các ngày đại lễ: giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ 30 tháng 4..., tại phố chợ hoa, Sở văn hóa thông tin- truyền thông, Phòng văn hóa thông tin quận 1, quận 3, quận 5, quận 6; phối hợp các ban ngành tổ chức công tác tuyên truyền về lịch sử của đất nước, những phong tục, tập quán của dân tộc thông qua bảng pano, áp phích, băng rol... treo dọc hành lang đường bộ.

Tổ chức triển khai tuyên truyền phổ biến pháp luật theo thông tư số 34/2009/TTLT-BGDĐT-BCA ngày 20/11/2009 của Bộ Công an và Bộ Giáo dục- Đào tạo “*Về hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cho cán bộ viên chức và giáo viên*”; đưa chương trình pháp luật vào giảng dạy ở các trường phổ thông như một môn học. Giảng dạy môn “Pháp luật đại cương” ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Tổ chức 325 buổi tuyên truyền, báo cáo chuyên đề về phòng, chống tội phạm tại trường học và các cơ sở giáo dục với 98.283 lượt học sinh tham dự. Xã hội hóa cơ sở vật chất của ngành giáo dục, đáp ứng nhu cầu chuyên môn cao cho cả khu vực. Mở rộng quy mô và chất lượng hoạt động các trường Dân lập.

Nâng cao mặt bằng học vấn đến năm 2015 bình quân đạt lớp 10. Xây dựng đạt 500 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2015. Phát triển thể dục thể thao thường xuyên, xây dựng đội ngũ các vận động viên thành tích cao ở một số bộ môn. Phát triển mạnh văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao thể chất, đời sống tinh thần cho người dân thành phố. Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông được duy trì phổ cập học sinh các bậc học theo đúng độ tuổi. Đối với nhà trẻ, huy động các cháu ra lớp học đạt tỉ lệ 30%. Giáo dục tiểu học, huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; học sinh được học hai buổi/ ngày đạt 100%. Giữ mức số học sinh không quá 35 học sinh/ lớp năm 2015. Giáo dục trung học cơ sở đạt tỉ lệ 100% học sinh được học hai buổi/ ngày; 100% các trường trung học cơ sở đảm bảo đủ các phòng học bộ môn và các phòng phục vụ học tập. Duy trì lớp học ở bậc trung học cơ sở khoảng 38 học sinh/ lớp vào năm 2015. Giáo dục trung học phổ thông đạt khoảng 40 học sinh/ lớp. Giáo dục nghề nghiệp, tỉ lệ lao động qua đào tạo chung làm việc trong các thành phần kinh tế đạt 80%; đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội [31].

Hội Phụ nữ phối hợp với Đoàn thanh niên ở các quận/ huyện tổ chức

tuyên truyền vận động quần chúng tham gia phong trào phòng ngừa tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các văn hóa độc hại. Xây dựng gia đình chuẩn mực theo các mô hình: “Phụ nữ tham gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội”; “Phòng, chống bạo lực gia đình”; “Đội Thanh niên xung kích an ninh”; “Chi đoàn Thanh niên không có tội phạm”, “Đội giáo dục đồng đẳng”, “Chi đoàn Thanh niên tự quản”. Bên cạnh đó, Liên đoàn Lao động thành phố và Liên đoàn lao động các quận/ huyện xây dựng các đơn vị, doanh nghiệp đạt danh hiệu “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; vận động công nhân, người lao động đăng ký thực hiện “Nếp sống văn minh cá nhân”.

4.2.4. Thực tiễn các giải pháp quản lý Nhà nước về an ninh trật tự

TPHCM đã tổ chức triển khai công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực như: quản lý cư trú, quản lý phương tiện, công cụ hỗ trợ, chất cháy nổ, quản lý các ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự. Lực lượng Trinh sát thông qua công tác điều tra cơ bản, sưu tra, xác minh hiềm nghi để quản lý các đối tượng phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt ở các quận/ huyện trên địa bàn TPHCM. Lực lượng Cảnh sát khu vực quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, quản lý các phương tiện, các loại hình dịch vụ, kinh doanh tiệm cầm đồ, các cơ sở dịch vụ Internet và các cơ sở có điều kiện về an ninh trật tự ở 322 xã/ phường trên địa bàn TPHCM; nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các đối tượng có dấu hiệu phạm tội, ngăn chặn tình trạng tiêu thụ tài sản chiếm đoạt của tội phạm và nắm bắt được tình trạng thành lập băng, nhóm tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian 10 năm qua.

Thực hiện Chỉ thị số 17/2005/CT/TTg ngày 25/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ “*Về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán Bar, Karaoke*” và công văn số 531 ngày 23/4/2007 của Bộ Công an “*Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thực hiện các quy định trong hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự*”. Mỗi năm, lực lượng Cảnh sát hình sự TPHCM tổ chức sưu tra khoảng 3.010 đối tượng hình sự; phúc tra khoảng 1600 đối tượng, trong đó có

1.293 tù được tha về và 133 sau cai nghiện trả về địa phương. Tổ chức khoảng 3.213 lượt tuần tra vũ trang phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên các quận/ huyện, các tuyến đường trọng điểm, phát hành tổng cộng 130 thông báo về phương thức thủ đoạn phạm tội đến quần chúng nhân dân. Triển khai đặt 5.238 biển cảnh báo tội phạm tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, trường học, chợ, siêu thị trên địa bàn TPHCM; tổ chức kiểm tra hộ khẩu trung bình khoảng 873.015 lượt hộ khẩu với khoảng 2.315.245 lượt nhân khẩu [95].

4.2.5. Thực tiễn các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử

Thực hiện các kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm của Công an TPHCM từ năm 2006 đến năm 2015 đã phát hiện tổng số 54.890 vụ các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt [96]. Lực lượng Cảnh sát hình sự đã tham mưu cho Ban Giám đốc Công an thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm kéo giảm tình hình tội phạm như kế hoạch số 218/KH- CATP của Công an TPHCM “Về phòng chống tội phạm XPSH tài sản trên đường phố và nơi công cộng”; kế hoạch phối hợp tấn công, trấn áp tội phạm giữa các địa bàn giáp ranh với TPHCM như Đồng Nai, Bình Dương. Mỗi năm thành lập trên 100 chuyên án; mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội;..., tăng cường phối hợp với các ban, ngành; lực lượng dân phòng tiến hành tuần tra ban đêm trên các tuyến đường, các quận/ huyện trọng điểm, thường xuyên xảy ra các vụ án về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

VKSND các cấp của TPHCM trong thời gian qua đã thực hiện quyền công tố; phối hợp với Tòa án truy tố, xét xử trên 80.000 vụ án hình sự. Phối hợp với các cơ quan, ban ngành tổ chức phát hiện những sơ hở trong công tác điều tra khám phá tội phạm, trong công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự. Tiến hành kiểm sát các vụ án về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tham gia xét xử lưu động trên 1400 vụ án về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tổ chức triển khai thực hiện nhiều chuyên đề về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp

luật và phòng ngừa tội phạm tại các cơ quan ở TP HCM.

TAND các cấp trên địa bàn TP HCM đã thực hiện chức năng xét xử trên 80.000 vụ án hình sự sơ thẩm, tái thẩm, giám đốc thẩm..., xét xử sơ thẩm 62.731 vụ án hình sự, trong đó có 52.558 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt với 66.598 tội phạm (*xem bảng 2.3- phụ lục 1*), gồm: số tội phạm cải tạo không giam giữ là 2.905. Số tội phạm có hình phạt tù dưới ba năm là 21.337. Số tội phạm có hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm là 21,893. Số tội phạm có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là 6.281. Số tội phạm có hình phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm là 5.675. Số tội phạm có hình phạt tù chung thân là 29. Số tội phạm có hình phạt tử hình là 02. Số tội phạm có hình phạt tù tổng hợp từ 20 năm đến 30 năm là 31. Công tác thống kê tội phạm đã được quan tâm.

4.3. Dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh: “*Dự báo THTP là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của THTP có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng, chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong THTP, các nguyên nhân và điều kiện của nó*” [149, tr.183]. Từ quan điểm trên, có thể hiểu dự báo tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt là những phán đoán về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất, các nguyên nhân và điều kiện, khả năng thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TP HCM trong thời gian tới.

4.3.1. Cơ sở dự báo

Trong những năm tới, tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục của TP HCM tiếp tục ổn định và có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, cũng có nhiều khó khăn, thách thức. Với quy mô phát triển GDP đến năm 2020: tăng gấp 2,7 lần so với năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt 7.800 USD, tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20- 30%/ năm, tỉ lệ lao động đã

qua đào tạo đạt 90%, hình thành các khu trung tâm dịch vụ, sản xuất đạt chất lượng khu vực và quốc tế, hệ thống giao thông vận tải phát triển với tốc độ nhanh, hiện đại và bền vững tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của TPHCM [31]. Mặt trái của sự phát triển trên sẽ làm phát sinh các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh về thương mại, dịch vụ, như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông..., đã thu hút dân di cư từ các tỉnh về học tập, làm việc, du lịch, sinh sống ngày càng nhiều. Sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa nhanh đã kéo theo phát triển nhiều loại hình, như: nhà trọ, siêu thị, trung tâm thương mại, quán karaoke, tiệm cầm đồ, dịch vụ internet...(xem bảng 2.28 - phụ lục 1). Trong khi đó công tác quản lý Nhà nước về nhân khẩu, hộ khẩu, kinh doanh, dịch vụ, nhà trọ cho thuê ở các quận/ huyện còn lỏng lẻo và nhiều hạn chế. Do đó, những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước là nguyên nhân chính của sự phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong những năm tới.

Chất lượng, quy mô giáo dục đào tạo sẽ được cải thiện và các trường Đại học ở TPHCM sẽ trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao, có uy tín tầm cỡ quốc tế. Các trường dạy nghề được ưu tiên phát triển, cung ứng nhu cầu về lao động chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Nhưng những hạn chế, thiếu sót của hoạt động giáo dục, đào tạo từ nhiều năm nay chưa thể khắc phục được ngay trong một vài năm tới, dẫn đến trình độ dân trí ở một số địa phương, nhất là các huyện nông thôn còn thấp, có sự chênh lệch không đồng đều về trình độ giữa các quận/ huyện trong thành phố [31]. Như vậy, những yếu kém hạn chế trong giáo dục, đào tạo là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh nhiều loại tội phạm, nhất là các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và chưa thể loại trừ ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian sắp tới.

Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, tính ổn định của pháp luật chưa cao. BLHS, Bộ luật tố tụng hình sự mới được ban hành đặt ra nhiều thách thức đối với

những cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật (*theo tiểu mục 3.2.8, chương 3*). Đòi hỏi phải được học tập, nâng cao trình độ, năng lực mới đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Đồng thời cần có những yêu cầu cần thiết về đạo đức nghề nghiệp nên vừa phải học tập vừa phải rèn luyện đạo đức bản thân. Công tác nghiệp vụ, công tác điều tra khám phá, truy tố và xét xử của cơ quan chức năng còn nhiều bất cập, thiếu sót; chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan. Sự hỗ trợ của quần chúng nhân dân còn chưa tích cực, nên hiệu quả công tác phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM còn nhiều khó khăn.

Việc mở rộng hợp tác quốc tế toàn diện trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục; đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin và các dịch vụ mạng internet. Ngoài những giá trị tích cực của sự giao lưu giữa các nền văn hóa, thì nhiều vấn đề tiêu cực như các phim, ảnh, sách báo khiêu dâm, kích động, bạo lực tiếp tục xâm nhập, len lỏi và gây ô nhiễm tư tưởng người dân, nhất là thanh, thiếu niên. Theo nghiên cứu, tội phạm phần lớn là mù chữ, học cấp 1 (79%) (*xem bảng 2.27- phụ lục 1*) và không có nghề nghiệp (67,96%) (*xem bảng 2.29- phụ lục 1*), nên khả năng nhận thức xã hội hạn chế, ý thức pháp luật kém, nên rất dễ bị kích động và lôi kéo phạm tội. Đây chính là những nguy cơ tiềm ẩn trở thành tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt.

4.3.2. Nội dung dự báo

- Dự báo về mức độ, diễn biến

Tình hình kinh tế- xã hội trên địa bàn TPHCM sẽ có những bước phát triển mạnh trong những năm tới. Tuy nhiên, mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đã khiến nhiều doanh nghiệp không đủ vốn đã bị thua lỗ, phá sản. Sự di dân tự phát ở TPHCM vẫn còn tiếp tục, tỉ lệ thất nghiệp còn nhiều. Sự xâm nhập của nhiều loại hình văn hóa bạo lực, đồi trụy không phù hợp với đạo đức ngày càng tăng, sẽ len lỏi xâm nhập vào nhiều thanh, thiếu niên. Bên cạnh đó, phương thức thủ đoạn của tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn, có sử dụng khoa học công nghệ nhiều hơn (*xem bảng*

2.22 - *phụ lục 1*). Do đó, tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM sẽ có chiều hướng gia tăng về số lượng vụ án và số tội phạm; diễn biến phức tạp, tính chất nguy hiểm ngày càng nghiêm trọng với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, số vụ đồng phạm và tình trạng tái phạm tội gia tăng.

- Dự báo về cơ cấu, tính chất

Dự báo về đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt có những điểm như: tội phạm vẫn là những đối tượng có trình độ văn hóa thấp; sống trong những gia đình có cấu trúc không hoàn hảo, cha mẹ ít quan tâm dạy dỗ con cái, điều kiện kinh tế khó khăn; có cha, mẹ vi phạm pháp luật (*xem bảng 2.31 - phụ lục 1*); độ tuổi dưới 30 tuổi; phần đông là nam giới, có liên quan đến các tệ nạn xã hội, nghiện ma túy. Những đối tượng trên do hạn chế về trình độ và nhận thức; cùng với khó khăn về kinh tế, nên dễ bị dụ dỗ, lôi kéo, coi thường pháp luật, nên dễ bị phạm tội. Nạn nhân của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt chủ yếu vẫn là nữ giới, người già và trẻ em; người nước ngoài đến Việt Nam du lịch, học tập, làm việc, có đem theo tài sản trên người hoặc để tài sản ở cơ sở làm việc, nhà ở; những cá nhân, gia đình và công ty có nhiều sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản. Vì nữ giới, người già và trẻ em thường thiếu cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản; yếu đuối, sợ sệt, không có khả năng chống trả hoặc tri hô, truy đuổi tội phạm; nếu là người nước ngoài đến Việt Nam thì do không hiểu biết về pháp luật Việt Nam, không biết thủ tục trình báo và không biết đường đi trình báo khi mất tài sản (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*). Chính các đặc điểm đó đã làm gia tăng tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Dự báo địa bàn hoạt động trong thời gian tới của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM sẽ tập trung ở các khu vực trung tâm có nhiều dịch vụ internet, tiệm vàng, nhà hàng, khách sạn, tiệm cầm đồ, khu trao đổi ngoại tệ, khu vực đông dân cư, khu công nghiệp hoặc khu vực giáp ranh giữa các quận/huyện và giáp ranh giữa TPHCM với các tỉnh (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Ở những khu vực này, công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự còn lỏng lẻo;

công tác quản lý nhân, hộ khẩu, quản lý nghiệp vụ với các đối tượng hình sự còn nhiều sơ hở; đó là điều kiện thuận lợi cho tội phạm ẩn nấp và tiếp tục thực hiện phạm tội. Thời gian phạm tội diễn ra bất kỳ lúc nào trong ngày và thường xuyên liên tục hơn (xem bảng 2.23 - phụ lục 1). Xu hướng sử dụng vũ khí để phạm tội ngày càng nhiều hơn, nhất là vũ khí quân dụng (xem bảng 2.22 - phụ lục 1).

Trong những năm tới, TPHCM là khu vực “*Thí điểm về cơ chế, chính sách đặc thù*” theo nghị quyết 54 của Quốc Hội về phát triển kinh tế, trở thành trung tâm giao dịch tài chính, kinh doanh dịch vụ sôi động nhất; các hoạt động liên quan đến giao dịch tiền tệ, dịch vụ sẽ diễn ra nhiều hơn, đây là mục tiêu mà các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nhắm tới với quy mô lớn và thủ đoạn tinh vi hơn (xem bảng 2.21 - phụ lục 1). Dự báo tội phạm sẽ có xu hướng liên kết thành các băng, nhóm để thực hiện phạm tội, phương tiện sử dụng để phạm tội chủ yếu là xe máy nhỏ gọn, sửa chữa, thay đổi hình dạng tinh vi hơn; tội phạm hoạt động có giai đoạn chuẩn bị trước; có sự phân công cho các đồng phạm, như: người giám sát theo dõi lực lượng chống tội phạm; người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; người làm nhiệm vụ dàn cảnh, ngăn cản sự truy đuổi của nạn nhân và mọi người xung quanh; người có nhiệm vụ tiêu thụ tài sản.

- Dự báo về nguyên nhân và điều kiện

Nền kinh tế hiện nay trên địa bàn TPHCM theo chiều hướng đa thành phần, vì chạy theo lợi nhuận nên nhiều xí nghiệp, công ty..., làm ăn coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, khoảng cách giữa đô thị và nông thôn ngày càng lớn. Giá trị đồng tiền đang được đặt lên trên hết; giá trị đồng tiền được đề cao, mọi việc đều giải quyết bằng tiền. Vì chạy theo kinh tế thị trường, lo cho cuộc sống gia đình và bản thân; nhiều cán bộ, công chức của lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm đã thiếu trách nhiệm, lỏng lẻo trong quản lý, là những kẽ hở của pháp luật, bỏ lọt nhiều tội phạm nhờn nhờ ngoài vòng pháp luật (theo phân tích tiểu mục 2.2.5, chương 2).

Dự báo trong những năm tới, đây là những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Việc đầu tư giáo dục ngày càng được coi trọng và phát triển. Tuy nhiên, cùng với phát triển của kinh tế - xã hội của TPHCM; văn hóa và giáo dục đã tạo nên những bất cập và những kẽ hở, thiếu sót. Không ít bộ phận trong xã hội chưa có nhận thức đúng đắn về pháp luật; đặc biệt là giới trẻ, thêm vào đó người dân TPHCM lại bị cuốn theo những lối sống sai lệch, thiếu chuẩn mực đạo đức: thích ăn chơi, đua đòi, sử dụng đồng tiền thành công cụ cho bản thân,... (*xem bảng 2.28 - phụ lục 1*). Do đó, nếu không có những phương pháp đúng đắn, chặt chẽ hơn trong nhà trường về giáo dục pháp luật trong những năm tới đây, môi trường nhà trường sẽ là một trong những nguyên nhân của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Trong thời gian tới, cần phải có những biện pháp giáo dục, quản lý trẻ em một cách thiết thực và hiệu quả hơn. Nếu sơ hở thì việc sa ngã vào con đường phạm tội là điều khó tránh khỏi. Dự báo sẽ có không ít người vì kiếm tiền mà quên việc giáo dục con cái từ thuở nhỏ; dẫn đến việc nhận thức sai lệch, hư hỏng, ăn chơi đua đòi theo bạn bè là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- Dự báo về công tác phòng, chống

Trong thời gian tới lực lượng Trình sát, Cảnh sát hình sự, Cảnh sát khu vực, Kiểm sát viên, Thẩm phán TAND ..., sẽ được bổ sung; đặc biệt là những quận/ huyện trọng điểm về tội phạm như Quận 1, Quận 3, Bình Tân, Tân Bình, Bình Thạnh, Phú Nhuận..., và sẽ bổ sung nhiều cán bộ trẻ, được đào tạo căn bản và đầy đủ về mặt lý luận, chuyên môn nghiệp vụ..., để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của TPHCM. Điều này sẽ tạo ra một thế hệ cán bộ trẻ, mới, với trình độ chuyên môn cao hơn; nhưng lại thiếu kinh nghiệm thực tế. Trong khi đó, công tác phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt không chỉ đòi hỏi cán bộ phải được đào tạo căn bản về chuyên môn, nghiệp vụ, mà còn phải am hiểu thực tiễn và có kinh nghiệm. Đây vừa là thuận lợi, nhưng đồng thời

cũng là những khó khăn, thách thức cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể và người dân trong đấu tranh phòng chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt sẽ được cải thiện, ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài sản cá nhân và tổ chức còn chủ quan, sơ hở, mất cảnh giác (*xem bảng 2.34 - phụ lục 1*). Tuy nhiên, về mặt tâm lý của các cơ quan, ban ngành, thì việc đấu tranh phòng, chống tội phạm vẫn là trách nhiệm của lực lượng Công an, nên việc phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong phòng ngừa tội phạm vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

4.4. Các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

4.4.1. Các giải pháp khắc phục những hạn chế về kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc hội, ngày 24/11/2017 “*Về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh*”. Mỗi năm, kinh tế TPHCM phải đạt được mức đóng góp trên 22% GDP và 28% tổng thu ngân sách cho cả nước; tăng trưởng kinh tế bình quân 10,7%/ năm, gấp 1,6 lần bình quân của cả nước; năng suất lao động của thành phố phải đạt gấp 2,7 lần năng suất lao động bình quân của cả nước. Đến năm 2020, TPHCM không còn hộ nghèo theo chuẩn trên, còn hộ cận nghèo theo chuẩn có thu nhập bình quân 16 triệu đồng/ người/ năm [8]. TPHCM tiếp tục phát triển mạnh 3 khu vực: khu vực dịch vụ; khu vực công nghiệp- xây dựng và khu vực nông nghiệp. Phát triển mạnh 04 nhóm ngành công nghiệp: cơ khí; điện tử, công nghệ thông tin; hóa dược- cao su; chế biến tinh lương thực thực phẩm và các ngành công nghệ sinh học, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng; phát triển công nghiệp thời trang ngành dệt may- da giày, công nghiệp thiết kế; chuyển dần từ hoạt động gia công lắp ráp sang hoạt động sản xuất. Xây dựng TPHCM thành trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất nước; là đầu mối hợp tác

liên vùng và quốc tế. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao. Xây dựng hệ thống giao thông, hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại hiện đại, đồng bộ, hợp lý, bao gồm hệ thống kho bãi, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại [31]. Nhằm giảm tỉ lệ thất nghiệp, nâng cao đời sống của người dân.

TPHCM cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế đồng đều trên từng quận/ huyện và cả thành phố, để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, giảm sự chênh lệch về phát triển kinh tế, đời sống người dân giữa các quận/ huyện, giảm tỉ lệ thất nghiệp, góp phần hạn chế các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ *“Về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội”*. Thực hiện cải cách chế độ tiền lương cho cán bộ và nâng cao thu nhập của người dân, nhằm cải thiện, nâng cao đời sống. Giải quyết việc làm cho người lao động; xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt an sinh xã hội...vv. Chính quyền mỗi quận/ huyện cần tạo cơ chế, chính sách phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình; phát huy các chính sách ưu đãi cho vay vốn; xây dựng cơ chế của riêng của từng địa phương cho phù hợp với ngành nghề và trình độ lao động tại chỗ. Hỗ trợ cho người dân đẩy mạnh sản xuất hàng hóa nông nghiệp chất lượng cao; đáp ứng nhu cầu cung ứng nguyên liệu công nghiệp chế biến, phục vụ nhu cầu tiêu dùng ở tại chỗ và xuất khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh tại các vùng nông thôn, sử dụng các nguyên liệu của địa phương làm sản phẩm thế mạnh. Chuyển giao công nghệ cho các cơ sở nhỏ, các hộ gia đình, để các hộ gia đình ứng dụng được khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu. Tạo công việc làm cho mỗi hộ gia đình và giải quyết được nguồn lao động tại địa phương.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn lao động ổn định về số lượng và chất lượng, tạo cân bằng về cung và cầu trong thị

trường lao động tại TPHCM; tập trung đào tạo mới, đào tạo lại, dạy nghề cho người lao động theo nhu cầu của cơ sở sử dụng lao động (TPHCM hiện có 290.000 công nhân). Khuyến khích mở rộng liên kết, hợp tác giữa các đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo. Mở các trường dạy nghề trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để tự đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân. Tập trung đào tạo các ngành mang tính bền vững, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, quản lý tốt thị trường lao động. Ngoài ra, chính quyền các cấp nên thường xuyên tổ chức công tác dự báo lao động theo các ngành nghề, trình độ lao động. Giảm tỉ lệ thất nghiệp ở các quận/ huyện ngoại thành, nhằm góp phần giảm các hộ nghèo, hộ cận nghèo. Hỗ trợ công việc làm, ổn định cuộc sống người dân bằng các chính sách trợ giúp về đất đai, nhà ở, vay vốn tín dụng, dạy nghề, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, hoàn thiện thể chế thị trường lao động, tạo khung pháp lý phù hợp để kích thích thị trường lao động phát triển. Xây dựng cơ chế bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Ưu tiên phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với điều kiện kinh tế của từng quận/ huyện để giải quyết việc làm tại chỗ. Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng và phát triển thị trường lao động ra nước ngoài. Quy hoạch có tính bền vững, lâu dài để xây dựng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao ở các huyện nông thôn, vùng xa, như: Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh.

Khắc phục những hạn chế, thiếu sót về quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế như việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ hàng giả, hàng nhập lậu, hàng bán phá giá, đầu cơ tích trữ làm tăng giá bất thường... Mở rộng và nâng cao chất lượng các trung tâm dạy nghề, tạo điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề cho những người có trình độ lao động thấp, nhất là thanh niên có kinh tế gia đình khó khăn, để họ tiếp cận với công việc đòi hỏi có tay nghề và kỹ thuật chuyên môn cao. Ưu tiên phát triển một số ngành nghề công nghiệp góp phần làm giảm tình trạng thất nghiệp. Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở những vùng đất không

sản xuất được nông nghiệp, lâm nghiệp, để sử dụng hết công suất của những vùng đất bỏ trống. Tổ chức đào tạo nhiều lớp học nghề như nghề may, nghề thêu, nghề sửa chữa cơ khí..., nhằm thu hút nguồn nhân lực, ổn định việc làm lâu dài, ổn định cuộc sống công nhân; góp phần giảm các tệ nạn xã hội và giảm tội phạm ở thành phố. Giúp đỡ các gia đình thuộc diện có công Cách mạng, Thương binh, Liệt sĩ, người khuyết tật bằng những công việc cụ thể phù hợp với từng người. Đối với những người ra tù, sau cai nghiện trở về địa phương, những người được hưởng án treo, chính quyền địa phương cần quan tâm giúp đỡ họ hòa nhập cộng đồng, tạo công việc làm để tái phát triển cuộc sống. Thực hiện đầy đủ các chính sách xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...vv, nhằm tiến tới giảm tỉ lệ tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Thành ủy, UBND TPHCM tăng cường chỉ đạo và giao trách nhiệm phòng, chống tội phạm cụ thể cho từng ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên. Coi đây là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá kết quả công tác, bình xét thi đua hàng năm của các tập thể, cá nhân có liên quan. Đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật. Thường xuyên động viên cán bộ, Đảng viên trong việc tham gia phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt thông qua các đợt kiểm tra, giám sát tại cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách. Chỉ đạo thường xuyên công tác phòng, chống tội phạm ở quận/ huyện trọng điểm; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, xuyên suốt của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ thành phố đến quận/ huyện, phường/ xã, khu phố để tạo sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng chống các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

4.4.2. Các giải pháp khắc phục những hạn chế từ môi trường gia đình

Các cấp chính quyền, các cơ quan ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội ngoài việc tổ chức xây dựng “Khu phố văn hóa”, “Gia đình văn hóa”, ý

thức pháp luật cho người dân; còn phải giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội, để người dân địa phương ổn định cuộc sống. Nhân rộng các mô hình “Phụ nữ hai giỏi”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”..., nhằm giáo dục mỗi thành viên trong gia đình phải có ý thức, nề nếp, gương mẫu, đoàn kết, thương yêu nhau. Chú trọng nêu gương người tốt, việc tốt; đồng thời phê phán những tiêu cực trong việc xây dựng gia đình, tiến tới xây dựng một xã hội pháp luật, văn minh, nghĩa tình, hạnh phúc. Triển khai xây dựng gia đình văn hóa; trong đó ông bà, cha mẹ phải gương mẫu chấp hành đúng chủ trương và pháp luật của Nhà nước, sống đúng chuẩn mực đạo đức xã hội, gia đình hòa thuận, yêu thương chăm sóc lẫn nhau; xây dựng lối sống lành mạnh. Phải thể hiện tình thương yêu đối với con cái, nắm bắt kịp thời những thay đổi về tâm lý, các nhu cầu, nguyện vọng, các mối quan hệ xã hội của con cái, phải tạo môi trường thân thiện giữa cha mẹ và con cái. Cha mẹ phải là tấm gương sáng cho con học tập trên mọi phương diện trong cuộc sống. Dạy con cần tránh xa những tác động tiêu cực, sai trái của xã hội. Không nên để trẻ em sống và tiếp xúc những bạo lực gia đình, những thói hư ảnh hưởng đến lối sống, góp phần giảm số lượng phạm tội ở trẻ em.

Nhân cách của con người được hình thành trong quá trình giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Vai trò của gia đình chiếm vị trí rất quan trọng, vì gia đình là nơi đầu tiên để hình thành nhân cách con người. Thông qua các cuộc họp của tổ dân phố, khu phố lồng ghép hướng dẫn các bậc cha, mẹ về kỹ năng xây dựng hạnh phúc gia đình, kỹ năng chăm sóc, giáo dục con. Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Cảnh sát khu vực của các phường/ xã thường xuyên xây dựng, tổ chức sinh hoạt chuyên đề về pháp luật, nâng cao hiểu biết pháp luật nhằm giảm tỉ lệ vi phạm pháp luật và các phương pháp giáo dục con cái, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, không để cho con bị dụ dỗ, lôi kéo từ từ tội phạm. Do đó, cần tăng cường vai trò của các tổ hòa giải ở các khu phố, phường/ xã. Xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở phường/ xã, để kịp thời động viên, hòa giải những gia đình có nguy cơ rạn nứt, ly hôn..., góp phần xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, để mỗi gia đình

trở thành nơi chia sẻ, hạnh phúc nhất của các thành viên trong gia đình.

Trong cách nuôi dạy con, cha mẹ phải đồng thuận và có phương pháp giáo dục phù hợp; tránh tình trạng mỗi người có cách giáo dục riêng, tạo nên tình trạng quá nuông chiều hoặc quá khắt khe, làm cho con cái không biết tôn trọng cha, mẹ, không biết được cái nào sai và cái nào đúng. Cha, mẹ nên dạy con về những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp, phù hợp với truyền thống gia đình và xã hội. Giáo dục con phải có tính tự lập, tính dân chủ, công bằng không dựa dẫm, ỷ lại vào người khác. Biết lễ phép, biết hòa đồng, kính trên nhường dưới, tôn trọng sức lao động và tài sản của người khác; xây dựng mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp trong sáng, lành mạnh, tránh xa những tệ nạn xã hội. Có phương pháp động viên khích lệ, khen thưởng kịp thời khi trẻ em làm được những việc tốt, có thành tích cao trong học tập. Đồng thời, dạy dỗ, sửa sai khi con cái làm việc sai trái, học tập yếu để các em nhận thấy được lỗi và sửa chữa kịp thời. Từ đó hình thành, phát triển những đức tính tốt cho các em.

4.4.3. Các giải pháp khắc phục những hạn chế từ môi trường nhà trường

Nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ giáo viên với mục tiêu tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đến năm 2020, 100% giáo viên mầm non và phổ thông đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó 60% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học, 88% giáo viên trung học cơ sở và 16,6% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; 38,5% giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, 60% giảng viên cao đẳng và 100% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên; 100% giảng viên đại học và cao đẳng sử dụng thành thạo một ngoại ngữ [31]. Để đáp ứng được mục tiêu trên, ngành giáo dục và UBND các cấp trên địa bàn TPHCM cần phải đầu tư, chú trọng chất lượng đào tạo, đảm bảo giáo viên các cấp phải đáp ứng đủ những tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Xây dựng các trường Đại học trở thành những trung tâm đào tạo tầm cỡ quốc tế. Ưu tiên đầu tư cho các trường đại học trọng điểm, nhằm cung ứng kịp thời nguồn lao động cho thành

phổ. Cập nhật, tiếp cận và phối hợp đào tạo với các nước trên thế giới. Tiếp tục xã hội hóa giáo dục, mở rộng hợp tác, liên kết trong nước và ngoài nước. Tạo ra thể hệ giáo viên nhiệt tình, yêu nghề, dạy giỏi để quản lý học sinh chặt chẽ, giảm đến mức thấp nhất tỉ lệ bỏ học, trốn học, tụ tập, chơi games, chích ma túy...v.v.

Xây dựng người giáo viên gương mẫu trong chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành giáo dục; yêu ngành, yêu nghề, nhiệt tình trong giảng dạy, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chính trị để nâng cao nhận thức, có trách nhiệm nghề nghiệp. Kịp thời nắm bắt các thông tin của các giáo viên có biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy; có lối sống không lành mạnh, thiếu minh bạch; có biểu hiện trù dập học sinh, gây mất đoàn kết nội bộ. Thường xuyên cải cách, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục một cách toàn diện, gắn với quy hoạch phát triển tổng thể của TPHCM đến năm 2020 là “Giáo dục- đào tạo phải chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, tập trung đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố” [31]. Giáo viên phải tích cực đổi mới phương pháp dạy, tạo ra những hứng thú, lôi cuốn học sinh trong các tiết học, mỗi tiết học phải có trao đổi, thảo luận, học kết hợp với thực tập trên mô hình thực nghiệm hoặc thực tế xã hội để phát huy tính sáng tạo của học sinh. Tránh tình trạng học đơn điệu, nghèo nàn, dạy dập khuôn, máy móc, làm cho học sinh chán nản bỏ học, trốn học.

Xây dựng nội dung giảng dạy kiến thức về pháp luật với các hình thức sinh động phù hợp cho từng lứa tuổi, cấp học, hình thức đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện như: “Hành vi nào xem là vi phạm pháp luật, hành vi nào được phép thực hiện, hành vi nào pháp luật cấm không được thực hiện”. Chỉ cho các em những tệ nạn xã hội cần phải tránh, hướng dẫn các em biết cách bảo vệ tài sản, bảo vệ bản thân trước những nguy cơ bị phạm tội và bị lôi kéo, dụ dỗ vào con đường phạm tội, nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho các em, ngăn chặn tình trạng lôi kéo tụ tập, bỏ học, hút chích ma túy, cờ bạc, chơi game, nghiện game.

Tăng cường giáo dục cho học sinh từ kiến thức pháp luật, trách nhiệm công dân đến rèn luyện thể dục, thể chất. Nghiêm cấm các thầy, cô giáo và các trường chạy theo thành tích. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các sân chơi lành mạnh, phong phú, đa dạng cho mọi lứa tuổi ở các trường cấp 1 và trường phổ thông, như mô hình đội, nhóm, câu lạc bộ thể dục thể thao, văn nghệ,..., giúp các em tránh các tệ nạn xã hội, tránh bị dụ dỗ, lôi kéo phạm tội.

Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với UBND phường/ xã và các tổ chức chính trị xã hội trong việc quản lý, giám sát, giáo dục các thanh, thiếu niên bỏ học, trốn gia đình, thường xuyên tụ tập, gây rối trật tự công cộng; những em trở về từ các trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện để các em từ bỏ những thói hư, tật xấu, rèn luyện trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Giáo dục cho các em biết tệ nạn xã hội và hậu quả của nó để có sự đề phòng. Duy trì sinh hoạt giữa giáo viên chủ nhiệm và hội phụ huynh học sinh thường xuyên mỗi tháng một lần và đột xuất. Phát huy việc xây dựng sổ liên lạc điện tử, mọi hoạt động của học sinh đều được mã hóa vào sổ liên lạc, phụ huynh chỉ cần truy cập đúng mã số của con, em mình sẽ nắm được mọi thông tin về học tập, rèn luyện của con, em mình. Từ đó sẽ phối hợp với nhà trường phát hiện, giáo dục kịp thời nhằm ngăn chặn, hạn chế bỏ học, trốn học do chán nản bỏ học vì sự dạy dỗ không tốt và kỷ luật không đúng của thầy, cô giáo (xem bảng 2.27 – *phục lục 1*). Do đó, khi làm tốt công tác này sẽ làm giảm tỉ lệ tội phạm từ học sinh.

4.4.4. Các giải pháp khắc phục những hạn chế từ văn hóa, giáo dục

Phát triển TPHCM thành vùng trọng điểm du lịch của cả nước với những sản phẩm du lịch đặc sắc, có tính cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế cùng với đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, như: du lịch cuối tuần, du lịch văn hóa (khu du lịch Đầm sen, Suối tiên), du lịch lịch sử (khu du lịch địa đạo huyện Củ Chi, Rừng Sác huyện Cần Giò),... Phát triển hệ thống khách sạn và các công trình dịch vụ du lịch; các công trình vui chơi giải trí; bảo tồn và tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và phát triển các lễ hội truyền thống, các hoạt động văn hóa phục vụ

du lịch. Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, an ninh và an toàn du lịch. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; xây dựng nếp sống văn minh công cộng; phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu tính nhân văn; phấn đấu đến năm 2020 có 75% khu phố văn hóa; đảm bảo, 100% người dân thường xuyên tiếp cận với dịch vụ văn hóa, tiến tới triệt tiêu văn hóa đồi trụy, khiêu dâm, bạo lực trên địa bàn TPHCM [31].

Ngoài ra, văn hóa TPHCM cập nhật văn hóa thế giới, lấy văn hóa Việt Nam làm gốc, làm động lực thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thể loại văn hóa. Đẩy mạnh xây dựng các tượng đài chiến thắng, tượng đài Lịch sử. Phát triển các khu vui chơi giải trí ngang tầm các nước trong khu vực. Chú trọng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Phát triển TPHCM thành trung tâm thể dục thể thao của cả nước, tạo mọi điều kiện để người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao, trang bị phương tiện tập luyện thể dục thể thao ở các khu vực công cộng. Phấn đấu đạt tỉ lệ dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 28%. Đối với thể thao học đường, đảm bảo cơ sở vật chất, dụng cụ cho học sinh tham gia luyện tập thể dục thể thao. Đối với thể thao thành tích cao, cần đầu tư phát triển các môn thể thao thành phố có thế mạnh, những môn thể thao trọng điểm, hiện đại hóa cơ sở luyện tập thể thao tiêu chuẩn quốc tế [31], nhằm nâng cao tinh thần và thể chất người dân TPHCM, tránh xa sự cám dỗ, lôi kéo của các văn hóa lai căng.

Xây dựng và nhân rộng mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu tại các cộng đồng dân cư, như: phong trào “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”; xây dựng “Khu phố văn hóa”; “Xã, phường văn hóa”; mô hình “Quản lý giáo dục người chưa thành niên làm trái pháp luật tại cộng đồng dân cư”; mô hình “Phường, xã, cơ quan, doanh nghiệp, trường học không có tội phạm”; vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”. Ngoài ra, nhân rộng và phát triển phong trào phòng ngừa tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, xây dựng gia đình chuẩn mực, thông qua các mô hình như: “Phụ nữ

tham gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội”, “Phòng, chống bạo lực gia đình”, xây dựng “Gia đình 5 không, 3 sạch”; “Đội Thanh niên xung kích an ninh”; “Chi đoàn Thanh niên không có tội phạm”; “Chi đoàn Thanh niên tự quản”. Xây dựng các đơn vị, doanh nghiệp đạt danh hiệu “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Vận động công chức, viên chức, người lao động đăng ký thực hiện “Nếp sống văn minh cá nhân”; tổ chức triển khai “Ngày pháp luật” trong trong nhân dân. Xây dựng mô hình “Khu công nhân không có tội phạm và tệ nạn xã hội”; “Tổ tự quản khu nhà trọ công nhân”; “Toàn dân phát hiện, tố giác tội phạm”, các nhóm “Hiệp sĩ bắt cướp”..., ở các phường/ xã.

Xây dựng và kiểm tra chặt chẽ mạng Internet theo quy định của luật an ninh mạng, nhằm ngăn chặn kịp thời tình trạng kết nối hình thành băng nhóm tội phạm, hoạt động có tổ chức. Đồng thời, ngăn chặn các sản phẩm văn hóa xuyên tạc, bôi nhọ văn hóa của Việt Nam qua mạng. Hoàn thiện và củng cố đoàn kiểm tra liên ngành 814 của thành phố và của mỗi quận/ huyện nhằm tăng cường kiểm tra thường xuyên, định kỳ và triển khai các đợt chiến dịch kiểm tra về văn hóa tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa phẩm, tiệm game, Internet trong thành phố. Nghiêm cấm việc sản xuất và nhập các loại sách, báo, đĩa có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, bạo lực. Quản lý các cơ sở in ấn, xuất bản những văn hóa phẩm để kịp thời ngăn chặn đưa ra thị trường những sản phẩm đồi trụy, bạo lực. Tăng cường kiểm tra, giám sát các loại dịch vụ thu hút thanh, thiếu niên như: vũ trường, quán bar, karaoke... nhằm ngăn chặn các đối tượng có nguy cơ phạm tội.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo bằng nhiều hình thức, hoàn thiện cơ sở vật chất tại các nhà trường, mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, nội dung và phương thức giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa và liên kết quốc tế, huy động mọi nguồn lực vào việc đầu tư cho ngành giáo dục và đào tạo; đảm bảo các chuẩn về giáo viên, cơ sở vật chất các ngành học, bậc học. Nâng cao mặt bằng học vấn đến năm 2020 toàn dân TPHCM có trình độ học vấn bình quân đạt lớp 11. Phấn đấu xây dựng đạt 550 sinh viên/1 vạn dân vào năm

2020 [31]. Phát triển thể dục thể thao thường xuyên, hình thành đội ngũ các vận động viên thành tích cao ở một số bộ môn. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực vào việc đầu tư cho ngành giáo dục và đào tạo.

UBND các cấp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng giáo dục quận/ huyện cần tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên các cấp, kể cả các giáo viên trường Dân lập. Xây dựng và ban hành quy chế làm việc đối với giáo viên, đặc biệt là khối mầm non, tiểu học, phổ thông. Xây dựng và cải cách chế độ tiền lương, nâng cao thu nhập cho đội ngũ giáo viên, nhất là các giáo viên huyện vùng xa (Cần Giờ, Củ Chi), nghiêm cấm tình trạng dạy thêm. Đánh giá, xếp loại giáo viên theo từng năm, thông qua nhiều hình thức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các trường, cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, nhằm phát hiện những tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục. Đối với những giáo viên có sai phạm trong giảng dạy, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, không đủ tiêu chuẩn về bằng cấp, chuyên môn, thì phải kiên quyết xử lý nghiêm túc.

4.4.5. Các giải pháp giáo dục, cải tạo, giúp đỡ người phạm tội hòa nhập cộng đồng, ngăn chặn tái phạm

Việc giáo dục, cảm hóa người phạm tội là một quá trình lâu dài, thực hiện nghiêm túc ở tất cả các giai đoạn từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; mục đích để loại trừ khả năng tái phạm của họ ở bất cứ giai đoạn nào. Chính quyền phường/ xã và các tổ chức Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ,... Tổ chức tiếp nhận, quản lý, giáo dục, những tội phạm sau khi ra tù, các đối tượng sau cai nghiện, các tội phạm hưởng án treo. Phân công cụ thể tổ chức, cá nhân phối hợp với gia đình tham gia giáo dục tuyên truyền ý thức pháp luật thường xuyên, giúp đỡ, giám sát và quản lý họ; không để bị kỳ thị, bị xa lánh, giúp họ hòa nhập cộng đồng, cách ly các tệ nạn xã hội, ma túy, trách xa bạn bè xấu. Tạo cho họ có công việc làm ổn định, có thu nhập thường xuyên để ổn định cuộc sống, ngăn ngừa tái phạm.

Tại các Trại giam, cần nâng cao việc giáo dục học chữ phối hợp với học nghề, vì trình độ học vấn của tội phạm đa phần là thấp và mù chữ (*xem bảng 2.27 - phụ lục 1*). Việc đào tạo nghề tùy theo khả năng, sở thích, sức khỏe của từng phạm nhân, sao cho có thể phát huy được công việc sau một thời gian cải tạo học nghề. Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức giảng dạy về kiến thức pháp luật cơ bản, những vấn đề pháp luật cấm và hậu quả của nó, những vấn đề pháp luật không cấm, học đường lối chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tiến tới loại bỏ những tư tưởng lệch lạc, hiểu sai pháp luật, sai đạo đức xã hội và loại bỏ những lối sống tham lam ích kỷ, lên án những nhu cầu lệch lạc, hướng dẫn họ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao lành mạnh. Thường xuyên tổ chức cho tội phạm tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.

Tăng cường công tác xây dựng được mối quan hệ phối hợp giữa chính quyền địa phương với các trại giam nơi người phạm tội chấp hành án. Đào tạo họ có nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của địa phương mình; sau khi họ chấp hành xong hình phạt trở về địa phương có thể bố trí ngay cho họ những công việc phù hợp với tay nghề và trình độ của họ, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định để họ hòa nhập nhanh vào xã hội, trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, các trại giam căn cứ thị trường lao động ngoài xã hội và điều kiện cụ thể của trại giam, để tổ chức dạy những nghề phổ thông, đơn giản cho người chưa có nghề. Do chưa triển khai tốt vấn đề này, nên đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng sau khi chấp hành án trở về địa phương, người phạm tội không tìm được việc làm, hoặc có việc làm nhưng không ổn định, thu nhập thấp dẫn đến tâm lý chán nản, dễ bị lôi kéo và tái phạm.

4.4.6. Các giải pháp tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho toàn dân trên địa bàn TPHCM

Tiếp tục thực hiện quyết định số 81/2008/QĐ- UBND của UBND TPHCM, nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của các tổ dân phố “*Về công tác giám sát, phát hiện, tuyên truyền phòng chống tội phạm của tổ dân phố*”. Các tổ

chức chính trị xã hội phối hợp với Công an phường/ xã tổ chức tuyên truyền phòng chống tội phạm tại từng khu phố, tổ dân phố, mỗi gia đình; về ý thức trách nhiệm bảo vệ tài sản cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và tài sản công cộng. Giám sát và thông báo kịp thời nơi trú ẩn và những hành vi khả nghi của tội phạm cho các lực lượng chức năng, nhằm giảm đến mức thấp nhất tình trạng trở thành nạn nhân của tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tổ chức mạng lưới cộng tác viên bí mật khắp các phường/ xã để tuyên truyền ý thức pháp luật cho các đối tượng có nguy cơ phạm tội. Xây dựng, tuyển chọn, bồi dưỡng, tập huấn những cán bộ có trình độ về lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm, có trình độ pháp luật để làm tuyên truyền viên; thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho người dân. Thường xuyên tổ chức điều hành, treo các biển cảnh báo, pano, áp phích trên các tuyến đường lớn ở các quận/ huyện trọng điểm tội phạm. Đồng thời, tuyên truyền và phát tờ rơi tuyên truyền về ý thức cảnh giác tội phạm đến người nước ngoài sinh sống, làm việc và du lịch trên địa bàn TPHCM, những hướng dẫn viên du lịch, người quản lý các đoàn khách du lịch, đoàn khách quốc tế về những cách đối phó, cách tri hô, cách báo tin cho cơ quan chức năng gần nhất khi bị chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan Công an, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ của quận/ huyện, phường/ xã, phải giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tọa đàm, báo cáo chuyên đề, các hội thi tuyên truyền pháp luật về phương thức thủ đoạn của tội phạm; những điều pháp luật cho phép, những điều pháp luật cấm; hậu quả khi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, tổ chức tuyên truyền pháp luật trên các phương tiện truyền thông, như: đài phát thanh, đài truyền hình, loa phát thanh ở phường/ xã, khu phố. Tổ chức các chương trình nêu gương điển hình về người tốt, việc tốt, người hoàn lương, người đoạn tuyệt với ma túy trong từng khu phố, tổ dân phố. Phối hợp với các nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, các phương thức, thủ đoạn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt

cho học sinh mỗi tuần từ 1 đến 2 lần. Đặc biệt tập trung tuyên truyền, giáo dục pháp luật và đạo đức lối sống cho những người có nguy cơ tiềm tàng phạm tội; các đối tượng có trình độ văn hóa thấp, các học sinh cá biệt, người nghiện ma túy, các đối tượng hình sự. Do đó, cần phải xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền có ý nghĩa tác động, làm loại bỏ những tư tưởng lệch lạc và lên án những lối sống, nhu cầu lệch lạc đó; hướng dẫn họ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao lành mạnh. Thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, các phong trào tình nguyện, thanh niên xung kích để rèn luyện ý chí, lập trường của họ, tạo điều kiện cho họ hòa nhập với khu phố.

Nội dung tuyên truyền tập trung về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; xây dựng lối sống lành mạnh phù hợp với đạo đức, truyền thống dân tộc; các phương thức, thủ đoạn phạm tội của tội phạm; cách phát hiện, thời gian, địa điểm thường xảy ra phạm tội. Cách phòng ngừa, tố giác tội phạm và những cá nhân có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Phải đảm bảo đủ thông tin, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, phù hợp với từng người dân. Ngôn ngữ sử dụng phải đơn giản, rõ ràng, trong sáng. Hình thức tuyên truyền đa dạng, như phát thanh, truyền hình, báo chí, băng rôn, tờ rơi..., phải được thực hiện thường xuyên theo tháng, quý, năm. Nội dung những tờ rơi, tờ bướm nói về các thủ đoạn, các tuyến đường, khu vực công cộng thường xảy ra phạm tội, một số hình ảnh về những vụ phạm tội đã xảy ra; số điện thoại liên lạc khi bị chiếm đoạt tài sản.

4.4.7. Các giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Các giải pháp quản lý cư trú, vũ khí, chất nổ

Quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu là một biện pháp quản lý chặt chẽ số người trong từng địa phương, số di dân và số dân tại chỗ. Có ý nghĩa lớn trong việc phòng, chống tội phạm. Tình trạng biến động dân cư do làm ăn, học tập ở TPHCM đã kéo theo nhiều tệ nạn mại dâm, cá độ, rượu chè... (xem bảng 2.28 – phụ lục 1), gây mất an ninh trật tự. Công an khu vực các xã/ phường bắt buộc

các chủ hộ cho ở nhờ, ở thuê phải đăng ký tạm trú cho người thuê trọ. Thông qua việc quản lý tạm trú, tạm vắng để sàng lọc các đối tượng nghi vấn, thất nghiệp, tụ tập và phát hiện sớm các tội phạm ẩn nấp, hình thành băng nhóm; đặc biệt ở các quận trọng điểm về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt như: Quận 1, Quận 3, Quận 5, Quận Phú Nhuận, Tân Bình. Công an các quận/ huyện, thành phố phối hợp với các tỉnh liên kết chặt chẽ để nắm bắt tình hình các đối tượng di dân. Công an khu vực phải thường xuyên bám sát địa bàn mình quản lý, có kế hoạch kiểm tra tạm trú thường xuyên và đột xuất; đặc biệt ở các huyện ngoại thành có địa bàn rộng, dân cư sống thưa, người dân thiếu cảnh giác, dễ bị dụ dỗ. Quy định cụ thể về tiêu chuẩn điều kiện nhà cho thuê để bảo đảm về diện tích, môi trường cho người ở, thuận lợi cho việc quản lý nhân khẩu.

Những người khi đăng ký hộ khẩu tạm trú phải có giấy báo tạm vắng tại địa phương nơi có hộ khẩu thường trú. Khi tạm trú ở địa phương nào thì bắt buộc phải đăng ký tạm trú tại nơi đó. Quản lý nhân khẩu, hộ khẩu phải có hồ sơ tư pháp và sử dụng công nghệ thông tin kết nối giữa các địa phương, nhằm phát hiện tình trạng giả mạo giấy tờ tùy thân của tội phạm, hoặc sử dụng giấy tờ tùy thân người khác để lẫn trốn cơ quan chức năng. Phải chế tài nghiêm khắc đối với những người không đăng ký tạm trú, tạm vắng và những người cho thuê nhà hoặc người chứa chấp người khác ở trong nhà mà không đăng ký tạm trú, tạm vắng. Thường xuyên thông báo, trao đổi cập nhật thông tin nhân khẩu giữa các phường/ xã, quận/ huyện và giữa TPHCM với các tỉnh. Hiện nay, công tác quản lý cư trú tại các khu vực giáp ranh giữa TPHCM với các tỉnh khác như: quận 7, quận 9, Thủ Đức, quận Tân Bình, Bình Chánh và các nơi có khu công nghiệp, khu chế xuất còn nhiều sơ hở. Vì vậy, Cảnh sát khu vực và các cấp chính quyền của quận/ huyện giáp ranh cần tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu chặt chẽ hơn nữa, bám sát địa bàn, không vị nể, không được biểu hiện tiêu cực, không nhận hối lộ, xử lý nghiêm túc, kịp thời những trường hợp vi phạm. Quản lý cư trú chặt chẽ sẽ giám sát tốt số tội phạm đã bị áp dụng biện pháp giáo dục,

các đối tượng nghiện ma túy, đối tượng có nguy cơ phạm tội, các tội phạm có tiền án tiền sự và tội phạm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 5/04/2012 “*Về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*”, Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vũ khí, chất nổ trên mỗi địa bàn quận/ huyện và tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng, vũ trường..., quản lý và kiểm tra chặt chẽ tình trạng mua bán vũ khí cho tội phạm thực hiện hành vi phạm tội. Đặc biệt, trong thời gian gần đây là tình trạng mua vũ khí từ nước ngoài như Campuchia, Lào sau đó đem về Việt Nam thực hiện hành vi phạm tội, nhất là trong các tội phạm Cướp tài sản, Cướp giật tài sản, Cưỡng đoạt tài sản và Bất cóc chiếm đoạt tài sản có tình trạng gia tăng, nên đặc biệt tăng cường kiểm soát cửa khẩu, vùng biên giới, ngăn chặn các tình trạng mua bán, vận chuyển vũ khí vào Việt Nam nói chung và vào TPHCM nói riêng.

- Các giải pháp tăng cường công tác quản lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, tiệm cầm đồ

Sự phát triển các cơ sở kinh doanh, dịch vụ một mặt là hoạt động kinh tế tư nhân; nhưng mặt khác, đó cũng là nơi tội phạm lợi dụng để ẩn nấp, trà trộn mua bán tài sản chiếm đoạt được. Do đó, Công an quận/ huyện cần phối hợp Quản lý thị trường xây dựng nội quy hoạt động kinh doanh và kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh dịch vụ internet, quán Bar, nhà hàng, Karaoke... Không để khách hàng truy cập vào các trang web đen có nội dung bạo lực, chơi game quá giờ quy định, tụ tập chích, hút ma túy, bàn bạc kế hoạch phạm tội. Kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp kinh doanh quá giờ quy định; vi phạm quy định về âm thanh, ánh sáng; chứa chấp sử dụng các chất kích thích, các loại hàng cấm. Bắt buộc các cơ sở kinh doanh, dịch vụ phải viết bản cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không tiếp tay, tạo điều kiện cho các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt.

Hiện nay, trên địa bàn TPHCM có hơn 30.000 cơ sở cầm đồ, dịch vụ, kinh doanh, nhiều nhất là cầm các loại xe máy. Ở thành phố cũng như cả nước, tình trạng mua bán xe máy qua nhiều người nhưng tên chủ xe máy vẫn là người đầu tiên đứng tên, không thực hiện thủ tục chuyển nhượng sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, công tác quản lý xe máy rất khó khăn, trong khi đó số tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt sử dụng xe máy làm phương tiện phạm tội trên 85% (*xem bảng 2.22 – phụ lục 1*). Do đó, các cấp có thẩm quyền kết hợp với địa phương cần có biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ sở cầm đồ thường xuyên và đột xuất. Bắt buộc các cơ sở cầm đồ thực hiện đúng quy định của nhà nước về thủ tục sang tên xe máy, ô tô khi mua bán. Cần tăng cường công tác đăng ký, quản lý, tuần tra, kiểm soát để kịp thời phát hiện các trường hợp sử dụng xe có biển số giả, biển số mờ, che biển số, xe không có giấy tờ... Phải có những hình thức xử lý thật nặng để ngăn chặn tội phạm đến thuê xe gây án và tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt được.

Khách sạn, nhà nghỉ cần có những quy định rõ ràng khi thuê phòng, phải đăng ký và xuất trình giấy tờ tùy thân, đối với người vị thành niên khi thuê phòng phải có giám hộ đi chung. Cần báo cho Công an địa phương các trường hợp nghi ngờ phạm tội. Đối với những phường/ xã giáp ranh, lực lượng Công an của các phường/ xã giáp ranh cần phối hợp để kiểm tra, quản lý các cơ sở vùng giáp ranh, tránh tình trạng tội phạm lợi dụng sơ hở chạy qua lại giữa các phường/ xã; nhằm trốn tránh lực lượng chức năng tuần tra kiểm soát. Chủ các cơ sở kinh doanh, dịch vụ phải lắp đặt hệ thống bảo vệ như: Camera, hệ thống báo động, gắn các cửa sắt bảo vệ an toàn, khóa chống trộm; phân công người trực gác thường xuyên, cảnh giác và theo dõi sát trong thời gian làm việc, đặc biệt là những người lạ hoặc người có hành vi bất thường.

4.4.8. Các giải pháp khắc phục những hạn chế của pháp luật

- Các giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được quy định tại các Điều từ 168 đến Điều 175 của BLHS năm 2015 đã khắc phục cơ bản những hạn chế tại các Điều từ 133 đến 140 của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, qua nghiên cứu và trao đổi về thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm của một số cán bộ làm công tác điều tra, xét xử trên địa bàn TPHCM thì cần có một số điều chỉnh như sau:

- Cần có thông tư hướng dẫn cụ thể, để thống nhất cách hiểu về cấu thành cơ bản của từng tội cụ thể trong nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; theo hướng từ quy định hành vi phạm tội chung chung thành quy định hành vi phạm tội cụ thể, sẽ làm rõ được dấu hiệu pháp lý của các tội này. Làm cơ sở để xác định thời điểm hoàn thành của tội phạm, quyết định hình phạt, hạn chế sai sót. Như tội Cướp giật tài sản: tại Khoản 1 Điều 136 BLHS năm 1999 quy định “Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm”, có thể sửa đổi là: “Người nào lợi dụng sơ hở của người khác, công khai dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm”.

- Đối với tội Cướp giật tài sản; khi áp dụng tình tiết định khung “Hành hung để tẩu thoát” thuộc điểm đ khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999 cần quy định thêm: nếu người phạm tội có hành vi dùng vũ lực nhằm mục đích tẩu thoát, nhưng hành vi đó lại cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác hoặc giết người, thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội cố ý gây thương tích hoặc tội gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc tội giết người.

- Để đảm bảo nguyên tắc công bằng khi quyết định hình phạt, cần xóa bỏ sự chồng lấn giữa các khoản trong một Điều luật; quy định theo hướng hình phạt tăng dần giữa các khoản, nhằm tránh sự áp dụng các nơi khác nhau về mức phạt, cụ thể như : tội Cưỡng đoạt tài sản (Điều 135) và tội Cướp giật tài sản (Điều 136), được quy định tại BLHS năm 1999: ở Khoản 1: Người nào ... phạm tội, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm; Khoản 2: Phạm tội thuộc một trong các

trường hợp sau đây... thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm... Đề nghị sửa đổi: Khoản 1 có mức xử phạt tù từ 1 năm đến 5 năm; Khoản 2 có mức xử phạt tù từ 5 năm đến 10 năm... Khoản 3 có mức xử phạt tù từ 10 năm đến 15 năm...; Khoản 4 có mức xử phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân... Tránh tình trạng có ý chí cá nhân trong thực thi pháp luật; sẽ dẫn đến có trường hợp hành vi phạm tội ở Khoản 2 nhưng hình phạt nhẹ hơn hành vi phạm tội ở Khoản 1.

4.4.9. Các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự của TAND các cấp TPHCM, tổ chức tuyển dụng, đảm bảo bổ sung đầy đủ biên chế được phân bổ. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, điều động và luân chuyển cán bộ cho phù hợp giữa trình độ, năng lực với vị trí việc làm. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thi hành công vụ của cán bộ công chức; kịp thời pháp hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức Tòa án các cấp. Kiên quyết không để cán bộ công chức của ngành vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của ngành. Hiện nay, đời sống thu nhập của cán bộ, công chức Tòa án còn rất thấp, cần có chính sách đãi ngộ nâng cao đời sống của cán bộ công chức Tòa án, nhằm thu hút được nguồn lực phục vụ nhiệt tình và tạo sự yên tâm, tập trung công tác của các cán bộ, công chức Tòa án. Ngoài ra, Cán bộ, công chức tòa án phải thường xuyên tổ chức rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ TAND các cấp. Đặc biệt, đối với Thẩm phán, cần có lựa chọn người vừa có đức vừa có tài, công chính, liêm minh, công bằng pháp luật, lấy pháp luật làm cán cân, không thiên vị, không theo ý thích cá nhân, xét xử đúng người đúng tội, tạo niềm tin cho nhân dân.

Chú trọng đào tạo, hỗ trợ, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng xét xử. Tổ

chức triển khai các văn bản pháp luật, hội thảo, báo cáo chuyên đề pháp luật và duy trì các cuộc họp giữa đoàn Hội thẩm nhân dân với lãnh đạo TAND mỗi quý, để phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử và đóng góp ý kiến đối với các hoạt động khác. Nâng cao chất lượng trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về tư pháp; đặc biệt là đơn đề nghị Giám đốc thẩm, Tái thẩm. Kịp thời phản ánh và kiến nghị lên cấp trên những vướng mắc trong áp dụng pháp luật, đề xuất hướng giải quyết. Đầu tư cơ sở vật chất cho Tòa án quận/ huyện; trang bị phương tiện, đồ bảo hộ, dụng cụ làm việc cho cán bộ, công chức Tòa án nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thực hiện nghiêm túc thông tư số 01/2010 và quy chế liên ngành số 29/QCLN-BCA-VKSTC-TATC ngày 27/08/2010 về việc phối hợp liên ngành trong hoạt động tố tụng hình sự của Công an - VKSND - TAND [16], đặc biệt là các vụ án xét xử lưu động mang tính giáo dục và răn đe về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Thông qua việc xét xử, phát hiện sớm những nguyên nhân và điều kiện, những hiện tượng tiêu cực của xã hội, những sơ hở trong công tác quản lý nhà nước cũng như các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới của tội phạm. Tăng cường phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan ban ngành, đoàn thể và Sở Tư pháp. Duy trì chế độ họp liên ngành định kỳ, đột xuất để giải quyết các vụ án phức tạp, vướng mắc nhằm giải quyết các vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 37/2012/QH13 của Quốc Hội “Về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại”, đẩy mạnh việc thực hiện công tác Thừa phát lại, nhằm giúp cho TAND các cấp trên địa bàn TPHCM trong công tác tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của TAND hiệu quả hơn.

Kiến nghị Tòa án nhân dân Tối cao cần có văn bản hướng dẫn thống nhất việc thực thi pháp luật đối với toàn ngành tòa án trong cả nước; những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật. Chỉ đạo thường xuyên tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong việc xét xử các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và việc chấp hành nghiêm túc theo thẩm quyền được quy định tại Bộ luật tố tụng hình

sự của các Thẩm phán. Đồng thời, cần có văn bản hướng dẫn chung về mô hình quản lý hành chính đối với TAND các cấp. Tại TP HCM nhiều TAND quận/ huyện có số lượng án thụ lý rất lớn (từ 1.000 đến 3.000 vụ/năm) như quận 1, quận 3, quận 10, Tân Bình..., nhưng biên chế hỗ trợ khác chỉ có 03 biên chế, không đủ để hoạt động, dẫn đến giải quyết công việc chậm chạp, dễ sai sót. Triển khai các kế hoạch tập huấn văn bản, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật mới được ban hành có liên quan tới công tác giải quyết, xét xử các loại án.

Tiếp tục hoàn thiện các chương trình về ứng dụng công nghệ thông tin tại TAND các cấp của TP HCM, nhằm thực hiện tốt việc cải cách hành chính tư pháp; nâng cao chất lượng xét xử và làm tốt nhiệm vụ xét xử các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tăng cường công tác kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tổ chức kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế trong việc phát hành bản án và công tác thi hành án hình sự. Khắc phục tình trạng án quá hạn, giảm tỉ lệ án tạm đình chỉ, đình chỉ. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, thống kê theo quy định. Tập trung kiểm tra, hướng dẫn thực hiện về công tác văn thư, lưu trữ đến các Tòa án quận/ huyện. Triển khai và thực hiện nghiêm túc Luật phòng, chống tham nhũng. Chủ động phát động phong trào thi đua yêu nước với phương châm “Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân” và cuộc vận động thực hiện “3 xây, 3 chống” trong ngành TAND TP HCM. Thực hiện tốt chủ đề “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức ngành TAND”.

- Các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động truy tố của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách chuyên sâu về từng lĩnh vực. Thường xuyên tổ chức nghiên cứu một số chuyên đề nhằm tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm. Tăng cường phối hợp với các cơ quan ban ngành, đặc biệt là phối hợp chặt chẽ với Tòa án, cơ quan điều tra.

VKSND là nơi trực tiếp áp dụng các biện pháp pháp lý có tác dụng ngăn chặn tội phạm, hạn chế hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra, kiềm chế, đẩy lùi và từng bước làm giảm tội phạm, khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Cần phải tích cực trong việc tiếp nhận và xử lý các tin báo về tội phạm, có chế độ trực ban thường xuyên, nâng cao tỉ lệ xử lý hình sự, chống bỏ lọt tội phạm, đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, cần thống nhất cách áp dụng thực thi pháp luật, nhằm giảm bớt số lượng trả hồ sơ điều tra án mỗi năm. Đồng thời, đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện làm việc đầy đủ cho cán bộ, công chức VKS các cấp ở TPHCM; tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cải thiện đời sống cán bộ, công chức của ngành.

Cần nâng cao vai trò giám sát các hoạt động tư pháp, giám sát việc thực thi pháp luật của các ngành, các cấp, nhằm phát hiện những sơ hở trong quản lý nhà nước và giữ quyền công tố trước tòa, bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của VKSND các cấp. Nâng cao chất lượng phê chuẩn kịp thời các lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, các quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự và bị can; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án... nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc bắt người oan sai; tạm giữ, tạm giam không đúng quy định hoặc không khởi tố người có tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; chấn chỉnh công tác thống kê tội phạm. Tăng cường giám sát chặt chẽ những sai phạm để kịp thời thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị. Xây dựng các văn bản pháp luật, các cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội..., trên địa bàn TPHCM nhằm có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

Trước khi xét xử vụ án, Kiểm sát viên phải nghiên cứu, nắm chắc hồ sơ; phải xem xét toàn diện những chứng cứ của vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Chuẩn bị kỹ trước khi xét hỏi, tham vấn, dự kiến những vấn đề tranh luận tại phiên tòa, các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa... Trong quá trình giữ quyền công tố tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải đánh giá chứng cứ một cách khách quan, kiểm tra các thuộc tính của chứng cứ khi đưa ra

để phân tích, đánh giá tại phiên tòa, để xác định chính xác có hay không có hành vi phạm tội của bị cáo. Khi kiểm sát hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên không chỉ dựa vào kết luận của cơ quan điều tra, mà chủ động phối hợp với Điều tra viên nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án; xem xét, đánh giá từng chứng cứ trong toàn bộ hệ thống chứng cứ, thậm chí còn phải chủ động thu thập chứng cứ, như: trực tiếp lấy lời khai người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can... để bổ sung chứng cứ; kiểm tra chặt chẽ về quy định, trình tự, thủ tục của hồ sơ truy tố. Sau khi đã tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng, xét thấy vụ án đã có đủ căn cứ để quyết định truy tố, thì Kiểm sát viên mới tiến hành xây dựng bản cáo trạng.

- Các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động điều tra của cơ quan điều tra

Tiếp tục triển khai kế hoạch số 145/KH-CATP năm 2014 “Về phòng chống tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản trên đường phố và nơi công cộng” và phát huy vai trò tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành; nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng, triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm nói chung và các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt nói riêng. Tiếp tục thực hiện quy định 210 về việc phối hợp nắm bắt thông tin tội phạm giữa TPHCM với thành phố Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Nam Định và tăng cường giám sát tội phạm liên tục ở các tỉnh giáp ranh. Tăng cường công tác sưu tra, xác minh các đối tượng hiềm nghi tại các quận/ huyện trọng điểm tội phạm: quận 1, quận 3, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Bình Tân; thành lập nhiều chuyên án đấu tranh tội phạm nhất là ở các địa bàn giáp ranh. Tham mưu cho UBND TPHCM ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, đảm bảo thực hiện mục tiêu 3 giảm trên địa bàn TPHCM “Giảm tội phạm, tệ nạn ma túy và mại dâm”.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 06/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC, ngày 02/8/2008 về “*Hướng dẫn thi hành quy định*

của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố”. Tổ chức tốt công tác trực ban, trực chiến. Xây dựng các trạm an ninh, các đường dây nóng, tạo mọi điều kiện cho người dân cung cấp thông tin, tố giác tội phạm; tiếp nhận đầy đủ nguồn thông tin báo và thống kê vụ việc. Tổ chức xác minh, điều tra khi nhận được tin báo, tố giác các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt. Sau khi đã tiếp nhận tin báo, tin tố giác, Công an phải nhanh chóng có mặt tại hiện trường và phối hợp với các đơn vị triển khai điều tra, khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu, chứng cứ, khám xét, thu giữ tang vật, vật chứng của vụ án để chứng minh hành vi phạm tội. Không để xảy ra tình trạng dấu vụ việc, không đưa vào thống kê, báo cáo, không tổ chức xác minh, điều tra khi nhận được tin báo, tố giác tội phạm. Xử lý nghiêm túc các trường hợp chạy theo thành tích, gây phiền hà hoặc không tiếp nhận tin tố giác của người dân. Quan tâm, chú trọng chế độ bồi dưỡng trực gác, trực chiến, nâng cao đời sống cho lực lượng Công an nhân dân.

Tăng cường đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, rèn luyện tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, nhận thức, nhằm nâng cao chất lượng điều tra cho điều tra viên. Thường xuyên tổ chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng Công an. Khi thực hiện nhiệm vụ điều tra phải rõ ràng cụ thể, không được luông lách, bóp méo sự việc tạo hồ sơ giả, cố ý viết sai tội trạng, nhằm tham ô hối lộ; không được dụ dỗ, ép cung đối với tội phạm. Trong quá trình điều tra, cần phải nhanh chóng rà soát, tìm kiếm nhân chứng, người bị hại, người có liên quan, xác minh những thông tin về vụ án, đối tượng có liên quan đến vụ án để phục vụ kịp thời cho công tác điều tra. Cần phải có kế hoạch, kỹ năng phát động và lôi kéo quần chúng tham gia cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra. Riêng đối với người chưa thành niên phạm tội, khi điều tra cần phải có người giám hộ. Tăng cường quản lý chặt chẽ sự di biến động của các tội phạm, đối tượng có biểu hiện nghi vấn phạm các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt; không để tội phạm hình thành băng, nhóm. Công an

phải chủ động áp dụng các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh, điều tra, triệt phá các băng, nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tăng cường đào tạo và phát triển mạng lưới cộng tác viên bí mật trên 322 phường/ xã trong thành phố, thường xuyên huấn luyện, tuyên truyền, họp báo chuyên đề về tội phạm.

Trong những năm gần đây, tội phạm sử dụng vũ khí quân dụng để phạm tội và chống trả lực lượng truy bắt ngày càng gia tăng. Cần trang bị đầy đủ đồ bảo hộ, áo chống đạn, vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho Trinh sát, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát hình sự, để trấn áp những loại tội phạm có sử dụng vũ khí, liều lĩnh. Thường xuyên tổ chức, hoạt động của các “Tổ tuần tra đặc biệt”, “Tổ tuần tra vũ trang”, đội “Săn bắt cướp” để tuần tra, kiểm soát, truy bắt tội XPSH có tính chất chiếm đoạt. Đồng thời, đầu tư phương tiện, công cụ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho công tác điều tra; cho lực lượng kỹ thuật hình sự để xử lý những thông tin, tang chứng, vật chứng thông qua việc giám định, khám nghiệm. Thường xuyên thông báo bằng văn bản các thủ đoạn mới cho Công an các quận/ huyện, để chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa.

Kết luận Chương 4

Trong những năm qua, nhìn chung công tác đấu tranh phòng, chống tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM đã đạt được nhiều thành quả đáng kể. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy vẫn còn những hạn chế nhất định, xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Tác giả đã đưa ra được những dự báo về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới có những diễn biến phức tạp; số vụ và số tội phạm có xu hướng gia tăng; tội phạm liên kết với nhau thành các băng, nhóm để hoạt động; tính chất, mức độ nguy hiểm ngày càng cao; phương thức thủ đoạn tinh vi, liều lĩnh hơn. Vì vậy, các giải pháp đấu tranh phòng, chống các tội phạm này phải được tiến hành trên nhiều mặt, nhiều góc độ và nhiều lĩnh vực như:

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục,..., theo quyết định 2631/ QĐ- TTg, ngày 31/12/ 2103 “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội TPHCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”, của Thủ Tướng Chính Phủ nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, nâng cao trình độ dân trí, đời sống người dân và giảm tỉ lệ thất nghiệp; đồng thời, trao dồi phẩm chất đạo đức và nâng cao chất lượng của giáo viên ở TPHCM. Nâng cao chất lượng và tiến độ điều tra, truy tố và xét xử án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên 99% mỗi năm, đảm bảo không kết án oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm.

Phát động phong trào phòng, chống tội phạm sâu rộng trong các cấp chính quyền, các cơ quan, ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội và mọi tầng lớp nhân dân ở TPHCM bằng công tác tuyên truyền về ý thức pháp luật và ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm trên các phương tiện như: đài truyền hình, đài phát thanh, phát thanh của xã/ phường, áp phích, tờ rơi, tờ bướm, họp tổ dân phố, khu phố; nhằm huy động sức mạnh cả hệ thống chính trị tham gia công tác phòng, chống tội phạm. Mỗi cá nhân, gia đình, tổ chức phải có trách nhiệm bảo vệ tài sản của mình và có trách nhiệm phát hiện, tố giác tội phạm. Bên cạnh đó, chính quyền xã/ phường phải giám sát, giáo dục ý thức pháp luật, tạo điều kiện cho họ hòa nhập cộng đồng và tạo việc làm cho những người hưởng án treo, người hết hạn tù được trả về địa phương, những đối tượng sau cai nghiện. Tăng cường quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ; quản lý vũ khí, chất nổ... một cách chặt chẽ. Có như vậy, mới làm giảm được tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Các tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản mà còn xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của con người; gây mất mát cả vật chất lẫn tinh thần của cá nhân, tổ chức, gia đình; gây hoang mang lo lắng và làm xáo trộn cuộc sống bình yên của người dân. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cản trở sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội....vv, của cả nước nói chung và TPHCM nói riêng.

Trước đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu về phòng, chống tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt dưới góc độ tội phạm học, luật hình sự..., nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM. Vì vậy, việc nghiên cứu tình hình, nguyên nhân, điều kiện và giải pháp phòng ngừa các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, là một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và một số phương pháp khác được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, như: phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, hệ thống, so sánh, điều tra xã hội học... Luận án đã thực hiện được một số nhiệm vụ như sau:

- *Thứ nhất*, phân tích, đánh giá tổng quan các công trình đã nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến luận án. Thông qua phân tích, đánh giá tổng quan các công trình khoa học, tác giả đã kế thừa và tiếp cận để làm rõ thêm những nội dung cần nghiên cứu. Từ đó, tiến hành nghiên cứu đề tài dưới góc độ tội phạm học về các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM.

- *Thứ hai*, mô tả tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM Trong thời gian qua, có 63.566 vụ án các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt và 80.277 tội phạm, chiếm 87,38% trong tổng số vụ phạm pháp hình sự. So với cả Nước thì số vụ chiếm 22,75% và số tội phạm chiếm 17,80%, mật độ tội phạm xét trên diện tích 1km² ở TPHCM gấp 30 lần và xét theo số dân cư trên 01

tội phạm thì TPHCM ít hơn 2 lần. So với tỉnh Đồng Nai, số vụ gấp 583% và số tội phạm gấp 449%, xét theo diện tích (km²) thì mật độ tội phạm gấp 12 lần tỉnh Đồng Nai. Diễn biến về số vụ án tăng, giảm theo chu kỳ 3 năm tăng rồi 3 năm giảm: tăng vào các năm 2006, 2007, 2008 và 2012, 2013 và 2014, năm 2008 là năm tăng cao nhất với 6.250 vụ và 8.183 tội phạm; giảm vào các năm 2009, 2010, 2011 và 2015, 2016 và 2017 cũng là năm giảm thấp nhất với 4.160 vụ và 4.416 tội phạm, số tội phạm giảm liên tục từ năm 2006 đến 2017. Tội phạm hoạt động ở tất cả 24 quận/ huyện, qua đánh giá xác định được một số quận/ huyện là trọng điểm về tình hình các tội XPSH có tính chiếm đoạt, như: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận Phú Nhuận, quận Bình Tân, Bình Thạnh, Tân Bình...v.v. Tội phạm đa phần là nam giới (95,44%) gấp 21 lần nữ giới; độ tuổi phạm tội có xu hướng trẻ hóa, chủ yếu dưới 30 tuổi (76,92%); phần lớn là mù chữ và trình độ học vấn thấp (79%); không có nghề nghiệp và nghề nghiệp không ổn định (99,79%); có tiền án tiền sự (35,29%); liên quan đến ma túy, cờ bạc (48%); động cơ, mục đích phạm tội là do nhu cầu sống bản thân, ham có tiền, lười lao động (67,8%), số tội phạm nghiện game chiếm (55,9%), số vụ tội phạm có tổ chức thành băng nhóm (36,53%); tỉ lệ tái phạm còn cao (30,01%). Chủ yếu tội phạm là người Kinh (99,94%). Quốc tịch Việt nam (99,995%), người nước ngoài (0,005%).

- Thủ đoạn phạm tội táo bạo, liều lĩnh, chuyên nghiệp và tinh vi. Phương tiện phạm tội phần lớn là xe máy (85%), số vụ có sử dụng công cụ, vũ khí là (87,6%), xu hướng sử dụng vũ khí nóng ngày càng gia tăng (0,3%). Thời gian phạm tội bất kỳ trong ngày, thường nhất là từ 17 giờ đến 24 giờ (40,43%). Số tội phạm ít nghiêm trọng chiếm 49,08%; nghiêm trọng chiếm 34,20%; rất nghiêm trọng chiếm 9,43% và đặc biệt nghiêm trọng chiếm 7,29%, trong đó số tội phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng chịu mức hình phạt tù trên 07 năm và tử hình chiếm tỉ lệ cao (16,72%). Số tội phạm bị cải tạo giam giữ chiếm tỉ lệ rất cao (82,96%). Nạn nhân phần lớn là nữ giới (75,46%), người lớn tuổi (56%) và trẻ em (35,1%), đa phần là người Việt Nam (97,7%), nghề nghiệp

chủ yếu là kinh doanh, buôn bán (72,39%) và khách du lịch. Hậu quả mà tội phạm đã gây ra thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản cho con người và xã hội là rất lớn, trị giá mỗi năm trên 120 tỉ đồng. Ngoài ra kinh phí đầu tư cho việc đào tạo, huấn luyện, thành lập chuyên án..., trang bị bảo hộ cũng chiếm nguồn kinh phí mỗi năm trên 20 tỉ đồng, đã nói lên tính chất vô cùng nguy hiểm cho con người và xã hội của tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt.

- Sự tồn tại tội phạm ẩn của các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt được xếp ở mức độ II, chiếm tỉ lệ không nhỏ (khoảng 20%), ẩn nấp dưới nhiều hình thức. Đã phản ánh phần nào sự hạn chế, thiếu sót của lực lượng phòng, chống tội phạm, của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể và ý thức pháp luật của một bộ phận quần chúng nhân dân trên địa bàn TPHCM.

- *Thứ tư*, đưa ra những dự báo về tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới, dựa trên tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục... của TPHCM và dựa trên kết quả nghiên cứu về mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất, nguyên nhân, điều kiện và thực tiễn thực hiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trong thời gian qua trên địa bàn TPHCM. Trên cơ sở đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tác giả kiến nghị các nhóm giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM như sau: các giải pháp khắc phục những mặt trái của kinh tế- xã hội; các giải pháp khắc phục những tiêu cực trong môi trường gia đình; các giải pháp khắc phục những tiêu cực trong môi trường nhà trường; các giải pháp khắc phục những tiêu cực về văn hóa, giáo dục; các giải pháp tăng cường tuyên truyền ý thức pháp luật phòng chống tội phạm trong toàn dân; các giải pháp giáo dục, cải tạo tội phạm; các giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn TPHCM; các giải pháp về khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật và các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém của các cơ quan bảo vệ pháp luật trên địa bàn TPHCM ./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đoàn Công Viên (2017), “Đặc điểm tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tại thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, Học viện Khoa học Xã hội, tháng 8/2017, tr.11- 18.

2. Đoàn Công Viên (2017), “Phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia, số 259, 8/2017, tr. 92-94.

3. Đoàn Công Viên (2017), “Sự hoàn thiện quy định pháp luật về tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt qua các giai đoạn của luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục & Xã hội số Đặc biệt*, tháng 8/2017, trang. 92- 96.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Nguyễn Ngọc Anh (2009), “Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu”, Tòa Án nhân dân Tối cao, *Tạp chí Tòa Án*, (1), tr. 6 - 9.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2007), *Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
3. Phương Anh (2014), “ *Nghi phạm vụ trộm chó khiến 3 người chết tại Củ chi thành phố Hồ Chí Minh làm chết 3 người*”, Báo Việt Nam net, TPHCM.
4. Phạm Văn Báu (2010), “Tội cướp tài sản trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học tháng* (10), tr.3-9.
5. Phạm Văn Beo (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb Cần Thơ, Cần Thơ.
6. Phạm Văn Beo (2012), *Luật Hình sự Việt Nam- quyển 2 (Phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Chỉ Đạo 138 (2011), Kế hoạch 271/KH-BCĐ138/CP “*Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015*”, Hà Nội.
8. Báo Giáo dục thời đại (2017), nghị quyết của Quốc hội “*Về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh*”, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24 tháng 5 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

11. Bộ Chính trị (2010), Chỉ thị 48/CT- TW ngày 22 tháng 10 năm 2010, *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.

12. Bộ Chính Trị (2015), Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT trong tình hình mới*”, Hà Nội.

13. Bộ Công an, *Quy định về công tác sưu tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân, ban hành kèm theo Quyết định số 361/2003/QĐ-BCA(C11) ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Bộ trưởng BCA*, Hà Nội.

14. Bộ Công an, *Quy định về công tác xác minh hiềm nghi của lực lượng Cảnh sát nhân dân, ban hành kèm theo Quyết định số 361/2003/QĐ BCA(C11) ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Bộ trưởng BCA*, Hà Nội.

15. Bộ Công an, *Quy định về công tác xây dựng, sử dụng cơ sở bí mật của lực lượng Cảnh sát nhân dân, ban hành kèm theo Quyết định số 363/2003/QĐ-BCA(C11) ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Bộ trưởng BCA*, Hà Nội.

16. Bộ Công an (2010), quy chế liên ngành số 29/QCLN-BCA-VKS-TA ngày 27/08/2010 “*Về việc phối hợp liên ngành trong hoạt động tố tụng hình sự của liên ngành Công an- Viện kiểm sát - Tòa án*”, Hà Nội

17. Bộ Công an (2015), Kế hoạch số 250/KH-BCA-V11 ngày 16/10/2015 của Bộ Công an “*Về thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 3/8/2015 của Chính phủ về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, Hà Nội.

18. Bộ Công an (2015), *Chuyên đề tội phạm hình sự, tháng 8/2015*, TP HCM.

19. Bộ Công an (2017), *Báo cáo công tác thống kê hình sự các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt 2009- 2017*, TP HCM.

20. Bộ Công an (2009), Thông tư số 34/2009/TTLT-BGDĐT-BCA “Về hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân”, Hà Nội.

21. Nguyễn Mai Bộ (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Cảnh (2010), *Giáo trình tội phạm học*, Tổng cục Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

23. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

24. Lê Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2005), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu & 360 bài thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

25. Lê Cẩm (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam: phần các tội phạm*, trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

26. Nguyễn Kim Chi (2015), “Những quy định về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Học viện Tư pháp số*, (2), tr. 69- 72.

27. Nguyễn Kim Chi (2010), “Bắt cóc trong áp dụng các quy định về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, Văn phòng Quốc hội, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 15/2010*, tr. 69- 72.

28. Nguyễn Ngọc Chí (2000), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận án Tiến sĩ luật Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

29. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 08/1998/NQ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và ban hành chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.

30. Chính phủ (2004), *Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 09 và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2020*, Hà Nội.

31. Chính phủ (2013), Quyết định 2631/ QĐ- TTg, ngày 31/12/ 2103 “*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội TPHCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”, của Thủ Tướng Chính Phủ, Hà Nội.

32. Chính phủ (2012), Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 20/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ “*Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020*”, Hà Nội.

33. Trần Vi Dân (2013), “ Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm sở hữu”, *Tạp Chí Thanh tra Chính phủ*, (3), tr.21- 24.

34. Lê Đăng Doanh (2005), “ Sự khác nhau giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 BLHS) với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 BLHS) ”, *Tạp chí Tòa án nhân dân Tối cao*, (24), tr . 6- 10.

35. Lê Đăng Doanh (2013), *Định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu: Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.

36. Lê Đăng Doanh, Phạm Tài Tuệ (2014), “Cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề trong nhóm tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 1999”, *Tạp chí Tòa án nhân dân tối cao*, (14), tr.1-6;14.

37. Nguyễn Ngọc Điệp (2000), *Tìm hiểu và bình luận các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Mũi Cà Mau, Cà Mau.

38. Đảng Bộ thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX nhiệm kỳ 2010-2015*, TPHCM.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm năm 2009 của Ban chỉ đạo 138/ CP*, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm năm 2010 của Ban chỉ đạo 138/ CP*, Hà Nội.

41. Nguyễn Thanh Hải (2014), “ Về áp dụng “ Tình tiết định khung”, “Tình tiết phạm tội nhiều lần” trong các tội “xâm phạm sở hữu”, Tòa án nhân dân Tối cao, *Tạp chí Tòa án*, (19), tr.27- 29.

42. Trần Thị Phương Hiền (2007), *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐH Luật Hà Nội, HN.

43. Nguyễn Ngọc Hoà (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

44. Nguyễn Ngọc Hoà (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công An nhân dân, Hà Nội.

45. Nguyễn Ngọc Hòa (2009), Các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm trong tội phạm học, *Tạp chí Luật học*,(7), tr. 13- 24.

46. Nguyễn Ngọc Hoà (2009), *Cấu thành tội phạm: lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

47. Nguyễn Ngọc Hoà (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam tái bản lần thứ 16*, Trường Đại học luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

48. Hồ Trọng Hoàng (2010), *Phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản của lực lượng Cảnh sát về trật tự xã hội Công an quận Cầu Giấy*, Hà Nội, khóa luận tốt nghiệp, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

49. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay ở nước ta*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Lê Minh Hùng (2013), *Tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước: nguyên nhân, tình trạng và các giải pháp phòng, chống*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

51. Hoàng Văn Hùng (2006), Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Luật học*, (7), tr. 6-10.
52. Hoàng Văn Hùng (2007), *Tội trộm cắp tài sản và đấu tranh phòng, chống tội phạm này ở Việt nam*, luận án Tiến sĩ trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
53. Nguyễn Thị Hương (2014), *Tội cưỡng đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
54. Phan Thị Vân Hương (2003), *Đấu tranh phòng chống tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
55. Đàm Huy, Đình phú (2013), *Dự án Tăng cường công tác giáo dục, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình phòng chống tội phạm giai đoạn 2012-2015 với tổng kinh phí hơn 1.900 tỉ đồng*, Báo thanh niên, TP. Hồ Chí Minh.
56. Nguyễn Mạnh Kháng (2002), “*Tội phạm học Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb tư pháp, Hà Nội
57. Lê Thị Khanh (2006), *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
58. Hoàng Văn Lập (2004), *Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đấu tranh phòng chống tội phạm này ở Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sĩ luật học, Hà Nội.
59. Điều Thị Kim Liên (2011), *Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Luận văn Thạc sĩ trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
60. Di Linh (2014), “Công bố cáo trạng vụ siêu lừa đảo 4000 tỉ đồng”, *Báo Hà Nội mới*, Hà Nội.

61. Nguyễn Quang Lộc (2013), “Phân tích thực trạng và hướng đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp luật hình sự liên quan đến các tội xâm phạm sở hữu”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, tr.5-8 .

62. Lê Văn Luật (2008), “Bàn về định tội danh đối với một số tội xâm phạm sở hữu”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, (1), tr.10-13.

63. Nguyễn Đức Mai (2010), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 phần các tội phạm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.

64. Trần Quốc Nam (2011), “Thực trạng, nguyên nhân và một số giải pháp phòng, chống tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang”, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, *Tạp chí Viện Kiểm sát*, (11), tr. 24- 27.

65. Phạm Thị Bích Ngọc (2010), *Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản trong luật hình sự Việt nam*, Luận văn Thạc sĩ, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

66. Hồ Trọng Ngũ (2010), *Đặc điểm tội phạm học tội phạm kinh tế và các biện pháp phòng ngừa*, Giáo trình sau Đại học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

67. Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh (2013), *Giáo trình tội phạm học*, trường Đại học luật TP HCM, Nxb Hồng đức- Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.

68. Cao Thị Oanh (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) - Chương IV: Các tội phạm sở hữu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

69. UBND TPHCM (2008), quyết định 81/2008/QĐ- UBND “về cho phép thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”, TPHCM.

70. UBND TPHCM (2005), quyết định số 333/2005/ QĐ-UB ngày 7/4/2005 “về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2005-2010”. TPHCM.

71. UBND TPHCM (2013), kế hoạch 2448/KH-UBND ngày 24/5/2013 “*về việc triển khai công tác phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”. TPHCM.

72. UBND TPHCM (2015), Kế hoạch 1309/KH- UBND, của UBND TPHCM, ngày 28/03/2014, “*Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội TPHCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”, TPHCM.

73. UBND TPHCM (2015), Chỉ thị số 10/2015/CT-UBND của UBND TPHCM, “*Về tăng cường công tác đảm bảo ANTT tại cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới*”, TPHCM.

74. Đào Trí Úc (2000), *Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

75. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia.

76. Trần Hữu Ứng (2000), “*Về tội phạm có tổ chức*”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (12), tr.1.

77. Hoàng Phê (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

78. Nguyễn Kim Phong (2012), “*Nguyên nhân, điều kiện của tội phạm bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa*”, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, *Tạp chí Viện Kiểm sát*, (22), tr. 74- 80.

79. Đinh Phú (2013), “*Công tác đảm bảo an ninh trật tự 6 tháng đầu năm 2013 trên địa bàn thành phố*”, *Báo thanh niên*, TPHCM.

80. Đinh Thị Lan Phương (2007), *Đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận văn Thạc sĩ, trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

81. Trần Thị Phường (2011), *Định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 – 2010*, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật hình sự, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

82. Nguyễn Thị Thu Phương (2014), *Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

83. Nguyễn Ngọc Quang, *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

84. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Phần các tội phạm tập II, các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

85. Đinh Văn Quế (2006), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999 –so sánh với các quy định của Bộ luật Hình sự 1985, đối chiếu với thực tế xét xử các vụ án Hình sự*, Nxb TP HCM, TP. Hồ Chí Minh.

86. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2017), Nghị quyết 54 “*Về cơ chế chính sách đặc thù của TP HCM*”, Hà Nội.

87. Quốc Hội nước CHXHCNVN (1999), (2015) *Bộ luật Hình sự năm 1999, 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

88. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2005), (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2005, 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

89. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2003), *Bộ luật tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

90. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2013), *Hiến pháp năm 2013 của nước CHXHCNVN*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

91. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2012), Nghị quyết 37/2012/QH13 của Quốc Hội “*Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm*”, Hà Nội.

92. Quốc Hội nước CHXHCNVN (2014), Nghị quyết 63/2014/NQ-QH13 “Về tăng cường biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.

93. Đặng Thúy Quỳnh (2012), “Bàn về tội "Cướp giết tài sản" và tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" trong Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí Kiểm sát*, (19), tr.24-25, 31.

94. Đặng Thúy Quỳnh (2013), *Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

95. Sở Công an TPHCM (2017), *Báo cáo tổng kết Trật tự xã hội của TPHCM năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*, TPHCM.

96. Sở Công an TPHCM (2017), *Số liệu tội phạm hình sự 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*, TPHCM.

97. Hồ Sỹ Sơn (2012), “Khái niệm và các dấu hiệu của tội phạm nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (10), tr.91-99.

98. Hồ Sỹ Sơn (2010), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

99. Hồ Sỹ Sơn (2013), Các giai đoạn thực hiện tội phạm nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số (7).

100. Lê Thị Sơn (2013), *Giáo trình tội phạm học trường Đại học luật Hà Nội*, Nxb Công An nhân dân, Hà Nội.

101. Lê Văn Sinh (2010), *Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản trên địa bàn Đà Nẵng theo chức năng của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm*

về trật tự xã hội Công an cấp Huyện, luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

102. Thành ủy TPHCM, Chỉ thị 05.-CT/TU ngày 12/7/2007 của Thường vụ Thành ủy “*về tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố và tổng kết 5 năm (2001- 2005) thực hiện chỉ thị 03-CT/TU của Thường vụ Thành ủy về phòng, chống tội phạm, thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, mặt trận, đoàn thể thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch nhằm nâng cao công tác phòng ngừa xã hội trong phòng, chống tội phạm*”, TPHCM.

103. Thành ủy TPHCM, Thông tri số 23-TT/TU năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy TPHCM “*về lãnh đạo công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn năm 2013 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”, TPHCM.

104. Ngô Toàn Thắng (2012), *Phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

105. Nguyễn Văn Thanh (2016), “ *Các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” Luận án Tiến sĩ chuyên ngành tội phạm học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

106. Nguyễn Đức Thảo (2016), “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn TPHCM*”, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành tội phạm học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

107. Nguyễn Thị Phương Thảo (2012), “*Bàn về yếu tố Chiếm đoạt tài sản trong các tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, *Tạp chí Viện Kiểm sát*, (9), tr. 52- 54.

108. Bùi Văn Thịnh (2005), *Tăng cường quản lý, thu hồi vũ khí và các phương tiện, công cụ mà bọn tội phạm có thể sử dụng để gây án*, Tạp chí Kiểm sát (số1), Hà Nội.

109. Phạm Văn Tĩnh (2006), *Bức tranh thực tế về tình hình tái phạm, tái phạm nguy hiểm ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 2/2006.

110. Phạm văn Tĩnh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 12/2007.

111. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6/2008.

112. Phạm Văn Tĩnh (2011), *Tổng quan về mức độ của tình hình tội phạm ở Việt Nam qua số liệu thống kê từ năm 1986-2008*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4/2011.

113. Phạm Văn Tĩnh (2014), Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (3), tr.4- 9.

114. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

115. Phạm Văn Tĩnh (2007), “Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (6), tr.1- 10.

116. Phạm Văn Tĩnh (2008), “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – Mô hình lý luận”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (6), tr.10- 17.

117. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (6), tr.1-10.

118. Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm Sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp (2001), TT số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP Về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “*Các tội xâm phạm sở hữu*”, của *Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.

119. Tòa án nhân dân tối cao (2005-2009), *Báo cáo tổng kết công tác các năm từ năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009*, Hà Nội.

120. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HHTTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.

121. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Số liệu các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt của cả nước, TPHCM và tỉnh Đồng Nai từ năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Hà Nội.

122. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2007 đến 2016*, TP HCM.

123. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2017), *Các bản án về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt năm 2006- 2015*, TP HCM.

124. Phạm Tài Tuệ (2014), “Một số vấn đề về động cơ phạm tội trong các tội xâm phạm sở hữu, Học viện”, *Tạp chí Tòa án*, (3), Tr.2 – 5.

125. Đỗ Kim Tuyền (2001), *Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*, Luận án Tiến sỹ trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

126. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, *Tạp chí luật học*, (số 11), tr.43- 51.

127. Trần Hữu Tráng (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, *Tạp chí Luật học*, (số 1), tr. 42- 50.

128. Trần Hữu Tráng (2011), *Hoạt động của lực lượng Công an nhân dân trong phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

129. Trần Hữu Tráng (2014), Dự báo nguy cơ tội phạm, *Tạp chí Luật học*, (số 4), tr. 46 – 53.

130. Trần Hữu Tráng (2015), Một số vấn đề về tình hình tội phạm ảm ở Việt Nam, *Tạp chí luật học*, tr.51- 57.

131. Phạm văn trung (2017), “*Tội cướp giết tài sản trên địa bàn miền Đông nam bộ: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành tội phạm học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

132. Vũ Xuân Trường (2013), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng cảnh sát nhân dân ở địa bàn cơ sở*, Luận án tiến sĩ luật, Hà Nội.

133. Nguyễn Văn Trọng (2008), “Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Tòa Án nhân dân Tối cao, *Tạp chí Tòa án*, (3), Tr.2- 5.

134. Nguyễn Văn Trọng (2008), "Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản", *Tạp chí Viện Kiểm sát*, (8), tr. 19-23, 47.

135. Nguyễn Văn Trọng (2008), “Những vấn đề cần hoàn thiện đối với các tội xâm phạm sở hữu”, Tòa Án nhân dân Tối cao, *Tạp chí Bộ Tư pháp số*,(3), tr. 19- 23, 47.

136. Vũ Xuân Trường (2002), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân ở cơ sở hiện nay và những giải pháp hoàn thiện*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

137. Phùng Thế Vắc (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 (Phần các tội phạm) - Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

138. Nguyễn Khánh Vân (2014), *Phân biệt các tội xâm phạm sở hữu với các vi phạm trong giao dịch dân sự về tài sản*, Luận văn Thạc sĩ trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

139. Phạm Việt (2014), *Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

140. Phạm Việt, Trần Quốc Thắng (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

141. Trịnh Tiên Việt (2004), “Phân biệt tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội cướp giật tài sản qua một số tình huống thực tiễn”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, (4), tr. 36- 44.

142. Trịnh Tiên Việt (2008), Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN Kinh tế - luật*, (5), tr. 185-199.

143. Trịnh Tiên Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

144. Nguyễn Hồng Vinh (2007), Hoạt động phòng ngừa tội phạm của Viện Kiểm sát Nhân dân, *Tạp chí Kiểm sát*, (6), tr. 67- 69.

145. Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

146. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

147. Võ Khánh Vinh (2002), *Những vấn đề về lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

148. Võ Khánh Vinh (2004), *Lý luận về định tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

149. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

150. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

151. Võ Khánh Vinh (2004), Về những xu hướng và nội dung cơ bản của chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (10), tr. 8- 16.

152. Võ Khánh Vinh (2008), *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

153. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

154. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

155. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

156. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

157. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

158. Bùi Thới Vinh (2013), *Tội chiếm đoạt tài sản do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

159. Trần Thị Quang Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Trường Đại học luật TP HCM, Nxb Hồng Đức- Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.

160. Trương Quang Vinh (2000), “Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999”, Trường Đại học luật Hà Nội, *Tạp chí Luật học*, (4), Tr. 33-35.

161. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

162. Nguyễn Xuân Yêm, Phan Đình Khánh, Nguyễn Thị Kim Liên (2003), *Mại dâm, Ma túy, Cờ bạc, Tội phạm thời hiện đại*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

163. Nguyễn Xuân Yêm (2004), *Phòng ngừa thanh, thiếu niên phạm tội, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội*, Nxb Công an, Hà Nội.

164. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

Tài liệu nước ngoài

165. A.I. Đôn-Gô-Va (1987), *Những khía cạnh lý - xã hội về tình hình phạm tội của người chưa vị thành niên (Dịch tại Việt Nam)*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.

166. Borzenkop, Kanuixarop (2002), *Phân tích các đặc điểm chung của các tội xâm phạm sở hữu, phân tích các dấu hiệu của từng tội phạm*, Giáo trình luật hình sự, Nxb Trường Đại học tổng hợp Xretlov, nước Nga.

167. Can Ueda (1989), *Tội phạm và Tội phạm ở Nhật Bản 1989*, Nxb Tiền Bộ, Moscow, nước Nga.

168. Deidre Joubert (2010), “The Crime of Robbery in South African Law”, *International Journal of Arts and Sciences*, tr. 128- 154.

169. Diana Nelson, Lisa Collins and Frances Gant (2002), *The stolen property Market in the Australian Capital Territor*, Australian Institute of Criminology, 95 pages.

- 170.** Franklin E. Zimring and James Zuehl (1986), "Victim injury and death in urban robbery: A Chicago study", *Journal of Legal Studies*, Volume 15, 38 pages.
- 171.** Frank Schmalleger (2002), *Criminology Today*, PH.D. Professor Emeritus, The University of North Carolina at Pembroke, Prentice Hall, p. 10.
- 172.** Franz Von Lista (2008), *Nhiệm vụ và chính sách hình sự. Tội phạm – Hiện tượng xã hội tiêu cực*, Nxb Infra, Matxcova, Nước Nga.
- 173.** Ghersengion A.A (1990), *Luật hình sự và xã hội học*, Nxb pháp lý Matxcova, Nga.
- 174.** Hans Göppinger (2008), *Kriminologie*, Professor an der Universitaet Tuebingen), Verlag C.H. Beck Muenchen, pp. 1- 2.
- 175.** Hennessy Hayes, Tim Prenzler (2014), *An introduction to Crime and Criminology*, Nxb Pearson Australia, Australia.
- 176.** Koovalev. M. I, Voronhin Iu. A (1980), *Tội phạm học và chính sách hình sự*, Nxb Trường Đại học tổng hợp Xretlov, nước Nga.
- 177.** Larry Siegel (2014), *Criminology – The core*, NXB Cengage Learning.
- 178.** Lisa Tompson (2012), *Street Robbery*, Viện An ninh và Khoa học tội phạm. ISSN: 2050-4853
- 179.** Malkova (2006), *Giáo trình Tội phạm học cho các trường đại học (nguyên bản bằng tiếng Nga)*, Nxb Thông tin pháp lý, Hà Nội.
- 180.** Macilwee, Mick (2011), *The Liverpool underworld: Crime in the city, 1750-1900*, NXB Liverpool University Press.
- 181.** Stijn Van Daele (2008), *Organised property crimes in Belgium: the case of the "itinerant crime groups"*, Global Crime, Ghen Universitusty, Belgium, August 2008 Volume 9, Issue 3, pp.241- 247,

- 182.** Traadaev X.G (1991), *Chính sách hình sự và tình trạng phạm tội – Những vấn đề và các cách giải quyết*, Nxb Kiến thức, Matxcova nước Nga.
- 183.** V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Matxcova, nước Nga.
- 184.** V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Matxcova, nước Nga.
- 185.** Yuk Yee Yan (2004), “Seasonality of Property Crime in Hong Kong”, *British journal of criminology*, Volume 44, Issue 2, pp. 276-283.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Bảng 2.1. Thông số về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

Năm	Số vụ	Số tội phạm
2006	6.035	8.556
2007	6.052	8.126
2008	6.250	8.183
2009	5.715	7.247
2010	5.145	6.800
2011	4.745	6.168
2012	5.121	6.579
2013	5.279	6.772
2014	5.450	6.553
2015	5.098	5.896
2016	4.516	4.981
2017	4.160	4.416
Tổng số	63.566	80.277
Trung bình	5.297	6.690

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.2 Thông số về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017, theo tội danh

Năm	Cướp tài sản	Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	Cưỡng đoạt tài sản	Cướp giết tài sản	Công nhiên chiếm đoạt tài sản	Trộm cắp tài sản	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tổng số vụ	Tổng số tội phạm
2006	380	4	26	1.629	0	3.729	158	109	6035	8.556
2007	369	3	37	1.662	1	3.700	168	112	6.052	8,126
2008	351	4	48	1.680	2	3.879	185	101	6.250	8.183
2009	412	6	42	1.516	0	3.462	196	81	5.715	7.247
2010	392	11	50	1.375	2	3.073	144	98	5.145	6.800
2011	428	10	58	1.265	3	2.761	130	90	4.745	6.168
2012	406	7	56	1.208	3	3.032	248	161	5.121	6.579
2013	306	6	48	1.194	4	3.352	227	142	5.279	6.772
2014	270	13	59	1.136	2	3.544	255	171	5.450	6.553
2015	236	7	38	1.003	4	3.412	238	160	5.098	5.896
2016	165	9	53	888	1	2.859	406	135	4.516	4.981
2017	151	9	31	798	2	2.779	263	133	4.160	4.416
số Vụ	3.866	89	546	15.354	24	39.582	2.638	1.493	63.566	80.277
Tội phạm	5.121	145	715	19.620	24	49.643	3.091	1.918		

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.3. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt với tổng số vụ, số tội phạm hình sự, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

Năm	Số vụ, số tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt		Số vụ và số tội phạm hình sự		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ (1)	Số tội phạm (2)	Số vụ (3)	Số tội phạm (4)	Số vụ (1/3)	Số tội phạm (2/4)
2006	6.035	8.556	6.775	9.698	89,08	88,22
2007	6.052	8.126	6.835	9.249	88,54	87,86
2008	6.250	8.183	6.974	9.487	89,62	86,25
2009	5.715	7.247	6.343	8.096	90,10	89,51
2010	5.145	6.800	5.869	9.655	87,66	70,43
2011	4.745	6.168	5.404	7.067	87,81	87,28
2012	5.121	6.579	5.928	7.547	86,39	87,17
2013	5.279	6.772	6.218	7.931	84,90	85,39
2014	5.450	6.553	6.381	7.663	85,41	85,51
2015	5.098	5.896	6.004	6.907	84,91	85,36
2016	4.516	4.981	5.205	5.658	86,76	88,03
2017	4.160	4.416	4.809	5.115	86,50	86,33
Tổng cộng	63.566	80.277	72.745	94.073	87,38	85,33

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.4. Hệ số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, đánh giá trên 100.000 dân cư của TPHCM từ năm 2006 đến 2017
(*Tính số tội phạm/100.000 dân cư*)

Năm	Tổng số dân của TPHCM theo từng năm	Số tội phạm	Số tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt/100.000 dân
2006	6.483.100	8.556	132
2007	6.725.300	8.126	121
2008	6.946.100	8.183	118
2009	7.196.100	7.247	101
2010	7.378.000	6.800	92
2011	7.521.000	6.168	82
2012	7.750.900	6.579	85
2013	7.990.100	6.772	85
2014	8.190.200	6.553	80
2015	8.224.000	5.896	72
2016	8.426.300	4.981	59
2017	8.611.000	4.416	51
Trung bình	7.620.175	6.690	88

(*Nguồn: Tòa án TPHCM và Cục Thống kê*)

Bảng 2.5. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017

Năm	TPHCM		Cả nước		Tỉ lệ (%)	
	Số vụ (1)	Số tội phạm (2)	Số vụ (3)	Số tội phạm (4)	Số vụ (1/3)	Số tội phạm (2/4)
2006	6.035	8.556	23.608	37.466	25,56	22,84
2007	6.052	8.126	23.128	37.859	26,17	21,46
2008	6.250	8.183	23.707	39.152	26,36	20,90
2009	5.715	7.247	25.502	41.823	22,41	17,33
2010	5.145	6.800	18.984	31.078	27,10	21,88
2011	4.745	6.168	21.429	35.930	22,14	17,17
2012	5.121	6.579	24.318	41.176	21,06	15,98
2013	5.279	6.772	24.834	40.721	21,26	16,63
2014	5.450	6.553	25.075	40.199	21,74	16,30
2015	5.098	5.896	25.172	38.282	20,25	15,40
2016	4.516	4.981	22.869	33.416	19,74	14,91
2017	4.160	4.416	20.682	28.990	20,14	15,23
Tổng cộng	63.566	80.277	279.380	446.092	22,75	17,80

(Nguồn: TAND Tối cao và TAND TPHCM)

Bảng 2.6. So sánh mức độ tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km²) và yếu tố dân cư (trung bình), trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017

Stt	Địa bàn	Số tội phạm	Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích (km ²) (số tội phạm/ 1km ²) cột (1)			Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư (số dân cư/1 tội phạm) cột (2)		
			Diện tích (km ²)	Số tội phạm/ 1km ²	Thứ bậc	Số dân cư	Số dân cư/ 1 tội phạm	Thứ bậc
1	TPHCM	6.690	2.095,6	3	1	7.620.175	1.139	1
2	Cả nước	37.174	331.210	0,1	2	89.708.000	2.413	2

(Nguồn: TAND Tối cao và TAND TPHCM)

Ghi chú:

- **Cột (1):** Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích (km²) của TPHCM và Cả nước, số tội phạm/ diện tích (1km²), số càng lớn thì thứ bậc nhỏ.
- **Cột (2):** Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư của TPHCM và Cả nước, về số dân cư/ 1 tội phạm. Số càng lớn thì thứ bậc càng lớn.
- **Cột (3):** Hệ số tiêu cực, là tổng cột (1) + cột (2), theo thứ tự từ thấp tới cao.

Bảng 2.7. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017

Năm	TPHCM		Đồng Nai		Tỉ lệ (%)	
	Số vụ (1)	Số tội phạm (2)	Số vụ (3)	Số tội phạm (4)	Số vụ (1/3)	Số tội phạm (2/4)
2006	6.035	8.556	1.023	1.807	590	473
2007	6.052	8.126	471	814	1.285	998
2008	6.250	8.183	888	1.538	704	532
2009	5.715	7.247	1.117	2.025	512	358
2010	5.145	6.800	589	1.005	874	677
2011	4.745	6.168	892	1.544	532	399
2012	5.121	6.579	1.031	1.762	497	373
2013	5.279	6.772	1.049	1.718	503	394
2014	5.450	6.553	1.017	1.565	536	419
2015	5.098	5.896	1.057	1.675	482	352
2016	4.516	4.981	964	1.348	469	370
2017	4.160	4.416	793	1.065	525	415
Tổng Cộng	63.566	80.277	10.891	17.866	583	449

(Nguồn TAND Tối cao và TAND TPHCM)

Bảng 2.8. So sánh mức độ tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km²) và yếu tố dân cư trên địa bàn TPHCM với tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017

Stt	Tỉnh/ Thành phố	Số tội phạm	Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích (km ²) (số tội phạm/ 1km ²)			Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư (số dân cư/ 1 tội phạm)		
			Diện tích (km ²)	Số tội phạm/ 1km ²	Thứ bậc	Số dân cư	Số dân cư/ 1 tội phạm	Thứ bậc
1	TPHCM	6.690	2.095,6	3	1	7.620.175	1.139	1
2	Đồng Nai	1.489	5.907,1	0,25	2	2.560.000	1.719	2

(Nguồn: TAND Tối cao và TAND TPHCM)

Bảng 2.9. So sánh mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, (xét theo hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm) của TPHCM với tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017

Số thứ tự	Tỉnh/ Thành phố	Thứ bậc đã xét theo diện tích và dân số		Hệ số tiêu cực (3) = (1+2)	Cấp độ nguy hiểm (4)
		Diện tích (1)	Dân số (2)		
1	TPHCM	1	1	2	1
2	Đồng Nai	2	2	4	2

(Nguồn: TAND Tối cao và TAND TPHCM)

Ghi chú:

- **Cột (1):** Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích của TPHCM và Tỉnh Đồng Nai, số tội phạm/ diện tích (1km²), số càng lớn thì thứ bậc nhỏ.
- **Cột (2):** Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư của TPHCM và Tỉnh Đồng Nai, về số dân cư/ 1 tội phạm. Số càng lớn thì thứ bậc càng lớn.
- **Cột (3):** Hệ số tiêu cực, là cột (1) + cột (2), theo thứ tự từ thấp tới cao.
- **Cột (4):** Cấp độ nguy hiểm, xếp theo hệ số tiêu cực từ nhỏ đến lớn, nhỏ nhất bằng 1. Hệ số tiêu cực càng nhỏ thì cấp độ nguy hiểm càng cao.

Bảng 2.10. So sánh về mức độ của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

Năm	Quận 5		Huyện Bình Chánh		So sánh tăng/giảm	
	Số vụ	Số tội phạm	Số vụ	Số tội phạm	Số vụ	Số tội phạm
2006	170	169	340	530	Tăng 70	Tăng 361
2007	171	173	310	539	Tăng 139	Tăng 366
2008	184	165	200	337	Tăng 16	Tăng 172
2009	167	159	210	266	Tăng 43	Tăng 107
2010	154	157	183	349	Tăng 29	Tăng 192
2011	141	135	207	337	Tăng 66	Tăng 202
2012	163	167	122	193	Giảm 41	Tăng 26
2013	274	185	271	396	Giảm 3	Tăng 211
2014	260	198	212	280	Giảm 48	Tăng 82
2015	215	155	238	298	Tăng 23	Tăng 143
2016	203	312	228	251	Tăng 25	Giảm 61
2017	161	182	190	235	Tăng 29	Tăng 53
Tổng Cộng	2.263	2.157	2.711	4.011	Tăng 448	Tăng 1.854

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.11. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, xét theo yếu tố diện tích (km²) và yếu tố dân cư ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM, (2006- 2017)

Stt	Quận/ Huyện	Số tội phạm	Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích/ km ² (số tội phạm/ 01 km ²)			Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư (số dân cư/ 1 tội phạm)		
			Diện tích (km ²)	Số tội phạm/ km ²	Thứ bậc	Số dân cư	Số dân cư/ 1 tội phạm	Thứ bậc
1	Quận 5	180	4,27	42	1	174.154	968	1
2	Bình Chánh	334	253	1,3	2	447.291	1.339	2

(Nguồn: TAND và Cục Thống kê TPHCM)

Bảng 2.12. So sánh về cấp độ nguy hiểm của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt ở Quận 5 và Huyện Bình Chánh trên địa bàn TPHCM (2006- 2017)

Số thứ tự	Quận/ Huyện	Thứ bậc đã xét theo diện tích và dân số		Hệ số tiêu cực (3) = (1+ 2)	Cấp độ nguy hiểm (4)
		Diện tích (1)	Dân số (2)		
1	Quận 5	1	1	2	1
2	Bình Chánh	2	2	4	2

(Nguồn: từ Bảng 2.11)

Ghi chú:

- **Cột (1):** Thứ bậc xét theo yếu tố diện tích của Quận 5 và Huyện Bình Chánh, số thứ bậc càng nhỏ thì số tội phạm/ 1km² càng lớn.
- **Cột (2):** Thứ bậc xét theo yếu tố dân cư của Quận 5 và Huyện Bình Chánh, số thứ bậc càng lớn thì số dân cư/ 1 tội phạm càng lớn.
- **Cột (3):** Hệ số tiêu cực, là tổng cột (1) + cột (2), theo thứ tự từ thấp tới cao.
- **Cột (4):** Cấp độ nguy hiểm, xếp theo hệ số tiêu cực từ nhỏ đến lớn, nhỏ nhất bằng 1. Hệ số tiêu cực càng nhỏ thì cấp độ nguy hiểm càng cao.

Bảng 2.13. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TPHCM (2006-2017). So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm, (lấy năm 2006 là năm làm gốc- 100%)

Năm	Số vụ	Mức độ tăng, giảm số vụ án hằng năm (%)	Số tội phạm	Mức độ tăng, giảm số đối tượng phạm tội hằng năm (%)
2006	6.035	100%	8.556	100%
2007	6.052	Tăng 0,28 %	8.126	Giảm 5,03 %
2008	6.250	Tăng 3,56 %	8.183	Giảm 4,36 %
2009	5.715	Giảm 5,30 %	7.247	Giảm 15,30 %
2010	5.145	Giảm 14,75 %	6.800	Giảm 20,52 %
2011	4.745	Giảm 21,38 %	6.168	Giảm 27,91 %
2012	5.121	Giảm 15,15 %	6.579	Giảm 23,11 %
2013	5.279	Giảm 12,53 %	6.772	Giảm 20,85 %
2014	5.450	Giảm 9,69 %	6.553	Giảm 23,41 %
2015	5.098	Giảm 15,53 %	5.896	Giảm 31,09 %
2016	4.516	Giảm 25,17%	4.981	Giảm 41,78%
2017	4.160	Giảm 31,07%	4.416	Giảm 48,39%

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.14. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TP HCM (2006-2017). So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm của hai năm liên kế

Năm	Số vụ	Mức độ tăng, giảm số vụ án hằng năm (%)	Số tội phạm	Mức độ tăng, giảm số tội phạm hằng năm (%)
2006	6.035	100%	8.556	100%
2007	6.052	100,28%	8.126	94,97%
2008	6.250	103,27%	8.183	100,70%
2009	5.715	91,44%	7.247	88,56%
2010	5.145	90,03%	6.800	93,83%
2011	4.745	92,22%	6.168	90,71%
2012	5.121	107,92%	6.579	106,67%
2013	5.279	103,09%	6.772	102,93%
2014	5.450	103,24%	6.553	96,77%
2015	5.098	93,54%	5.896	89,97%
2016	4.516	88,58%	4.981	84,48%
2017	4.160	92,12%	4.416	88,66%

(Nguồn: TAND và Công an TP HCM)

Bảng 2.15. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xét theo yếu tố diện tích (km²) của 24 quận/ huyện, (số tội phạm/1 km²), từ năm 2006- 2017

Stt	Quận/ Huyện	Số tội phạm (người)	Diện tích (km ²)	Số tội phạm/km ²	Thứ bậc
1	Quận 1	4.563	7,73	590	1
2	Quận 2	3.609	50	72	17
3	Quận 3	2.623	4,9	535	3
4	Quận 4	2.304	4	576	2
5	Quận 5	2.157	4,27	505	4
6	Quận 6	2.862	7	409	8
7	Quận 7	3.219	36	90	16
8	Quận 8	2.649	19,18	138	13
9	Quận 9	3.659	114	32	19
10	Quận 10	2.786	6	464	6
11	Quận 11	2.166	5	433	7
12	Quận 12	2.991	52,78	57	18
13	H.Bình Chánh	4.311	253	17	21
14	Q.Bình Tân	6.391	51,89	123	14
15	Q.Bình Thạnh	6.308	20,76	304	9
16	H.Cần Giờ	528	70,69	8	23
17	H.Củ Chi	2.199	435	5	24
18	Q.Gò Vấp	4.690	19,74	238	11
19	H.Hóc Môn	2.291	109	21	20
20	H.Nhà Bè	1.216	100	12	22
21	Q.Phú Nhuận	2.346	5	469	5
22	Q.Tân Bình	5.761	22	262	10
23	Q.Tân Phú	3.689	16	231	12
24	Q.Thủ Đức	4.959	48	103	15

(Nguồn: TAND và Cục Thống kê TPHCM)

Bảng 2.16. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xét theo yếu tố dân cư của 24 quận/ huyện (số dân cư sinh sống/ 1 tội phạm) từ năm 2006-2017

Stt	Quận/ Huyện	Số dân cư (người)	Số tội phạm	Số dân cư /1 tội phạm	Thứ bậc
1	Quận 1	185.715	4.563	41	2
2	Quận 2	140.621	3.609	39	1
3	Quận 3	188.945	2.623	72	4
4	Quận 4	183.261	2.304	80	8
5	Quận 5	174.154	2.157	81	9
6	Quận 6	253.474	2.862	89	11
7	Quận 7	274.828	3.219	85	10
8	Quận 8	421.547	2.649	159	20
9	Quận 9	263.486	3.659	72	4
10	Quận 10	232.450	2.786	83	8
11	Quận 11	232.536	2.166	107	14
12	Quận 12	451.737	2.991	151	18
13	H.Bình Chánh	447.291	4.311	104	13
14	Q.Bình Tân	611.170	6.391	96	12
15	Q.Bình Thạnh	479.733	6.308	76	7
16	H.Cần Giờ	70.697	528	134	17
17	H.Củ Chi	355.822	2.199	162	21
18	Q.Gò Vấp	561.068	4.690	120	16
19	H.Hóc Môn	358.640	2.291	157	19
20	H.Nhà Bè	103.793	1.216	85	10
21	Q.Phú Nhuận	175.175	2.346	75	6
22	Q.Tân Bình	430.436	5.761	74	5
23	Q.Tân Phú	419.227	3.689	114	15
24	Q.Thủ Đức	474.547	4.959	96	12

(Nguồn: TAND và Cục Thống kê TPHCM)

Bảng 2.17. Mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM, xếp theo hệ số tiêu cực và cấp độ nguy hiểm của 24 quận/ huyện, từ năm 2006 đến năm 2017

Số thứ tự	Quận/ Huyện	Thứ bậc đã xét theo diện tích và dân số		Hệ số tiêu cực (3) = (1+2)	Cấp độ nguy hiểm (4)
		Diện tích (1)	Dân số (2)		
1	Quận 1	1	2	3	1
2	Quận 3	3	4	7	2
3	Quận 4	2	8	10	3
4	Q.Phú Nhuận	5	6	11	4
5	Quận 5	4	9	13	5
6	Quận 10	6	8	14	6
7	Q.Tân Bình	10	5	15	7
8	Q.Bình Thạnh	9	7	16	8
9	Quận 2	17	1	18	9
10	Quận 6	8	11	19	10
11	Quận 11	7	14	21	11
12	Quận 9	19	4	23	12
13	Quận 7	16	10	26	13
14	Q.Bình Tân	14	12	26	13
15	Q.Tân Phú	12	15	27	14
16	Q.Thủ Đức	15	12	27	14
17	Q.Gò Vấp	11	16	27	14
18	H.Nhà Bè	22	10	32	15
19	Quận 8	13	20	33	16
20	H.Bình Chánh	21	13	34	17
21	Quận 12	18	18	36	18
22	H.Hóc Môn	20	19	39	19
23	H.Cần Giờ	23	17	40	20
24	H.Củ Chi	24	21	45	21

Bảng 2.18. Cơ cấu về số vụ các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và số tội phạm theo đơn vị hành chính quận/ huyện, trên địa bàn TPHCM, từ năm 2006 đến năm 2017

Stt	Quận/ Huyện	Số vụ án của mỗi quận/ huyện		Tỉ lệ % số tội phạm của mỗi quận/ huyện	
		Số vụ	Tỉ lệ %	Số tội phạm	Tỉ lệ %
1	Quận 1	3.573	5,62	4.563	5,69
2	Quận 2	3.233	5,09	3.609	4,50
3	Quận 3	3.056	4,81	2.623	3,27
4	Quận 4	2.118	3,33	2.304	2,87
5	Quận 5	2.263	3,56	2.157	2,68
6	Quận 6	2.213	3,48	2.862	3,57
7	Quận 7	2.102	3,31	3.219	4,01
8	Quận 8	2.053	3,23	2.649	3,30
9	Quận 9	2.625	4,13	3.659	4,56
10	Quận 10	1.929	3,03	2.786	3,47
11	Quận 11	1.571	2,47	2.166	2,70
12	Quận 12	2.172	3,42	2.991	3,72
13	H.Bình Chánh	2.750	4,33	4.311	5,37
14	Q.Bình Tân	4.970	7,82	6.391	7,96
15	Q.Bình Thạnh	5.455	8,58	6.308	7,86
16	H.Cần Giờ	345	0,54	528	0,65
17	H.Củ Chi	1.591	2,50	2.199	2,74
18	Q.Gò Vấp	3.774	5,94	4.690	5,84
19	H.Hóc Môn	1.718	2,70	2.291	2,85
20	H.Nhà Bè	955	1,50	1.216	1,51
21	Q.Phú Nhuận	1.851	2,91	2.346	2,92
22	Q.Tân Bình	4.654	7,33	5.761	7,18
23	Q.Tân Phú	2.705	4,25	3.689	4,60
24	Q.Thủ Đức	3.890	6,12	4.959	6,18

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.19. Cơ cấu theo tội danh của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (2006- 2017)

Năm

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.20. Cơ cấu theo hình phạt đối với tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM (2006- 2017)

Tội danh		Điều luật	Tổng số		Hình phạt								Án treo
			Vụ	Tội phạm	Cải tạo không giam giữ	Tù dưới 3 năm	Tù từ 3- 7 năm	Tù từ 7-15 năm	Tù từ 15 - 20 năm	Tù chung thân	Tử hình	Tổng hợp tù từ 20-30	
2006 Đến 2017	Cướp tài sản	133	3.709	4.828	209	1.547	1.588	455	411	2	2	2	612
	Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	134	86	138	5	44	45	13	12	0	0	1	18
	Cưỡng đoạt tài sản	135	526	675	30	216	221	64	58	0	0	0	86
	Cướp giết tài sản	136	14.740	18.501	806	5.928	7.083	1.745	576	8	0	9	2.346
	Công nhiên chiếm đoạt tài sản	137	23	19	1	6	6	2	2	0	0	0	2
	Tội Trộm cắp tài sản	138	38.027	46.804	2.043	14.996	15.389	4.413	3.988	19	0	22	5.934
	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	139	2.522	2.915	127	934	959	275	248	1	0	1	370
	Lạm dụng tín nhiệm nhằm chiếm đoạt tài sản	140	1.435	1.811	79	580	596	171	154	0	0	1	230
Tổng cộng			61.068	75.691	3.300	24.251	25.887	7.138	5.449	30	2	36	9.598
Tỉ lệ %					4,36	32,04	34,20	9,43	7,20	0,04	0,003	0,047	12,68

(Nguồn :TAND TPHCM)

Bảng 2.21. Cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM theo phương thức, thủ đoạn phạm tội của tội phạm từ năm 2006 đến 2017

<i>Phương thức, thủ đoạn của tội phạm</i>	<i>Tội phạm</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
Thủ đoạn bí mật đột nhập gia đình, cơ sở kinh doanh, buôn bán; giả dạng người mua hàng; giả danh người kiểm tra điện, nước, người đưa thư từ, bưu phẩm; ản nấp, phục kích, theo dõi ở các tiệm cầm đồ, khách đi đường, các cơ sở buôn bán, trao đổi tiền ngoại tệ.	389	68,39%
Thủ đoạn giả làm khách hỏi thăm đường; dàn cảnh cãi nhau, đánh nhau; dàn cảnh tạo ra sự việc bất ngờ làm chủ tài sản mất phương hướng. Thủ đoạn hai đối tượng đi trên một xe máy, nhiều đối tượng đi 2 đến 3 xe máy tìm người đem theo tài sản có giá trị, canh sơ hở mất cảnh giác, áp sát để thực hiện hành vi phạm tội.	139	24,45%
Thủ đoạn giả danh cán bộ Công an, giả danh người có tài sản ...v.v. lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	41	7,16%
Tổng cộng	569	100%

(Nguồn 300 bản án xét xử sơ thẩm của TAND TPHCM)

Bảng 2.22. Cơ cấu của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo số vụ sử dụng phương tiện, vũ khí từ năm 2006 đến 2017

Số vụ sử dụng phương tiện xe máy		Số vụ có sử dụng vũ khí							
		Tổng số vụ có sử dụng vũ khí		Số vụ sử dụng vũ khí nóng: súng, đạn, lựu đạn		Số vụ sử dụng vũ khí: Dao, Kiếm, Búa, Rìu...		Số vụ sử dụng công nghệ: làm giả con dấu, giấy tờ...	
Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %
54.031	85	55.684	87,6	167	0,3	53.846	96,7	1.671	3

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.23. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM theo thời gian phạm tội từ năm 2006 đến 2017

Thời gian hoạt động	Tỉ lệ %
Từ 0 giờ đến 6 giờ sáng	8,82
Từ 6 giờ sáng đến 11 giờ trưa	19,5
Từ 11 giờ đến 13 giờ trưa	13,16
Từ 13 giờ đến 17 giờ chiều	18,09
Từ 17 giờ đến 24 giờ tối	40,43
Tổng cộng	100

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.24. Cơ cấu theo động cơ mục đích thân nhân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM (2006 đến 2017)

Tổng số vụ	Đồng phạm		Không đồng phạm		Số vụ xét xử lưu động	
	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %	Số vụ	Tỉ lệ %
63.566	23.221	36,53	40.345	63,47	1.653	2,6

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.25. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo giới tính từ năm 2006 đến 2017

Năm	Số tội phạm	Tỉ lệ % nam và nữ			
		Nam	Tỉ lệ %	Nữ	Tỉ lệ %
2006	8.556	8.160	95,37	396	4,63
2007	8.126	7.504	92,35	622	7,65
2008	8.183	7.691	93,99	492	6,01
2009	7.247	6.969	96,16	278	3,84
2010	6.800	6.533	96,08	267	3,92
2011	6.168	5.918	95,95	250	4,05
2012	6.579	6.193	94,14	386	5,86
2013	6.772	6.450	95,24	322	4,76
2014	6.553	6.276	95,77	277	4,23
2015	5.896	5.726	97,11	170	2,89
2016	4.981	4.860	97,56	121	2,44
2017	4.416	4.333	98,11	83	1,89
Tổng cộng	80.277	76.616	95,44	3.661	4,56

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.26. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo độ tuổi từ năm 2006 đến 2017

Năm	Tổng số tội phạm	Dưới 18 tuổi		Từ đủ 18 đến 30 tuổi		Trên 30 tuổi	
		Số tội phạm	Tỉ lệ (%)	Số tội phạm	Tỉ lệ (%)	Số tội phạm	Tỉ lệ (%)
2006	8.556	1.962	22,93	5.145	60,13	1.449	16,94
2007	8.126	1.868	22,99	4.842	59,59	1.416	17,42
2008	8.183	1.876	22,92	4.835	59,08	1.472	18,00
2009	7.247	1.682	23,21	4.243	58,55	1.322	18,24
2010	6.800	1.379	20,28	3.794	55,80	1.627	19,92
2011	6.168	1.482	24,03	3.427	55,56	1.259	20,41
2012	6.579	1.774	26,96	3.327	50,57	1.478	22,47
2013	6.772	975	14,39	3.726	55,02	2.071	30,59
2014	6.553	444	6,77	4.252	64,89	1.857	28,34
2015	5.896	440	7,47	3.772	63,97	1.684	28,56
2016	4.981	418	8,39	3.038	60,99	1.525	30,62
2017	4.416	225	5,10	2.826	64,00	1.365	30,90
Tổng cộng	80.277	14.522	18,09	47.227	58,83	18.528	23,08

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2. 27. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo trình độ học vấn từ năm 2006 đến 2017

Trình độ học vấn	Không biết chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Trung cấp, CĐ, ĐH, trên ĐH
Số tội phạm	25.689	37.730	13.647	3.131	80
Tỉ lệ(%)	32%	47%	17%	3,9%	0,1%

(Nguồn: Công an TPHCM)

Bảng 2.28. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo động cơ, mục đích từ năm 2006 đến 2017

Số tội phạm	Nhu cầu				Số tội phạm có liên quan đến ma túy		Số tội phạm nghiện games, cá độ ,cờ bạc	
	Nhu cầu vật chất cho bản thân		Nhu cầu vật chất do hoàn cảnh gia đình					
80.277	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
	54.428	67,8	25.849	32,2	38.533	48	44.875	55,9

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

**Bảng 2.29. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu
có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nghề nghiệp
từ năm 2006 đến 2017**

Năm	Tổng số tội phạm	Nghề nghiệp không ổn định: thợ hồ, xe ôm...		Không nghề nghiệp		Sinh viên, Cán bộ, Công chức, Viên chức	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2006	8.556	3.743	43,75	4.794	56,03	19	0,22
2007	8.126	3.548	43,66	4.554	56,05	24	0,29
2008	8.183	3.443	42,07	4.710	57,56	30	0,37
2009	7.247	3.700	51,05	3.454	47,66	93	1,28
2010	6.800	3.465	50,95	3.335	49,05	00	00
2011	6.168	3.724	60,37	2.444	39,63	00	00
2012	6.579	3.528	53,63	3.051	46,37	00	00
2013	6.772	5.275	77,89	1.497	22,11	00	00
2014	6.553	4.527	69,08	2.023	30,87	03	0,05
2015	5.896	4.270	72,43	1.626	27,57	00	00
2016	4.981	3.387	68,00	1.594	32,00	00	00
2017	4.416	3.180	72,01	1.236	27,99	00	00
Tổng cộng	80.277	45.790	57,04	34.318	42,75	169	0,21

(Nguồn: TAND TPHCM)

Bảng 2.30 Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nơi cư trú từ năm 2006 đến 2017

Năm	Tổng số tội phạm	Cư trú ở TPHCM		Cư trú ở các tỉnh		Vô gia cư	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2006	8.556	6.335	74,05	1.673	19,55	548	6,40
2007	8.126	6.273	77,20	1.392	17,13	461	5,67
2008	8.183	6.121	74,80	1.683	20,57	379	4,63
2009	7.247	5.210	71,89	1.670	23,04	367	5,07
2010	6.800	4.927	72,45	1.423	20,93	450	6,62
2011	6.168	4.399	71,32	1.327	21,52	442	7,16
2012	6.579	4.788	72,78	1.274	19,36	517	7,86
2013	6.772	4.787	70,69	1.645	24,29	340	5,02
2014	6.553	4.472	68,25	1.798	27,43	283	4,32
2015	5.896	3.770	63,95	1.737	29,46	389	6,59
2016	4.981	3.337	67,00	1.259	25,27	385	7,73
2017	4.416	2.958	66,98	1.148	26,00	310	7,02
Tổng cộng	80.277	57.377	71,47	18.029	22,46	4.871	6,07

(Nguồn TAND TPHCM)

Bảng 2.31. Cơ cấu tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo hoàn cảnh, điều kiện gia đình và môi trường nhà trường của tội phạm từ năm 2006 đến 2017

	Số tội phạm	Tỉ lệ %
Gia đình có cha, mẹ, người thân sống không gương mẫu, tham lam, vi phạm pháp luật: đi tù, có tiền án tiền sự...	495	87%
Gia đình có cấu trúc không hoàn hảo (cha và mẹ ly dị, thiếu cha hoặc thiếu mẹ...), gia đình kinh tế khó khăn, nghèo.	321	56,4%
Gia đình cha, mẹ không quan tâm con cái, giáo dục con không đúng cách, phương pháp giáo dục của cha và mẹ trái ngược nhau.	413	72,6%
Môi trường nhà trường không tốt: thầy cô giáo giảng dạy không nghiêm túc, xử phạt học sinh không đúng, thiên vị bao che cho học sinh quay bài...	109	19,2%
Tổng số tội phạm	569	

Nguồn 300 bản án xét xử sơ thẩm của TAND TPHCM.

Bảng 2.32. Cơ cấu theo tiền án, tiền sự, phạm lần đầu và tái phạm của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

Năm	Tổng số tội phạm	Số tội phạm có tiền án, tiền sự		Số tội phạm phạm tội lần đầu		Số tội phạm tái phạm	
		Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%
2006	8.556	3.254	38,03	5.302	61,97	2755	32,20
2007	8.126	2.292	28,20	5.834	71,80	2531	31,15
2008	8.183	2.920	35,68	5.263	64,32	2961	36,18
2009	7.247	2.872	39,63	4.375	60,37	2179	30,07
2010	6.800	2.103	30,93	4.697	69,07	1455	21,40
2011	6.168	2.135	34,62	4.033	65,38	1931	31,30
2012	6.579	1.899	28,86	4.680	71,14	2266	34,44
2013	6.772	3.062	45,22	3.710	55,78	2349	34,68
2014	6.553	2.352	35,89	4.201	64,11	2301	35,12
2015	5.896	2.113	35,84	3.783	64,16	2140	36,30
2016	4.981	1.744	35,01	3.237	64,99	1899	38,12
2017	4.416	1.590	36,01	2.826	63,99	1734	39,26
Tổng cộng	80.277	28.330	35,29	51.947	64,71	26.501	33,01

(Nguồn: TAND và Công an TPHCM)

Bảng 2.33. Cơ cấu của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo dân tộc, quốc tịch từ năm 2006 đến 2017

Năm	Số tội phạm	Dân tộc				Quốc tịch			
		Kinh		Thiểu số		Việt Nam		Nước ngoài	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2006	8.556	8.535	97,55	21	2,45	8.556	100	0	00
2007	8.126	8.118	99,9	8	0,1	8.125	99,99	1	0,01
2008	8.183	8.172	99,87	11	0,13	8.181	99,976	2	0,024
2009	7.247	7.247	100	0	00	7.247	100	0	00
2010	6.800	6.800	100	0	00	6.800	100	0	00
2011	6.168	6.167	100	0	00	6.167	99,98	1	0,02
2012	6.579	6.575	100	4	0,06	6.579	100	0	00
2013	6.772	6.770	100	2	0,03	6.772	100	0	00
2014	6.553	6.553	100	0	00	6.553	100	0	00
2015	5.896	5.896	100	0	00	5.896	100	0	00
2016	4.981	4.981	100	0	00	4.981	100	0	00
2017	4.416	4.416	100	0	00	4.416	100	0	00
Tổng cộng	80.277	80.231	99,94	46	0,06	80.273	99,995	04	0,005

**Bảng 2.34. Cơ cấu theo một số đặc điểm của nhân thân người bị hại trong nhóm
tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM
từ năm 2006 đến 2017**

Một số đặc điểm nhân thân người bị hại		Số người	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	116	24,54%
	Nữ	357	75,46%
Độ tuổi	Dưới 18	166	35,1%
	Từ 18 đến 30	6	1,3%
	Từ 31 đến 45	36	7,6%
	Trên 45	265	56%
Nghề nghiệp	Kinh doanh, buôn bán	342	72,39%
	Công chức, viên chức, trí thức	29	6,07%
	Nghề khác	102	21,54%
Dân tộc	Kinh	462	97,7%
	Khác	11	2,3%
Quốc tịch	Việt Nam	462	97,7%
	Nước ngoài	11	2,3%
Tình huống trở thành nạn nhân	Gia đình, cơ sở kinh doanh, mua bán chủ quan, mất cảnh giác	292	61,78
	Đi, đứng, ngồi trên đường nơi vắng; khoe khoang tài sản	150	31,74
	Tình huống khác	31	6,48
Tổng số		473	100%

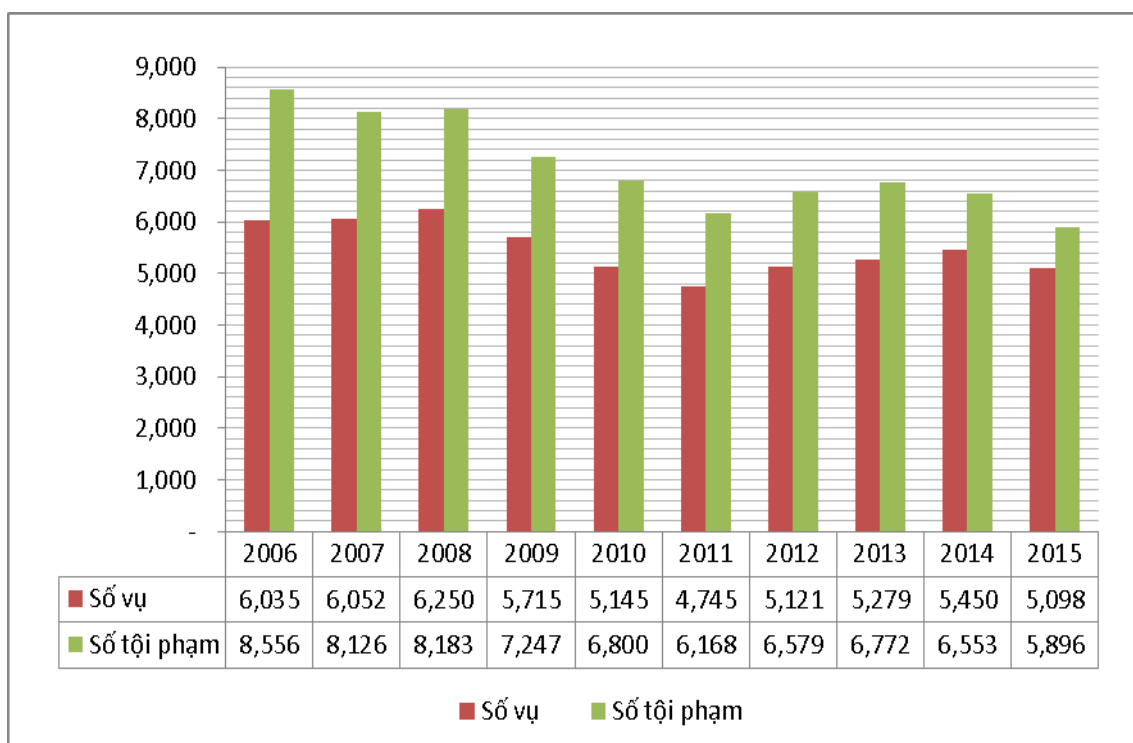
Nguồn 300 bản án xét xử sơ thẩm của TAND TPHCM.

Bảng 2.35. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm bị phát hiện và số vụ, số tội phạm bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017

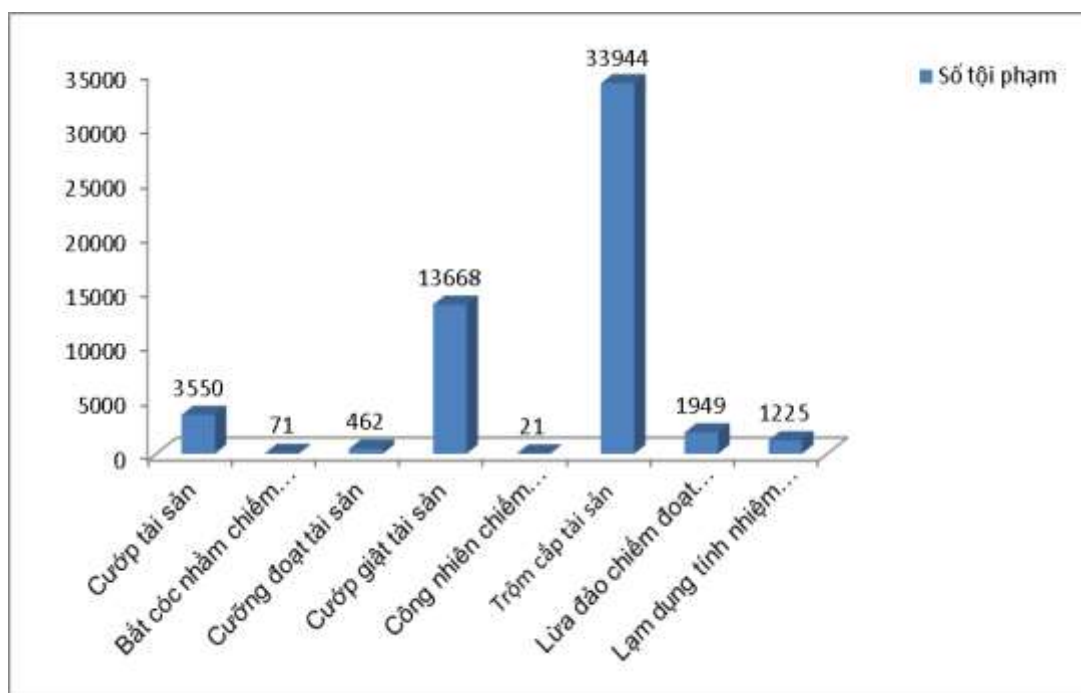
Năm	Số vụ, tội phạm đã bị xét xử		Số vụ, tội phạm phát hiện		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ (1)	Số tội phạm (2)	Số vụ (3)	Số tội phạm (4)	Số vụ (1/3)	Tội phạm (2/4)
2006	4.733	6.711	6.035	8.556	78,43	78,44
2007	5.836	7.508	6.052	8.126	96,43	92,40
2008	6.135	8.032	6.250	8.183	98,16	98,16
2009	5.534	7.017	5.715	7.247	96,83	96,83
2010	5.100	6.741	5.145	6.800	99,13	99,13
2011	4.575	5.947	4.745	6.168	96,42	96,42
2012	5.032	6.465	5.121	6.579	98,26	98,27
2013	5.259	6.746	5.279	6.772	99,62	99,62
2014	5.331	6.410	5.450	6.553	97,82	97,82
2015	5.023	5.021	5.098	5.896	98,53	85,16
2016	4.427	4.763	4.516	4.981	98,03	95,62
2017	4.083	4.330	4.160	4.416	98,15	98,05
Tổng cộng	61.068	75.691	63.566	80.277	96,07	94,29

(Nguồn: TAND TPHCM)

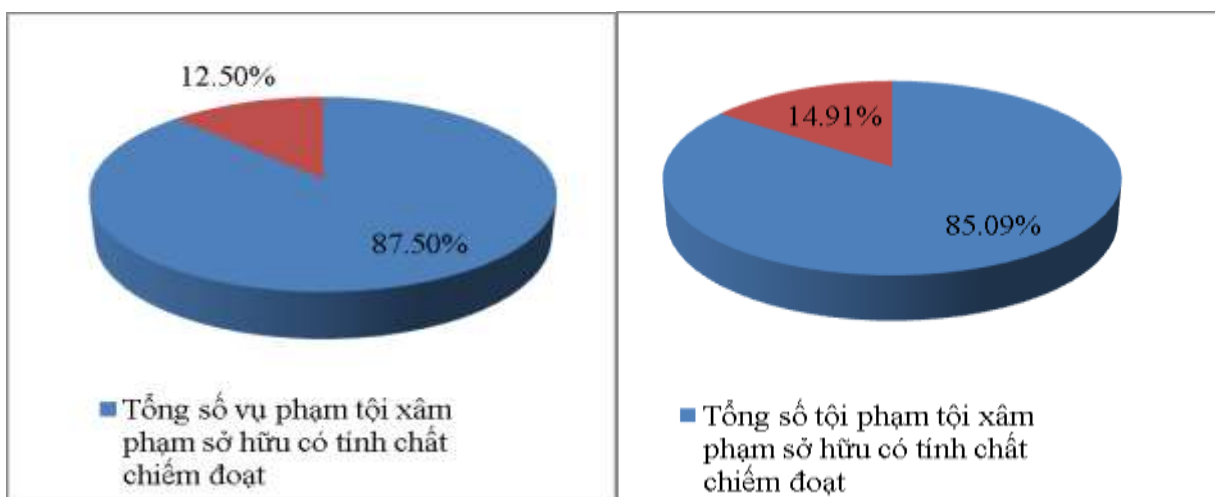
Biểu đồ 2.21. Mức độ tổng quan của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



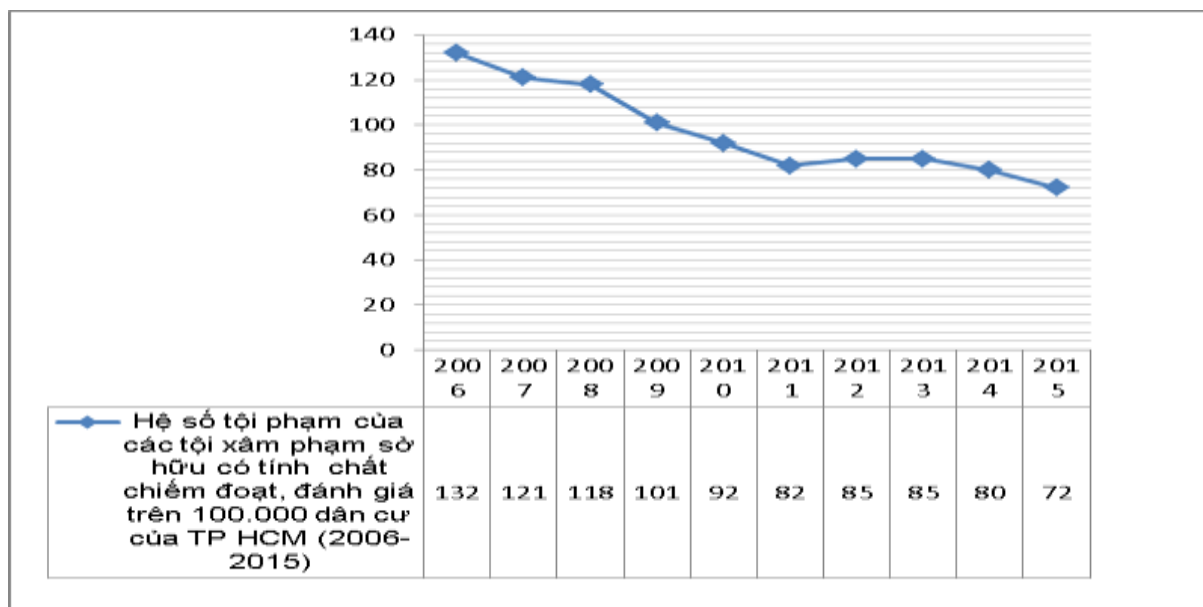
Biểu đồ 2.22. Mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017, theo tội danh



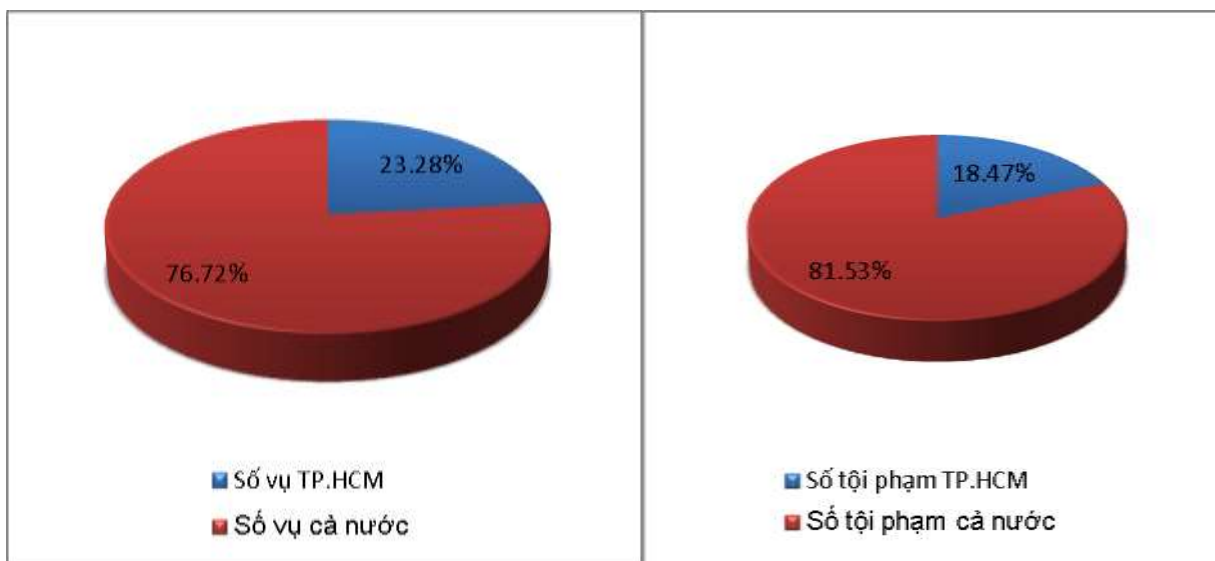
Biểu đồ 2.23. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đã xét xử sơ thẩm với tổng số vụ, tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



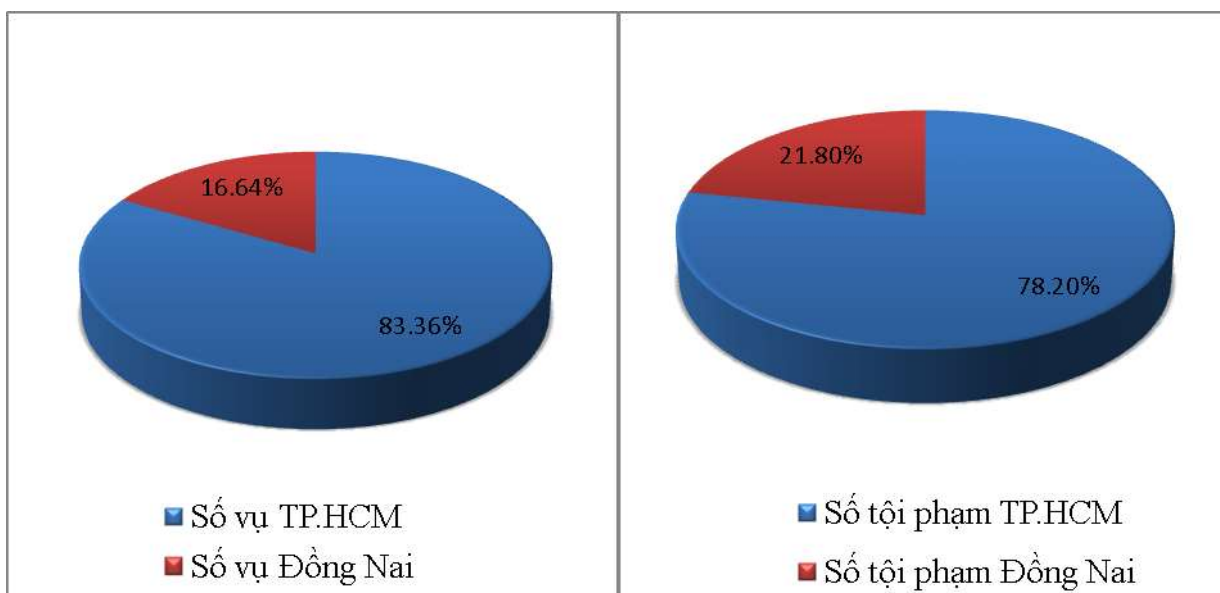
Biểu đồ 2.24. Hệ số tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, đánh giá trên 100.000 dân cư của TP HCM từ năm 2006 đến 2017



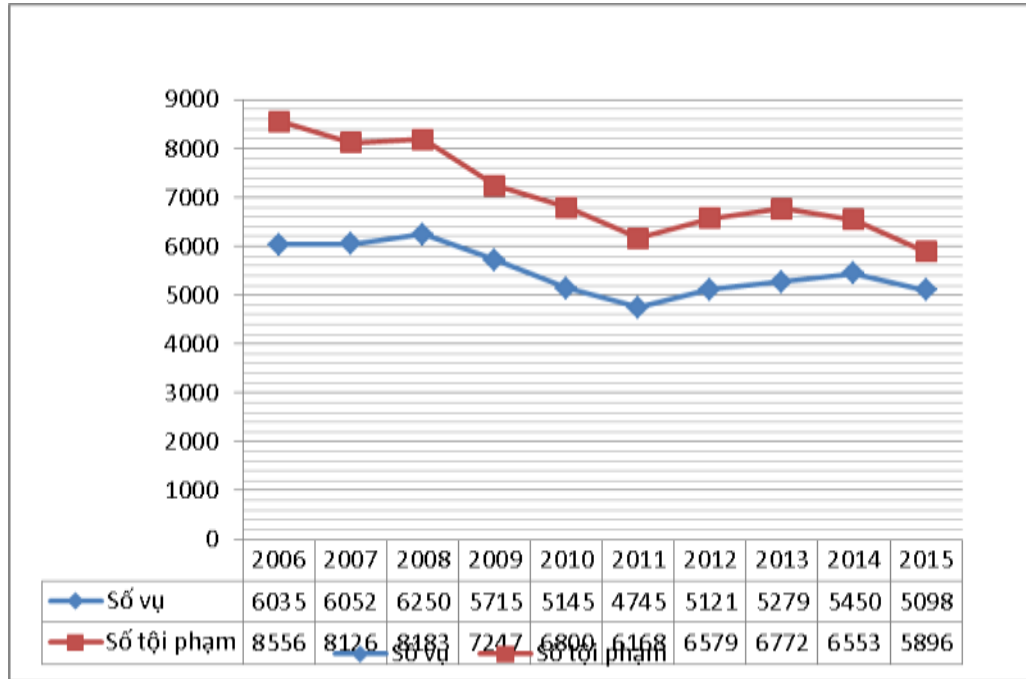
Biểu đồ 2.25. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Cả nước từ năm 2006 đến 2017



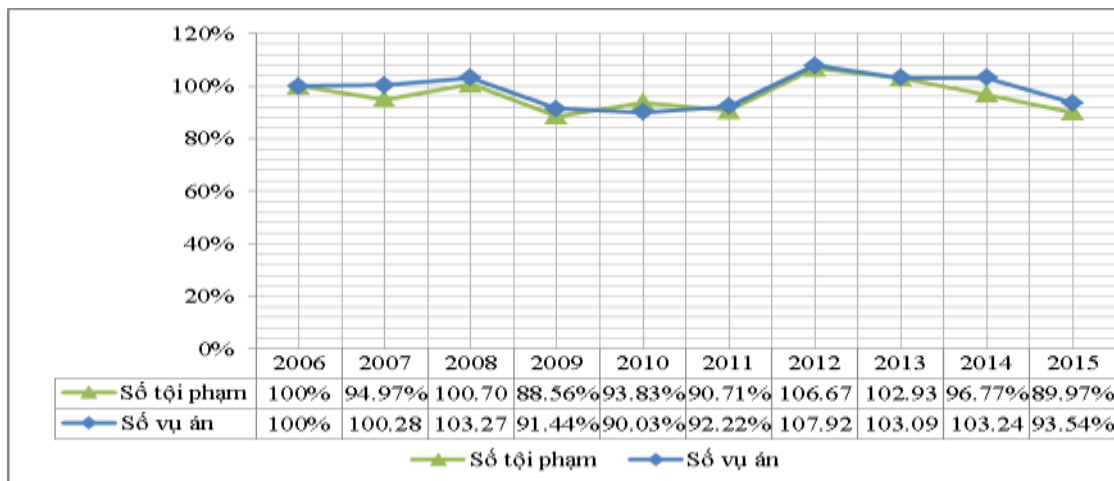
Biểu đồ 2.6. So sánh về mức độ tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM với Tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến 2017



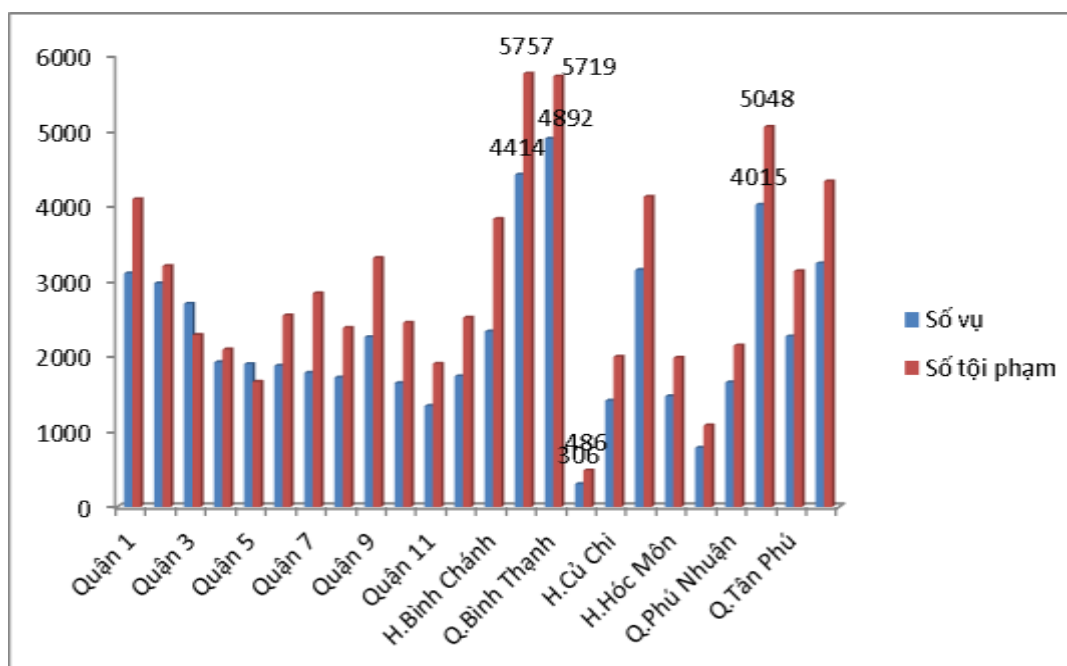
Biểu đồ 2.26. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TPHCM từ năm 2006 đến 2017. So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm, (lấy năm 2006 là năm làm gốc- 100%)



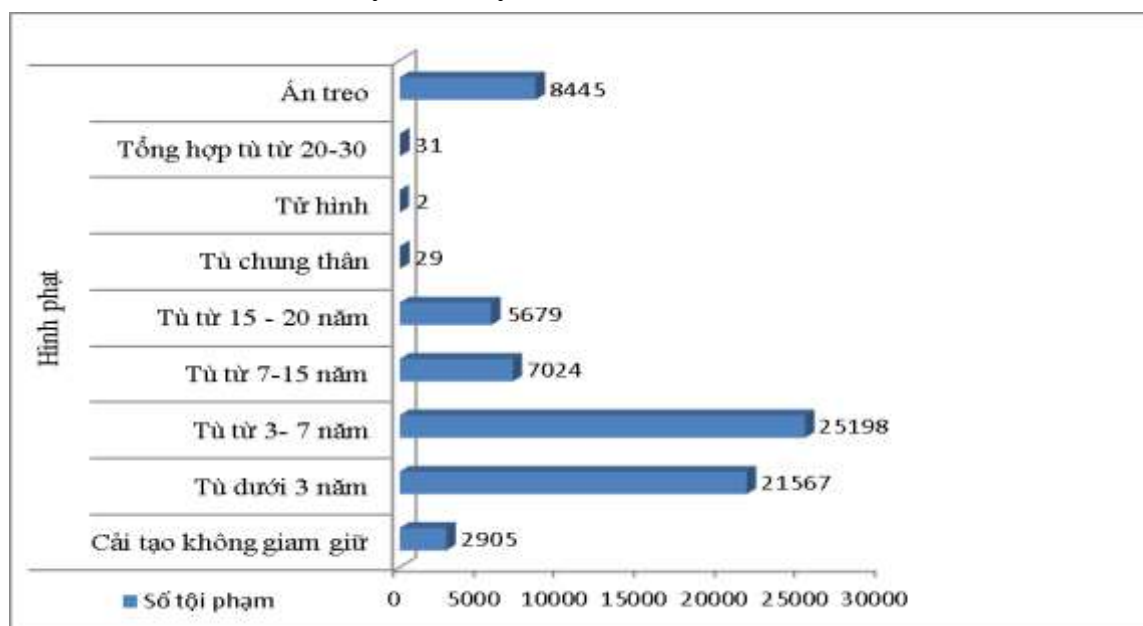
Biểu đồ 2.27. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa TPHCM từ năm 2006 đến 2017. So sánh mức độ tăng, giảm của số vụ, số tội phạm của hai năm liền kề



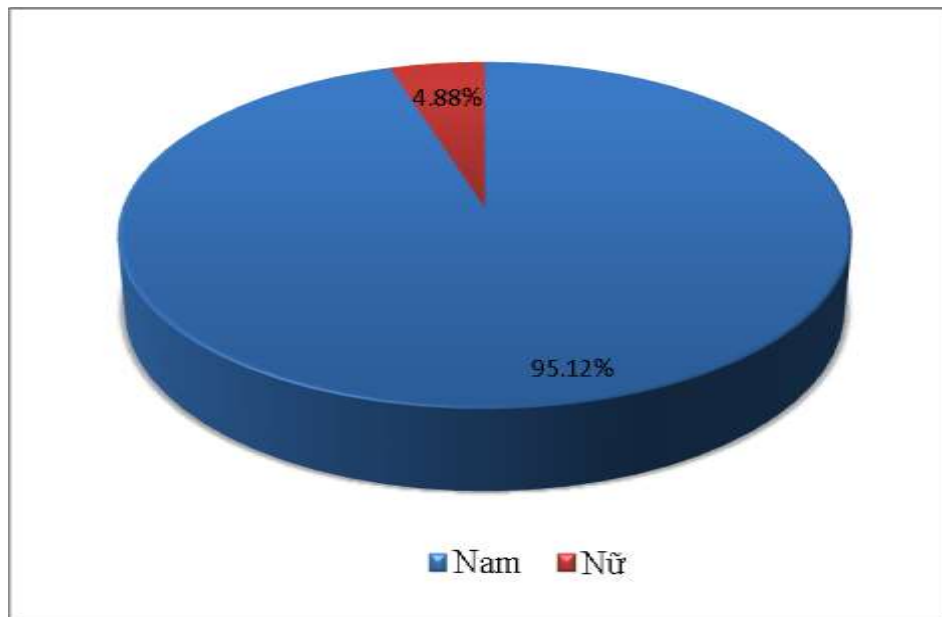
Biểu đồ 2.28. Cơ cấu về số vụ và số tội phạm theo đơn vị hành chính quận/huyện (24 quận/ huyện) trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



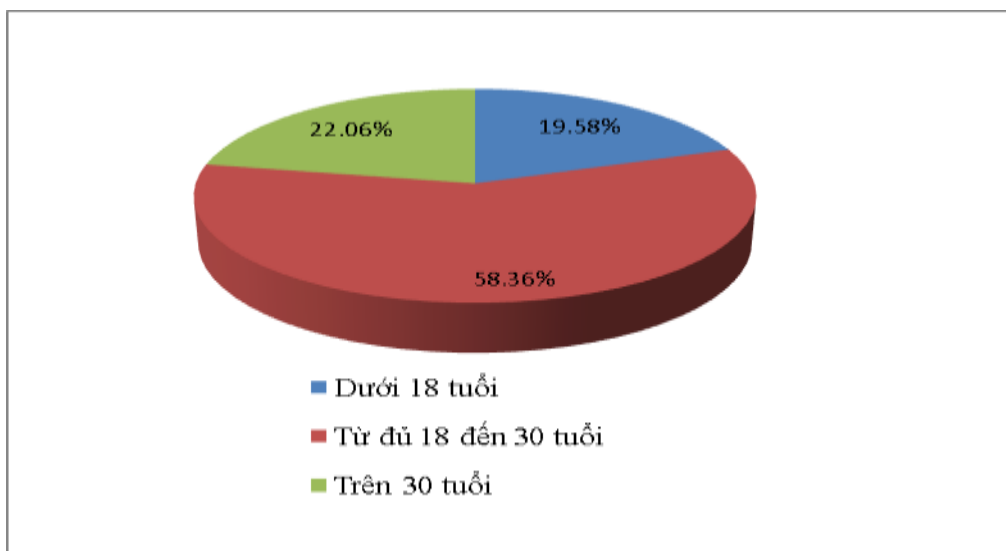
Biểu đồ 2.29. Cơ cấu theo hình phạt đối với các tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



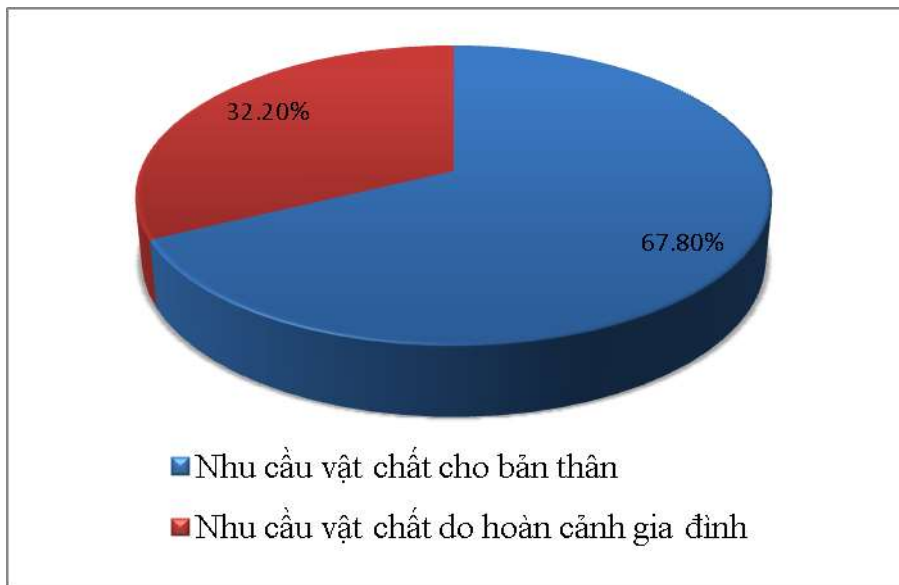
Biểu đồ 2.30. Cơ cấu theo giới tính của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



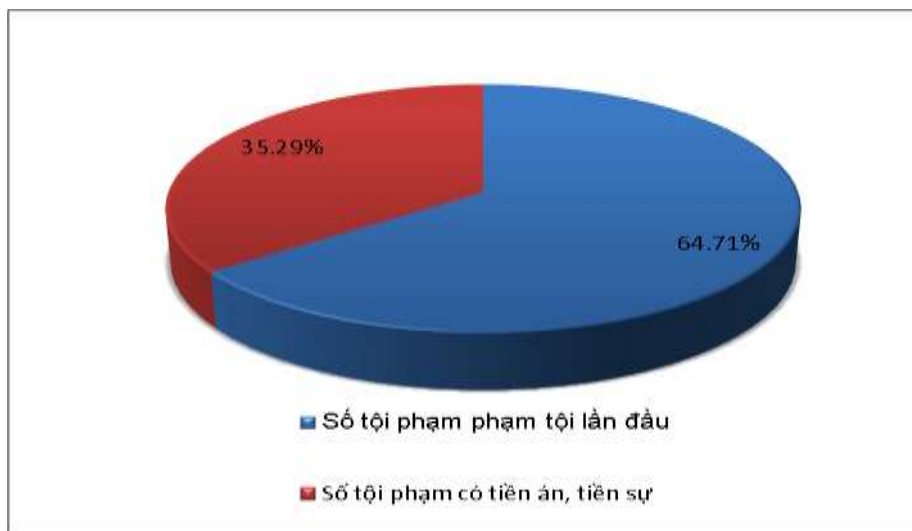
Biểu đồ 2.31. Cơ cấu theo độ tuổi của nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



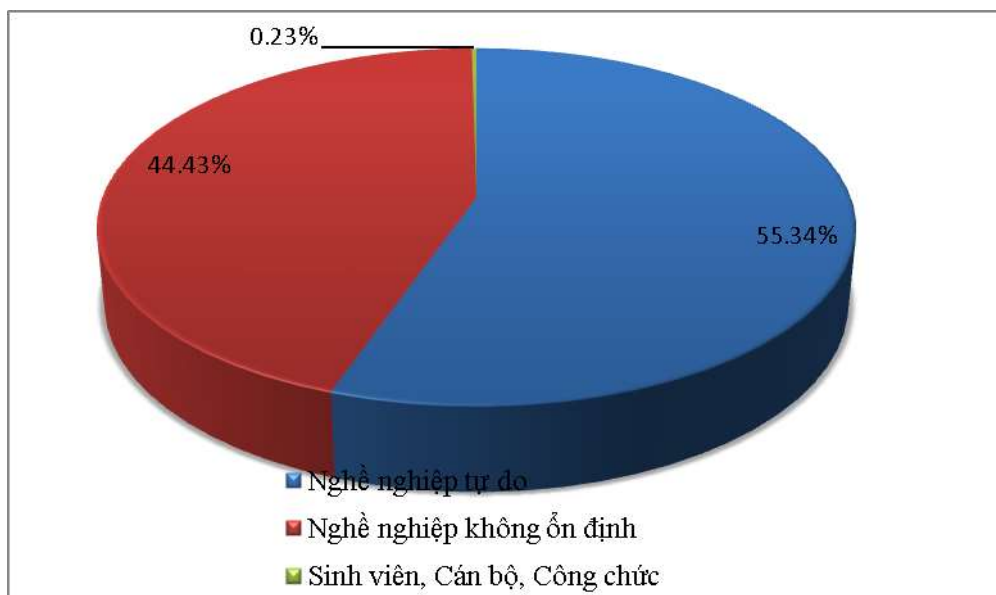
Biểu đồ 2.32. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo động cơ, mục đích từ năm 2006 đến 2017



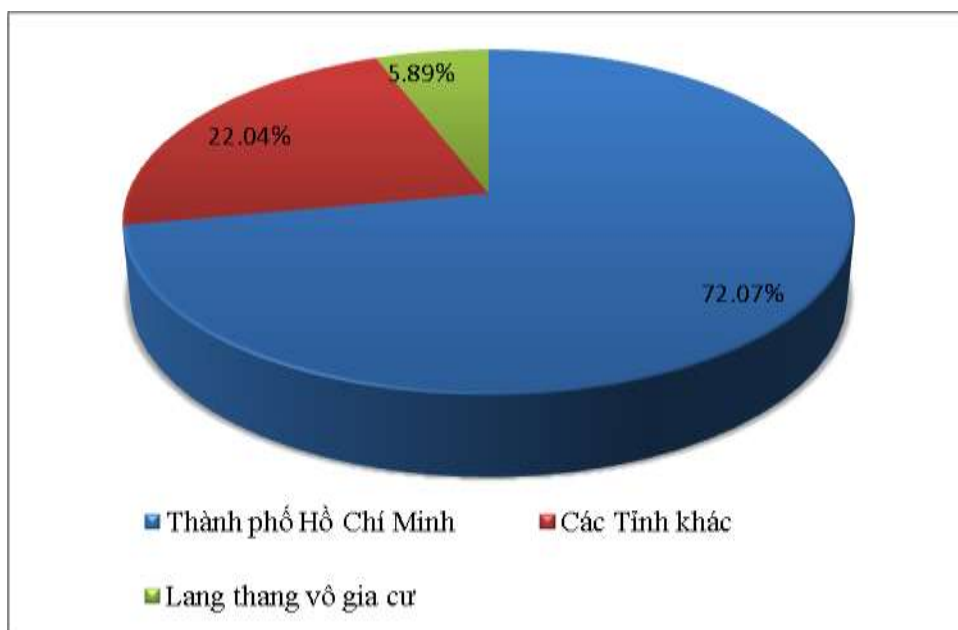
Biểu đồ 2.33. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu từ năm 2006 đến 2017



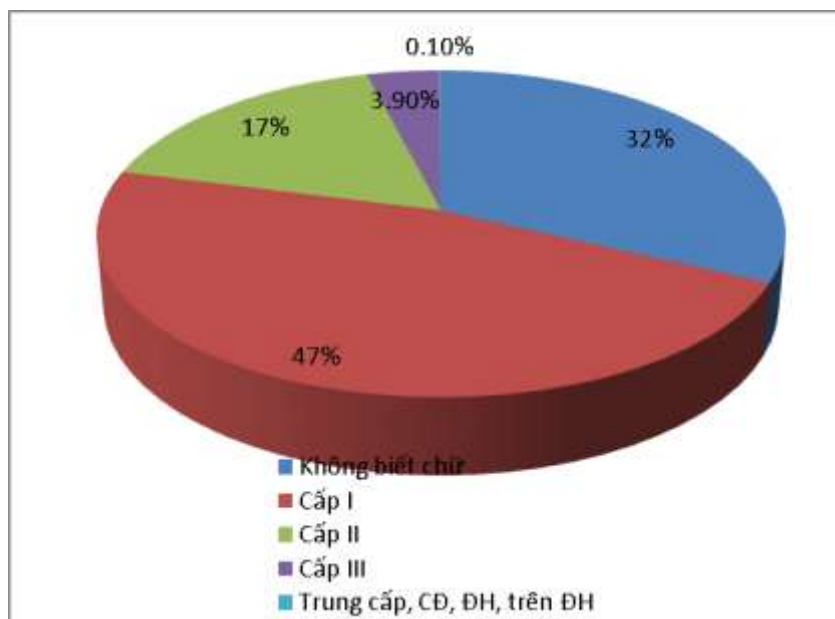
Biểu đồ 2.34. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nghề nghiệp từ năm 2006 đến 2017



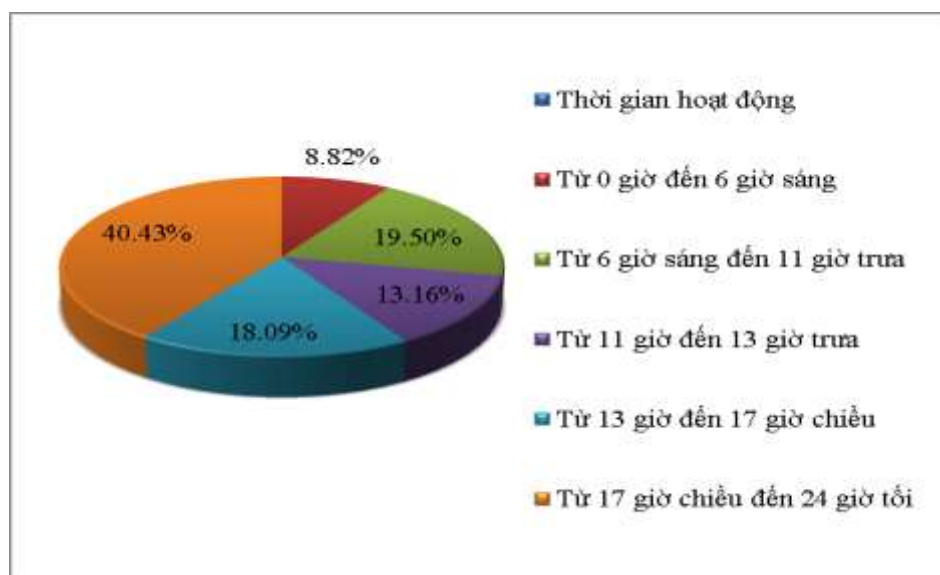
Biểu đồ 2.35. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo nơi cư trú từ năm 2006 đến 2017



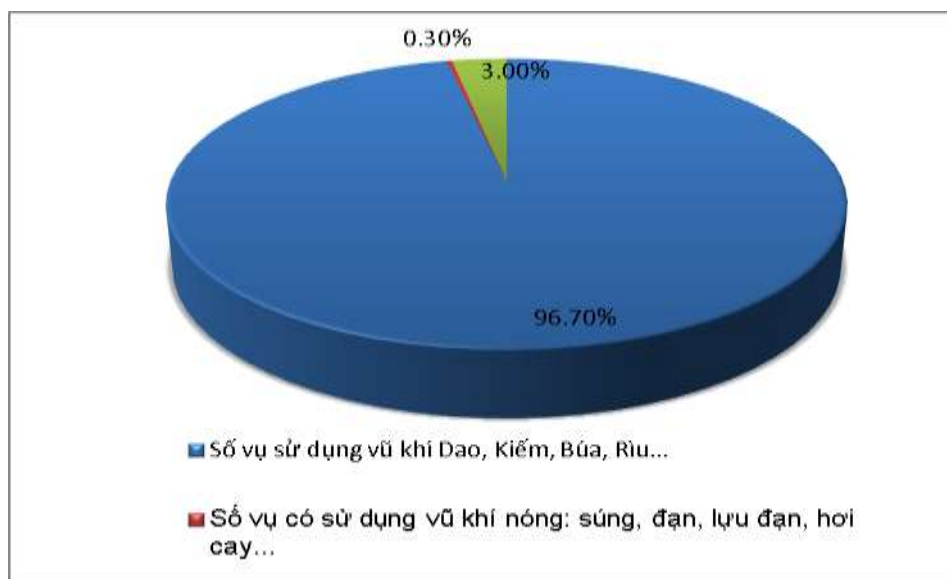
Biểu đồ 2.36. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo trình độ học vấn từ năm 2006 đến 2017



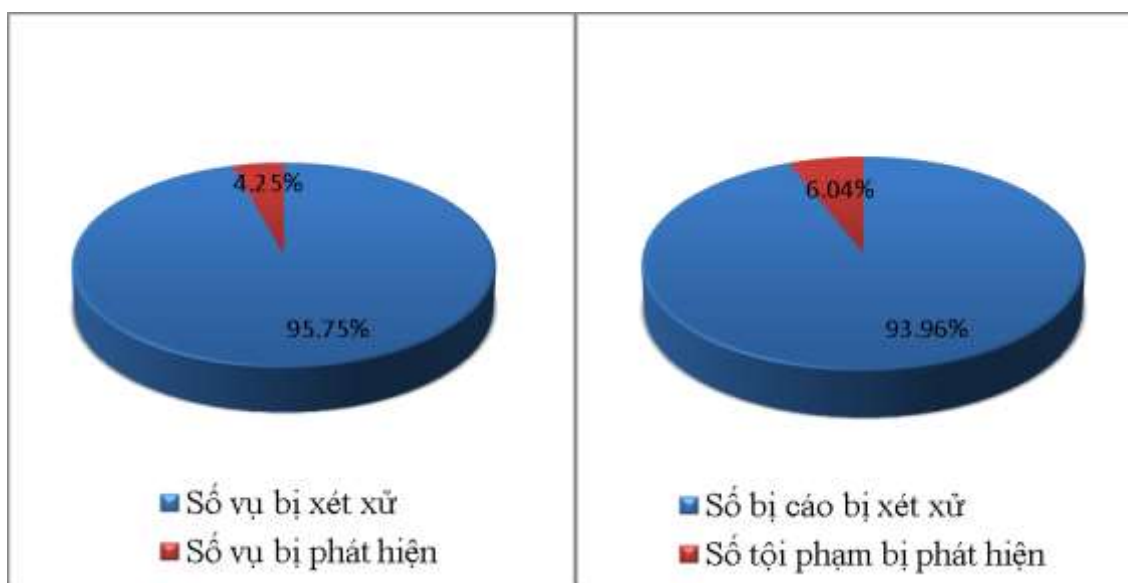
Biểu đồ 2.37. Cơ cấu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo thời gian hoạt động từ năm 2006 đến 2017



Biểu đồ 2.38. Cơ cấu nhân thân các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM theo số vụ có sử dụng vũ khí, phương tiện từ năm 2006 đến 2017



Biểu đồ 2.39. Tỷ lệ giữa số vụ, số tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt bị phát hiện và số vụ, số tội phạm hình sự trên địa bàn TPHCM từ năm 2006 đến 2017



PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 1

Xin Anh/ Chị vui lòng cho biết ý kiến cá nhân của mình về các câu hỏi sau đây. Để nghiên cứu khoa học, phục vụ cho đề tài luận án..

Xin Anh/ Chị đánh dấu “x” vào các ô mà theo các anh/ Chị cho đó là hợp lý.

Câu 1. Theo anh/ chị, số vụ phạm tội, số người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM bị truy tố, xét xử có phản ánh được hết số vụ và số người phạm tội trên thực tế không?

1. Có ☐

2. Không ☐

Câu 2. Theo anh/ chị, số vụ và số người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM đã bị các cơ quan phòng, chống tội phạm phát hiện, xử lý chiếm bao nhiêu % trên thực tế?

1. Dưới 10% ☐

2. Từ 10% đến 30% ☐

3. Từ 30% đến 50% ☐

4. Từ 50 đến 700% ☐

5. Từ 70% đến 100% ☐

6. Ý kiến khác ☐

Câu 3. Theo anh/ chị, số vụ phạm tội, số người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới có chiều hướng thế nào?

1. Giảm ☐

2. Tăng ☐

3. Biến động bất thường ☐

Câu 4. Theo anh/ chị, số vụ phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện, xử lý chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số vụ phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đã xảy ra trong thực tế?

1. Dưới 10% ☐

2. Từ 10% đến 20% ☐

3. Từ 20% đến 30% ☐

4. Từ 30 đến 40% ☐

5. Từ 40% đến 50% ☐

6. Từ 50% đến 60% ☐

7. Từ 60% đến 70% ☐

8. Từ 70% đến 80% ☐

9. Từ 80 đến 90% ☐

10. Từ 90 đến 100% ☐

11. Ý kiến khác ☐

Câu 5. Theo Anh (Chị), nếu tích cực đẩy mạnh việc tuyên truyền ý thức phòng, chống tội phạm trong nhân dân có góp phần làm giảm số vụ án và số người phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn TPHCM trong thời gian tới không?

1. Có ☐

2. Không ☐

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/ Chị

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 2

Xin các Thầy/ Cô giáo vui lòng đánh dấu “X” vào các ô trống sau nếu Thầy/ Cô đồng ý với nội dung. Nếu không đồng ý thì bỏ trống hoặc viết nội dung trả lời đối với câu hỏi theo hàng kẻ ngang.

Câu 1. Thầy/ Cô cho biết mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình trong việc quản lý, giáo dục học sinh thế nào?

- Gia đình có quan tâm phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh ☐.
- Gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời lên họp phụ huynh ☐
- Gia đình thường giao phó việc quản lý, giáo dục trẻ cho nhà trường ☐
- Gia đình không quan tâm nhà trường giáo dục trẻ thế nào ☐.

Câu 2. Anh/Chị nhận thấy các yếu tố sau, đâu là bất cập, hạn chế trong nhà trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách ở học sinh?

- Tình trạng bạo lực học đường ☐.
- Chương trình học nhiều, phương pháp dạy không phù hợp ☐.
- Sự phân biệt đối xử của thầy cô, việc giáo dục chạy theo thành tích ☐.
- Chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống ☐.
- Yếu tố khác.....

.....

Câu 3. Thầy/ cô cho biết chương trình đào tạo của nhà trường đã phù hợp với học sinh chưa?

- Đã phù hợp ☐.
- Chưa phù hợp ☐.

Câu 4. Những học sinh có kết quả học tập kém chủ yếu do nguyên nhân nào?

- Do việc quản lý học sinh chưa tốt ☐.
- Do giáo viên có năng lực chuyên môn kém ☐.
- Do giáo viên không có phương pháp sư phạm tốt ☐.

- Tất cả các yếu tố trên ☐.

Câu 5. Hiện nay học sinh bỏ học, trốn học là do những nguyên nhân nào?

- Do không theo kịp chương trình nên chán nản ☐.

- Do sự quan tâm, quản lý lỏng lẻo của nhà trường và gia đình ☐.

- Do bạn bè xấu dụ dỗ, lôi kéo ☐.

- Tất cả các yếu tố trên ☐.

Câu 6. Ngoài việc giảng dạy kiến thức văn hóa cho học sinh, trường các anh/chị có tổ chức giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống, quy tắc ứng xử cho các em chưa?

- Chưa quan tâm ☐.

- Thường xuyên tổ chức ☐.

- Có nhưng chưa thường xuyên tổ chức ☐.

Câu 7. Giáo dục pháp luật cho học sinh có ý nghĩa quan trọng không?

- Có ☐.

- Không ☐.

Câu 8. Theo Thầy/ Cô thì việc giáo dục pháp luật tốt cho học sinh có góp phần làm giảm các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt tại TPHCM không?

- Có ☐.

- Không ☐.

Câu 9. Thầy/ Cô có đề xuất gì với nhà trường trong thời gian tới để nâng cao chất lượng giáo dục, tạo điều kiện phát triển nhân cách cho học sinh?

.....

.....

Câu 10. Để tăng cường quản lý tốt học sinh trong thời gian tới, giữa nhà trường với gia đình cần phải làm gì.

.....

Xin chân thành cảm ơn quý Thầy/ Cô!